



CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO • RẼM THÁNG 4 TÂN MÃO • 17-5-2011

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

MỪNG LỄ PHẬT ĐẢN TÂN MÃO 2011

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

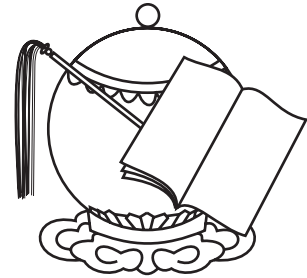
trau lòng
sửa tánh

VỊ THUỐC DẪN
CỦA ĐỨC ĐẠO TỔ

SONG TU
TÁNH MẠNG

Chìa khóa mở cửa
BẠCH NGỌC KINH

109



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 109

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chữ đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN



Nội san Cao Đài Giáo Lý số 109

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CƯ TRINH, Q1, TP.HCM.

mục lục

QUAN ĐIỂM: VỊ THUỐC DẪN CỦA ĐỨC ĐẠO TỔ	4
■ <i>Ban biên tập.</i>	
TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO: TRAU LÒNG SỬ TÁNH	6
■ <i>Đức Di Lạc Thiên Tôn, Hưng An Tự.</i>	
CHÌA KHÓA MỞ CỬA BẠCH NGỌC KINH	8
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
SONG TU TÁNH MẠNG	17
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
CÚNG TỬ THỜI	28
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	
HỌC LỜI ĐỨC CHỈ TÔN VÀ CÁC ĐẮNG THIÊNG LIÊNG VỀ YÊN LẶNG	32
■ <i>Huệ Ý.</i>	
NGUỒN GỐC HAI BÀI NIỆM HƯƠNG VÀ KHAI KINH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI	38
■ <i>Huệ Nhấn.</i>	
CÓ THƯƠNG CON MỚI DÀY CÔNG QUẢ	43
■ <i>Lê Chí Thật.</i>	
ĐỨC ĐỆ TAM GIÁO TÔNG NGUYỄN NGỌC TƯỜNG (1881 – 1951)	49
■ <i>Đạt Tường.</i>	
GẤY DỰNG LẠI NGÔI NHÀ LỊCH SỬ	57
■ <i>Thiện Hạnh.</i>	

TÌM HỌC KHỔNG HỌC ĐĂNG	65
■ <i>Nhóm Tiến đức tu nghiệp.</i>	
LỄ SANH	68
■ <i>Huỳnh Văn Trọng Minh.</i>	
VÃNG SANH THẦN CHÚ	71
■ <i>Lê Chí Thật.</i>	
LUẬT NHÂN QUẢ TRONG NGUYÊN LÝ NHẤT TÁN VẠN - VẠN QUY NHẤT	73
■ <i>Phan Thị Bảo Trân.</i>	
CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI ĐẶC BIỆT	76
■ <i>Đạt Truyền.</i>	
ĐÔI DÒNG HOÀI CẢM	82
■ <i>Anh Đào.</i>	
GIỒNG BỐM SÁU MƯƠI LĂM NĂM MỚI CÓ MỘT NGÀY	85
■ <i>Cao Bạch Liên.</i>	
ĐIỂM SÁCH: XIN CHỌN NGƯỜI YÊU LÀ THƯỢNG ĐẾ	89
■ <i>Cao Triều Thiển Tâm.</i>	
TRANG THƠ: ĐỪNG TÌM	91
■ <i>Công Huy.</i>	
TRANG THƠ: HÍT VÀO THỞ RA	91
■ <i>Công Huy.</i>	
VỀ THĂM GIỒNG BỐM	92
■ <i>Thanh Hiên.</i>	
TẾ NHỊ NHƯ LÀ MỘT CÁI NHÌN TRIẾT LÝ	94
■ <i>Thanh Long.</i>	
DỰ BÁO VỀ “NGÀY TẬN THỂ” CÓ CƠ SỞ KHOA HỌC	97
■ <i>Nhữ Nguyên (Việt Thu sưu tầm).</i>	
ĂN CHAY VÀ QUAN NIỆM CỦA DANH NHÂN THẾ GIỚI	101
■ <i>Trần Anh Kiệt (Hồng Phúc sưu tầm).</i>	
ĐỂ NHẬN ĐƯỢC SỰ HỢP TÁC CAO NHẤT CỦA NGƯỜI ĐỐI ĐẦU	106
■ <i>Sen Trắng.</i>	
CÓ VÀ KHÔNG CÓ	107
■ <i>Chí Như sưu tầm.</i>	
NHỮNG CÂY THUỐC CHỮA TIỂU ĐƯỜNG	108
■ <i>Ban biên tập.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: SÚP BÍ ĐỎ	113
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
KHÁT VỌNG	114
■ <i>Lý Như.</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	116
■ <i>Bạch Cúc & Đạt Truyền.</i>	



Vị thuốc dẫn CỦA ĐỨC ĐẠO TỔ

Đức Thái Thượng Đạo Tổ có một toa thuốc quý gồm 2 thang để trị con bệnh thiếu năng lực. Nhưng điều kiện phải có một món thuốc để kích hoạt 2 thang ấy mới trị khỏi bệnh. Ngài dạy:

“Ta có một thang trị về trí (tánh hiểu biết), một thang trị về hành (làm theo tánh hiểu biết) nhưng phải ráng mà tìm cho được một vị dẫn¹ mới được.

Vị này khó tìm lắm. Nó không ở đâu xa, mà ở trong mỗi người. Song chừ nhu (các trò) phải coi chừng cho kỹ, kẻo phải mắc món giả mà mang hại, vì hai món tương tợ nhau phải biết phân biệt mới đặng.

Vị thuốc này là một vị có thể làm cho con người được nên công nghiệp, được thành Thánh Hiền Tiên Phật.

Chừ nhu có biết vị đó là chi chăng?

Để ta biên cho, là vị Lập Chí. Đó là một vị rất quý. Chừ nhu có hiểu vị đó chăng?

Con người không có chí, thì không khác nào chiếc ghe không lái, con ngựa không cương, đi dong dài nên có biết đâu là bờ bến... Những người đã lập chí mà không cố ráng làm thì cũng như người vô chí vậy.

Chừ nhu có biết đặng hai món thuốc ta mới chỉ đó chăng? Món nào thiệt? món nào giả?

...

Lập chí là thiệt, còn món tương tợ là gì?

Đó là Dục vọng.

Đó là cái tư niệm của lòng người!”²

Muốn hiểu thấu thánh ý của Đức Đạo Tổ trong đoạn thánh huấn của Ngài trên đây, trước hết cần biết “lập chí” hay “có ý chí” là như thế nào.

Lập chí là hạ quyết tâm thi hành một công

1. Vị dẫn: (danh từ đông y) vị thuốc có công dụng như chất xúc tác (catalyst, catalyzator).

2. Trích Minh Lý Chơn Giải, Minh Lý Đạo.

việc hay một chương trình, kế hoạch nào đó. Dĩ nhiên đó là mục tiêu quan trọng dù đạo hay đời mà trước mắt có thể phải vượt qua những trở ngại hoặc thử thách.

Luận về ý chí có sách viết:

“Có chí là có tất cả. Muốn thành công trên đường đời cần nhiều điều kiện: sức khỏe, tài năng, học vấn, chí khí, hoàn cảnh. Không thể nói những người có chí khí đều thành công, song trái lại chúng ta có thể nói không sợ lắm: những người đã thành công là những người có chí khí.”

“Trong quyển Sách Của Con Tôi, ông Paul Dumer viết: “Những kẻ nào muốn thành công trên đường đời phải ước mong một chí khí đanh thép; mọi sự khác tự nhiên rồi sẽ có sau”. Người như ông Paul Dumer, từ bậc con nhà hàn vi vượt lên ngôi Tổng thống nước Pháp, đã từng trải việc đời và thấu được bí quyết ấy, nói ra tưởng chúng ta có thể tin lắm.

Hoàng đế Napoléon, người mà mỗi khi nói đến chí khí, nghị lực người ta thường nhắc đến cũng nói: “Những chiến công ở trận mạc ba phần tư là nhờ ở sức mạnh tinh thần”.³

Về ý chí hành đạo, thánh giáo Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo từng dạy:

*“Chí đã quyết thoát qua sáu nẻo,
Ý đừng sờn vạn khảo giả chơn,
Còn nương côi tạm hồng trần,
Vượt lên nhân ngã thiên chân sáng ngời.”*⁴

...

*“Các Vụ Trường chí bền tâm đạo,
Chớ ngại hà vạn khảo thiên ma,
Dặn lòng khắc phục cái ta,
Đạo đời vai gánh xông pha âu đàn.”*⁵

Như thế, chúng ta đã hiểu rõ về việc lập chí và ý chí. Nhưng vấn đề quan trọng được Đức

Đạo Tổ cảnh báo ở đây là dục vọng đội lốt ý chí. Thật vậy, dục vọng cũng là cái ý muốn mãnh liệt nhằm thực hiện cho kỳ được một việc dù ngoài đời hay trong đạo. Nhìn bên ngoài những nỗ lực của hành giả, phải nhìn nhận hành giả có chí khí, nhưng chỉ khi nào xét kỹ động thái tiến hành mới phân biệt được giả chơn.

Cái quyết tâm do dục vọng luôn luôn phát sinh từ cái “ta”, cái hành động do dục vọng không vượt lên trên “nhân ngã” (ta người). Cho nên vạn khảo đến với hành giả có nguồn gốc từ cái “ngã”, tức là tự khảo. Và chẳng, hành giả có đạt được mục đích thì cũng không có giá trị “thiên chân sáng ngời” khả dĩ thấu phục được nhân tâm.

Cho nên đường tu khó lắm! Tu rồi mới hành; hành gặp nhiều trở ngại phải quay lại tu kỹ và tu kỹ (luyện kỹ) tức “dặn lòng khắc phục cái ta”. Muốn thế, phải lập chí, lập chí “vượt qua sáu nẻo”, chứ không phải lập chí tự tôn, chấp ngã.

Để tránh uống lầm “thuốc giả”, Đức Bảo Pháp Chơn Quân Huỳnh Chơn từng cho chúng ta “tờ hướng dẫn để đọc kỹ trước khi sử dụng” như sau:

*“Chư hiền đệ muội nên ý thức cái bốn phận của chính mình. Đã chọn con đường Đại Đạo một lý tưởng thanh cao siêu thoát, thì phải chấp nhận mọi thử thách và ý thức từng việc làm trên con đường phục vụ cho tiến trình tiến hóa của vạn linh theo máy Tạo cơ Trời xây dựng cõi đời thượng ngươn thánh đức. Đó chính là kết quả đặc đạo của bản thân trong hiện tại và trong tương lai trở về với khối Đại Linh Quang. Thế nên chư hiền phải thật tâm chí thành chí kính, trung thực với chính mình, tâm chí duy nhất không phân chia có trái có mặt, thì trên con đường sứ mạng, dầu gặp vạn khảo thiên ma cũng hoàn thành được.”*⁶■

3. Phạm Cao Tùng, <http://www.dunglac.org/index.php?m=module3&v=chapter&ib=413&ict=4892>.

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29–12 Mậu Ngọ (27–01–1979).

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14–01 Canh Thân (29–02–1980).

6. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 25–8 Canh Thân (30–10–1980).



trầu lòng sửa tánh

■ ĐỨC DI LẠC THIÊN TÔN, HUNG AN TỰ

NGỘ THỜI, 08—4 GIÁP THÌN (19—5—1964) — LỄ PHẬT ĐẢN

THI

DI di bát đức thủy thanh thanh,

LẠC chiếu huê khai bá vạn thành,

THIÊN thượng triều nguơn tinh đấu hội,

TÔN sùng nhứt lý hóa quần sanh.

TAM LONG HUÊ HỘI CHƯỞNG GIÁO DI LẠC THIÊN

TÔN, đại hỷ chư Thiên phong, Phật sắc lưỡng
đài, đại hỷ chư chúng sanh. Bần Đạo thừa sắc
chỉ Ngọc Hư Cung, điệp Phật Tây Phương Giáo
Chủ, giáng cơ để chúng tâm thành của chư
chức sắc, thiện nam, tín nữ trong lễ kỷ niệm
Phật Đản nầy.

Hồi chư Thiên chúc Tam Giáo Đạo! Hồi chư
chúng sanh! Hãy tọa thiền nghe Bần Đạo thuyết
một đoạn pháp về Đạo:

Vạn vật trong vũ trụ đều do nhứt khí
Tiên Thiên hòa hợp âm dương mà hóa sanh.
Trong chỗ hóa sanh, vạn vật lại được dưỡng
bằng hỗn nhiên hư vô chi khí để tiến hóa
từng lớp trong vũ trụ. Hỗn nhiên hư vô chi
khí tức là Đạo.

Đạo không gọi là sắc tướng, nhưng dụng sắc
tướng để làm hình thức hữu hình. Đạo không
gọi là âm thanh, nhưng dụng âm thanh để tìm
những lý vô vi của Đạo. Đạo là hơi thở của từng

lớp vạn vật. Đạo là cơ tiến hóa của vũ trụ càn
khôn. Đạo vẫn một không hai. Đạo vẫn có từ
lúc khai Thiên tịch Địa.

Pháp thị bốn vô pháp, chúng sanh đắc pháp
nhi thành Đạo. Đạo thị bốn vô danh, chúng
sanh đắc danh nhi thành Đạo.

Danh pháp thị hà? Nhứt, nhị kỳ khai Đạo giả.
(...) Lành thay! Chư chúng sanh Đại Đạo
Tam Kỳ Phổ Độ!

Hồi chư Thiên sắc! Hồi chư tăng ni Phật tử!
Hồi chư chúng sanh!

THI BÀI

SANH dưới thế nghiệp xưa vay trả,

Để cho người lập quả độ căn,

Đến khi dứt nợ siêu thăng,

Nếu mà mê muội chịu lần chuyển luân.

LÃO lụm cụm tuổi xuân đầu mãi,

Xanh râu rồi thì phải bạc đầu,

Hồi ai nên khá lo âu,

Tầm đường chân lý ngộ hầu tầm tu.

BỊNH tật chịu âm u mờ tối,

Tinh khí thần tấn thối vô phân,

Tâm can nhiệt độ hao lần,

Trí lu ảo ảnh, xác thân gầy gò.

TỬ đến lúc qua đò chuyển kiếp,

Giờ này đâu còn dịp trau dồi,
 Ăn năn đã muộn đi thôi,
 Khi sanh chẳng chịu lo bồi đức nhân.
 Khổ đều chịu chẳng phân sang khó,
 Nơi trần ai buộc bó cân đai,
 Công hầu khanh tướng tiền tài,
 Đây là giả tạm qua ngày mà thôi.
 Biết được vậy nên hồi tâm tánh,
 Tĩnh ngộ rồi khá lánh lợi danh,
 Lợi làm khổ lụy thân sanh,
 Danh càng nảo ruột lại đành đau thương.
THAM tranh cạnh thêm vương tội ác,
 Miếng đỉnh chung hình phạt hằng ngày,
 Món ngon miệng chịu đắng cay,
 Ưa tìm vật lạ có ngày khổ thân.
SÂN nóng giận nên cần dần xuống,
 Kẻo tánh trần lôi cuốn hành hung,
 Gây nhiều tội lỗi lao lung,
 Có khi đến đổi mức cùng sát nhân.
SI nào biết cân phân lẽ phải,
 Không hiểu rành việc trái điều ngay,
 Đi đêm mà tưởng ban ngày,
 Chông gai chẳng kể, đường sai chẳng màng.
 Tam bành khá trừ an mới khỏe,
 Ba phần này mảnh khóe đủ điều,
 Lập xong đấng huệ được khêu,
 Tâm thần trí não mới thêu sen vàng.
HỖ, mừng chớ quên căn thái thậm,
 Rồi có ngày lại gấm buồn tanh,
 Quá mừng gặp việc chẳng lành,
 Đến khi đó thật khó đành an vui.
NỖ, khí giận lấp vùi sáng kiến,
 Tâm can sanh chuyển biến bất thường,
 Nhiều khi gặp phải tai ương,
 Lu mờ giá trị tấm gương soi lòng.
ÁI tình giữ cho trong tự nước,
 Thương quá rồi đến lượt chửi nhau,
 Tỷ như lượn sóng ba đào,
 Chôn vùi linh tánh biết bao anh hùng.
 Ố, tật đổ khôn cùng nguy hiểm,
 Ghét nào màng kiểm điểm trước sau,
 Miễn cho thỏa mãn tự cao,
 Quên đi nhân nghĩa đồng bào thôn lân.

AI, khổ trí hao lần thần xác,
 Tác lệ già kiệt sức thêm hoài,
 Người tu chẳng nhiệm trần ai,
 Tránh điều phiền não đeo đai vào lòng.
LẠC, cực lạc vui trong phút chốc,
 Lắm khi rồi lại khóc than liền,
 Nghĩ càng thêm lắm ưu phiền,
 Khuyên chung môn đệ khá yên bình thường.
BI bởi lạc vấn vương quá độ,
 Vui đến buồn từ cổ chí kim,
 Hối ai là kẻ muốn tìm,
 Vào đàng chánh đạo lặng im tu hành.
 Trừ thất tình mới thành tu kỷ,
 Sửa sao ra là bậc vĩ nhân,
 Ở trần chẳng nhiệm hồng trần,
 Mới mong Phật cảnh đạo lần Bồng lai.
 Giải đầy đủ bao nhiêu lời dạy,
 Các môn đồ trầm lặng xét suy,
 Liệu theo hoàn cảnh mà tùy,
 Trau lòng sửa tánh tư duy nghiệm hành.
THI
 Phật Đản từng bùng vẽ kinh tin,
 Một lòng tu niệm khá nên gìn,
 Chơn tâm chánh kiến không vì lợi,
 Pháp đạo hóa hoằng vạn chủng minh.
THI
 Lời báu nào cần vẽ rằn rỗng,
 Bao nhiêu đã đủ gọi thành công.
 Tu vì đại nghĩa không vì phẩm,
 Luyện bởi quán thông chẳng bởi mong.
 Tiên Phật ấy người sanh tại thế,
 Thánh Thần cũng kẻ ở trần hồng.
 Y theo đạo pháp hành cho trọn,
 Đắc vị xem qua vạn sự không.
 Vì các môn đồ thành tâm nên Bản Đạo giảng
 để đôi lời khuyên nhủ và ban phước hồng cho cả
 vạn loài hạnh hưởng.
THI
 Từ già chúng sanh đến Phật đài,
 Mong sao đệ tử chẳng làm sai,
 Chữ tu khá giữ cho chơn chánh,
 Mới thấy Như Lai vớt họa tai.
 Thăng.■

B. CHìa khóa mở cửa BẠCH NGỌC KINH



■ THIÊN HẠNH

Trên cõi thế gian này con người thuộc tôn giáo nào cũng cần tìm cho mình một phương pháp tu học hay pháp môn thực hành sao cho phù hợp với trình độ và hoàn cảnh của bản thân. Mỗi người có thể chọn phương tiện khác nhau để đi đến mục tiêu trên con đường tiến hóa là phản bốn hoàn nguyên, trở về cùng Thượng Đế. Tuy phương tiện tu hành có thể nhiều vô số do trình độ căn trí của chúng sanh vô lượng, nhưng suy cho cùng, pháp môn chỉ có hai nhóm là tu phước và tu huệ; hoặc thực hành đồng thời tu phước và tu huệ, gọi là phước huệ song tu. Tu phước là thực hành công quả giúp đời, tích phước hành thiện để giải trừ nghiệp quả và làm nền tảng cho việc tu huệ trong kiếp

hiện tại hoặc đầu tư cho kiếp lai sinh. Còn tu huệ là thực hành công phu tu luyện để tiến hóa tâm linh, phục hồi cựu vị. Tuy nhiên, nếu tu huệ mà nền tảng là tu phước chưa vững vàng, công phu cũng khó có thể thành tựu viên mãn được. Cho nên, phước huệ song tu là giải pháp hữu hiệu giúp con người có thể tu nhứt kiếp mà được đắc thành trong thời kỳ đại ân xá này. Tu phước là cách tu tiệm tiến, còn tu huệ hay phước huệ song tu lại là cách tu rốt ráo. Tuy nhiên, việc sớm tìm được một phương pháp tu hành thích hợp nhất cho bản thân sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và công sức cho hành giả trên con đường tìm cầu chân lý. Bằng ngược lại, hành giả phải loay hoay trong

việc chọn lựa và thực nghiệm pháp môn.

*“Lời chỉ dạy rất rành rẽ trên nhiều lãnh vực, tuy nhiên cũng còn nhiều đề muội thắc mắc phân vân, tự hỏi lòng không biết phải làm một việc nào chánh đáng để trúng ngay vào trung tâm điểm đạo đức hầu làm lối đi tắt đến con đường thánh thiện. Vì Thiêng Liêng đã dạy nhiều vấn đề trên nhiều lãnh vực, đã rôn rọc trước mắt không biết nên chọn điều nào. Nào là công phu tịnh luyện, nhập định tham thiền, nào là bố thí thi ân, giúp đời tế chúng trên phương diện vật chất, nào là tứ thời cúng lạy tụng niệm kinh lễ, nào là trường trai giới sát, thả cá phóng chim, nào là khuyên nhủ người đời theo đường chánh đạo học hỏi giáo lý trên phương diện phổ độ chúng sanh, nào là tu thân tế gia ở phần nhân đạo, v.v. Vì sức người có hạn mà đạo lý thì lại rộng lớn bao la.”*¹

Vấn đề ở đây không phải con người cần phải khảo sát thật nhiều pháp môn để chọn cho mình một phương pháp tu hành thích hợp nhất. Rõ ràng rằng việc làm này bất khả thi vì đạo pháp vô biên, vô tận; trong khi kiếp người hữu hạn, hữu giới. Song, pháp môn nào cũng đều có chỗ tốt và bí yếu của nó. Cho nên, hành giả hành trì pháp môn

phù hợp nhất cho rốt ráo sẽ có ý nghĩa và giá trị hơn nhiều so với việc thử nghiệm thật nhiều pháp môn.

“Sự thắc mắc phân vân đó cũng có một phần đúng với tầm nhận xét hiểu biết của một con người, nhưng đó không phải là vấn đề chánh làm cho người tín hữu phải bận tâm, vì đạo lý pháp môn vô lượng, chúng sanh căn trí cũng vô lượng.

*Đạo lý mà muốn biện luận ra cho hết các pháp môn, thì dầu cho đời người có sống được ngàn tuổi, dầu thai muôn kiếp cũng chưa học hết pháp môn. Nhưng không phải vì lý do đó mà con người không thể học đạo, hành đạo và đắc đạo. Dốt chữ như Huệ Năng còn có thể trở thành Lục Tổ kia mà. Như vậy Đạo được thành phải do chỗ bí yếu của nó.”*²

Phương pháp tu hành hay pháp môn tuy vô số, vô lượng nên con người không thể nào liệt kê cho cùng tận; nhưng chỗ chúng đắc của bất luận pháp môn nào đều có chung một điểm giống nhau. Đó chính là sự đắc nhứt, là chỗ bí yếu của vạn pháp vậy.

“Tuy nói rằng Phật pháp có mấy muôn, mấy ngàn pháp môn, thực ra là không ai có thể lường được, nhưng sự đạt đắc nhứt chỉ có một chỗ bí quyết mà thôi. Nếu nói thế, tại sao Thượng Đế cùng Tam Giáo Tổ

*Sư không chỉ một chỗ bí quyết ấy cho đời để làm đạo mà lại vẫn cứ phổ truyền kinh điển mãi mãi. (...) Nếu đặt câu hỏi ấy ra, Bản Tạng và chư đạo hữu cũng vẫn còn mắc trong vòng lẫn lộn, vì như trên đã nói: “Căn trí như sanh không lường, mà Đạo lý pháp môn cũng không lường.”*³

Song, pháp môn được truyền bá trong quá khứ áp dụng cho đến ngày nay nếu không có tính khế cơ, sẽ khó thích ứng với căn trí chúng sanh trong thời Mạt kiếp. Thật vậy, đây chính là sự kết hợp hài hòa giữa hai yếu tố bất biến và tùy duyên của đạo pháp. Đạo lý (về mặt nội dung) muôn đời vẫn luôn bất di bất dịch, tuy nhiên việc ứng dụng của đạo lý (về mặt hình thức) có thể thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh và căn trí của chúng sanh. Do đó, để dễ dàng phân biệt, các pháp môn tu hành trong Tam kỳ Phổ độ được gọi chung là Tân pháp và các pháp môn trước thời điểm này được gọi là Cựu pháp.

“Tôn giáo lập tại thế gian là những phương tiện độ đời vào hàng thánh thiện. Mỗi thời kỳ mở đạo, mỗi pháp môn khác nhau, vì phải tùy theo trình độ tiến hóa và hoàn cảnh xã hội của từng giống dân mà đem giáo lý thích hợp để dìu dắt họ.

1. Đức Quan Âm Bồ Tát, Vạn Quốc Tự, 14-6 Kỷ Dậu (27-7-1969).

2. Đức Quan Âm Bồ Tát, Vạn Quốc Tự, 14-6 Kỷ Dậu (27-7-1969).

3. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 26-01 Tân Hợi (21-02-1971).

Đến nay là thời kỳ thứ ba mà Thượng Đế đem đạo diu đời trong thời đại nguyên tử này. Do đó các pháp môn đều phải tân tiến để diu dẫn nhơn sanh kịp với trào lưu tiến hóa của nhơn loại. Các cháu hãy lưu ý đến điều đó. Nếu không quan hệ thì đâu gọi là nhứt kỳ, nhị kỳ, tam kỳ mà chi!”⁴

Pháp môn là phương tiện giúp con người tu tiến trên trường tiến hóa, mà điểm nhắm cuối cùng như đã nêu, là phối thiên, huyền đồng cùng Thượng Đế. Cho nên, cũng có thể nói pháp môn chính là chìa khóa mở cửa thiên quốc, cội Niết bàn, hay Bạch Ngọc Kinh. Do chúng sanh căn trí vô lượng nên lẽ tất nhiên có nhiều pháp môn phù hợp và tương thích với trình độ căn trí và hoàn cảnh riêng biệt. Xin được giới hạn khảo sát vài pháp môn tiêu biểu như sau: Tam công, cúng tứ thời, tình thương và sống đạo.

TAM CÔNG

Tam công gồm công quả, công trình và công phu là phương pháp tu hành rất căn bản trong đạo Cao Đài. Một cách vắn tắt, công quả là thực hiện những gì mang lại ích lợi cho bá tánh chúng sanh thể hiện qua tư tưởng, lời nói và hành động. Công trình là quá trình luyện thân dựa vào giới luật qui điều sao cho có tác phong đạo hạnh để trở thành mẫu người hiền nhân quân tử, con người cho thật con người. Công phu là quá trình luyện tâm nhằm hóa giải thất tình lục dục, vệt tan bức màn vô minh nhằm đạt đến chỗ thân an–thần định–trí huệ, giải thoát tại chốn này và siêu xuất thế gian. Pháp môn Tam công của đạo Cao Đài tương ứng với Lục độ Ba La Mật của Phật giáo đại thừa.

“Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, chư hiền không có cái pháp Ba La Mật, nhưng thay vào đó cái pháp Tam Công cũng là đầy đủ lắm rồi. Thực hành được Tam Công là chứng được đạo quả mà Phật thường cho là Bồ Tát Hạnh.”⁵

Pháp môn Tam công là phương tiện tu hành rất ráo và toàn diện. Thực hành đồng thời pháp môn Tam công cùng một lúc chính là phước huệ song tu; trong đó công quả là tu phước và công phu là tu huệ. Công quả là nền tảng và công trình trợ giúp cho công phu. Vậy nên, có thể nói công quả và công trình là nền móng để xây dựng ngôi nhà là công phu.

“Người tu thân hành đạo, ngoài phần công quả công trình để xây dựng nền tảng âm chất cho vững chãi, còn cần phải có thì giờ rèn luyện công phu. Chính phương diện này mới tạo dựng được lâu dài. Đó là ngôi vị Tiên Phật hay phần bốn hườn nguyên cũng thế.”⁶

Song, không phải ai cũng có đủ điều kiện để thực hành Tam công cùng một lúc. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể cũng như duyên nghiệp riêng tư mà con người có thể chỉ chọn thực hành một hoặc hai phần của Tam công là công quả, công trình và công phu riêng biệt với nhau. Tuy nhiên, suy cho cùng, Tam công đều có sự liên hệ chặt chẽ và hữu cơ với nhau.

CÔNG QUẢ

Đức Thượng Đế đã xác quyết rằng công quả giúp đời tể chúng là điều kiện ắt có và đủ để con người có thể phản bốn hoàn nguyên. Cho nên, công quả là pháp môn tu hành và chìa khóa để con người mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

“Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi.”⁷

Do thế gian là trường thi công quả nên kết quả chung cuộc cao hay thấp được dựa vào công quả của mỗi người thực hiện trong kiếp này và tích lũy được từ vô lượng kiếp.

*“Trường thi công quả chọn nhơn hiền,
Cho kẻ tu hành hữu huệ duyên,
Chẳng luận nữ nam Âu Mỹ Á,*

4. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 21-6 Kỷ Dậu (03-8-1969).

5. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh thất Tân Định, 02-9 Tân Hợi (20-10-1971).

6. Đức Đông Phương Chương Quân, Minh Lý Thánh Hội, 09-01 Nhâm Tý (24-02-1972).

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, tr. 26.

Ai nhiều huệ phúc sẽ thành Tiên.”⁸

Công quả trong Tam kỳ Phổ độ được nhân hệ số ba (3)⁹, cho nên duyên phúc rất hi hữu nầy thật sự là một cơ hội “vàng” để con người có thể thành công đắc quả ngay trong kiếp hiện tại nầy, thay vì phải trải qua vô lượng kiếp nếu không có Đại ân xá cuối thời Hạ ngươn Mặt kiếp.

*“Hữu duyên ngộ Tam Kỳ Phổ Độ,
Muôn đời còn tử phủ nêu danh,
Ba ngàn công quả được viên thành,
Đơn thơ chiếu hiển danh Thiên tước.”¹⁰*

Khi thực hành công quả, con người làm tăng trưởng bồ đề tâm, đối trị tính ích kỷ, tức là phần nào rèn luyện công trình. Như vậy, thực hành công quả cũng có phần tác động đến công trình. Lại nữa, khi thực hành công quả với tâm thanh tịnh, vô dục vô niệm thì đồng thời con người thực hành công phu rồi vậy. Do đó, khi thực hành công quả một cách thâm sâu, hành giả đã đồng thời chế tác được phần nào năng lượng của công trình và công phu.

CÔNG TRÌNH

Con người nơi cõi trần gian muốn trở nên hiền nhân, tất nhiên cần rèn luyện đức tánh của bậc quân tử như tam cương, ngũ thường. Còn trong cửa đạo, tín đồ muốn trở thành đứa con tin yêu của Thượng Đế, bậc chơn tu đức hạnh, cũng cần nghiêm trì giới luật như ngũ giới cấm và tứ đại điều qui. Đây chính là công trình, là quá trình tu thân luyện kỹ của người tu, thuộc về phạm trù luyện thân.

“Ráng tu cho vẹn đạo làm người,

8. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

9. “Thời đại ân xá, ai tu cũng có thể được đắc quả. Một việc làm thiện dẫu nhỏ nhen đến thế mấy đi nữa cũng vẫn là việc thiện và được ghi ở hệ số ba. Trái lại, việc ác dẫu cho nhỏ đến thế mấy đi nữa cũng vẫn là việc ác.” (Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 30-12 Tân Hợi, 14-02-1972).

10. Cao Minh Đan, 28-10 Canh Tuất (26-11-1970). Bài thơ này có ghi trong quyển Ngọc Lịch Minh Kinh (kinh xưa của Trung Quốc) như sau: “Có duyên gặp Tam Kỳ Phổ Độ.”

*Tự độ độ tha khắp mọi nơi,
Hiện kiếp cho ra người đức hạnh,
Vị lai kiếp sẽ ngự cung Trời.”¹¹*

Khi đề cập đến công trình, tất không thể không đề cập đến tác phong đạo hạnh. Bởi lẽ, đây chính là sự thể hiện ra bên ngoài của mẫu người chơn tu, khác biệt so với người thế tục. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ đề cao tác phong đạo hạnh là đệ nhất pháp môn của người tu.

“Trật tự hữu hình là giá trị của người tu, tác phong đạo hạnh là lớp đầu của người tu sĩ, và cũng là kết quả của cấp lãnh đạo. Có tác phong đạo hạnh thì được kẻ kính người mến, kẻ yêu người nể, và người ngoài hâm mộ mà noi theo, có lợi cho mình mà độ được người, đó là đệ nhất pháp môn.”¹²

Rèn tác phong đạo hạnh chính là chánh kỹ hóa nhân. Mọi người sẽ nhìn vào tấm gương đạo đức nầy để bắt chước noi theo. Cho nên, thực hành công trình sẽ tạo ra công quả vì nó ảnh hưởng và tác động đến tha nhân. Mặt khác, việc nghiêm hành giới luật một cách bền bỉ, chuyên nhất từng giờ từng phút của hành giả lại chính là việc thực hành công phu. Như vậy, thực hành công trình bất thoát chuyển, hành giả cũng đồng thời phần nào chế tác được năng lượng công phu và tạo ra được công quả.

CÔNG PHU

Công phu là tập trung tư tưởng một cách ý thức vào một công việc mà mình đang thực hiện theo phương pháp của tôn giáo. Hay nói một cách khác, công phu diễn ra khi thân và tâm của hành giả gắn chặt vào một công việc nào đó như đọc kinh, quán chiếu hơi thở, suy nghĩ một công án thiền, v.v. Thí dụ như trong lúc đọc kinh, thân tức là miệng đang đọc kinh, còn tâm tức là tư tưởng luôn tập trung vào từng chữ từng câu và ý nghĩa của câu kinh đó. Còn

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 18-7 Nhâm Tý (26-8-1972).

12. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 17-6 Đinh Tỵ (31-7-1977).

ngược lại, trong lúc miệng hành giả đọc kinh mà tư tưởng lại nghĩ đến một việc khác; thì rõ ràng trong trường hợp này thân và tâm tách rời nhau, không hiệp nhất. Lúc ấy, hành giả đang đọc kinh, không phải trì kinh, tụng kinh hay công phu.

“Một hiền muội mắt hơi làn, xô kim không kiếng, nhắm vào một chỗ để luôn sợi chỉ cho qua, có khi mất cả mười phút. Trong mười phút đó chắc chắn rằng tâm thanh tịnh không tưởng việc nào khác hơn là luôn chỉ qua kim. Như vậy không gọi là công phu được sao? Nhưng đó là thiền định vô ý thức. Thay vì chăm chú vào mối chỉ lỗ kim, hãy chăm chú vào ngọn nhang, ánh đèn Thái Cực, hoặc nhìn chăm chú vào Thiên Nhân, đừng tưởng việc chi khác hơn, đó cũng là khởi đầu cho động tác công phu thiền định rồi vậy.”¹³

Công phu thuộc về phương tiện luyện tâm nhằm hóa giải tam độc là tham sân si và thất tình lục dục để tâm thanh tịnh. Khi tâm an định, tất nhiên trí huệ sẽ phát sinh, hành giả đạt được giải thoát tại thế gian. Đây là một quá trình tu luyện tiệm tiến; cho nên, khi tâm thanh tịnh được một phần thì trí huệ sẽ phát sinh tương ứng. Hay nói cách khác, phàm tâm được chế ngự hóa giải một phần thì đạo tâm phát sanh tăng trưởng một phần tương ứng và ngược lại.

*“Tham sân si ấy thật ma vương,
Sáu dục bảy tình tương trợ đương,
Ba báu của người toan cướp đoạt,
Huyền công luyện kỹ khó xâm lường.”¹⁴*

Do đó, công phu chính là phương tiện “thượng thừa tâm pháp” giúp cho hành giả phản bổn hoàn nguyên, mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

*“Muốn phản bổn, huyền công tu tập,
Muốn hườn nguyên, phá chấp giải mê,
Bảy tình sáu dục thân về,
Về nơi căn cội bỏ để khi xưa.
Công phu ấy thượng thừa tâm pháp,*

13. Đức Quan Âm Bồ Tát, Vĩnh Nguyên Tự, 03-01 Giáp Dần (25-01-1974).

14. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981).

*Trị bệnh đời đa tạp biến sanh,
Tâm con đông mãnh chí thành,
Đào sâu gốc rễ ngọn ngành còn đầu.
Tình thức đoạn nào sâu cũng đoạn,
Vọng trần không, bệnh hoạn cũng không,
Qui về một chủ nhưn ông,
Thanh nhàn thanh tịnh ngoài trong vẹn toàn.”¹⁵*

Thực hành công phu, hành giả thực hiện quá trình chuyển hóa tâm linh: (thân) an – (thần) định – (trí) huệ. Từ chỗ lặng lẽ thanh tịnh của tâm, Đạo sẽ lưu hành trong nội thân; bởi lẽ lúc bấy giờ “phàm tâm tử, đạo tâm sanh”. Đạo từ bên trong nội tâm của hành giả sẽ hiện bày ra bên ngoài tác phong đạo hạnh. Như vậy, thực hành công phu sẽ tạo ra công trình do quá trình “tưới gốc sẽ sum cành”. Lại nữa, khi tâm an định sẽ phát sinh năng lượng cứu độ chúng sanh và tạo ra được công đức từ tọa thiền. Như vậy, hành giả thực hành công phu có kết quả sẽ đồng thời tạo ra phần nào công trình và công quả.

CÚNG TỬ THỜI

Điều thứ hai mươi của Tân Luật có qui định Chúc sắc giữ Thánh thất mỗi ngày phải làm tiểu lễ bốn lần theo tứ thời là Tý (từ 11 giờ khuya đến 1 giờ sáng), Mão (từ 5 giờ đến 7 giờ sáng), Ngọ (từ 11 giờ đến 12 giờ trưa), và Dậu (từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối). Tín đồ tại tư gia cũng cúng tứ thời theo giờ qui định nêu trên. Cúng tứ thời được xem là một trong những phương pháp thực hành Tam công: công quả, công trình và công phu.

CÔNG QUẢ

Khi cúng tứ thời với tâm thanh tịnh và lòng thành kính sẽ tạo ra công năng cứu độ có thể xoa dịu hoàn cảnh khổ đau bên ngoài, hóa giải những ác nghiệp kết tụ, ban vui cứu khổ cho bá tánh chúng sanh và đồng thời tác động trở lại bản thân ngõ hầu giúp cho người tín hữu được minh tâm kiến tánh, thân thể mạnh khỏe, tinh thần an vui.

15. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Nhâm Tuất (30-9-1982).

Kết thúc buổi cúng là phần cầu nguyện gồm năm điều: Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhì nguyện phổ độ chúng sanh, tam nguyện xá tội đệ tử, tứ nguyện thiên hạ thái bình, và ngũ nguyện thánh thất an ninh. Khi người tín hữu cầu nguyện với tinh thần vô ngã, thanh tịnh, và kính thành thì nguyện lực vô cùng linh ứng. Lúc ấy, sự cầu nguyện tạo ra công đức vô lượng.

Nếu cúng tứ thời tại tịnh thất với số lượng đạo hữu càng đông sẽ tạo nên một tấm lưới thiêng vệt tan mọi chướng duyên giúp chúng sanh cải ác tùng lương, hồi đầu hướng thiện; công đức càng thâm sâu.

CÔNG TRÌNH

Cúng tứ thời có tác dụng giúp cho người tín hữu khắc phục tính lười biếng. Giờ Tý và giờ Mão phải vượt qua sự buồn ngủ của xác thân, giờ Ngọ và Dậu do tại bị chuyện nầy chuyện nọ. Như vậy cúng tứ thời giúp cho đạo hữu tinh tấn trên đường tu. Ngoài ra, cúng tứ thời còn giúp cho đạo hữu rèn ý chí bất thoái chuyển, củng cố thêm đức tin ngày càng bền chặt.

Lại nữa, khi cúng tứ thời tại tịnh thất, đạo hữu sẽ có động lực của tập thể thúc đẩy bản thân mình vượt qua những lúc biếng lười, mệt mỏi. Như vậy, nhờ có sức mạnh của tập thể nên từng cá nhân có thể dựa vào đó tự thắng bản thân.

Cúng tứ thời với tâm chí thành, thanh tịnh sẽ tạo công năng đại định giúp cho đạo hữu phát huy được tác phong đạo hạnh thuần thành đạo đức. Đây chính là việc vun bồi gốc rễ, tất nhiên sẽ sum suê cành lá. Khi tâm an định tất yếu đức hạnh sẽ hiện bày ra bên ngoài.

CÔNG PHU

Việc cúng tứ thời sẽ đạt kết quả rất mau nhiệm khi đạo hữu chú ý tập trung vào lời kinh; ngoài ra, người tín hữu cũng cần hiểu được ý nghĩa của kinh để có thể “tinh nghĩa nhập thần” vào từng câu của bài kinh cúng tứ thời. Như vậy, cúng tứ thời chính là thực hành công phu. Bởi lẽ, lúc ấy thân và tâm của đạo hữu hiệp nhất với nhau.

Trong lúc thân (miệng) đọc kinh, tâm của đạo hữu chuyên chú vào từng câu và nghĩa lý của câu kinh đó. Đây chính là quá trình công phu vậy. Ngược lại, nếu đạo hữu cúng tứ thời mà phóng tâm, không chú định vào việc trì tụng và ý nghĩa từng câu kinh, thì việc cúng tứ thời sẽ không mang lại kết quả cho bản thân và đại chúng.

*“Sự cúng lạy con nên sốt sắng,
Trừ nghiệp thân choặng tịnh anh,
Kệ kinh miệng đọc lòng thành,
Để trừ nghiệp khẩu, khỏi sanh não phiền.
Con ngày đêm tâm thiền cầu nguyện,
Để diệt trừ vọng niệm ý tà,
Tứ thời trẻ ráng gần Cha,
Nhìn ngay Thiên Nhân thì là thần gom.”¹⁶*

Như vậy, trước tiên người tín hữu Cao Đài đạt được công trình do siêng năng tinh tấn, khắc phục được sự biếng lười. Tiếp theo đó, hành giả đạt được công quả do chí thành cầu nguyện cho bá tánh chúng sanh, cho đại cuộc cứu độ của Đức Chí Tôn như: “Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai”, “tứ nguyện thiên hạ thái bình” và “ngũ nguyện thánh thất an ninh”. Ngoài ra, hành giả còn thực hiện được công phu do tập trung nhìn Thiên nhân và tinh nghĩa nhập thần vào từng lời kinh. Cho nên, cúng tứ thời cũng chính là pháp môn tu hành của người tín hữu Cao Đài, đồng thời là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh vậy.

TÌNH THƯƠNG

Thượng Đế do lòng hảo sanh vô lượng vô biên đã tạo dựng nên Càn khôn thế giới, mà trong mỗi chúng sanh đều có sự hiện hữu đầy quyền năng của Thượng Đế. Nói một cách khác, con người là tiểu linh quang phát xuất từ Thượng Đế là khối Đại linh quang. Lòng hảo sanh vô biên của Thượng Đế có thể hình dung như đại dương tình thương và mỗi chúng sanh là một giọt tình thương. Cũng có thể nói, tình thương là “cơ thể” của Thượng Đế. Cho nên, muốn hiệp

16. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1961, tr. 162.

nhất cùng Thượng Đế, con người cần thể hiện sự thương yêu đối với đồng loại, với chúng sanh.

“Con Thấy thì phải giống Thấy,

Giống Thấy ở chỗ đủ đầy thương yêu.”¹⁷

Như vậy, sự thương yêu là phương tiện để con người có thể thông công, phối kết cùng Thượng Đế. Sự thương yêu chính là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

“Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục thiên, Cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh.”¹⁸

Tình thương không chỉ là sự thể hiện ra bên ngoài bằng lời nói ân cần, ánh mắt thiện cảm, cử chỉ quan tâm; mà nó cần phát xuất từ nội tâm mới thể hiện đầy đủ sự thương yêu. Tình thương là một phương diện được không chỉ ban vui cứu khổ cho tha nhân về phương diện công quả, mà nó còn tác động trở lại chính bản thân mình. Sự thật có vẻ nghịch lý là khi con người thể hiện tình thương hay thực hành công quả càng nhiều bao nhiêu, bản thân sẽ cảm nhận được niềm hạnh phúc tương ứng. Vậy nên, tương tự như công quả, thực hành tình thương cũng chính là trường thi để quyết định mức độ tiến hóa tâm linh của con người nơi thiên quốc.

“Tình thương trên hết, cùng một ý nghĩa với tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Tình thương sẽ cứu chuộc mọi nguồn tội lỗi, sẽ làm liễu thuốc thần đơn trị lành mọi bệnh tình nhân loại. Tình thương là chìa khóa giải thoát con người ra khỏi bể trần tục lụy, là con đường đưa con người lên nấc thang tiến hóa. Ngôi vị chơn linh Tiên Phật được định giá bởi tình thương.”¹⁹

Tình thương cũng chính là lòng nhân ái. Bởi lẽ, khi có lòng nhân ái, con người sẽ dễ dàng thông cảm tha thứ những lỗi lầm lẫn nhau. Mỗi ngày người tín hữu cầu xin Đức Chí Tôn tha thứ tội lỗi của bản thân qua câu nguyện “Nam mô

tam nguyện xá tội đệ tử”, thì thiết tưởng mình cũng cần tha thứ lỗi lầm của người khác. Cho nên, lòng nhân ái cũng chính là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh.

“Lòng nhân ái có thể làm một phương linh được chế ngự tất cả những gì muốn bộc phát nơi thân tâm của con người, lòng nhân ái cũng là một bản đồ cho người nhìn theo phương hướng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh. Phải chăng nhân ái tức là thương yêu. Hễ thương yêu thì mọi việc đều khoan dung tha thứ.”²⁰

Mặt khác, khi con người thực hành tình thương và thể hiện lòng nhân ái với nhau cũng chính là tạo được sự hòa hiệp lẫn nhau. Cho nên, hòa hay hòa hiệp cũng là phương tiện, là chìa khóa giúp con người mở được cửa vào nước Trời.

“Âm dương hòa hiệp hóa sanh,

Dựng nền đạo đức lập thành Càn khôn,

Bế tử lộ, khai thiên môn,

Điều hòa mới thể bảo tồn vạn linh,

Hòa là một món báu linh,

Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.”²¹

Thực hành sự thương yêu, lòng nhân ái hay sự hòa hiệp nhằm phát triển bổ đề tâm của mỗi người. Đây chính là bốn phận của mỗi người có trách nhiệm giúp đỡ lẫn nhau, ban vui cứu khổ để cùng nhau xây dựng cõi đời an lạc thái bình, thiên đàng cực lạc. Như vậy, con người đã vẹn tròn được công quả nơi thế gian, để có thể trở về cùng Thấy.

SỐNG ĐẠO

Con người là tiểu thiên địa có đầy đủ quyền năng nhiệm mầu để tiến hóa vô hạn. Tuy nhiên, khi vào cõi trần gian do bức màn vô minh gồm tam độc là tham sân si và thất tình lục dục che phủ nên chơn tâm không thể sáng soi. Đạo không bao giờ rời xa con người dù trong một giây phút ngắn ngủi nào, nhưng do bức màn vô

17. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Huân Cung Đàn, 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

18. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn cơ ngày 27-10-1927.

19. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 05-9 Mậu Thân (26-10-1968).

20. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 09-5 Đinh Mùi (16-6-1967).

21. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài Hòa hiệp, đàn cơ ngày 03-8 Bính Tý (1936).

minh che phủ nên con người không thể trực nhận được chơn tâm đại ngã để có thể kiến tánh thành Phật được. Do đó, khi con người phản tỉnh nội cầu, quay trở về nội thân để vệt tan bức màn vô minh tự khắc điểm Đạo sáng chói dẫn lộ diện, chơn tâm Phật tánh dần hiển lộ chiếu soi. Thật vậy, khi tâm thanh tịnh được một phần thì ánh sáng từ nội tâm được khơi tỏ một phần tương ứng. Vấn đề là làm sao con người có thể duy trì trạng thái tâm thanh tịnh càng lâu bền càng chứng đắc được sự mẫu nhiệm thiêng liêng trong chừng ấy thời gian. Đây chính là con người đã biết sống đạo.

*“Mỗi người tự biết cách sống thì mới sống cuộc đời thư thái ung dung, mặc dầu trước mặt mọi sự vật thay đổi của trần gian thăng trầm nóng bỏng. Ai dám nói là không có gì liên hệ, không có gì ràng buộc, nhưng con người đã độc lập được cái sống đạo thì có ngăn ngại gì đâu, vì họ đã sống vui với cái tự do của họ trên đường thành tựu hoại không, luân hồi nghiệp quả rồi. Con người ấy với Trời đất là một vậy.”*²²

Như vậy, sống đạo chính là làm sáng tỏ điểm Đạo hằng hữu hằng thường vốn dĩ bị bức màn vô minh phủ mờ nên không nhận chân được chơn tâm, Phật tánh. Khi tâm thanh tịnh vô dục vô niệm, con người sẽ trực nhận được Thượng Đế đang ngự trị trong tâm khảm, chứng ngộ được thiên lý đang lưu hành trong nội thể. Công phu thiên định chính là phương tiện để con người đạt đến tâm thanh tịnh vô dục vô niệm. Cho nên, công phu cũng chính là phương tiện để con người sống đạo. Mà khi con người sống đạo nơi cõi thế gian thì đã huyền đồng, hiệp nhất được cùng Thượng Đế. Như vậy, sống đạo chính là pháp môn tu trì dựa vào công phu làm phương tiện chính yếu. Sống đạo cũng chính là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh để hiệp nhứt cùng Thượng Đế nơi cõi vô sanh bất diệt.

Ngoài ra, khi con người giữ gìn được đạo tâm,

chơn tâm hay thiên tâm không để bị phạm tâm chủ sử sai khiến, tất nhiên sẽ nối kết được sự thông công mẫu nhiệm giữa Trời và người, vận hành được thiên lý từ đại thiên địa bên ngoài vào tiểu nhơn thân của con người. Đây chính là “ngọn hải đăng” giúp cho con người nhắm đúng hướng trên hành trình hồi nguyên phản bản. Cho nên, đạo tâm chính là điều kiện tất có và đủ giúp con người trở về quê cũ.

*“Chư hiền đệ, hiền muội nên hiểu, người sanh trong đời dẫu ở cương vị giai tầng nào trong xã hội thế gian, cái giá trị duy nhất của con người, đó là tâm đạo. Tâm đạo sẽ giúp cho con người biết hướng theo ngọn hải đăng để xuôi thuyền về bến giác. Tâm đạo cũng là vốn liếng tự hữu của Thượng Đế phát ban. Có giữ gìn được đạo tâm thì thiên tánh sẽ phát hiện để chứng quả vô sanh ở cõi trần gian, không phải nhọc nhằn tha thiết vọng cầu nơi sơn đầu hải đảo chi cả.”*²³

TẠM KẾT

Tuy căn trí chúng sanh vô lượng, pháp môn vô lượng; hành giả không nhứt thiết phải khảo sát và thực nghiệm càng nhiều pháp môn để tìm cầu cho mình một phương pháp tu hành phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh. Bất luận pháp môn nào cũng đều có chỗ tốt ráo của nó và chỗ tận cùng của vạn pháp đều gặp nhau ở một điểm duy nhất là “sự đắc nhứt” hay còn gọi là “bất nhị pháp môn”.

*“Thời gian có trước có sau, pháp môn theo thời gian có tân có cựu. Đại Đạo không thời gian, không sau không trước, cũng không cựu không tân. Đại Đạo vẫn là bản thể bất biến. Thế nên pháp môn vô lượng nhưng người hành giả phải đạt đến chỗ bất nhị pháp môn mới thật sự chứng quả.”*²⁴

Pháp môn là phương tiện để con người trở về hiệp nhứt cùng Đức Chí Tôn, là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh. Tam công trong đạo Cao

22. Đức Bảo Pháp Chơn Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-5 Canh Thân (13-6-1980).

23. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Vĩnh Nguyên Tự, 27-01 Ất Mão (09-3-1975).

24. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-9 Giáp Dần (29-10-1974).

Đài gồm công quả, công trình và công phu là pháp môn rất căn bản và rốt ráo giúp con người thực hiện được hai mục đích của Đại Đạo là thể đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát. Tùy theo hoàn cảnh, người tín hữu Cao Đài có thể thực hành riêng biệt một hoặc hai công trong Tam công là công quả, công trình, công phu, hay thực hiện đồng thời tam công. Song, trong khi hành giả thực hành công quả một cách thâm sâu, sẽ đồng thời tạo ra được công trình và công phu. Tương tự, hành giả thực hiện rốt ráo bất kỳ một công nào đó trong Tam công, cũng sẽ tạo ra được hai công còn lại như đã trình bày. Thực hành tam công giúp con người sống vui, sống khỏe, sống hữu ích và hơn thế nữa, công phu còn là phương tiện giúp con người giải thoát ngay tại trần gian này và siêu xuất thể gian.

Cúng tứ thời cũng là một pháp môn tu hành tuy đơn giản nhưng kết quả rất thực tiễn và mẫu nhiệm. Thực tiễn vì nó giúp người tín hữu được thân thể khỏe mạnh, bệnh tật tiêu trừ, trí huệ khai mở; mẫu nhiệm vì nó giúp con người giao tiếp và thông công với Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng nơi cõi vô hình. Lại nữa, cúng tứ thời bao gồm đầy đủ cả công trình, công quả và công phu.

Tình thương là phương thuốc nhiệm mầu để con người tăng trưởng bồ đề tâm, trợ nghèo giúp khó, ban vui cứu khổ, nâng đỡ dìu dắt lẫn nhau để xây dựng cõi đời này thành thiên đàng cực lạc, cõi tịnh độ niết bàn. Thực hành tình thương cũng chính là thực hành công quả hay tu phước. Thực hành tình thương nơi cõi thể gian chính là sự hiệp nhứt giữa từng “giọt tình thương” nơi con người vào “đại dương tình thương” từ Thượng Đế vậy.

Sống đạo là làm sáng tỏ cái điểm Đạo nhiệm mầu bất tử bất biến vốn dĩ bị bức màn vô minh che khuất. Nhờ công phu thiền định hành giả có thể an định được thân tâm, hiển lộ được Phật tánh để có thể cộng thông cùng Thượng Đế góp phần thực hiện guồng máy thiên cơ. Bởi lẽ, khi “phạm tâm tử thì đạo tâm sanh”,

bức màn vô minh được vệt tan thì tuệ giác sẽ khai mở tương ứng.

Song, hành giả thực hành bất luận pháp môn nào cũng cần thực chứng ngay tại thể gian này. Có như vậy thì pháp môn mới thể hiện được tính hiện thực cứu độ với kết quả hiển nhiên mà mọi người có thể dễ dàng kiểm chứng được. Tuy nhiên, mức độ chứng đắc của pháp môn có nhiều trình độ từ thấp đến cao, từ giá trị tâm linh siêu việt cho đến chứng đắc lực thông. Cho nên, tu chứng là một đòi hỏi rất khách quan và cấp thiết nhằm khẳng định khả năng cứu độ thật sự của Tân pháp Cao Đài trong giai đoạn hiện nay.

“Đạo mầu huyền nhiệm lắm con ôi!

Chứng quả rồi con sẽ độ đời,

Luyện kỹ công phu đừng gián đoạn,

Mới mong vững bước cuộc đầy vơi.”²⁵

Vâng, tu chứng để hành giả có thể cộng thông với Đức Thượng Đế thực hiện đại cuộc cứu độ kỳ Ba trong sự mầu nhiệm thiêng liêng. Tu chứng cũng chính là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh ngay tại chốn này.

TRÍCH LỤC THÁNH GIÁO

1. ĐẮC NHỨT

Từ cổ chí kim, các tôn giáo được khai minh đã để lại cho đời biết bao nhiêu là thiên kinh vạn quyển. Ấu đó cũng là phương pháp tùy duyên hóa độ vì căn trí của nhơn sanh không đồng đều nhau mà đạo lý thì cũng không biết bao nhiêu pháp môn hầu lường cho hết. Nhưng muốn đạt được Đạo không phải nhứt thiết mỗi người phải đọc cho hết những thiên kinh vạn quyển ấy. Người tu chỉ cần đạt đắc nhứt là thành đạo. Tuy nói rằng Phật pháp có mấy muôn, mấy ngàn pháp môn, thực ra là không ai có thể lường được, nhưng sự đạt đắc nhứt chỉ có một chỗ bí yếu mà thôi. Nếu nói thể tại sao Thượng Đế cùng Tam Giáo Tổ Sư

25. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-4 Kỷ Mùi (10-5-1979)

SONG TU TÁNH MẠNG

■ HỒNG PHÚC

không chỉ một chỗ bí quyết ấy cho đời để thành đạo mà lại vẫn cứ phổ truyền kinh điển mãi mãi. (...) Nếu đặt câu hỏi ấy ra, Bản Tạng và chư đạo hữu vẫn còn mắc trong vòng lẩn quẩn, vì như trên đã nói: “Căn trí chúng sanh không lường, mà đạo lý pháp môn cũng không lường.”²⁶

Trong thế tam tài, Trời mà được Một thì đàng đạo yên ổn trong lành, soi sáng, nuôi dưỡng muôn loài vạn vật không giây phút ngừng nghỉ, từ thủy chí chung. Đất khi được Một thì vạn vật mới sinh tồn nhờ bởi sự ổn định luôn luôn. Nếu không ổn định bình yên thì con người, thì vạn loại bị sự tiêu diệt bởi sụp đổ nghiêng chính.

Còn hơn tấc con người được Một thì con người trở nên thông suốt sáng láng, hiểu được mọi sự mọi

26. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 12-11 Tân Dậu (07-12-1981).

(XEM TIẾP TRANG 27)

Tam Kỳ Phổ Độ là cơ cứu độ Đức Thượng Đế khai mở, mượn hình thức tôn giáo có tên gọi Cao Đài với tôn chỉ “quy Tam giáo – hiệp Ngũ chi” nhằm đến việc tạo dựng một thực thể Đạo cứu thế, trong đó có sự kết tụ tinh hoa giáo lý Tam giáo trên nền tảng “một cội sanh ba nhánh in nhau” với: Nho gia tích cực trong việc bồi dưỡng phẩm cách con người, phải hàm dưỡng cái khí nhân nghĩa. Đạo gia chú trọng việc bồi dưỡng tính thiên nhiên của con người, đặt nặng vấn đề con người cần phải hàm dưỡng cái khí bản chất của mình. Phật gia coi trọng việc con người phải bồi dưỡng năng lực chịu đựng khổ nhọc, nên nhấn mạnh vào việc tự mình phải hàm dưỡng cái khí bao dung nhẫn nại. Chân lý Tam giáo sẽ là nấc thang đưa con người đạt đến cứu cánh “Thế Đạo Đại đồng và Thiên Đạo Giải thoát”, mở ra con đường Thánh đức của buổi Thượng nguyên sau Hội Long Hoa, kết thúc một chu kỳ vũ trụ theo luật tuần hoàn của Thiên Địa.

Trong tinh thần đó, lòng Từ bi và đức Dũng của Phật giáo sẽ giúp con người vượt khỏi bản ngã chính mình để thực thi sứ mạng Nho tông chuyển thế theo đường lối Khổng giáo làm thay đổi cuộc diện đen tối của thế gian trong thời mạt pháp, và phương pháp Song tu Tánh Mạng của Lão giáo sẽ đưa con người đến bến bờ của sự giải thoát đích thực ngay khi con người còn ở tại thế gian giữa cơn nước lửa của buổi Hạ nguyên.

THẾ NÀO LÀ SONG TU TÁNH MẠNG?

Khi nói đến Tu, người đời thường liên tưởng đến những người dứt bỏ việc đời, hiến mình cho Chúa hay nương bóng Phật từ bi, tức là có một cuộc sống ly gia cắt ái, ẩn mình trong các Nhà dòng Thiên Chúa, hay vào chùa gõ mõ tụng kinh.

Thật ra, chữ “Tu” đơn giản có nghĩa là “sửa đổi”, người tu là người đã có ý thức giác ngộ muốn sửa đổi bản thân từ xấu ra

tốt, từ ác hóa hiền, xa điều ác, làm điều thiện. Nếu hiểu như vậy ai cũng có thể trở thành “người tu”.

Tuy nhiên, tích cực hơn, khi bước chân vào một tôn giáo, việc tu sửa bản thân không còn giới hạn trong sự tùy tiện của mỗi cá nhân, mà được thể chế hóa thành qui điều, giới luật bắt buộc con người phải tuân theo để đạt đến mục tiêu mà người tu đã nhắm tới là sự giải thoát của linh hồn của mình sau khi rời bỏ xác thân tứ đại. Kitô hữu muốn trở về nước Thiên đàng cùng Đức Chúa Trời. Người Phật tử lại muốn đến được cực lạc niết bàn với Phật, môn đồ của Đức Cao Đài thì mong sẽ trở lại hiệp một cùng ngôi Thái Cực Đại Linh Quang. Mỗi một tôn giáo có con đường đi, hay một phương tu để giúp cho người tín đồ đạt đến những ước vọng lớn lao đó.

Khi nói đến việc tu hành, người ta thường đề cập đến việc “tu tâm luyện tánh”. Nhưng trong Tam Kỳ Phổ Độ, con đường đi của những người học trò Tiên thờ Đức Cao Đài không chỉ tu tâm luyện tánh mà còn phải “Song tu Tánh Mạng”; và nếu hiểu chữ tu theo nghĩa đơn giản là sửa đổi, thì đó là con đường sửa đổi Tánh và Mạng được thực hiện song hành cùng một lúc.

TÁNH MẠNG LÀ GÌ?

Hai chữ “Tánh và Mạng” có sự giải thích không giống nhau

trong Tam giáo và ngay cả các phái của Lão giáo.

Tánh: Hiểu một cách nôm na, đơn giản, Tánh thuộc về phần linh hồn vô hình, là nội tâm bao gồm ý chí, tư tưởng, tư duy của con người, có thể nhìn thấy qua tánh tình, nét na, đức hạnh, hành vi cử chỉ của mỗi người. Tánh cũng gọi là “chân ý”, “chân thân”. Tánh luôn tồn tại điều khiển thân xác.

Nhưng theo Đạo học, Tánh còn bao hàm ý nghĩa cùng tột cao siêu như lời Thánh giáo:

“Tánh là bản thể, là căn bản của con người, viên minh thường trụ, hồn nhiên thiên lý, vốn có một không hai, chơn thật mà thiêng liêng, ở Thánh không thêm, ở phàm không bớt.

Phật giáo gọi là Chơn Như, Pháp giới tánh, Như Lai tạng, Diệu giác Ngươn minh...

Đạo giáo gọi là Thiên tánh, Linh căn, Huyền đức,, Lý tánh, Lương tâm,...

*Nho giáo gọi là Thiên lương bốn tánh, Thiên mạng chi tánh, Minh đức, Lương tri, Lương năng, Tánh lý.”*¹

Trong Đại Thừa Chơn Giáo, Đức Chí Tôn dạy: *“Tánh là nguyên lý (...) rất linh diệu thiêng liêng của Trời đã phân ra mà ban cấp cho mỗi người, nên lý ấy tức là Tánh vậy (...) Tánh tức Tâm.”*

Mạng hiểu đơn giản là thân sống của con người, thuộc về phần hữu hình, là nhục thể,

là xác thân được kết hợp từ 4 chất là đất, nước, lửa, gió, nên gọi là thân tứ đại, do âm khí hậu thiên của Trời phú bẩm cho cha mẹ sở sanh; cũng gọi là nguyên tinh, nguyên khí.

Tánh và Mạng là hai mặt của một bản thể, là sự un đúc từ Lý và Khí của Trời Đất mà thành hình thể. Hình thể đã có, thì Mạng phải chịu trong vòng sinh diệt, biến đổi. Tánh – Mạng con người trong cuộc sống thế gian bị chi phối bởi ngoại cảnh hữu hình, tạo nên tình thức và ý thức.

Theo giáo lý Cao Đài, Thức là sự biết² gồm có Thức lưu truyền, Thức di truyền và Thức tập truyền. Thức do tự tánh phóng ra, lưu tán khắp trong vũ trụ.

Thức lưu truyền là sự nghe biết từ cõi thần đến cõi người do sự ghi nhớ cảm tưởng qua nhiều thời gian và xuyên vào không gian.

Thức di truyền: “Theo dòng hệ tộc mà chảy theo Thắt tổ cưu huyền. Tinh khí cha mẹ cấu nên hình người là một giọt máu thức chảy ngầm trong thân thể. Nếu giọt máu ấy bởi nguồn trong sáng, sinh ra con người được khôn lanh. Bằng như đục thì trở nên rù rờ, ngây dại.”³ Ôn Trên cho biết Thức này “không sao phẳng tới nguồn mạch của nó”. Phải chăng bởi vì do chính con người tạo ra từ những việc

2. Sdd.

3. Sdd.

1. Đạo Học Chí Nam.

làm của mình, để lại những hậu quả dặt dầy từ kiếp này sang kiếp khác gọi là nghiệp quả luân hồi. Phải chăng đây chính là nguyên nhân của tính di truyền giữa những người cùng chung huyết thống do mối liên hệ nhân quả cùng chung nghiệp lực nhân duyên từ tiền kiếp, mà ngày nay khoa học tìm thấy có sự tương quan qua bản đồ gen người ADN đã được khám phá từ 10 năm qua.

Thức tập truyền: “ở trong các con thú vật và thực vật. Khi ta ăn chúng vào mình, sinh tố, tế bào của các vật đã trộn lộn vào máu huyết nơi thân ta.”⁴

Ba dòng thức này kết hợp lồng vào thân người làm ngăn ngại sự tự do và linh động của phần tử tánh, trở thành thức nghiệp lôi kéo con người vào vòng luân hồi chuyển kiếp, quả báo trả vay không dứt. Đây chính là một khái niệm quan trọng của Duy thức tông (sa. vijñānavāda), một trong hai nhánh chính của Phật giáo Đại thừa (sa. mahāyāna). Trong trường phái này, A-lại-da thức bao gồm 7 thức là Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức, Ý thức, Mạt na thức. A-lại-da thức được xem là thức căn bản của mọi hiện tượng, nên còn gọi là Hàm tàng thức. Thức này chứa đựng mọi sự trải nghiệm của đời sống mỗi con người và nguồn gốc tất cả các hiện tượng tinh thần.

4. Sdd

Khái niệm A-lại-da thức là cơ sở của Duy thức tông, qua đó người ta giải thích sự hiện hữu của “con người”, của “cá nhân”. Theo đó, các chủng tử (sa. bīja), tức là các hạt mầm của Nghiệp (sa. karma, pi. kamma) được chứa đựng trong A-lại-da thức và đợi nhân duyên đầy đủ sẽ hiện thành tư tưởng. Các tư tưởng có tính riêng tư đó tác động trong mối liên hệ với Vô minh (sa. avidyā) và Ngã chấp (sa. ātma-grāha) làm cho mỗi người tưởng rằng có một con người đứng sau mọi hành động của mình. Tư tưởng đó lại gây tiếp các chủng tử của nghiệp, và nghiệp lại tiếp tục tạo tác. Vòng lẩn quẩn này chỉ được đối trị bằng quan điểm cho rằng, không hề có một thế giới độc lập ngoài Tâm. Theo đó thế giới chỉ là phản ánh của A-lại-da thức, con người chỉ thấy bóng dáng của chính tâm thức nó. A-lại-da thức thường được xem như là “sự thật cuối cùng”, có khi được gọi là Chân như (sa. tathatā). Theo một quan điểm Phật giáo khác thì A-lại-da thức chỉ là nơi tập hợp của mọi nghiệp xưa cũ (Pháp tướng tông).

Tương tự khái niệm này của Phật giáo, theo thuyết Bát thức quy nguyên, một phái của Đạo giáo, con người muốn thụ sinh thì cần phải có tinh của cha, huyết của mẹ, thức thần tiền sinh, ba thứ này tương hợp thì thành thai nhi. Tinh khí nhận từ cha mẹ, thức thần đến từ

vô thi kiếp, cũng có tính sinh, diệt.⁵

Tánh Mạng là do Âm Dương nhị khí kết hợp mà tạo nên con người. Tánh và Mạng không thể tách rời. Tánh là hồn, Mạng là xác. Mạng hữu sinh, Tánh do Trời phú bẩm. Vương Trùng Dương nói: “Tánh là Thần, Mệnh là Khí.”

Nguyên Lý Đạo với thiên “Tính mệnh luận” đã nói: “Tính là tiên thiên chí thần, gọi là nhất linh; Mạng là tiên thiên chí tinh, gọi là nhất khí. Hệ tạo hóa của Tánh là ở Tâm; hệ tạo hóa của Mạng là ở Thân. Trí thức kiến giả được xuất ra từ tâm bằng suy nghĩ, tưởng niệm; Tâm sai khiến Tánh. Cử động xuất ra từ thân bằng nghe, nói, nhìn; thân tích lũy mạng. Mạng do thân tích lũy nên có sinh có tử; Tánh chịu sự sai khiến của Tâm, nên có qua có lại.(...) Tính vô mệnh thì bất lập; mệnh vô tính thì bất tồn, về tên gọi của chúng tuy là hai nhưng về lý thì chỉ có một.”

THẾ NÀO LÀ “SONG TU TÁNH MẠNG”?

Song tu là rèn luyện, sửa đổi, bồi dưỡng cả hai phương diện Tánh lẫn Mạng. Tu dưỡng tâm tính, tu dưỡng đạo đức, nhân cách gọi là Tính công. Phương cách giúp cho kéo dài tuổi thọ, gọi là Mệnh công. Nói rõ

5. Văn hóa dưỡng sinh trong Đạo giáo của Thư Đại Phong, Thanh Minh biên dịch, nxb Lao Động.

hơn, tu Tánh cho đức hạnh viên dung, cải sửa bản thân từ phàm nhân ra Thánh nhân. Tu Mạng cho thân xác khỏe mạnh, thanh khiết. Đức Chí Tôn dạy: *“Hễ muốn cho chơn thần đặng tinh khiết thì phải giữ gìn thân thể cho tráng cường. Muốn dưỡng phần hồn tất phải nuôi phần xác.”*⁶

Tánh (thuộc về Lý) và Mạng (thuộc về Khí) có cùng nguồn gốc nơi Trời, vốn là một, nhưng khi đến cõi nhị nguyên, phân tách ra làm hai: Tánh là bản thể bên trong, Mạng là biểu hiện của bản thể qua lớp thân xác bọc bên ngoài con người.

Đạo Trời là Âm Dương, đạo người là Tánh Mạng. Âm Dương tức là Kiến Khôn, Tánh Mạng tức là Thần Khí. Mà thần khí không phải là hai tên, Kiến Khôn không là nhị thể. Gốc là một. Một mà phân ra có động tịnh, có giáng có thăng, khi trường, khi thì thành hình, khi thì hóa khí. Tánh mạng phải song tu thì con người mới trường sanh, chứng quả. Trường sanh đây không có nghĩa là xác thân hữu hình tồn tại mãi mãi, bởi vì hữu hình tất hữu hoại.

Như vậy, có một sự liên hệ hỗ tương mật thiết giữa Tánh và Mạng, giữa hồn và xác. Nếu con người có xác mà không có hồn thì xác trở nên vô tri, vô giác như tượng đá. Ngược

lại, nếu chỉ có hồn mà không có xác, thì hồn không có chỗ nương dựa để trở thành một con người thật sự.

Tánh Mạng song tu là vừa tu Tánh vừa luyện Mạng, là pháp môn luyện đạo của Tiên giáo, còn được gọi là: Dưỡng sanh Tánh Mạng. Gọi ra nhiều danh từ nhưng thực sự chỉ là phép luyện đạo cho Tam bửu (Tinh Khí Thần) hiệp nhất. Trong Tam bửu (Tinh, Khí, Thần) để luyện đạo, thì Tánh là Thần, Mạng là thân tức Tinh và Khí.

Trong phép Tánh Mạng song tu, chủ yếu là phải coi trọng cái Mạng sống của con người, tức là coi trọng xác thân phàm, không được tu ép xác, bởi vì xác phàm có khương kiện thì chơn thần mới được mạnh mẽ và thông huyền.

Nhiều nhà tu hành cho rằng Tu thân là Tu tâm luyện Tánh, nên khinh khi thân xác, coi xác thân là thù địch, nên hành hạ, đánh đập xác thân, nhiều khi còn ăn dơ ở dáy và cho đó là tinh tấn.

Đạo Lão tuyệt đối không có chủ trương ấy. Trái lại, Lão giáo chủ trương phải gìn giữ xác thân cho thanh khiết, mạnh khỏe, tập luyện cho khí lực dồi dào, cố thủ kiên trì cho tinh huyết được đầy đủ, cốt làm cho mình được sống lâu, sống vui, sống khỏe. Tất cả những cái đó gọi là Tu Mạng. Rồi ra mới luyện Thần, tập trung tinh thần vô vi định

tĩnh. Tất cả những cái đó gọi là Tu Tánh.

Cái gì thuộc về Tiên Thiên vô vi thì gọi là Tánh. Cái gì thuộc về Hậu Thiên hữu vi thì gọi là Mạng. Nơi con người, Thần thuộc Tiên Thiên, gọi là Tánh; còn thân xác Tinh Khí đều là Hậu Thiên nên gọi là Mạng.

Sách Đạo Học Từ điển có viết: *“Tánh là Tiên Thiên, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Mạng là Hậu Thiên, hữu sanh hữu diệt, hữu cấu hữu tịnh, hữu tăng hữu giảm.”*

Tánh là Thần, cái gì hết sức khinh thanh, nên dĩ nhiên phải ở nơi cao nhất trong người. Chính vì thế mà đạo Lão cho rằng, Tánh căn ở đỉnh đầu, ở Nê hoàn cung, ở Càn đỉnh.

Mạng thuộc về phần hình hài nên dĩ nhiên là phải ở chỗ chứa thấp trong người, nên đạo Lão cho rằng, Mạng ở nơi xoang bụng, phía sau rún, đó là Khôn lư.

Giữa hai cực Càn đỉnh và Khôn lư đó là phần khí lưu chuyển tuần hoàn.

TẠI SAO PHẢI SONG TU TÁNH MẠNG?

Con người dù ở ngoài đời hay ở trong đạo muốn trở thành con người hoàn thiện có ích cho mọi người và cho xã hội cũng phải đầy đủ hai phần là thân xác khỏe mạnh và trí óc tinh thần sáng suốt minh mẫn.

Bước vào cửa Đạo, người giác ngộ đã nhận chân con

6. Đại Thừa Chơn Giáo, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr.206.

đường phải đi và đích điểm phải đến. Con đường phải đi đó, đòi hỏi người tu không chỉ có một tinh thần mạnh mẽ, để có được một đức tin kiên định bền vững, mà còn phải có một xác thân khỏe mạnh, thì mới đủ điều kiện để đi trọn con đường tu hành. Thánh nhân đã từng nói “tu tánh mà không luyện mạng là tu hành đại bệnh hoạn. Luyện mạng mà không tu tánh thì kiếp kiếp không thành Phật”. Nói như thế có nghĩa là con người cần tu sửa thân xác để làm phương tiện cho việc tạo Phật tác Tiên. Bỏ xác thân là đồng nghĩa với sự mất đi phương tiện để tu hành.

Đức Khổng Thánh dạy:

“Con người có hai phần: Tánh và Mạng theo cơ diệu hiệp âm dương ngũ hành mà cấu tạo nên. Tánh và Mạng có mối tương quan linh diệu.

– Tánh có Mạng mới lập.

– Mạng có Tánh mới thành.

Nói chung, nếu không biết Tánh biết Mạng tức chính mình không biết được mình.

Con người hậu thiên, Tánh Mạng bị thất chánh, lâm vào đường tội lỗi nên bị luân hồi triển miên chẳng dứt. Nếu chẳng lo tu Tánh luyện Mạng thì hai thành phần này sẽ lần lần tán thất, cuối cùng mất cả Tánh lẫn Mạng, không trở lại được kiếp làm người.”⁷

7. Kinh Tam Thừa Chơn Giáo, phẩm Thượng thừa, bài “Tánh mạng công phu”.

Mặt khác, giữa Tánh và Mạng có sự gắn kết vô cùng chặt chẽ, đan quyện lẫn nhau như lời dạy của Đức Chí Tôn trong Đại Thừa Chơn Giáo: *“Trong xác thân của con người có bảy thể căn yếu là: Chơn dương, tinh, khí, thần, xương máu và thịt”* trong đó, Chơn dương và thần thuộc Tánh và tinh, khí, xương máu và thịt thuộc về Mạng.

Tánh và Mạng nơi con người vô minh là chuỗi liên kết nhân quả tạo nên sự khổ đau cho chính bản thân mình như lời Đức Đại Từ Phụ:

“Nguyên con người trong buổi thiếu thời, còn giữ tánh thiên nhiên thì đâu biết lo rầu buồn giận. Mãi đến lớn lên lần lần nhiễm lấy mùi trần, rồi ham giàu, ham sang, mới rắc ranh tru nghĩ kế nọ mưu kia, phương này chước khác, báo hại phải hại cái chơn Tâm (thuộc Hỏa).

Đến khi mưu kế định rồi, lại còn phấn đấu tranh đua để đạt sao cho kỳ được mục đích mới nghe, thì báo hại tới phải lao Can (thuộc Mộc.)

Bây giờ mục đích đạt xong, đã sang, đã giàu thì lại đâm ra muốn vui xác thịt, nên bề dục sống tình tha hồ đắm đuối ngày đêm, báo hại thêm ra hao Thận (thuộc Thủy).

Đã vui sắc dục thì phải khoái ngọt bùi, nên lại kiếm tâm hải vị sơn trân, sát mạng thượng cầm hạ thú để làm cho khoái đã sự thềm ngon của miệng lưỡi, mà lắm khi chất độc món khác

cũng chẳng hề từ, thành ra bệnh từng khẩu nhập mà báo hại cho phải hao Tỳ (thuộc Thổ).

Lại khi ăn uống no say ngon khoái rồi thì bị những vật thực bằng huyết nhục kia nó phát sanh ra tánh người táo bạo, hung hăng, ganh gổ, độc ác và háo thắng, tự phụ, máu nóng ham sân mà báo hại hao thêm cho phế (thuộc Kim).

Đó là Ngũ hành đã suy mà Ngũ tạng đã nhuộc.

Vậy nên người tu phải không ham giàu, không ham sang, không ham dục, không không, không hết ráo, thế mới thành công.”⁸

Nếu thức tỉnh, nhận ra chân lý, chọn đường tu hành, dụng phép Song tu Tánh Mạng, con người sẽ dần dần cải sửa bản thân từ Hậu thiên trọng trước trở về Tiên thiên khinh thanh theo lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Con người sống là nhờ dương khí nó châu lưu trong thân thể mà nuôi nấng cho các chất yếu căn của nhơn thân. Nên hễ dương khí khi nào đã tuyệt thì tự khắc con người phải dứt hơi liền. Vậy người luyện đạo phải lấy phép hô hấp rồi dụng công phu vận chuyển dương khí ấy vào châu thân cho tráng kiện thêm và cho thông lưu khắp chỗ để đuổi các khí uế trước nặng nề ra thì bảo không vĩnh tồn sức khỏe sao được? Và người

8. Đại Thừa Chơn Giáo, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2011, tr. 130.

luyện đạo cũng nhờ chơn dương ấy mà tạo nên Huệ Mạng Kim Cang. Phải dùng hô hấp mà đem khí hạo nhiên vào chơn thể.”⁹

Như vậy, tu Tánh cũng chính là luyện Mạng để thu nhiếp khí hạo nhiên tức là khí tiên thiên hay dương khí có tác dụng nuôi dưỡng, giữ gìn thân xác cho mạnh khỏe tráng kiện, đồng thời trục đuổi tà khí uế trước nặng nề ra khỏi thể xác, có thể tác động làm thay đổi cả chủng tử thuộc về Nghiệp quả của một con người. Nhưng quan trọng hơn nữa là sự bồi đắp khí tiên thiên qua công phu thiền định còn giúp cho con người đắc quả thành Tiên Phật.

Đức Khổng Thánh dạy:

“*Tâm là Tánh, là Thần chủ vị,
Mạng là Thân, là Khí viên thông.
Thân Tâm Tánh Mạng tương đồng,
Tánh tu Mạng lập, Mạng từng Tánh khai.
Tánh Mạng ấy tuy hai mà một,
Mạng Tánh đồng chỗ tốt chí chân.
Tiên Thiên thể chất quy hườn,
Thần linh Khí hấp keo sơn chẳng rời.*”¹⁰

– Trong phép Song tu Tánh Mạng, các phương pháp dưỡng sinh, vận khí, điều tức, đều thuộc phần hình khí, có thể làm con người mạnh khỏe sống lâu, chứ không thể làm con người đắc Đạo được. Đạo giáo gọi là Liễu Mạng, và công phu tu luyện đó mới đạt được nửa phần, chưa trọn vẹn.

– Còn nửa phần nữa gọi là Liễu Tánh, là ngưng Thần nhập định, tâm tĩnh lặng huyền đồng với Thái Hư Vô Cực, trở nên đặc Nhứt. Tu Tánh là thực hành phép luyện Tiên đơn tối thượng của Lão giáo, tương ứng với Chánh pháp Nhân tạng của Phật giáo.

Cho nên:

- Tu Mạng là siêu phàm.
- Tu Tánh mới là nhập Thánh.

Cổ tiên có nói: “*Tu Tánh, tiên tu Mạng, phương nhập tu hành kính.* Nghĩa là: Muốn tu

Tánh, trước phải tu Mạng, thế mới vào đường tu hành chơn chánh.”

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

“*Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất. Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành nhơn đó mà lập công bồi đức để đoạn nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật.*”¹¹

Đức Khổng Thánh dạy:

“*Làm người phải biết lý nhân sanh,
Biết đến chân tri để thực hành.
Tánh ấy Thần quang minh diệu giác,
Mạng là Tinh Khí bản nguyên thanh.
Tánh nương chân Mạng mà linh mẫn.
Mạng hiệp tánh chân mới bảo thành.*”¹²

Tóm lại, Tánh và Mạng có quan hệ mật thiết với nhau, nói theo khoa học, có thể nói Tính thuộc về tâm lý, Mạng thuộc về sinh lý. Tâm lý có thể ảnh hưởng đến sinh lý và sinh lý cũng có thể làm thay đổi tâm lý, cho nên cả hai Tánh lẫn Mạng đều phải được cùng lúc tu sửa.

DIỆU DỤNG CỦA SONG TU TÁNH MẠNG

Tánh nhờ Mạng mà sáng, còn Mạng nhờ Tánh mà bảo tồn. Như vậy, Tánh Mạng là vấn đề mấu chốt trọng yếu của con người. Tánh mà trau sửa được từ phàm ra Thánh sẽ làm cho Mạng được tươi nhuận, đẹp đẽ. Những người tu luyện giữ được nguyên khí thì không đến nỗi phải bệnh hoạn yếu vong, mà cuộc sống thể chất cũng được tráng kiện, hào hùng. Họ ngăn chặn phong hàn thủ thấp xâm nhiễm; bá bệnh tiêu trừ và tâm trí được vui, sáng suốt minh mẫn. Chẳng những thế, mà tinh thần còn được cu diệu, chơn tánh siêu xuất ngoài tam giới, đồng cùng Trời Đất,

9. Đại Thừa Chơn Giáo, Nxb Tôn Giáo, 2011, tr.197.

10. Kinh Tam thừa Chơn giáo, Phẩm Thượng thừa, bài “Tánh mạng công phu”.

11. Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982).

12. Kinh Tam thừa Chơn giáo, Phẩm Thượng thừa, bài “Tánh mạng công phu”.

không bị một định luật nào làm trở ngại, che lấp được tuệ mạng, diệu tinh, chơn tâm. Đó chính là diệu dụng của việc song tu Tánh Mạng như lời dạy của Đức Giáo Tông:

“Trên phương diện chơn tu, muốn được hoàn toàn đầy đủ năng lực thể chất để giúp tinh thần hành đạo hằng say thì cũng đều do tự chú ý đến thể diện muội tạo lấy cả. Công phu tu tánh luyện mạng nếu chưa viên dung thì bảo sao còn những phiền ma não chướng ở thể xác. Tu luyện để có bầu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện còn có cái lợi ích thiết thực thay đổi diện mạo được khôi ngô, tác phong đạo hạnh thuần hòa, từ ái nghiêm trang khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người. Đó là điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thể Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhơn sanh, chứ không phải tu luyện chỉ mong có việc thành Tiên Phật rồi quên trách nhiệm của mình đang thọ lãnh với Thầy.”¹³

Nếu biết tu Tánh luyện mạng, tức là con người biết tự quán xét thân mình, nhận ra đâu là phải trái, sửa đổi tánh tình, từ bỏ những tham dục thấp hèn, không chỉ tự sửa được số phận, định mệnh của mình trong hiện kiếp, mà còn tập làm hiền nhân rồi Thánh nhân, sống theo lòng Trời Đất, thì dù sống giữa cõi tạm trần ai, vẫn tìm thấy hạnh phúc an vui như nơi chốn thiên đàng cực lạc. Đức Giáo Tông đã xác nhận điều này như sau:

“Con người có tánh mạng. Tánh là Thiên tánh, Mạng là Thiên mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên Địa vạn vật. Nếu biết tu tánh, đừng để tánh bị muội mê bởi tham dục che lấp vì danh lợi tình tiền. Những thứ vật vô thường đã gây cho con người biết bao thảm họa triển miên từ kiếp này sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham, thì vẫn có mà ăn, mà mặc, không tranh đấu mà vẫn có chỗ ở, không lẫn

thân vào chỗ đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tánh là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh. Còn biết luyện mạng là Thiên mạng hằng tại, không thiên không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời, sống thì Thánh, thác thì thiêng. Ôi nội Thánh ngoại vương, sống hằng sống trong cõi thiên đàng cực lạc thì còn mơ ước gì nữa; Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.”¹⁴

Bởi vì thực hành được phép Song tu Tánh Mạng một cách rốt ráo, con người không chỉ tìm thấy sự an vui cho riêng mình mà còn hòa mình cùng với thiên nhiên, hòa hợp với cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội thái hòa an lạc như lời Đức Đồng Phương Lão Tổ:

“Đại Đạo thì rất giản dị, chỉ có âm dương, thần khí, tánh mạng đó thôi. Người biết có tánh mạng, biết dụng chỗ âm dương, thần khí để nuôi dưỡng tánh mạng, thì sự sống mới hòa nhịp được với thiên nhiên để tâm hồn được sáng suốt vững vàng, sẽ hòa hợp được với đời hầu xây dựng đời an lạc thái bình.”¹⁵

LÀM THẾ NÀO ĐỂ THỰC HIỆN SONG TU TÁNH MẠNG

Theo Lão Giáo, phép Song tu Tánh Mạng bao gồm 4 điểm mà người tu Tiên phải thực hành:

- Điều hòa nhịp thở bằng tâm dựa vào sự hợp nhất giữa thần và khí, tức tâm vận hành theo nhịp thở, tâm hòa hợp cùng nhịp thở. Đó là nền tảng để cân bằng sức sống.
- Ăn uống bồi bổ.
- Vận động toàn thân.
- Tĩnh tọa ngôi thiên.

Ngày nay, Tân Pháp Cao Đài cũng không khác mấy với Cựu pháp của Tiên gia

13. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Ngọc Minh Đài, 15–10 Canh Tuất (13–11–1970).

14. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–01 Đinh Tỵ (17–02–1977).

15. Đức Đồng Phương Lão Tổ; Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04–6 Tân Dậu (05–7–1981).

ĂN CHAY LÀ BƯỚC KHỎI ĐẦU THỰC HIỆN SONG TU TÁNH MẠNG

Để thực hiện phép Song Tu Tánh Mạng một cách hiệu quả, điều kiện đầu tiên là phải ăn chay. Ngay trong ý nghĩa của việc ăn chay cũng thể hiện việc tu Tánh luyện Mạng. Bởi vì người ăn chay, theo Lão giáo tự ngàn xưa, tinh thần và thể xác thanh thoát, trút bỏ mọi tà uế. Vương Thường Nguyệt Tổ Sư nói rằng: “Chân tính mọi sự vật trên thế gian này đều do trời Đất, tinh khí hóa thành như nhân loại vậy, chúng cũng có quyền sinh tồn, bình đẳng. Chính sự tham lam của loài người đã tàn phá môi trường của chúng, giết chết chúng, nên đã gây nên không biết bao nhiêu nghiệp chướng, phá vỡ trái tim tử bi, người ăn chay là biểu hiện cụ thể trong việc cấm giết chóc.”¹⁶ Đây cũng là chân lý trong Tam Kỳ Phổ Độ:

*“Thương súc vật đồng bào ruột thịt,
Không nỡ lòng giết chết thú cầm,
Đó là con được chữ tâm
Chữ tâm bác ái ham làm việc nhân.”*¹⁷
Đức Từ Tôn hằng nhắc nhở:

“Chẳng những các con mà cả vạn vật, như loài sanh cầm hạ thú đều được một điểm linh quang để sống. Sống với không khí của Tạo Công vận hành cung cấp. Như vậy, sự liên hệ nhau về linh hồn, nên Mẹ khuyên các con phải thương yêu chúng nó, để cho nó tiến hóa thêm theo luật tuần hoàn. Như các con tu làm điều ích lợi giúp đời để các con tiến hóa lên hàng Tiên Thánh. Vì thế, luật buộc các con phải ăn chay để giữ lòng bác ái đối với vạn vật.”

Ăn chay vừa là nuôi dưỡng lòng bác ái, tử bi tức tu Tánh mà cũng vừa mang lại sức khỏe cho bản thân tức tu Mạng.

*“Thiên cơ muốn thấu phải tu hành,
Chay lạt là phương pháp dưỡng sanh.
Gội rửa lần lần thân trọng trước,*

*Cho hồn thọ bầm điểm khinh thanh.”*¹⁸

(...)

*Tập ăn chay để khử lòng trần,
Bao nhiêu ái ố tham sân,
Bao nhiêu thói xấu rửa lần cho thanh.”*¹⁹

Ăn chay còn là để tránh tạo nghiệp sát sanh sẽ đưa đến thành cộng nghiệp cho cả nhân loại như lời Thánh giáo:

*“Khuyên chư hiền ăn chay, ngoài sự dưỡng sinh thanh khiết về thể chất lại còn tập cho tinh thần tránh nghiệp sát sanh. Rất đối con tép mòng con cá nhỏ tí ti còn không nỡ giết hưởng hồ chi sanh mạng con người là quý đến ngần nào. Tác dụng của nó là tránh giết hại lẫn nhau giữa người với người, vì đời chiến tranh loạn lạc bởi không có tư tưởng ấy mà gây nên. Như vậy sự khuyên ăn chay lạt ngoài các yếu tố vệ sinh dưỡng sinh tinh khiết thanh đạm, quý trọng mạng sống từ loài vật đến con người lại còn có tác dụng là tránh cảnh giết hại lẫn nhau để đưa đến hoàn cầu náo động.”*²⁰

Việc ăn chay ảnh hưởng đến xác thân tức góp phần trực tiếp vào việc luyện Mạng, gián tiếp đến phần tu Tánh, Ôn Trên dạy:

“Đã là mang thể xác phàm trần, trong đó có thập tam ma và lục căn lục thức lục trần, có lúc thì tâm hồn mình là Thượng Đế, là Phật Tiên Thánh, cũng có lúc tâm hồn mình có những ý nghĩ quá tầm thường, chưa nói đến tội lỗi. Thế nên cần có sự chay lạt, trước tiên là để khử trừ phân thanh, không ăn huyết nhục để khỏi chịu ảnh hưởng không tốt từ thú tính còn lại.

Thân thể có được trong sạch, huyết nhục có được khinh thanh thì tâm hồn tánh nét mới được dịu dàng, trí tuệ mới được minh mẫn, thì lời nói mới được dịu dàng khả ái, hành động mới được phúc đức. Chớ không phải ăn chay để thành Phật

16. Văn Hóa Dưỡng sinh trong Đạo giáo.

17. Đức Vô Cực Từ Tôn, Thánh tịnh Kim Thành Long, 18-02 Quý Sửu (22-3-1973).

18. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huân Cung Đàn, 01-6 Ất Tỵ (29-6-1965).

19. Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

20. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).

*Thánh Tiên, mà nó cũng là điều kiện tối thiểu cho khởi thủy của việc thành Phật Tiên Thánh nếu có những điều kiện về nội tâm và ngoại thể kế tiếp như đã dạy trên.*²¹

ĐIỀU TIẾT TRONG VIỆC ĂN UỐNG

Không chỉ đề cập đến việc ăn chay lạt, phép Song tu Tánh Mạng còn đòi hỏi người phải biết điều tiết trong việc ăn uống, vì nó trực tiếp tác động đến phần thân xác của con người, tức phải có kiến thức về dưỡng sinh. Không phải đến bây giờ với sự tiến bộ của khoa học phương Tây con người mới biết đến phép dưỡng sinh, mà từ ngàn xưa, các Đạo gia cũng đã có đưa ra phương pháp dưỡng sinh không khác với khoa học ngày nay.

Theo Lão giáo, phép Song tu Tánh Mạng gồm nội tu và ngoại dưỡng. Nội tu là công phu thiền định và ngoại dưỡng là phép dưỡng sinh. Theo các Đạo gia, việc ăn uống phải điều tiết. Cát Hồng đời Tấn cho rằng: “Người biết dưỡng sinh thì không ăn quá no, uống không quá nhiều.” Sách Thượng Thư nhấn mạnh: ăn uống phải đúng lúc; trong “Ẩm thực chính yếu” ghi: “Ăn buổi chiều không tốt bằng ăn buổi sáng, ăn nhiều lần nhưng ăn ít, không nên ăn một bữa quá nhiều. Sách “Tu chân bí yếu”: nên ăn ít, không nên ăn một lần, thường như “no trong đói, đói trong no” mới tốt. Bảo Phác Tử viết: “Nếu muốn trường sinh, dạ dày thường phải sạch, nếu muốn sống, dạ dày phải không có phân.” Trong Thiên Kim Dục phương khuyên rằng: “Không nên vì quá đói mà ăn, ăn không được quá no, không được quá khát mà uống, không nên uống quá nhiều”. Trong “Xuân Tử Y” có ghi: “Dù thức ăn có hợp khẩu vị nhưng không được ăn thoải mái, chỉ được ăn tám phần”. Sáng không để bụng trống và tối không ăn quá no. Những điều này đến nay vẫn chính là những lời khuyên của các nhà dưỡng sinh Tây phương.

Trong việc điều tiết ăn uống, ngoài việc chú

ý hạn chế những thức ăn theo sở thích của bản thân, còn phải dựa vào tình trạng khí huyết âm dương và tính năng khoa học của thực phẩm để chọn thức ăn: dùng nhiều chất chua hại tỳ (đau bao tử), nhiều chất đắng thì hại phổi, nhiều chất cay thì hại gan, nhiều chất ngọt thì hại thận (tiểu đường), nhiều chất mặn thì hại tim. Trong sách Chân nhân dưỡng sinh minh có ghi: Chua hại gân, đắng hại xương, ngọt không có lợi cho thịt, cay thì hư khí, mặn làm giảm tuổi thọ.

Những thực phẩm gia vị dùng thường ngày như tỏi, hành, gừng, tiêu, ớt... thuộc dạng thực phẩm có tính nóng, cay, ăn ít có tác dụng thông dương kiện vị, nhưng nếu ăn nhiều thì có thể làm tản khí hại âm, mất máu, ảnh hưởng độ sáng của mắt, viêm nhiễm do nhiệt. Ăn uống phải thích hợp với nhu cầu của cơ thể. Ăn nhiều chất béo thì dễ dẫn đến các chứng bệnh bán thân bất toại, bị liệt một bộ phận cơ thể, khó thở, ung nhọt.

Theo các Đạo gia, trong bốn mùa, mỗi mùa đều có những thứ thích hợp và những thứ cần kiêng cử, thể phách thịnh suy, phải bồi bổ thường xuyên. Mức độ rất chi tiết, ngay đến việc uống trà cũng có quy định.

Vào mùa xuân, thức ăn phải giảm chua, tăng ngọt để dưỡng tỳ khí. Mùa hè nên bớt các thức ăn có vị đắng, ăn nhiều chất cay, để dưỡng khí phổi khí tim. Mùa thu nên ăn những thức ăn có nhiều chất chua, ít cay để dưỡng gan. Mùa đông thận có nước, vị mặn, e là thủy khắc hỏa, nên phải dưỡng tim.

Trong Nội Kinh có ghi: “Ai biết được quy luật Âm Dương và thuật số, ăn uống theo mùa, cuộc sống hằng ngày đi vào nề nếp thì có thể sống đến trăm tuổi”. Đức Khổng Tử cũng là người rất chú trọng đến mối quan hệ giữa sức khỏe, sống thọ và ăn uống. Ngài dạy rằng: “Con người chết đi là ba lý do, không phải bởi số mệnh, mà là tự mình chuốc lấy. Chỗ ngủ không thích hợp, ăn uống không điều độ, lao động quá sức, dẫn đến bệnh tật mà chết.”

Theo các nhà dưỡng sinh Đạo giáo, muốn

21. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất (11-4-1970).

được trường sinh bất tử, nhục thể thành tiên, nên bắt đầu từ sự bảo vệ, chăm lo bản thân và mạng sống của mình. Bởi vì “Bản thân mà không trong sạch thì sao có thể làm trong sạch được ai? Không yêu thương mình thì còn có thể yêu thương ai? Không nghĩ cho bản thân mình thì còn nghĩ đến ai? Có thân mà không tự chịu trách nhiệm thì còn có trách nhiệm với ai?”

Thánh giáo Cao Đài cũng đã nhắc nhở việc luyện Mạng có liên quan đến việc ăn uống:

“Chính chư hiền ngày nay mang một bộ máy tối linh hoạt động hằng ngày, hư không biết chỗ sửa, không biết sẽ ngưng đi lúc nào, cũng chính mình không biết ăn, uống, thở và tiêu hóa cần ở sự kiện nào trong cuộc sống, và nếu không, cần phải có một phương pháp nào? Nếu như thế mãi thì kiếp nhưn sanh là một kiếp vô dụng.”²²

Không chỉ điều tiết ăn uống, người tu Tánh luyện mạng còn phải tránh làm những việc có thể làm tổn hại đến thân thể: ăn xong mà nằm ngay là việc có hại; lòng đầy ham muốn là có hại; suy tư phiền não là việc có hại. Phải biết sống hợp vệ sinh để bảo vệ sức khỏe. Sách “Dưỡng tính diên mệnh lục” có ghi: nhìn lâu tổn hại đến máu, nằm lâu tổn hại đến khí, đứng lâu tổn hại đến xương, đi lâu tổn hại đến gân, ngồi lâu tổn hại đến thịt.

3. CÔNG PHU TU TÍNH

Cuối cùng để thực hiện phép Song tu Tánh Mạng, việc công phu tu tính là tối cần thiết để điều hòa cả về Thần, Khí mà Tân pháp Cao Đài là pháp môn Đại Ân Xá, là con đường ngắn nhất để cho hành giả của kỷ nguyên tận độ rời khỏi bến mê, bước sang bờ giác.

Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân dạy:

“Người sanh trên thế gian là tạm một cái vỏ huyết nhục để luân chuyển trong cuộc luân chuyển tuần hoàn. Trong đấy có cái nguyên nhân bản thể của mỗi người, từ vật chất đến tinh

thần, từ thể phách đến linh hồn đều phải có một điểm lưu hành trong ngôi Tạo Hóa. Muốn cho cái điểm ấy được linh quang chiếu diệu, thì cần tu tánh luyện mạng. Trên đường tu tánh luyện mạng, không cứ ở non cao rừng thẳm, cũng phải tùy thời kỳ, hoặc xuất thế hoặc nhập thế.

Như thời kỳ này, Đức Thượng Đế đại ân xá, mở rộng pháp môn để ban hành cho vạn linh sanh chúng dễ dàng vượt qua khỏi nhíp câu ô trược, thoát cũi trần cấu vô minh, lên một tầng xán lạn thanh cao, hầu tu luyện tiếp nối tái tạo lại Thánh Đức nguyên nhân đã từ lâu bị đắm chìm trong dục giới.”²³

Tu tánh tức là luyện thân để cho điểm Tiểu Linh Quang trở nên sáng suốt linh diệu, có đủ quyền năng sánh cùng Trời Đất trong thế Tam Tài. Tuy nhiên, sự luyện thân chỉ hoàn chỉnh khi được chuẩn bị và hỗ trợ bởi việc luyện kỹ để chế phục thất tình lục dục, tạo điều kiện cho thần tĩnh lặng, phàm tánh trở thành Chơn Tánh, Nguyên Tánh.

Tu mạng là luyện khí và luyện tinh, mà chủ yếu là luyện khí. Tuy có sự minh định về tu tánh và tu mạng, nhưng đó là hai việc không thể tách rời nhau, vì phải luôn có sự kết hợp đồng bộ giữa tinh, khí, thần trong quá trình tu luyện. Thần có tĩnh lặng mới có thể chủ động dẫn khí hậu thiên (dưỡng khí thông thường) trong từng hơi thở để chế luyện thành Khí Tiên Thiên. Tác dụng đầu tiên là thân sanh khoẻ mạnh, hình thể tươi nhuận và tinh thần trở nên linh hoạt sáng suốt hơn, sự sống và sức sống càng phát triển. Khí Tiên Thiên càng tích lũy được nhiều, sự sống càng dài lâu. Nếu tu tánh để tạo nguyên thần, thì tu mạng để có nguyên khí. Thần khí đầy đủ là âm dương hiệp nhất, có khả năng kết hợp cùng Trời Đất. “Thời mạt kiếp, cơ tận độ sắp bày, người tu hành nhưn đó mà lập công bồi đức để đoạn nghiệp tiền khiên và song song với sứ mạng cứu độ, phải công phu tu tánh luyện

22. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

23. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

mạng để giải thoát luân hồi, tạo cho mình được khả dĩ xứng đáng vào hàng Thần, Thánh, Tiên Phật.”²⁴

Đức Đông Phương Lão Tổ cũng có dạy rằng: “Cách luyện này chỉ có Âm Dương, thần khí và tánh mạng (tu Tánh luyện Mạng) hay là câu luyện khí công để nuôi trí não, luyện trí não để mở khiếu “Huyền Quan”, để chơn Thần được xuất ra dễ dàng mà trở về nơi quê xưa chốn cũ.”

Tóm lại: Vấn đề tu hành để đắc được quả vị chỉ có: Định tâm sửa tánh, gìn giữ bốn mạng và tu luyện cho Thần Khí khai thông các huyết đạo thì chân Thần mới xuất ra được mà trở về.

Nghĩa là: Định được tâm đừng để vướng mắc các ngục tù như: tửu sắc tài khí, tham sân si dục, sanh lão bệnh tử. Sửa đổi tánh phàm trở thành tánh Thánh nhân. Gìn giữ bốn mạng cho không

24. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 18-01 Nhâm Tuất (11-02-1982).

(XEM TIẾP TRANG 111)

CHÌA KHÓA MỞ CỬA BẠCH NGỌC KINH

(TIẾP THEO TRANG 17)

vật, từ gần tới xa, từ đã qua tới việc sẽ đến. Đối với người thì gây được tình thương, tạo được thế giới quân bình thanh trị. Đại để là như vậy.

(...)

Các con nếu biết phương pháp để đạt tới sự Đắc nhất là chìa khóa mở cửa Đạo, hiệp với Đạo, tức hiệp với Thầy vậy.²⁷

2. TU TÁNH LUYỆN MẠNG

Con người có tánh mạng. Tánh là Thiên tánh, mạng là Thiên mạng, hai tú khí âm dương tạo thành là bản thể của Thiên địa vạn vật. Nếu biết

27. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-3 Tân Hợi (10-4-1971).

tu tánh, đừng để tánh bị muối mê bởi tham dục che lấp vì danh lợi tình tiền. Những thứ vật vô thường đã gây ra cho con người biết bao thảm họa triển miên từ kiếp nầy sang kiếp khác. Biết tu tánh thời không tham, thì vẫn có mà ăn, mà mặc; không tranh đấu mà vẫn có chỗ ở; không lẫn thân vào chỗ đau khổ mà vẫn có địa vị con người. Do đó, tu tánh là ánh linh sáng chói trong muôn ngàn nẻo Thánh. Còn biết luyện mạng, là Thiên mạng hằng tại, không thiên không lệch, không ô nhiễm tham dục, trên thuận cùng Trời, dưới an vui bốn cõi, hòa mình khắp chốn, lòng dân là lòng ta, lòng ta là lòng Trời, sống thì Thánh, thác thì thiêng. Ôi nội Thánh ngoại vương, sống hằng sống trong cõi thiên đàng cực lạc, thì còn gì mơ ước nữa. Phật Tiên cũng chỉ thế thôi.²⁸

3. VƯỢT NGOÀI LÝ ÂM DƯƠNG

Âm dương là đầu mối hóa sanh. Âm thanh, dương suy ắt bại hoại. Tạo thế quân bình cho trong định ngoài an là đời sống tự do, tự tại. Vượt ngoài lý âm dương là phản bốn hoàn nguyên, vĩnh cửu trường tồn.²⁹

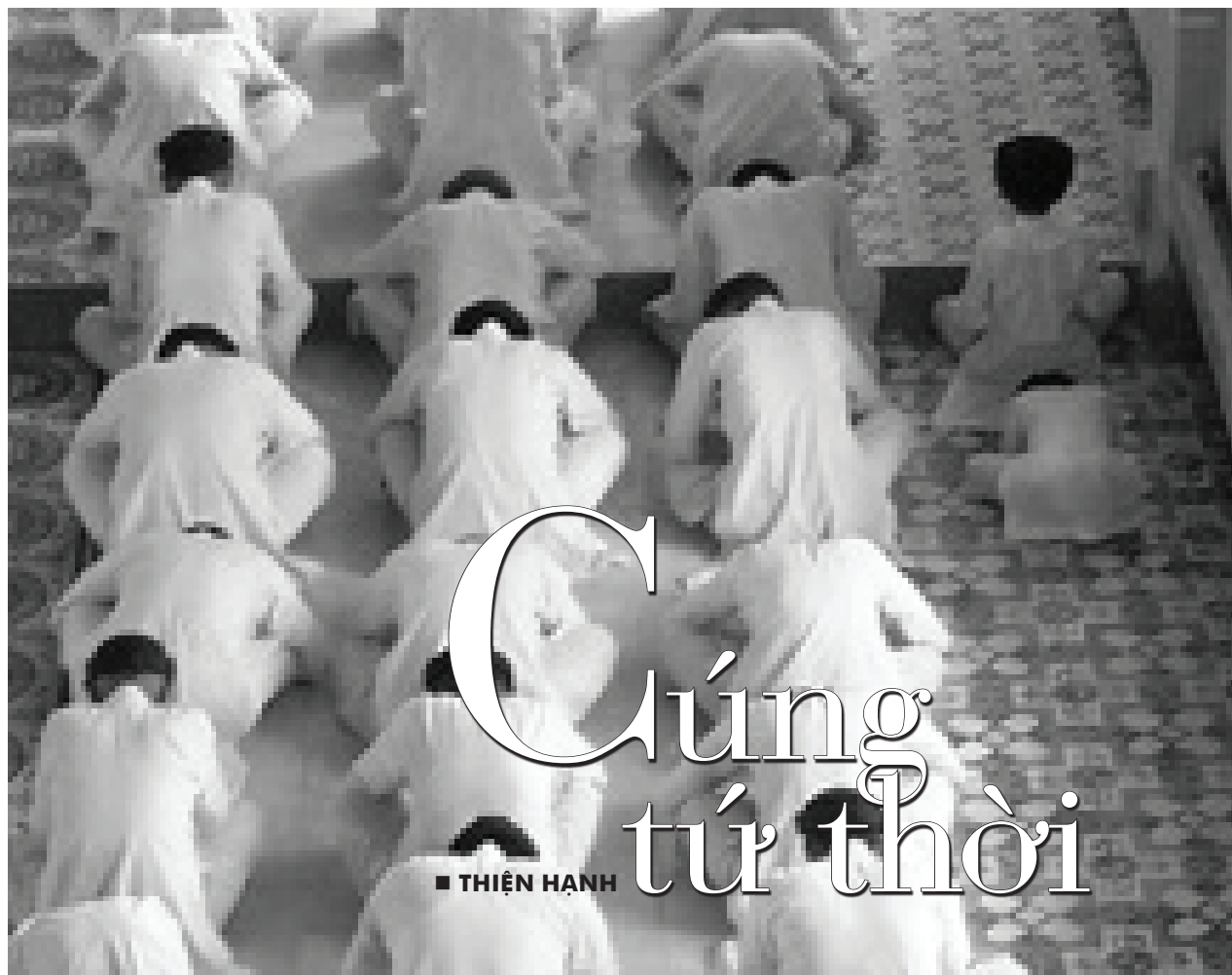
4. TRUNG HÒA

Tai nghe tiếng trần mà chẳng phân biệt, mắt nhìn sắc trần mà chẳng phân biệt, mũi ngửi mùi trần mà chẳng phân biệt, lưỡi nếm vị trần mà chẳng phân biệt, thân chạm vật trần mà chẳng phân biệt. Chính vì phân biệt mà có ưa ghét, thân thù, khao khát, ước vọng, để kết thành quả luân hồi. Vui, giận, buồn, thương, cảm, khi chưa phát gọi là Trung; khi phát ra đúng tiết điệu hòa hài cảm ứng với nội tâm, ngoại cảnh gọi là Hòa. Trung hòa là yếu tố đạt đến chỗ trong định, ngoài an để sống một cuộc sống siêu thoát; mà sống một cuộc sống siêu thoát thì Tiên Phật cũng thế thôi.³⁰ ■

28. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01-01 Đinh Tỵ (17-02-1977).

29. Đức Đông Phương Chuông Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 05-5 Đinh Tỵ (20-6-1977).

30. Đức Đông Phương Chuông Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 05-5 Đinh Tỵ (20-6-1977).



PHÁP MÔN CÚNG TỨ THỜI

Do chúng sanh căn trí vô lượng nên có vô lượng pháp môn. Pháp môn là phương tiện để con người tu học và thực hành nơi thế gian nhằm đạt đến một cứu cánh nào đó. Pháp môn Cao Đài nhằm giúp người tín hữu tu tiến trong trường tiến hóa nhằm đạt đến mục đích của Đại Đạo là thể đạo đại đồng và thiên đạo giải thoát. Pháp môn căn bản của đạo cao Đài là pháp môn Tam công bao gồm công quả, công trình và công phu được thực hiện dưới nhiều hình thức, trong đó, cúng tứ thời cũng được xem là một trong những hình thức thực hiện pháp môn Tam công.

Điều thứ hai mươi của Tân Luật có qui định Chúc sắc giữ Thánh thất mỗi ngày phải làm tiểu lễ bốn lần theo tứ thời là Tý (từ 11 giờ khuya đến 1 giờ sáng), Mão (từ 5 giờ đến 7 giờ sáng), Ngọ (từ 11 giờ đến 12 giờ trưa), và Dậu (từ 5 giờ chiều đến 7 giờ tối). Tín đồ tại tư gia cũng cúng tứ thời theo giờ qui định nêu trên. Có sự khác biệt về giờ khởi sự cúng tứ thời giữa các thánh thất Cao Đài. Tòa thánh Tây Ninh qui định cúng đúng 12 giờ khuya, 6 giờ sáng, 12 giờ trưa và 6 giờ chiều; trong khi đó một số Hội thánh khác (trong đó có Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo) bắt đầu cúng tứ thời vào lúc

11 giờ khuya, 5 giờ sáng, 11 giờ trưa và 5 giờ chiều.

Bốn giờ Tý, Ngọ, Mão, Dậu có vị trí rất đặc biệt; giờ Tý và Ngọ nằm trên trục thẳng đứng, trong khi giờ Mão và Dậu nằm trên trục ngang. Hai trục thẳng đứng và nằm ngang giao tiếp với nhau tạo thành hình chữ thập; cho nên, có thể nói đây là biểu tượng của “nhút âm nhút dương chi vị Đạo”. Do đó, tứ thời là bốn thời khắc rất quan trọng đối với vũ trụ bên ngoài; cho nên, người tín hữu Cao Đài cúng vào bốn giờ này sẽ tạo ra sự hiệp nhất giữa tiểu vũ trụ của nhơn thân và đại vũ trụ ngoại giới. Con người sẽ hấp thu được năng lượng của vũ

trụ bên ngoài vào nội thân, tiếp nhận được hồng ân của Đức Chí Tôn nhiều nhất trong một ngày so với các giờ khác.

CÚNG TỨ THỜI BAO GỒM CẢ TAM CÔNG

CÔNG QUẢ

Khi cúng tứ thời với tâm thanh tịnh và lòng thành kính sẽ tạo ra công năng cứu độ có thể xoa dịu hoàn cảnh khổ đau bên ngoài, hóa giải những ác nghiệp kết tụ, ban vui cứu khổ cho bá tánh chúng sanh và đồng thời tác động trở lại bản thân ngõ hầu giúp cho người tín hữu được minh tâm kiến tánh, thân thể mạnh khỏe, tinh thần an vui.

Kết thúc buổi cúng là phần cầu nguyện gồm năm điều: Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai, nhì nguyện phổ độ chúng sanh, tam nguyện xá tội đệ tử, tứ nguyện thiên hạ thái bình, và ngũ nguyện thánh thất an ninh. Khi người tín hữu cầu nguyện với tinh thần vô ngã, thanh tịnh, và kính thành thì nguyện lực vô cùng linh ứng. Lúc ấy, sự cầu nguyện tạo ra công đức vô lượng.

Nếu cúng tứ thời tại tịnh thất với số lượng đạo hữu càng đông sẽ tạo nên một tấm lưới thiêng vớt tan mọi chướng duyên giúp chúng sanh cải ác tùng lương, hồi đầu hướng thiện; công đức càng thâm sâu.

CÔNG TRÌNH

Cúng tứ thời có tác dụng giúp cho người tín hữu khắc phục

tính lười biếng. Giờ Tý và giờ Mẹo phải vượt qua sự buồn ngủ của xác thân, giờ Ngọ và Dậu do tại bị chuyện nầy chuyện nọ. Như vậy cúng tứ thời giúp cho đạo hữu tinh tấn trên đường tu. Ngoài ra, cúng tứ thời còn giúp cho đạo hữu rèn ý chí bất thoái chuyển, củng cố thêm đức tin ngày càng bền chặt.

Lại nữa, khi cúng tứ thời tại tịnh thất đạo hữu sẽ có động lực của tập thể thúc đẩy bản thân mình vượt qua những lúc biếng lười, mệt mỏi. Như vậy, nhờ có sức mạnh của tập thể nên từng cá nhân có thể dựa vào đó tự thắng bản thân.

Cúng tứ thời với tâm chí thành, thanh tịnh sẽ tạo công năng đại định giúp cho đạo hữu phát huy được tác phong đạo hạnh thuần thành đạo đức. Đây chính là việc vun bồi gốc rễ, tất nhiên sẽ sum suê cành lá. Khi tâm an định tất yếu đức hạnh sẽ hiện bày ra bên ngoài.

CÔNG PHU

Việc cúng tứ thời sẽ đạt kết quả rất mau nhiệm khi đạo hữu chú ý tập trung vào lời kinh; ngoài ra, người tín hữu cũng cần hiểu được ý nghĩa của kinh để có thể “tinh nghĩa nhập thần” vào từng câu của bài kinh cúng tứ thời. Như vậy, cúng tứ thời chính là thực hành công phu. Bởi lẽ, lúc ấy thân và tâm của đạo hữu hiệp nhất với nhau. Trong lúc thân (miệng) đọc kinh, tâm của đạo hữu chuyên chú vào từng câu

và nghĩa lý của câu kinh đó. Đây chính là quá trình công phu vậy. Ngược lại, nếu đạo hữu cúng tứ thời mà phóng tâm, không chú định vào việc trì tụng và ý nghĩa từng câu kinh, thì việc cúng tứ thời sẽ không mang lại kết quả cho bản thân và đại chúng.

ÍCH LỢI CỦA VIỆC CÚNG TỨ THỜI

Khi cúng tứ thời, đạo hữu tập trung hết tinh thần vào việc nhìn Thiên nhân và hiểu ý nghĩa từng câu kinh. Thiên nhân chính là Thần của Đức Chí Tôn nơi cõi thể gian trong Tam kỳ Phổ độ, thị hiện tại đền thờ Đức Chí Tôn là Thiên bản. Nhìn Thiên nhân tức là sự hiệp thần giữa tiểu thiên địa và đại thiên địa, giữa con người và Thượng Đế. Chính sự hiệp thần nầy sẽ tạo ra sự giao cảm thiêng liêng vô cùng mầu nhiệm. Nhờ tập trung thần lực nhìn vào Thiên nhân nên con người đã nhận được sự hộ trì thiêng liêng từ Đức Chí Tôn ngõ hầu giúp cho thân thể khỏe mạnh, bệnh tật tiêu trừ, trí huệ phát sinh, tâm linh mãn tuệ v.v.

“Cúng tứ thời có ích cho các con lắm, chớ không phải ích chi cho Thầy. Nếu cúng được thường thì lòng dạ nở nang, tứ chi luân chuyển, có nhiều khi tật bệnh tiêu diệt.”¹

1. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh ngôn 10-11 Bính Dần (14-12-1926).

Khi đạo hữu đến Chánh điện nơi thánh thất hoặc Thiên bàn tại tư gia cúng tứ thời tức là đến hành lễ trước Đức Chí Tôn, Đức Diêu Trì Kim Mẫu và các Đấng Thiêng liêng. Con người đọc các bài kinh xưng tụng để phần nào hiểu được đại ân sinh thành dưỡng dục của Thầy Mẹ và đại ân cứu độ giáo hóa của các bậc Giáo Tổ. Qua việc cúng tứ thời hàng ngày, con cái của Đức Chí Tôn đặt trọn đức tin và lòng chí thành lên Đức Đại Từ Phụ và các Đấng thiêng liêng để thực hiện sự cộng thông giữa hai cõi hữu hình và vô sắc giới. Thầy khuyên con cái của Ngài cần siêng năng cúng tứ thời để trừ nghiệp thân, miệng đọc kinh với lòng chí thành để trừ nghiệp khẩu, tâm thường cầu nguyện để trừ tà niệm, mắt nhìn Thiên nhân để thần trụ tâm an.

*“Sự cúng lạy con nên sốt sắng,
Trừ nghiệp thân choặng tịnh anh,
Kệ kinh miệng đọc lòng thành,
Để trừ nghiệp khẩu, khỏi sanh nã phiến.
Con ngày đêm tâm thiền cầu nguyện,
Để diệt trừ vọng niệm ý tà,
Tứ thời trẻ rắng gần Cha,
Nhìn ngay Thiên Nhân thì là thần gom.”*²

Đức Quan Âm Bồ Tát nêu lên bốn lợi ích của việc cúng tứ thời gồm: giúp chơn thần được minh mẫn; cầu xin tha thứ tội lỗi; cảm ứng hiệp thông giữa con người và Thượng Đế, giữa con người và các Đấng Thiêng liêng; lương tri lương năng ngày càng thêm mãn tuệ.

“Các em phải lo cúng kiếng thường:

– Một là lập cho chơn thần được gần gũi các Đấng Thiêng liêng choặng sáng láng.

– Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.

– Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng là lẽ tự nhiên.

– Bốn là tâm có cảm thì lòng bác ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri, lương năng của

*các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à!”*³

Ngoài ra, cúng tứ thời tại thánh thất với số lượng đạo hữu càng đông, càng thanh tịnh sẽ tạo ra được công năng càng lớn lao. Đó chính là tấm lưới thiêng có thể đem lại điển lành bố hóa cho bá tánh chúng sanh; đồng thời thắt chặt tình huynh đệ trong nội bộ thánh thất càng thêm gắn bó.

THỰC HÀNH VIỆC CÚNG TỨ THỜI

Ban đầu, người tín hữu Cao Đài cúng tứ thời hàng ngày tại tư gia cần vượt qua một số trở ngại như trạng thái buồn ngủ vào thời Tý và thời Mẹo, bận rộn công việc vào thời Ngọ và thời Dậu. Khi thực hành một thời gian, việc cúng tứ thời sẽ trở thành một nếp sinh hoạt hay thói quen hàng ngày. Lúc đó, đạo hữu không cần phải cố gắng mà vẫn giữ theo khuôn phép. Song, từ chỗ chưa cúng một thời nào trong ngày, người tín hữu cần bắt đầu khởi sự cúng một thời bất kỳ nào thuận tiện nhất trong ngày (Tý, Ngọ, Mẹo, hay Dậu). Đây là bước khởi đầu rất có ý nghĩa để gieo ý thức và tạo thói quen. Sau đó tăng dần lên hai thời, ba thời và đạt đến bốn thời trong ngày. Tuy nhiên, khi tín hữu cúng tứ thời tại thánh thất sẽ có một lợi thế do từng cá nhân có thể nương tựa vào tập thể để vượt qua những điều trở ngại nêu trên. Bởi lẽ, con người thường có tâm lý hay dựa vào lý do nầy hoặc lý do nọ để tạm ngưng một buổi cúng như: nhức đầu, mệt mỏi, bận rộn, v.v. Nếu không vượt qua được chướng ngại tâm lý nầy, người tín hữu lần hồi mất đi thói quen cúng tứ thời nữa. Ngược lại, mỗi lần vượt qua rào cản tâm lý, thói quen cúng thời càng được củng cố thêm vững chắc.

Lại nữa, Đức Chí Tôn đã gom tụ cả Càn khôn thế giới vào trong cách bày trí phẩm vật trên bàn thờ Thầy. Mỗi lần cúng tứ thời, môn đệ Đức Chí Tôn nhìn Thiên bàn hiểu được con đường tu hành để hiệp nhứt cùng Thầy.

“Tôn chỉ đạo Cao Đài tỏ rõ,

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1961, tr. 162.

3. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn cơ 14-4 Quý Dậu (08-5-1933).

*Mượn hữu hình bày tỏ chỗ vô,
Thiên bàn làm cái bản đồ,
Coi ngoài mà biết điểm tô trong mình.”⁴*

Thiên bàn hay bàn thờ Đức Chí Tôn gồm có 12 phẩm vật: Thánh tượng Thiên nhân, đèn Thái cực, (dĩa) trái cây, (bình) bông, (tách) nước trà, ba ly rượu, (tách) nước trắng, hai cây đèn, và lư hương. Số 12 này tượng trưng cho Thập nhị Khai thiên là Đức Thượng Đế. Một cách tóm tắt, Thánh tượng Thiên nhân và đèn Thái cực tượng trưng Đức Thượng Đế và ngôi Thái cực. Hai cây đèn tượng trưng cho lưỡng nghi, âm dương, nhật nguyệt, tức là từ Thái cực sinh lưỡng nghi. Lư hương gồm năm cây nhang tượng trưng cho năm giai đoạn của người tu gồm: Giới hương (cây hương ở giữa) là giữ trọn giới luật qui điều; Định hương (cây hương bìa bên trái) là thiền định; Huệ hương (cây hương bìa bên phải) là trí huệ phát sinh do thiền định; Tri kiến hương (cây hương hàng ngoài bên trái) là đắc lục thông; Giải thoát hương (cây hương hàng ngoài bên phải) là giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Lư hương tức là Tiên thiên lập đỉnh, tượng trưng cho ngũ khí, ngũ hành. (Tách) nước trà (bên phải thuộc âm) tượng trưng cho Thần của con người, (tách) nước trắng (bên trái thuộc dương), tượng trưng cho Khí của con người. Cúng hai chén nước tượng trưng cho sự hòa hiệp giữa âm dương. Ba ly rượu tượng trưng cho Khí, tức là Hư Vô chi khí do Đức Điều Trì Kim Mẫu chương quản. Ba ly rượu còn tượng trưng cho ba cõi là Hạ giới, Trung giới và Thượng giới; và ba bậc tu hành là Hạ thừa, Trung thừa và Thượng thừa. (Dĩa) trái cây, (bình) bông và trà là Tam bửu của con người.

“Hai chén nước là âm dương (động và tịnh). Âm dương là cơ động tịnh của Trời đất tức là Thần Khí của các con. Tu hành không nhờ Thần Khí lấy gì luyện đắc Thánh thai? Trời đất không có âm dương làm sao hóa sanh vạn vật? Muốn vật không trống má làm sao sanh sản thêm ra?”

Vậy âm dương là cái diệu động tịnh của Trời

đất vậy. Âm dương lại có thêm cái thể dụng của âm dương nữa là nhật, nguyệt, tức là cặp đèn (lưỡng nghi). Người tu hành biết cách hồi quang phản chiếu thì đắc kim đơn, cơ tại mục là vậy.

Trên có lư hương tức là Tiên thiên lập đỉnh, tượng ngũ khí, ngũ hành. Dưới có lư trầm là hậu thiên an lư, hóa ngũ linh, ngũ đức. Trên đầu là đỉnh, dưới đơn điển là lư. Còn Hoa, Quả, Trà là Tam bửu của các con. Ngày nào hiệp Tam bửu rồi là thành Đạo.”⁵

Tân Luật qui định rằng, người tín hữu mỗi tháng phải đến thánh thất hiến lễ trong hai ngày Sóc Vọng.

Như vậy, Thiên bàn chứa đựng cơ mầu nhiệm của đại thiên địa trong việc tạo dựng Càn khôn thế giới và đồng thời chỉ cho con người con đường trở về hiệp nhứt cùng Đức Thượng Đế Chí Tôn, đó chính là qui tam bửu hiệp ngũ hành vậy.

TAM KẾT

Cúng tứ thời là một pháp môn tuy đơn giản, nhưng khi thực hành đều đặn hàng ngày sẽ giúp cho người tín hữu được thân an, thần định, trí huệ. Cúng tứ thời cũng chính là pháp môn tu hành của người tín hữu Cao Đài. Bởi lẽ, cúng tứ thời gồm đủ tam công: công quả do cầu nguyện cho cơ đạo hoằng khai, cho thiên hạ thái bình, cho thánh thất an ninh; công trình do sự trì chí tinh tấn và ý chí vượt qua mọi chướng ngại để thực hành việc cúng tứ thời hàng ngày; công phu do thân tâm hiệp nhứt trong việc nhìn Thiên nhân và tinh nghĩa nhập thần từng câu kinh.

Trước tiên, người tín hữu Cao Đài cần bắt đầu việc cúng kính một thời trong ngày và duy trì đều đặn không gián đoạn. Khi có điều kiện sẽ gia tăng hai thời, ba thời và sau cùng là bốn thời trong ngày.

Khi cúng tứ thời, người tín hữu Cao Đài ý thức cách bày trí trên Thiên bàn là cái bản đồ để hiểu được guồng máy thiên cơ và con đường phối thiên của tiểu thiên địa.■

4. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, đàn cơ ngày 13-10-1936 (28-8 Bính Tý).

5. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, đàn cơ ngày 13-10-1936 (28-8 Bính Tý).

HỌC LỜI ĐỨC CHÍ TÔN VÀ CÁC ĐẲNG THIÊN LIÊNG VỀ



THÁNH GIÁO¹

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ tá danh CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT.

Thầy các con ! Thầy mừng các con.

(...)

THI

Xuân đến bao lần với các con,

Tuổi đời chồng chất có chi tròn,

Xuân này Thầy sẵn dành ân huệ,

Cho kẻ tu hành vẹn sắt son.

*Lẽ thì Thầy giáng trong giờ Giao Thừa như bao nhiêu năm trước,
nhưng đêm nay Thầy muốn² cho các con được bình tâm yên lặng:*

Trước Thiên Bàn,

Trước một mùa xuân mà Chúa Xuân đang chờ đón.

*Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để các con tìm thấy con
trong Thầy và Thầy hằng ngự trị với đức hiếu sinh trong vạn vật.*

*Yên lặng tức là quán triệt tất cả những cái gì mà trần gian không nói
được, không sờ mó được, không nghe thấy được.*

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tuất thời, 30 tháng Chạp Nhâm Tý (02-02-1973).

2. Thiên ý: chắc chắn là tốt nhất cho chúng ta.

Yên lặng để tìm thấy cường vị của các con trong sứ mạng to tát giữa thời phổ độ kỳ tam.

Giờ giao điểm của tâm linh và vũ trụ cũng là giờ giao điểm của đức Nguyên và vạn sinh. Nếu vào một thời kỳ khác, giờ đó các con sẽ nhấp chén trà thơm cạn tuần rượu cúc để đón xuân. Nhưng trong lúc này, cần hơn lúc nào hết, cần ở tiềm lực quan năng của mỗi người có sứ mạng trong tam kỳ phổ độ, cần đến tinh thần vạn năng của các sứ đồ trung kiên trong Đại Đạo.

Yên lặng để điều ngự khỏi truân chuyên, yên lặng để chuyển phong ba trở thành bình địa.

Sự yên lặng rất cần dùng ấy, con phải biết đến giá trị của phút giây yên lặng đó.

(...)

Các con đồng vui về trở về để lo lễ Giao Thừa theo lời Thầy dạy.³ Những đứa có phúc được đến đêm nay để lãnh ân huệ của Thầy phải nhớ lời Thầy dạy nghe các con.

Thầy ban ơn các con nam nữ lớn nhỏ, Thầy hồi cung. Thăng.”

Hồng ân của Đức Chí Tôn trong ngày Thiên Quan Tứ Phước, tổ phụ chúng ta đã biết từ xưa, nên đã dạy: “Đi lễ quanh năm không bằng ngày rằm tháng giêng.”

Thay vì bay với vận tốc đầu $v=0$, vào ngày rằm tháng giêng, Đức Chí Tôn đưa chúng ta lên cao rồi dùng sức phóng đàn con lên thiên đường, cùng một sức ban ân F, nhưng huynh đệ nào tẩy xú khai thanh tốt thì nhẹ nên bay nhanh hơn, chúng ta tinh tấn hơn, đến đích nhanh hơn.

F; $V_1 = 1\text{km/giờ}$ (cho huynh đệ ăn chay 6 ngày/tháng).

F; $V_2 = 5\text{km/giờ}$ (cho huynh đệ ăn chay 10 ngày/tháng).

F; $V_3 = 10\text{km/giờ}$ (cho huynh đệ ăn chay trường).

Điều kiện để nhận được F là yên lặng.

Năm 1965, khi khai mạc Văn Phòng Phổ

Thông Giáo Lý, Đức Chí Tôn đã khẳng định “Thầy chọn ngày Thiên Quan Tứ Phước khai mạc văn phòng để cho các con nhờ hồng ân của Thầy mà lập công với đạo.”

THỜI, VỊ YÊN LẶNG

Đức Chí Tôn dạy:

“Lễ thì Thầy giáng trong giờ Giao Thừa như bao nhiêu năm trước. Nhưng đêm nay Thầy muốn cho các con được bình tâm yên lặng trước Thiên bàn, trước một mùa xuân mà Chúa Xuân đang chờ đón.”

Các bậc cao cấp thì ở đâu, lúc nào cũng nhập định để vào yên lặng, riêng chúng ta hàng sơ cơ, Đức Chí Tôn dạy:

“Bình tâm yên lặng trước Thiên Bàn,”

Trong khung cảnh trang nghiêm,⁴ hoa quả tầu trà, trầm hương ngút tỏa giúp chúng ta tiến đến yên lặng dễ hơn, nhanh hơn.⁵

“Trước một mùa xuân mà Chúa Xuân đang chờ đón.”

Sự khởi đầu tốt lành giúp trọn niên trình mới hanh thông, thành công. Chúa Xuân chính là Đức Chí Tôn, Ngài mong chúng ta thực hiện túc thì lời dạy cấp tốc này.

BẢN CHẤT CỦA YÊN LẶNG

THẦY LÀ YÊN LẶNG, CÓ YÊN LẶNG MỚI Ở TRONG THẦY

Đức Chí Tôn được xưng tụng: “Nhuộc thiệt, nhuộc hư, bất ngôn nhi mặc tuyên đại hóa, thị không thị sắc, vô vi nhi dịch sử quần linh.”

Thầy là sự yên lặng, chúng ta học tu cho được yên lặng mới hiệp nhứt được cùng Thầy, tức là “cùng Trời đồng nhất”.

Đức Bảo Thọ Thánh Nương dạy:

“Ta đã tin bậc Chí Tôn là Thầy có đủ quyền

3. Thi hành ngay lời dạy này.

4. Hình thức gây ý thức.

5. Bài khai chung đã ghi: “Văn chung thỉnh, phiên nào khinh, trí huệ trường. Bồ đề sinh, ly địa ngục, xuất hỏa khanh, nguyện thành Phật, độ chúng sanh.”

năng chủ cơ mẫu nhiệm, thì yên vui chịu dưới
Quyển Pháp, đặt mình trong yên lặng của Thầy.
(...)

Hôm nay Từ Phụ Chí Tôn quá yêu thương
phế ngôi Trời, đến tận cõi đời tìm phương cứu độ,
đưa chúng ta về nơi an lạc cõi lành. Ta phải trọn
tin và lập chí khởi tâm phát nguyện một đường
thẳng tới chung trong Thánh Thể, quyết chẳng
buông lìa. Dù ma cảnh phỉnh phờ, dù ý tình lôi
kéo cũng bu sát bên Thầy mà thôi.”⁶

ĐẠO LÀ YÊN LẶNG, CÓ YÊN LẶNG MỚI Ở TRONG ĐẠO

Chúng ta đã yên lặng để “cùng trời đồng
nhất”, cùng lúc chúng ta được “cùng đạo ứng
thông”. Đức Chí Tôn dạy:

“Con đừng chân nghe tiếng gọi sau lưng để trở
về với Đạo. Đạo là yên lặng, Quyển Pháp ở nơi
kín nhiệm. Trí người dù khôn ngoan đến đâu,
mưu chước dù bí mật đến đâu, hễ mưu hại ai
chán chường thì có mặt trời, mặt trăng sao chớp
soi rọi, trong bóng tối thì không ngoài con mắt
mẫu nhiệm của Thầy. Con đã theo Thầy sao
không học Thầy phép đó?”⁷

NIẾT BÀN YÊN LẶNG, CÓ YÊN LẶNG MỚI NHẬP NIẾT BÀN

Chúng ta đang ở cõi ta bà là cõi kham nhẫn.⁸
Niết bàn là yên lặng, yên lặng là nhập vào cảnh
giới Niết bàn ngay tại trần gian này. Đức Chí
Tôn dạy:

“Ngày mai dương cương Chánh Pháp hiện, âm
nhu tà thuyết đều tiêu, dù cho các con ở trong
Đạo mà có cái niệm không lành, các ngũ quan tà
ác cũng đều tiêu diệt cả.

(...)

Vì ngày mai là ngày thế gian tạo cảnh an lạc

Niết Bàn. Niết Bàn nghĩa là yên lặng, cái gì mất
yên lặng không còn được du nhập vào cảnh ấy.”⁹

DIỆU DỤNG CỦA YÊN LẶNG

Con ôi! Sự yên lặng để thần giao cách cảm, để
các con tìm thấy con trong Thầy và Thầy hằng
ngự trị với đức hiếu sinh trong vạn vật.

YÊN LẶNG ĐỂ THẦN GIAO CÁCH CẢM

Cầu nguyện là nói chuyện với Đức Chí Tôn,
đó là thần giao cách cảm đơn giản từ người đến
Ơn Trên. Cầu nguyện có kết quả hay không là
do sự thành tâm của hành giả:

“Ngày nay đệ tử khẩn nguyện,

Chín tầng Trời Đất thông truyền chứng tri.”¹⁰

Và:

“Tuy cao thăm thăm chín tầng,

Ai người thiện nguyện sự mừng liền ban.”¹¹

Thần giao cách cảm sâu hơn là hiệp thông,
đối thoại, học tập, dạy dỗ nên sự tiến hóa của
hành giả nhờ vậy mà tăng tốc. Yên lặng mới
thông công được với Ơn Trên. Nếu không
yên lặng thì bị nhiễu, chúng ta không nghe
được lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng
Thiên Thần.

Đức Đại Đức Cao Tiên dạy:

“Hôm nay chư Hiền đồ được hồng ân đã thọ
nơi Thầy một Quyển Pháp để đưa bước cho
mình và cho đời tiến sang nơi phước địa, được
tránh thoát cái họa hại ở cảnh địa phàm phu
thì làm sao xứng mình, xứng người, đừng có
một cử chỉ tâm thường, gây cho nhân sanh
phạm phải Thiên điều phạm nhằm Luật Pháp.
Chư Hiền đồ ngày tới đây nếu được công phu
thuần thực liên tiếp không ngừng, thì điển huệ
gội nhuần tâm linh sáng suốt hồn phách nhẹ
nhàng, trong giờ phút thanh cao yên lặng có
thể cùng Bản Đạo thường xuyên gặp gỡ, mà

6. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 23-01 năm Đại Đạo 33
(Mậu Tuất)

7. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 26-7 năm Đại Đạo 33 (Mậu
Tuất), (09-9-1958).

8. Học hạnh của Đức Quan Âm thì mới tu hành kết quả
ở cõi kham nhẫn này.

9. Thánh Thất Ngọc Linh Đài, Ngày 25-3 năm Đại Đạo 32
(Đinh Dậu) (24-4-1957)

10. Niệm hương chú.

11. Kinh cứu khổ.

được đưa lên nhiều cõi cao thanh hơn để học tu pháp lạ.”¹²

YÊN LẶNG ĐỂ TIẾP THÁNH LINH

Nhờ yên lặng dọn thân tâm, chúng ta là một khí cụ tốt để Ơn Trên ban Thánh linh nghĩa là đổ thần trên chúng ta để chúng ta thực hiện các đạo sự đúng guồng máy Thiên cơ. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “Bản Đạo muốn toàn Thiên ân thanh tịnh chờ đón điển huệ nghĩa là yên lặng tiếp Thánh linh bằng cách hành Đạo tịnh dưỡng... cho kịp ngày giờ gấp rút,¹³ mà ngày giờ không dư cũng không thừa thãi đâu.”¹⁴

YÊN LẶNG TỨC LÀ QUÁN TRIỆT TẤT CẢ NHỮNG CÁI GÌ MÀ TRẦN GIAN KHÔNG NÓI ĐƯỢC, KHÔNG SỜ MÓ ĐƯỢC, KHÔNG NGHE THẤY ĐƯỢC.

Đức Lão Tử dạy: “Đạo vô hình, đạo vô tình, đạo vô danh”. Vô hình, vô tình, vô danh vượt qua giới hạn của ngôn ngữ, biểu tượng.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Đại Đạo vốn không lời diễn tả,
Phải do tâm hành giả tham cầu.”*

Chúng ta có đạt được yên lặng mới mong nắm bắt được cái vô hình, vô tình, vô danh ấy.

YÊN LẶNG ĐỐI VỚI CÁ NHÂN¹⁵

BẾ CĂN CHỈ NIỆM ĐỂ YÊN LẶNG

Bước vào tâm nguyện giải thoát, hành giả phải yên lặng chứ không chỉ im lặng. Yên lặng là tịnh cả sáu căn: nhãn tịnh, nhĩ tịnh, tỷ tịnh, thiệt tịnh, thân tịnh, ý tịnh. Trong

sáu căn này ý là đầu bầy nên cổ đức dạy “ý là công vi thủ, tội vi khôi.” Ý xúi nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân dao động, tổn thần thìn tổn thọ. Yên lặng là phải “bế căn, chỉ niệm, tâm tình hoàn hu”.¹⁶

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*“Lục căn thanh tịnh bày phô,
Đừng đem vọng ý mà tô điểm vào.”*

Ơn Trên dạy thêm:

*“Đóng sáu cửa cho bền cho chặt,
Thì thất tình lục tặc khó xâm.”*

Hoặc:

*“Sáu căn duyên với cảnh ngoài,
Tình nương theo ý phiêu nhai đất người.”*

Khi chưa yên lặng tức là phiền não. Yên lặng là cái gốc. Có ai dám chủ quan nói rằng mình đủ sức nhập triển thùy thủ, hòa quang hỗn tục. Chiếu Minh cũng chính là đóng cửa yên lặng, tu ẩn. Chúng ta nên noi gương Đức Độc Hành Kỳ Đạo Tiên Cô là cũng khó lắm rồi.¹⁷

Đức Quan Âm Như Lai dạy: Phiền não là do tâm động, yên lặng là hết phiền não.¹⁸

“Tâm người tu hành như mặt nước, phiền não như gió động sóng xao, cơn gió qua rồi cũng trả lại sự yên lặng cho nước.”¹⁹⁻²⁰

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Người tu hành học Đạo là tìm lại cái tâm mình linh đã ẩn tàng hằng tính của Thượng Đế giáng trung. Người muốn tìm lại, trước phải yên lặng để trau dồi gột rửa những lớp tham, sân, si, dục, đang

12. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 27-4 năm Đại Đạo 32 (Đinh Dậu) (26-5-1957)

13. Sinh tử sự đại, tấn tốc vô thường. Thiếu thời gian tu học, không thể sử dụng phụng phí thời gian được.

14. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-6 năm Đại Đạo 33 (Mậu Tuất) (31-7-1958).

15. Theo Minh Lý Thánh Hội, người muốn nhập môn trước phải tụng một tạng kinh cứu khổ để tịnh lục căn, giải bớt nghiệp hầu tiến tu dễ dàng.

Bà David Neel phải nhập thất 3 năm mới bắt đầu được Thầy cho nghiên cứu học tập Phật Giáo Tây Tạng.

16. Cơ thể chúng ta tự nó đã là một bầu tiểu vũ trụ đầy bão tố, ngũ tạng lục phủ trong người, tự chiến đấu với nó là mệt rồi. Thí dụ ăn nhiều thì vọng ý nhiều. Ơn Trên dạy:

*“Tỳ thổ trung cung vọng ý sanh,
Khai thông chơn ý phục quyền hành.”*

17. Ngài Bảo Pháp Thanh Long dạy:

*“Chạy ra ngoài lằng xằng thì dễ,
Quay vào trong định huệ khó làm.”*

18. Bốn lời hoàng thệ:

*“Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.”*

19. Minh Lý Thánh Hội, 03 tháng 9 Giáp Dần (17-10-1974)

20. Lu đang yên lặng, quấy một chiếc đĩa, chờ biết bao lâu mới thanh tịnh trở lại.

dày đặc theo bức vô minh để thấy được đạo tài thành của thiên địa. Người noi theo đạo ấy tức là hòa hợp Thiên Lý phục hồi bốn thể chơn như vậy.”²¹

KẾT QUẢ CỦA YÊN LẶNG LÀ “MẠNH KHỎE” Ở KIẾP SỐNG, GÁNH VÁC ĐƯỢC ĐẠO SỰ VÀ TIẾN ĐẾN GIẢI THOÁT

Đức Bảo Thọ Thánh Nương giảng chữ “mạnh khỏe” thật lý thú:

“Mạnh là hơn người, khỏe là hơn mình. Hơn người là hơn cái gì? Hơn mình là hơn làm sao?

Hơn mình là làm chủ được mình điều khiển được thất tình lục dục, khiến sai ý chí theo lẽ phải điều lành. Chị em có khỏe được mới sai sử ngũ chế lòng dục nơi mình. Lòng dục đã yên lặng rồi, thì con người mới khỏe. Người được khỏe thì sáng suốt làm những điều thiên nhiên, mà sai sử tự nhiên. Người của ta muốn khỏe là

- trước hết dừng bước ham muốn đi,
- chủ lấy tình ý mắt tai đi,
- khép buộc thân mình vào khuôn đạo đức đi,
- không đón tiếp cảnh sắc bên ngoài nữa làm bận rộn lòng không thanh tịnh.

Được vậy thì

- lòng mình yên lặng,
- yên lặng được thì khỏe khoắn,
- khỏe khoắn rồi mới gánh vác được trọng nhiệm Quyền Pháp mà thay Trời làm Đạo.

Mạnh là hơn người, nghĩa là không chịu nô lệ cho thói đời, cho thắng được hoàn cảnh khổ đau, trước bao nhiêu ngăn trở mà không thối bước.”²²

Khỏe là hơn mình, đó là hạnh phúc thật, chân phúc. Hạnh phúc không đến từ bên ngoài mà đến từ bên trong.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

“Người đời chỉ vì phải cái bệnh hưởng ngoại đi tìm hạnh phúc ở viễn vông cho nên suốt đời không sao tìm được cái chân hạnh phúc. Dầu cho quanh năm suốt tháng cầu nguyện hòa bình, lập đàn tế tự.

Chỉ khi nào con người biết hướng nội, tự làm lấy, tự tìm lấy, tự tạo lấy mới mong hưởng được cái chân thiện mỹ, chân hạnh phúc, thái hòa an lạc mà thôi.”²³

Yên lặng là thanh tịnh các căn, tức là giới hạnh tròn đầy thì được chơn định và tiến lên chơn huệ, hành đạo được suốt thông, tiến gần đến quả vị ở tương lai.

Đức Mẹ dạy:

“Mẹ dặn từ nay muốn tránh sự lừa phỉnh cám dỗ của yêu ma thì lòng giữ cho thanh tịnh. Lòng được thanh tịnh thì sự liên lạc cùng Mẹ rất dễ dàng. Lòng ấy mãi yên lặng thì trí tuệ phát hiện, quyền pháp sáng rõ, người con được nhẹ nhàng khỏe khoắn, lo gì quả vị Thần Tiên không đạt.”²⁴

YÊN LẶNG ĐỐI VỚI TẬP THỂ

Yên lặng để điều ngự khỏi truân chuyên, yên lặng để chuyển phong ba trở thành bình địa.

Tâm định thì thần trụ, thần trụ thì công năng đại định phát khởi.

Kinh dạy: “Thần năng nhập thạch, nhập hỏa bất phần, nhập thủy bất nịch, mới điều ngự khỏi truân chuyên, chuyển phong ba thành bình địa.”

Đức Cao Triều Phát dạy:

“Mọi người sẽ vượt qua tất cả mọi hoàn cảnh nếu biết có Thượng Đế đang ngự trị ở lòng mình. ... Đoàn người tiếp tục sứ mạng hãy tâm niệm điều đó. Hãy nhớ trong cơn bão bùng phải yên lặng, dù là tay thủy thủ chuyên nghiệp chớ giành lái con tàu! Hãy chuẩn bị sẵn sàng để tiếp tục đưa con tàu đến bến.”²⁵

ĐỐI TƯỢNG ĐẢM TRÁCH THỰC HIỆN YÊN LẶNG

Giờ giao điểm của tâm linh và vũ trụ cũng là giờ giao điểm của đức Nguyên và vạn sinh. Nếu vào một thời kỳ khác, giờ đó các con sẽ nhấp

21. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-6 Giáp Dần (02-8-1974).

22. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 14-8 năm Đại Đạo 33 (Mậu Tuất) (26-9-1958).

23. Minh Lý Thánh Hội, 06-4 Giáp Dần (27-4-1974).

24. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-8 năm Đại Đạo 33 (Mậu Tuất) (27-9-1958).

25. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15-7 Giáp Dần (01-9-1974).

chén trà thơm cạn tuần rượu cốc để đón xuân. Nhưng trong lúc này, cần hơn lúc nào hết, cần ở tiềm lực quan năng của mỗi người có sứ mạng trong tam kỳ phổ độ, cần đến tinh thần vạn năng của các sứ đồ trung kiên trong Đại Đạo.

Đây là một sứ mạng tập thể để tự cứu mình và mọi người, cho nên mỗi người con của Đức Chí Tôn đều mang trách nhiệm khi thực hiện được yên lặng để phát huy tiềm lực quang năng.

“Trong lúc này, cần hơn lúc nào hết, cần ở tiềm lực quang năng của mỗi người có sứ mạng trong Tam Kỳ Phổ Độ.”

Mỗi tín đồ đã có sứ mạng thì hàng ngũ thiên ân chúc sức trách nhiệm càng to lớn hơn, nặng nề hơn: cần đến tinh thần vạn năng của các sứ đồ trung kiên trong Đại Đạo. Nói chung là cả dân tộc Việt Nam, tổ quốc Việt Nam.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

“Ai được làm dân nước Việt! Dân nước Việt là dân được Đức Chí Tôn chọn trong buổi Tam Kỳ, không khác dân La Mã giữ ngôi tổ đình của Công Giáo. Ngôi tổ đình bây giờ đã đặt nó vào miếng đất Việt Nam, lấy người Việt Nam làm dân Thánh, lấy đất Việt Nam làm đất Thánh muôn đời. Nước Thiên đường đã chảy đến đây mà tự lại để ban ơn phước cho loài người. Dân Thánh có phải là đường kinh cho nước Thánh đi về, hay nước Thánh chảy vào lòng sông có Thánh, lòng sông có Thánh là lòng sông yên lặng không sóng dữ gió to. Sông không sóng gió là sông không có ngọn triều hì hục đảo huyền, làm cho sa mạc biến đen pha trộn vào dòng nước Thánh.”²⁶

KẾT LUẬN

Lời dạy về yên lặng của Đức Chí Tôn là một bài pháp cụ thể, nhưng phổ quát cho mọi người. Yên lặng chính là Thiền. (Từ điển Hán Việt Đào Duy Anh).

1. Yên lặng hành giả là tịnh lực căn, tẩy xú khai thanh để nhập Đạo. Từ đó mới có thể

được ban trao quyền pháp để lập công bồi đức và tương lai sẽ về cùng Đức Chí Tôn.

2. Yên lặng là bản thể của Đạo, của Đức Chí Tôn, của Niết Bàn. Có yên lặng thì mới “cùng Trời đồng nhất, cùng Đạo ứng thông” và an trú trong Niết Bàn.

3. Diệu dụng của yên lặng là thần giao cách cảm để hội thông giữa hành giả và các Đấng nhằm học, tu, sống đạo, hành đạo đúng Thánh ý Thiên cơ.

4. Yên lặng giúp mỗi người tiến bộ trên đạo trình, đồng thời là cứu khổ nạn cho chúng sanh thoát truân chuyên về thanh bình an lạc.

5. Mỗi con ngoan của Đức Chí tôn và nhứt là chúc sức thiên ân có trách nhiệm thực hành yên lặng đầu tiên, hầu cả đồng bào Việt Nam chúng ta cùng thực hiện để tiền phong làm điểm cứu độ cho toàn thể giới nhân loài.

Xin cầu và nguyện được như thế.■



Hỡi chư hiền đồ! Đạo là con đường mà nhân loại hằng đi. Đạo là nguồn sống mà nhân loại hằng sống. Nếu người đời hiểu biết như vậy, không còn chấp nê nhân ngã.

Người đời sẽ tự mình gìn giữ lương tri lương năng trong cái bản thể của con người. Tâm sẽ không phiền lụy, thân sẽ chẳng buộc trái oan, đạo lý cá nhân sẽ xây dựng trong ba mỗi năm giêng, mỹ tục phong thuần, âu ca lạc nghiệp, nhà không đóng cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi. Người đời khi hưởng được cái hạnh phúc thực tại, sẽ biết chân hạnh phúc. Người đời khi đã sống trong cái lý tương đồng của nhân loại, sẽ biết được cái lý tương quan của vũ trụ cần khôn. Niết bàn cực lạc đó, Thần Thánh Tiên Phật đó, nào có xa đâu, nhưng than ôi!■

ĐỨC DI LẶC THIÊN TÔN, TRÚC LÂM THIỀN ĐIỆN, 13-4 ĐÌNH MÙI (21-5-1967).

26. Trung Hưng Bửu Tòa, ngày 15-6 năm Đại Đạo 33 (Mậu Tuất) (31-7-1958).

NGUỒN GỐC HAI BÀI NIỆM HƯƠNG VÀ KHAI KINH CỦA ĐẠO CAO ĐÀI

■ HUỆ NHÂN

Người tín đồ Cao Đài hàng ngày bắt đầu thời cúng của mình bằng bài kinh Niệm Hương với hai câu đầu: “Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp. Lòng nường nhang khói tiếp truyền ra...”, sau đó tụng đến bài Khai Kinh: “Biển trần khổ với với trời nước...”.

Có thể nói, tất cả tín đồ Cao Đài đều thuộc nằm lòng hai bài kinh này, nhưng cũng có thể nói, ít người biết rằng hai bài kinh trên có gốc từ chi đạo Minh Lý (Tam Tông Miếu)¹; bài Niệm Hương do Đức Nam Cực Chưởng Giáo, dựa theo bài Phần Hương Chú (kinh Minh Sư, chữ Hán), giảng tả bằng quốc ngữ năm 1925, bài Khai Kinh do Đức Lữ Tổ giảng tả cũng trong năm đó.²

NGUỒN GỐC BÀI KINH NIỆM HƯƠNG

1. Trong quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh, nhị vị Đầu Sư Tiên khai Thượng Trung Nhựt

(■) Về việc một số bài kinh Nhựt tụng Cao Đài được thỉnh từ Minh Lý Đạo, xin đọc chi tiết nơi trang 225, quyển 1, Lịch sử Đạo Cao Đài (Khai Đạo), Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản năm 2005.

2. Đến nay, các vị ở Tam Tông Miếu cho biết vẫn chưa tìm lại được Thánh giáo đàn Đức Nam Cực Chưởng Giáo tả kinh, vì vậy chúng ta chưa biết thời điểm chính xác.



ẢNH 1 (trên) ẢNH 2 (dưới).



và Ngọc Lịch Nguyệt đã cho in đầy đủ bài Phần Hương Chú (chữ Hán và chữ quốc ngữ), trang 1, và bài Chú Đốt nhang quốc âm (Niệm Hương), chữ Hán Nôm và chữ quốc ngữ, trang 2. Dưới đây là ảnh chụp hai bài kinh trên (ảnh 1 và 2).

2. Trở lại bài Phần Hương Chú in trong Tủ Thời Nhứt Tụng Kinh (ảnh 1), nguyên văn bài kinh này như sau:

“Đạo do tâm hiệp
Tâm giả hương truyền
Hương phần ngọc lư
Tâm chú Tiên nguyện
Chơn linh hạ giáng
Tiên bội lâm hiền
Kim thần quan cáo
Kính đạt Cửu Thiên
Sở khải sở nguyện
Hàm tứ như ngôn.”

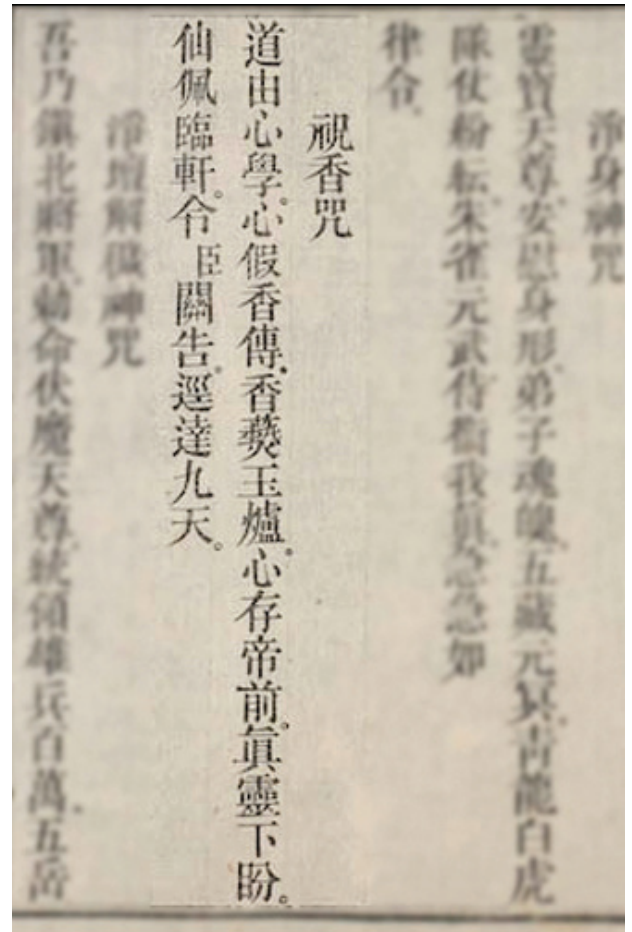
Tạm dịch:

Đạo do tâm thành hiệp chú vào
Tâm ấy nhờ hương thơm của nhang truyền đi
Hương khói nhang đốt từ lư ngọc
Tâm người theo đó hướng lòng cầu nguyện
lên các vị Tiên

Chơn linh các đấng giáng hạ
Xe Tiên giáng lâm đến nơi
Hôm nay kẻ bề tôi xin tấu trình
Hướng lên chín tầng Trời
Những điều bề tôi trình dâng lên, nguyện xin
Tất cả đều được ban cho như lời cầu.

Lời tạm dịch trên rất thô, so với từng câu từng câu bài Niệm Hương do Đức Nam Cực Chương Giáo giáng ban tại Minh Lý Thánh Hội:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp
Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra
Mùi hương lư ngọc bay xa
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng
Xin Thần Thánh ruổi giông cõi hạc
Xuống phàm trần vội gác xe Tiên
Ngày nay đệ tử khẩn nguyện
Chín tầng Trời Đất thông truyền chứng tri
Lòng sở vọng gần ghi đảo cáo
Nhờ Ôn Trên bổ báo phúc lành.”



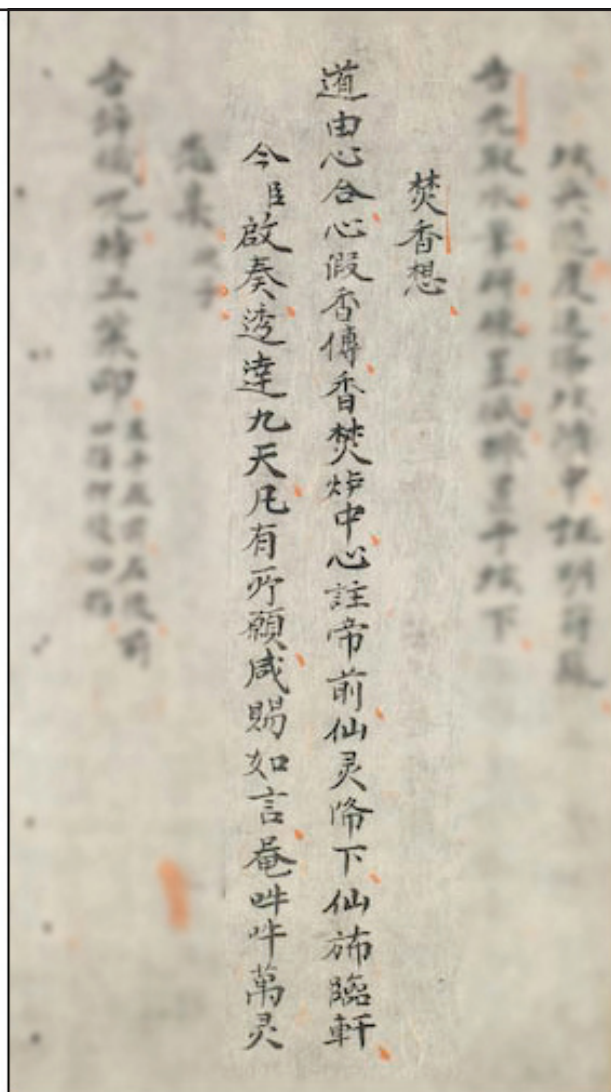
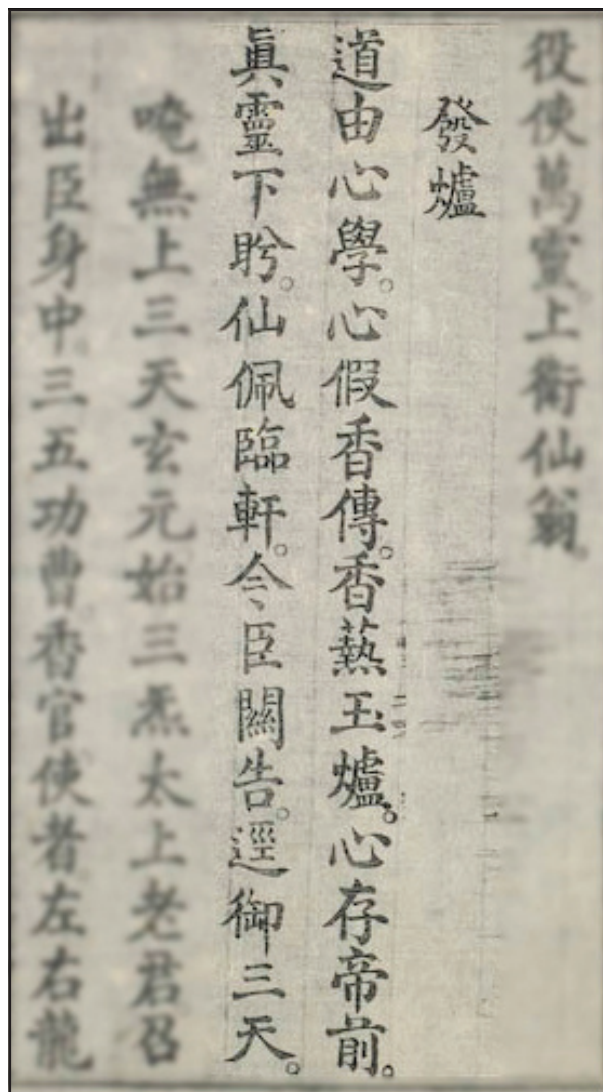
ẢNH 3 (tt).

Bài kinh đạo Cao Đài sử dụng kết thúc bằng câu chú của Đức Chí Tôn: “Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”, tạo ảnh hưởng mạnh trong cõi huyền linh.

3. Câu hỏi tiếp theo được đặt ra là:

– Bài Phần Hương Chú (Đạo do tâm hiệp...) có gốc tích từ đâu?³ Vài tác giả (Đức Nguyên, Thiên Vân ...) viết: “Bài Phần Hương Chú bằng chữ Hán được trích trong kinh Cảm Ứng của Đạo Giáo”. Chúng tôi đã tìm qua một số bản kinh Cảm Ứng, trong đó có quyển Cảm Ứng Thiên Tập Chú, in năm Thiệu Trị thứ bảy

3. Đạo Cao Đài có hệ thống kinh lễ phát sinh từ nhiều nguồn gốc khác nhau, trong đó có nhiều kinh chữ Hán. Việc tìm nguồn gốc, ngoài giá trị về mặt lịch sử, còn rất cần thiết để khẳng định: Thứ nhứt, bài kinh ấy có chánh thức chuyển qua Cao Đài hay không? Nếu có là vào dịp nào? Thứ hai, nhờ vào bản kinh chữ Hán xưa, chúng ta không sợ hiểu sai nghĩa khi diễn dịch qua tiếng Việt. Các bản kinh gốc cần được lưu giữ, để các đợt in kinh mới dò theo đó sẽ không bị “tam sao thất bản”.



ẢNH 4 (⚭) ẢNH 5 (⚮).

(1847)... nhưng vẫn chưa thấy bài Phần Hương Chú trong đó.⁴

Chuyển qua tìm trong kinh Minh Sư, chúng tôi đã gặp được một số bài kinh có nội dung tương tự bài Phần Hương Chú, thí dụ:

- Bài Chúc Hương Chú, trong Ngọc Hoàng Thượng Đế Hồng Từ Cứu Thế Bảo Kinh, trang 84, in năm 1912, Ngọc Sơn từ tàng bản (ảnh 3).
- Bài Phát Lư, trong Ngọc Hoàng Kinh Sám, trang 26, in năm Đinh Tỵ (1917) (ảnh 4).
- Bài Phần Hương Tưởng, trong Thái Thượng Diệu Lục quyển 2, trang 2, không ghi năm in,

4. Đạo huynh Lê Anh Minh, tác giả quyển Thiện Thư (Lược khảo và dịch chú Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Công Quả Cách) cho biết không tìm thấy bài Phần Hương Chú trong các bản kinh Cảm Ứng Đạo huynh có được.

mã hiệu số R.1647 Thư viện quốc gia Việt Nam (ảnh 5).

Các bài kinh này, gọi là có nội dung tương tự bài Phần Hương Chú do có một vài chỗ khác biệt, thí dụ như bài Chúc Hương Chú (ảnh 3) như sau:

“Đạo do tâm học
Tâm giả hương truyền
Hương nhiệt ngọc lư
Tâm tôn Đế tiền
Chơn linh hạ giáng
Tiên bội lâm hiên
Linh thần quan cáo
Kính đạt Cửu Thiên.”

Hay như bài Phần Hương Tưởng (ảnh 5) có nội dung:

“Đạo do tâm hiệp
Tâm giả hương truyền
Hương phần lư trung

Tâm chú Đế tiền
 Tiên linh giáng hạ
 Tiên phối lâm hiên
 Kim thân khai tấu
 Thấu đạt Cửu Thiên
 Phạm hữu sở nguyện
 Hàm tứ như ngôn.”

4. Một số ý kiến ban đầu:

Quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh đã giúp làm rõ bài Niệm Hương (và sau đó là bài Khai Kinh) được Ôn Trên tả qua quốc ngữ từ kinh chữ Hán, xác định tên và nội dung bài kinh, giúp chúng ta không phải thắc mắc, nhầm lẫn, do có nhiều bài tương tự nhau.

Như vậy, mặc dù còn phải tiếp tục tìm bài Phần Hương Chú đúng nguyên văn theo Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh (ảnh 1), tuy nhiên, qua những bài kinh đã tìm thấy kể trên, có thể xác định được rằng bài Phần Hương Chú là kinh Minh Sư, đó cũng là định hướng sâu tằm trong thời gian tới.

ẢNH 6(☺) ẢNH 7 (☹).



Trong tất cả bản kinh chúng tôi đã tìm được, chỉ có bài Phần Hương Tướng (ảnh 5) có câu đầu là “Đạo do tâm hiệp” giống bài Phần Hương Chú; còn lại, tất cả đều có câu đầu là “Đạo do tâm học”. Chữ Học này dù hiểu theo ý nghĩa: Hiểu ra, giác ngộ... vẫn còn một khoảng cách khác biệt, nhứt là về mặt tâm lý, so với chữ Hiệp trong “thành tín hiệp”, đã ăn sâu vào tâm thức người đạo Cao Đài.

NGUỒN GỐC BÀI KHAI KINH

1. Trong quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh của đạo Cao Đài nêu trên, nơi trang 7, có in bài Khai Kinh Kệ (Trần hải mang mang...) chữ Hán và chữ quốc ngữ. Tiếp dưới là bài Kệ Khai Kinh Quốc Âm, nay gọi là bài Khai Kinh: “Biển trần khổ vơi vơi trời nước...” chữ Nôm và chữ quốc ngữ. Dưới đây là bản chụp hai trang 7 và 8 quyển Tứ Thời Nhựt Tụng Kinh (ảnh 6 và 7).

Nội dung bài Khai Kinh Kệ chữ Hán như sau:

“Trần hải mang mang thủy nhựt đông
 Vãng hồi toàn trượng chủ nhơn công
 Yếu tri tam giáo tâm nguyên hiệp



Trung thứ từ bi cảm ứng đồng.”

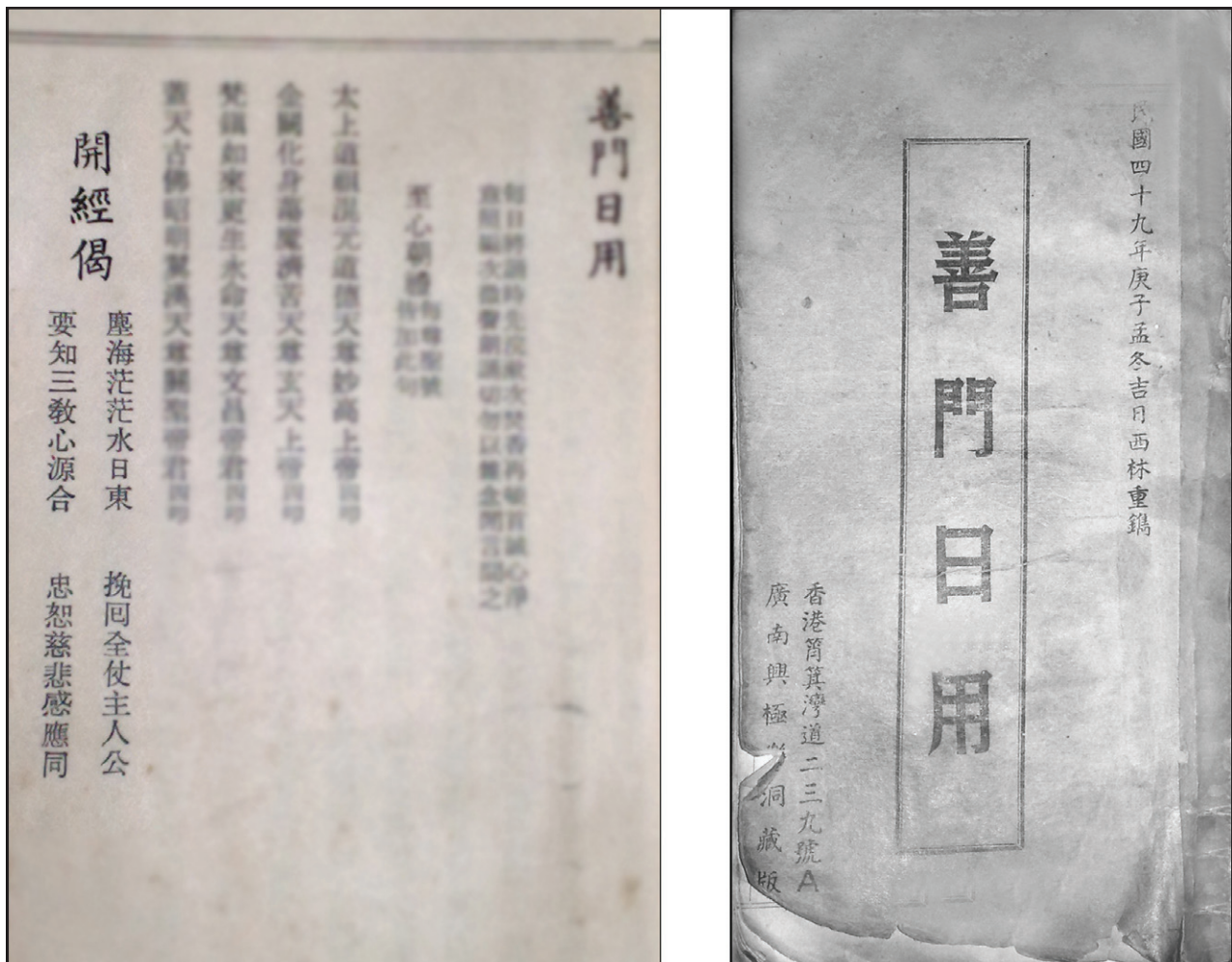
2. Các bản kinh Minh Sư đã nêu trong phần 1 (Nguồn gốc bài kinh Niệm Hương) đều có bài Khai Kinh nhưng nội dung khác với bài “Trần hải mang mang...” này.

Chúng tôi đã rất mừng khi tìm thấy trong quyển Thiện Môn Nhứt Dụng tại Quang Nam Phật Đường (quận 1- TP.HCM) có bài Khai Kinh Kệ giống nguyên văn bài “Trần hải ...” kể trên. Dưới đây là bản chụp bìa quyển Thiện Môn Nhứt Dụng và bài Khai Kinh Kệ (trang 17).

Qua những bài kinh gốc từ chi đạo Minh Sư chuyển qua Cao Đài, đặc biệt là bài Ngọc Hoàng Bửu Cáo (Đại La Thiên Đế ...), ba bài xưng tụng Tam Giáo Đạo Tổ và hai bài Niệm Hương – Khai Kinh vừa kể trên, một lần nữa, chúng ta cảm nhận rằng Ông Trên đã chuẩn bị trước một số nền tảng từ đạo Minh Sư, và nhiều tôn giáo khác, tổng lực các phần cốt yếu lại, để lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.■

GHI CHÚ THÊM

Trong quyển Tứ Thời Nhứt Tụng Kinh của đạo Cao Đài (in năm 1928), từ trang 3 đến trang 6 có in bốn bài: Tịnh Khẩu Chú, Tịnh Tâm Chú, Tịnh Thân Chú và An Thổ Địa Chú. Về sau, từ khi Tòa Thánh Tây Ninh ban hành quyển Nghi tiết Đại đàn và Tiểu đàn (17.6.Canh Ngọ-1930), bốn bài chú trên không còn sử dụng nữa. Nhân đây, chúng tôi cũng xin thông tin rằng bốn bài chú đó có trong quyển Cửu Kiếp Hoàng Kinh (mã số R.3947 Thư viện Quốc gia Việt Nam). Bìa quyển kinh ghi: “Tự Đức nhị thập cửu niên tân thuyên” và “Bản tồn Ngọc Sơn Văn Vũ Nhị Đế điện”; năm Tự Đức thứ 29 tức là năm 1875, và đến Ngọc Sơn (hồ Gươm, Hà Nội) xưa kia, khoảng từ 1845 đến 1945, là một trong những Thiện Đàn quan trọng vùng Bắc bộ có tổ chức cơ bút, cũng là cơ sở in ấn và tàng bản kinh sách Hán Nôm lớn (lên đến 246 tên sách) trong giai đoạn trên.■



Có thương CON MỚI DÀY công quả

Hầu như tất cả các thánh sở đạo Cao Đài từ Tòa Thánh đến các Thánh thất – Thánh tịnh, đều đặt tấm bia “Sự Thương Yêu” trước mặt tiền. Điều này cho thấy Thánh ý của Đức Chí Tôn Đại Từ Phụ muốn tất cả con cái của Ngài, hằng ngày phải thực hành sự thương yêu, bởi chỉ có thương yêu mới thật sự đem lại thanh bình an lạc, hạnh phúc ấm no cho vạn linh sanh chúng. Thánh chất của Đức Thượng Đế là sự thương yêu. Ngài là Đấng Chúa Tể cai quản cả càn khôn thế giới, sanh trưởng dưỡng dục, bảo tồn vạn loại trong đức hạo sanh trên trường tiến hóa.

Đức Vô Cực Từ Tôn dạy:

*“Con hãy thương yêu kẻ ghét mình,
Thương đời mạt kiếp khó tồn sinh,
Thương thân cá chậu vòng oan nghiệt,
Thương phận chim lồng chốn nhục vinh.
Thương kẻ tội tình chưa thức tỉnh,
Thương người mê muội mãi u minh,
Có thương con mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.”*¹

ĐỐI TƯỢNG

Các Đấng Thiêng Liêng thường dạy công quả đúng nghĩa là đem tài lực tâm lực trí lực giúp đời trên mọi phương diện với tinh thần vô công, vô kỷ, vô cầu, vô danh. Công quả cũng được đối chiếu tương ứng với “Bố thí” trong pháp Lục Độ Ba La Mật của giáo lý nhà Phật.

Lời huấn dụ của Đức Từ Mẫu cũng tương đồng như lời huấn từ của Đức Từ Phụ với Thánh ý mong muốn chúng ta thực hiện tình thương cho tất cả mọi đối tượng, mọi thành phần trong xã hội, không phân biệt thân sơ sang hèn, kẻ tội tình, người mê muội...và đặc biệt là phải thương được kẻ ghét mình. Như thế, công quả mới sâu dày: “Có thương con mới dày công quả.” Công quả sâu dày đó là bệ phóng, là lối đi duy nhất đưa chúng ta trở về Bạch Ngọc Kinh để hội hiệp cùng Thầy.

Vào những năm đầu khai Đạo, Đức Cao Đài chỉ có một ước muốn duy nhất là được nhìn thấy tất cả con cái lớn nhỏ thực hiện tình thương cho nhau trong đức hạo sanh, trong tình tạo hóa như Ngài đã ban rải cho muôn vạn sanh linh. Sự thương yêu là chiếc chìa khóa vạn năng vô hình, có một năng

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 26-12 Nhâm Tý (29-01-1973).

lực vô biên, giúp chúng ta mở cổng thiên đình, đến Tam thập lục thiên, Cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Ngược lại, nếu ai đó để phạm tâm dấy động, ruồng bỏ sự thương yêu, thì kẻ đó đời kiếp kiếp vĩnh viễn không bao giờ vượt khỏi vòng lục đạo luân hồi.

*“Thầy đã dạy, Thầy chỉ một lòng mơ ước các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Tam thập lục thiên, Cực lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi.”*²

Mỗi khi có dịp lâm đàn giáo Đạo, Đức Từ Phụ thường ân cần dạy bảo, dặn dò kỹ lưỡng, nhắc đi lặp lại nhiều lần: *“Hôm nay Thầy không dạy thêm các con điều nào... Thầy chỉ nhắc lại lời căn dặn: Các con hãy thương yêu kẻ ghét con mới gần Thầy được.”*³ Hay là:

“Con Thầy thì phải giống Thầy,

*Giống Thầy ở chỗ đủ đầy thương yêu.”*⁴

Đức Chúa khuyên rằng: *“Hãy thương kẻ nghịch và cầu nguyện cho họ.”* Đức Phật cũng bảo: *“Lấy oán báo oán, oán oán chất chồng; lấy đức báo oán, oán thời tiêu tan.”* Đức Cao Đài dạy: *“Hãy thương yêu kẻ ghét con...”*

Thực hiện tốt ráo những lời khuyên nhủ của các Đấng Giáo Tổ, chúng ta sẽ lên thiên đàng gặp Đức Chúa, nhập niết bàn thấy Đức Phật và đến Bạch Ngọc Kinh gần được Thầy.

PHẠM VI THỰC HIỆN

GIA ĐÌNH – LÀNG XÓM – QUỐC GIA – XÃ HỘI

Tình thương được thể hiện từ phạm vi gần đến xa. Tục ngữ Việt Nam thường nói: *“Nhút cận thân nhì cận lân”*, nghĩa là tình thương được nảy nở từ trong gia đình thân thuộc

với nhau trước, sau đó mới lan rộng ra làng xóm, khu phố nơi mình sinh sống, rồi nhân rộng ra đến cương thổ mình đang trú ngụ, và nhân rộng mãi đến các nước trong khu vực, đi xa hơn nữa là toàn thể xã hội, thế giới nhân loại đang hiện hữu trên quả địa cầu này. Tình thương trải rộng khắp chốn, không giới hạn, không biên cương.

Minh Lý Chơn Giải viết *“muốn lên cao phải từ chỗ thấp...”* nghĩa là khi thực hiện tình thương phải từng bước thực hiện cho có căn bản, nền tảng vững chắc, từ mức độ dễ thương đến thương không dễ. Có như vậy, việc đối nhân xử thế mới đắc nhân tâm.

Tục ngữ thường ví *“thương người như thể thương thân.”* Câu nói này hàm chứa một đạo lý tinh tế, cân bằng tình cảm giữa ta và người, vượt lên nhân ngã, không còn khoảng cách thân sơ.

*“Tình thương con người xuất phát từ chữ Tâm. Nếu thương thân mình, thương gia thê tôn tử, dung lượng tình thương đó như dung lượng nước ở dấu chân trâu. Còn tình thương quốc gia dân tộc, dung lượng bằng vũng nước ao hồ; còn tình thương nhân loại như nước chốn đại dương.”*⁵

“Dạy người hòa thuận sống chung,

*Yêu thương, tương ái, tương phù, tương thân.”*⁶

Sự thương yêu, lòng hòa ái được chan rưới đồng đều trên mọi lãnh vực, vượt ngoài cương thổ và thực hiện cho nhiều đối tượng, trong tinh thần vô phân biệt đối xử, với chủ đích tạo mối thiện cảm trong đại cộng đồng xã hội nhân loại, cùng nhau hạnh hưởng một đời sống tự do tự tại, thung dung thư thái, trong vòng tay thương yêu che chở của Đấng Cha chung muôn loài.

TRONG CỬA ĐẠO

*“Vào vòng huynh đệ khá thương nhau.”*⁷

2. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.II, đàn ngày 27-10-1927.

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-12 Quý Sửu (22-01-1974).

4. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Huân Cung Đàn, 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

5. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huân Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (14-6-1965).

6. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Châu Minh, 1961, tr. 12.

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 20-02-1926.

*“Tình đạo đồng phải biết thương yêu
Nghèo không trách, đừng kiêu khi khá giả.”⁸
Kinh Điều tang trong đạo Cao Đài có câu:
“Tuy là chẳng phải đồng thân,
Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân mặn nồng.”*

Ở Trên dụng văn từ, lời lẽ giản dị nhưng hàm chứa ý nghĩa sâu rộng thấm đượm nghĩa tình. Hai chữ: “mặn nồng” đã thể hiện được tình cảm thân thương gắn kết giữa những con người không cùng chung huyết thống, không họ hàng quyến thuộc...

Thử đặt nghi vấn, tại sao Ở Trên không dùng hai chữ “ngọt bùi”(Cùng nhau đồng đạo nghĩa nhân ngọt bùi).

Thiền nghĩ, ý của Ở Trên muốn rằng, chúng ta hãy đỡ đần trong những lúc khó khăn, những hồi khốn đốn, đồng cam cộng khổ, đồng hành sứ mạng. Phải biết quan tâm, chăm sóc giúp nhau khi hữu sự, đạo lý này được gắn liền trong văn hóa người Việt: “Gừng cay muối mặn xin đừng bỏ nhau.” Hay là:

“Bầu ơi thương lấy bí cùng,

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.”

“Mặn”: Là vị của nước biển, biển cả mênh mông, đại dương sâu rộng. Câu kinh trên hàm chứa ý tưởng tình thương không giới hạn, không đóng khung, được trải rộng như tấm lòng của biển cả vô biên, của đại dương vô tận, như tình thương vô cực của Đức Từ Mẫu.

“Hãy thể theo tình thương Đức Mẹ mà hòa hợp lẫn nhau để cùng tu cùng tiến.”⁹

Quả thật vậy, chỉ có chung lưng đầu cật, chung sức chung lòng, ý thức giá trị cao quý của tình thương đúng nghĩa, sẽ giúp chư huynh tỷ đệ muội đồng đạo, ngày càng khẳng khít gắn bó, hiểu tâm ý của nhau hơn, và cùng nhau san sẻ vui buồn trên đường thực thi sứ mạng.

“Tu để đệ huynh như ruột thịt,

Tu đi siết chặt mối tình thương.”¹⁰

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ gọi tắt là đạo Cao Đài, với tôn chỉ Tam giáo đồng nguyên, vạn giáo nhất lý, lấy tình thương làm nền tảng căn bản trên đường phổ độ nhơn sanh, làm thế nào cho mọi người biết Thấy hiểu đạo, thực hiện cứu cánh rốt ráo, để toàn thể nhân loại đi tới chỗ năm châu chung chợ, bốn biển chung nhà.

Trọng trách to tát, sứ mạng trọng đại, nếu những người con áo trắng chưa thật sự thương yêu nhau, còn đố kỵ lẫn nhau, e rằng sứ mạng kỳ ba này sẽ mai một chẳng? Đức Thượng Đế, dụng mảnh đất của các thánh sở Cao Đài làm vườn mẫu ươm mầm hạt giống tình thương, và cấy chúng ta những đứa con tin yêu của Ngài, làm những hạt giống tiên phong, những hạt giống hoàn hảo. Từ đó, mới nhân những hạt giống tốt lành này gieo rải khắp nơi, rộng ra khắp chốn.

“Cơ đạo Thấy mở ra hiện đây với mục đích là hòa thương trên ba nhược điểm: Công bình, từ bi, bác ái; hòa khí, thương yêu lúc lâm lỗi. Như thế mới trở nên người đạo đức.”¹¹

Tình thương là một linh dược, chữa lành mọi vết thương lòng, là một phép báu nhiệm mầu, hàn gắn mọi sai biệt, kết hợp những dị đồng chủng tộc, tôn giáo, xóa mờ những tư tưởng kỳ thị, những ý nghĩ độc tôn, là nhịp cầu nối liền tình huynh đệ đại đồng.

“Sự sống của con người là Đạo,

Tình thương là phép báu vô song,

Thấy ra huynh đệ đại đồng,

Nhìn vào chính thiết chủ ông tài thành.”¹²

Không phải ngẫu nhiên hay vô cớ mà Đấng Toàn Tri Toàn Năng, Chúa Tể Càn Khôn, chủ quản vũ trụ, thống ngự vạn vật, rời chốn thượng Thiên, lìa cung Bạch Ngọc, lập tờ đoan thệ trước

8. Đức Thiên La Đạo Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-01 Giáp Dần (23-01-1974).

9. Đức Liên Hoa Thánh Mẫu, Nam Thành Thánh thất, 08-8 Kỷ Dậu (19-9-1969).

10. Đức Đông Phương Lão Tổ, Thiên Lý Đàn, 15-12 Giáp Thìn (17-01-1965).

11. Nhị Nữ Trưng Vương, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Châu Minh, 1961, tr. 23.

12. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-02 Giáp Dần (07-3-1974).

Tòa Tam Giáo, lâm phạm mở Đạo. Nếu con cái nơi thế gian không hồi đầu hướng thiện, giác ngộ tu hành, Đạo không thành, Ngài nguyện không trở về ngôi vị cũ. Sở dĩ phải giáng trần chịu nhiều trước chất là vì lòng háo sanh vô tận, tình tạo hóa vô biên, Ngài không nỡ nhìn thấy cảnh càn khôn đảo lộn, thế giới điên nguy, sanh linh tận diệt ở buổi hạ nguơn, trong thời mạt kiếp.

“Thượng Đế vì đức háo sanh nên không muốn cho có một phen càn khôn điên đảo thế giới tận diệt, mới mở Tam Kỳ Phổ Độ với một chánh pháp Đại Đạo, nguyên lý dung hòa tổng hợp để đem lại cho nhân loại một niềm tin trong tình thương Thượng Đế, ngõ hầu lập lại cuộc đời Thượng nguơn Thánh đức.”¹³

PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH

Muốn có một đời sống an lành, một thế giới đại đồng, con người phải bắt tay vào việc, quảng bá và thực hành sự thương yêu, đồng thời phổ biến rộng rãi đến mọi tầng lớp trong xã hội.

“Thương yêu không phải là lời thốt suông, mà phát huy trên ba lẽ hành động: tương thân, tương trợ, tương ái.”¹⁴

“Các con là những động năng thúc đẩy tình thương Vô Cực của Mẹ đến với mọi người.”¹⁵

“Ta bảo, thương yêu là cái thuần khiết du lưu trong mọi thời, trong mọi sự kiện, chớ không phải tôn ngôi thương yêu lên thần thánh cách biệt con người và vạn loại.”

Quả thật, Ta không bảo chư hiền hằng ngày báii lạy sự thương yêu mà không thực hành thương yêu.”¹⁶

Lời huấn dụ của các Đấng kêu gọi chúng ta phải thực hành sự thương yêu, mới mong góp

một phần khiêm tốn vào công cuộc cứu độ chung cho toàn thể thế giới nhân loại. Cần yếu là chúng ta chọn phương pháp nào phù hợp với hiện trạng nhân sinh hiện tại, và thế sự nhân tình gay go như ngày nay.

May mắn thay, các bậc tiền nhân, tiền hiền đã trải nghiệm với bao thăng trầm biến cố trong cuộc sống của lịch sử nhân loại, họ đã để lại cho đời nhiều lời khuyên chân thành qua các câu châm ngôn, những lời tục ngữ... như câu: “Nhu thắng cương, nhược thắng cường”, và vua Quang Trung Nguyễn Huệ nói rằng: “Người khéo thắng là thắng ở chỗ rất mềm dẻo, chứ không phải là lấy mạnh đè yếu, lấy nhiều đè ít.”

Như vậy, chúng ta chọn phương thức êm dịu, lặng lẽ, âm thầm nhưng mang lại hiệu quả khả quan.

Với cuộc diện thế giới nhân loại hiện thời, lòng người đa phần chú trọng vào thụ hưởng vật chất, nhu cầu dục vọng không lối thoát. Thế nên, chúng ta phải chọn giải pháp tối ưu, khả thi mới mong cứu vãn tình thế rối ren như hiện nay. Thiết nghĩ, không có sức chứa trữ, chịu đựng nào bền bỉ, dẻo dai như tánh của đất.

Đại tượng truyện quẻ Khôn viết: “Địa thế khôn. Quân tử dĩ hậu đức tải vật.” (Cái thế của Khôn như đất. Người quân tử noi theo đó, lấy cái đức dày của đất mà chứa trữ chở đỡ muôn loài, muôn vật, không phân biệt sang hèn, thanh trước, cao thấp...)

Noi theo Khôn đạo, tạo đức dày để chở đỡ muôn loài vạn vật. Đức dày tức là đức thuận. Dày và thuận là đức ở trong trống không, bên ngoài lại dày đặc.

Bên trong trống không nghĩa là trống lòng đó, trống lòng mới có thể bao dung muôn vật. Bên ngoài dày đặc nghĩa là thật hành đó. Như thế, mới có thể ứng đối với người vật, bao dung người vật... mà người vật vô cùng, thì đức dày cũng phải vô biên mới hàm chứa muôn vật vô tận.

Đức dày là sức chịu đựng vô vàn, ví như: gặp người chửi mắng cũng chịu, đánh đập cũng

13. Đức Đồng Phương Chuông Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19-8 Tân Hợi (07-10-1971).

14. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Châu Minh, 1961, tr. 97.

15. Đức Vô Cực Từ Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-4 Kỷ Mùi (10-5-1979).

16. Đức Chúa, Thánh thất Bàu Sen, 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969).

chịu... cho đến bao nhiêu gian nan khổn khó, bệnh tật, tai họa... tất cả đều nhận chịu.

Tỉ như núi non nặng mảy, đất cũng chịu; sông biển phá lở, đất cũng chịu; cỏ cây xoi xĩa, đất cũng chịu. Đúc dày của đất là như thế, thì đúc dày của người quân tử cũng phải như thế, mới có thể bao dung chứa chở muôn vật.

*“Biết thuận nhu là tu khôn đạo,
Học đúc dày Địa Mẫu dưỡng nuôi,
Không phân danh tướng ta người,
Bao dung khắp cả muôn loài chúng sanh.
(...)
Muôn loài thảo mộc xuyên sơn,
Xĩa xoi phá lở tuyết sơn chẳng nao,
Tình đất Mẹ biết bao chịu đựng,
Trước thanh đều đất cũng bao dung.”¹⁷*

HẬU QUẢ CỦA VIỆC THIẾU TÌNH THƯƠNG

Thử hình dung, nếu thế giới chúng ta đang hiện hữu, không có chất nhựa tình thương chan hòa xen lẫn trong cuộc sống nhân sinh thì điều gì sẽ xảy ra, và con người phải hứng chịu những thảm cảnh như thế nào?

“Trong gia đình không biết thương lẫn nhau thì còn gì là yên vui; trong làng mạc, trong xã hội nếu thiếu tình thương thì càng thường đảo lộn, quốc gia suy tán.”¹⁸

Thời gian vừa qua, thiên tai chiến họa, dịch bệnh lan tràn, động đất sóng thần, đã cướp đi vô số tính mạng. Suy cho cùng, đó cũng chỉ là hậu quả của lòng tham dục quá độ của thể nhân. Con người đã tự đánh mất bốn tánh thiên lương, quên nguồn cội nhân bản, mới nhận lấy thảm họa như thế.

“Sở dĩ nhờn loại ngày nay trong cảnh bi đát tang thương, đứng kể bên vực thẳm, là vì đã hiểu sai chơn lý của vũ trụ và Thượng Đế.”¹⁹

“Xa Thượng Đế là xa tình thương. Mà hễ loài người thiếu tình thương, ôi thôi, hậu quả vô cùng vô tận!”²⁰

*“Đời thiếu tình thương mới loạn ly,
Tham si thù hận tạo cơ nguy,
Người tu thực hiện tình thương cả,
Mới có tương lai đạo bảo trì.”²¹*

KẾT QUẢ CỦA TÌNH THƯƠNG

Muốn thay đổi cuộc diện, con người chỉ có một con đường duy nhất là tìm về cái đạo tự hữu được thọ bẩm từ Đức Thượng Đế, quay lại cội nguồn dân tộc, phát huy truyền thống tổ tiên, đem tình thương gắn liền vào mọi tầng lớp giai cấp trong xã hội. Được như vậy, thế giới này sẽ là thiên đàng, là cực lạc, không phải nhọc tâm tìm kiếm.

“Xã hội nhỏ có thương yêu hòa ái thì gia đình được hạnh phúc, phụ tử tử hiếu, huynh hữu đệ cung. Một xã hội bực trung có thương yêu hòa ái thì đoàn thể được phát triển nẩy nở mau lẹ trong sự diu dắt giáo dục bảo vệ cho nhau. Một quốc gia, toàn thể dân trong nước đó từ vua quan cho đến lê thứ dân giả cùng đình mà biết thương yêu hòa ái thì quốc gia đó được thanh trị, dân tộc đó được phú túc sung mãn hùng cường. Nếu đại xã hội nhân loại đại đồng biết thương yêu hòa ái nhau thì đại xã hội đó là một thiên đàng cực lạc tại thế gian.”²²

Tình thương là chất keo hồ kết dính con người lại với nhau. Nhờ tình thương, tất cả là bạn, không có kẻ đối đầu, người đối lập. Từ đó, chúng ta sẽ hưởng một đời sống thanh thản nhẹ nhàng trong trạng thái vui tươi, vô ưu.

“Các con có thương yêu lẫn nhau, các con khỏi sợ ai ám hại con và tự nhiên an nhàn thanh thản.”

17. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 18-02 Tân Mão.

18. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1961, tr. 20.

19. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1967).

20. Đức Quan Âm Bồ Tát, Huân Cung Đàn, 15-5 Ất Tỵ (01-6-1965).

21. Bảo Pháp Huỳnh Chơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01-01 Bính Thìn (30-01-1976).

22. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 08-9 Kỷ Dậu (18-10-1969).

Con hưởng một cuộc đời thanh khiết vui tươi ở lòng con.”²³

Tình thương là một binh pháp, một chiến lược, một kế sách ổn định chính trị, chinh phục nhơn tâm, cảm hóa lòng người và đem lại thành công cho chúng ta.

“Cái chinh phục nhơn tâm trị bình thiên hạ không phải là uy quyền thế lực mà là tình thương.”²⁴

*“Thành công không phải ở uy quyền,
Hoặc bởi công danh lắm bạc tiền,
Thành ở chung tâm cùng hiệp trí,
Tình thương kết hợp chẳng tư riêng.”²⁵*

Sự thương yêu sẽ làm cảm động lòng Trời, đó cũng là phần thưởng mà Đấng Cha Lành ban phát cho những đứa con biết vâng lời, biết noi theo Thiên Địa chi tâm, mới có được thiên đường cực lạc tại thế.

“Nếu nhơn loại sống một đời sống vị tha vong kỷ, thì ở nơi trời sẽ được mưa thuận gió hòa, quả hoa thanh mậu, thảo mộc xinh tươi. Còn ở nơi người thì tình thương yêu đùm bọc, kẻ khôn dui kẻ dại, người giàu bảo trợ người nghèo, kẻ no chia phần kẻ đói, người mạnh che chở người yếu thì thế gian này sẽ là cảnh thiên đường cực lạc.”²⁶

KẾT LUẬN

Muốn thực hiện tình thương đúng nghĩa, đồng thời phù hợp với xu hướng thời đại trong bối cảnh ngày nay, chúng ta phải: lòng trống, bụng đầy, đức dày. Đức có dày thì công quả mới dày, công quả dày là đủ tiêu chuẩn, đủ điều kiện để bước lên Bạch Ngọc Kinh và hội hiệp cùng Thầy.

*“Có thương con mới dày công quả,
Công quả là đường đến Ngọc Kinh.”*

23. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Châu Minh, 1961, tr. 12.

24. Đức Vô Cực Từ Tôn, Vĩnh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976).

25. Đức Vân Hương Thánh Mẫu, Chơn Lý Đàn, 15-9 Kỷ Dậu (25-10-1969).

26. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01-12 Bính Ngọ (11-01-1966).

Như thế, công quả mang tính nền tảng của con đường tiến hóa tâm linh, đồng thời sẽ góp phần vào việc định phẩm vị thiêng liêng cho hành giả trong suốt cuộc đời tu học hành đạo, phục vụ nhơn sanh.

“Từ xưa đến nay, chưa có phẩm vị thiêng liêng nào dành cho những người thiếu công quả, chỉ lo công phu, công trình bao giờ.”

Công quả là nền tảng của công phu. Công quả và đức hạnh quyết định ngôi vị thiêng liêng trước Đức Chí Tôn và nhơn sanh.”²⁷

*“Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương,
Căn bản làm đầu một chữ “Thương”,
Thương chúng thương mình thương tất cả,
Thì đem chơn đạo sớm hồng dương.”²⁸ ■*

27. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 16-7 Tân Mùi.

28. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư, Minh Lý Thánh Hội, 04-9 Quý Sửu (29-9-1973).



THÁNH GIÁO

Tánh động cảnh trần cũng động theo,
Người tu chơn chánh hãy xem vào,
Chẳng lo chấp trước hình thính sắc,
Mà để thần linh phải hiểm nghèo.
Nghèo tiền nghèo bạc chẳng hề đau,
Đạo đức gìn trau được đủ giàu,
Diệu hữu trường tồn trong một lẽ,
Chơn thường không chuyển bởi ba đào.
Đào nguyên khóặng ở nơi nao,
Hỡi khách trần gian bước ngõ nào?
Đây lộ trình đang khơi đạo mạch,
Quay về chẳng nệ những gian lao.
Lao khổ tu đi một kiếp này,
Tu là sửa đổi dở ra hay,
Tu là bồi bổ nền âm chất,
Tu rạng thanh danh mỗi đạo Thầy.

ĐỨC VẠN HẠNH THIỂN SƯ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ,
15-4 TÂN HỢI (09-5-1971). ■

ĐỨC ĐÊ TAM GIÁO TÔNG NGUYỄN NGỌC TƯƠNG (1881 – 1951)



■ ĐẠT TƯỜNG

D diễn biến của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong 36 năm đầu, qua thực tiễn lịch sử phân nhánh để phổ độ của các Hội Thánh, đã có nhiều Chúc sắc Đại Thiên phong được tôn vinh ở phẩm Giáo Tông. Tuy nhiên, sau đó trong giai đoạn chuyển sang định hướng vận động “thống nhất tinh thần” nhà Đạo Kỳ Ba qua hình thức hoạt động phổ thông giáo lý do Tam Giáo Tòa sắc lệnh, chỉ có 4 vị Đại Thiên Phong khi được giáng cơ xưng danh Giáo Tông. Một trong bốn Giáo Tông chánh vị, chính danh ấy có Đức Nguyễn Ngọc Tương – Giáo Tông Ban Chính Đạo.

Nhân kỷ niệm thời điểm một hoa giáp 60 năm quy Thiên của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương (Rằm tháng 5 Tân Mão 1951 – Rằm tháng 5 Tân Mão 2011), chúng ta hãy cùng nhau ôn lại bài học từ tấm gương “tâm hạnh đức tài” của Đức Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương.

GIẢI ĐOẠN ĐỜI ĐẠO SONG HÀNH

Vào thuở sơ khai khi Cao Đài giáo vẫn còn trong thời kỳ trứng nước, Thầy chưa khởi lệnh lập Đạo, vào cuối giữa tháng chạp năm Ất Sửu (1925) trong một buổi hầu đàn, Ngài Lê Văn Trung xin phép Đức Cao Đài được lập đàn độ dẫn ông phủ Tương đang làm chủ quận Cần Giuộc thuộc tỉnh Chợ Lớn.

Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu chép tay của Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh có ghi lại những bốn điển của nhiều đàn cơ với sự có mặt của ông Tương. Thí dụ:

1. Nơi tờ 06.a, đàn le 02 Février 1926 (20 tháng Chạp Ất Sửu)

“Trung xin phép Thầy cho Cự, Tắc vô nhà cúng Thầy xin độ Tương – Kim.

– Con muốn độ, Thầy phải vừa theo. Nay nó biết ăn năn cũng nên tha thứ. Con tùy cơ mà dạy người. Ấy là phận sự Thầy phú thác cho con đó...”

Ngay “Đêm ấy chinh đàn tại Chợ Lớn”, Thầy ban cho ông Kim một bài thơ tứ tuyệt. Riêng về phần ông Tương, đêm đàn hôm sau Thầy dạy ông Trung:

“Trung. Con lo lắm há?... Nó có phẩm vị cũ (...) Thầy buộc phải cho lũ Tiên gìn giữ nó và nhắc nhở hằng ngày. Đến nay nó mới đến mà lòng phàm chưa dứt, còn mộ vinh huê phú quý như xưa nên Thầy lấy oai nghiêm mà răn nó. Còn phần con phải dạy dỗ điều dắt nó.”¹

Qua lời dạy của Thầy, chúng ta biết được tiền căn của Ngài Phủ Tương khá cao.

2. Qua đầu năm Bính Dần, đàn mừng 7 tháng giêng Thầy thân nhận gần 20 người. Hôm ấy, khởi đầu Thầy gọi ông Tương:

“Tương con đừng an lòng há! Một bước Đạo là một bước vui. Nghe con...”²

Kế tiếp Thầy điểm danh một số nhơn sanh cầu gia đạo và cầu giải bệnh. Đến vị số 19, sau khi ban cho 4 câu thơ, Thầy dạy:

1. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 06.b, đàn le 03 Février 1926.

2. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 55.b 19 Février, mừng 7-01 Bính Dần.

“(Cao thế Ch...) Đợi khai đàn nhà Tương rồi, biểu đến vô hại.”

Và sau cùng, Thầy lại dạy ông Phủ Tương:

“Tương con sẽ riêng một góc trời làm chủ.³ Ráng độ chúng sanh nghe con. Thăng.”

3. Một tuần sau, đêm “Chánh ngoạn vọng dạ Bính Dần” chư vị đi Khai Đàn⁴ lần lượt tại nhà ông Cả Kim rồi nhà ông Phạm Văn Tươi và nhà ông Phủ Tương.

“Chez Mr Phủ Tương 11h:

• Cao Đài,

Tương, từ đây con trấn nhậm nơi nào thì là hồng phúc của nơi ấy. Con nghe.⁵

Con trị ai, Thầy cũng trị ai,

Một lòng đạo đức chỗ đơn sai,

Năm năm công quả tua bên chí,

Chỉ dẫn nhơn sanh bước lạc loài.

Chư nhu hỏi Đạo mà thôi nghe. Lũ Tổ nhập cơ.

• Động Tân

Tương đại hi đại hi!⁶

Đắc kỳ sở nguyện hồ.

Thập nhị niên dư ngã bảo tồn,

Bất tri bổng đảo thị hà môn,

Nhứt sanh phú quý hể tu tận,

Mạc nại lao lung thế ám hôn.

Hiểu không?

Đã sanh sang trọng đừng đợi mạng,

Đừng kể nhọc nhằn thế tối tăm.

Hi chư nam. Thăng.”

Lời Thánh giáo hôm đó, Thầy cho biết Ngài Nguyễn Ngọc Tương còn làm quan, sẽ trấn nhậm nơi mới và hãy lấy lòng đạo đức mà dẫn dắt nhơn sanh. Thời gian vẫn còn làm việc này là thời gian công quả kéo dài 5 năm rồi sau đó sẽ xuất gia hành đạo. Kể đến, Đức Cao Đài

3. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 57.b 19 Février, mừng 7-01 Bính Dần.

4. Khai Đàn, thượng tượng, lập Thiên Bàn thờ Đức Chí Tôn tại nhà đạo hữu.

5. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 60.b, le 27 Février 1926.

6. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 60.b, le 27 Février 1926.

cho một vị trong bát Tiên Trung Hoa giảng cơ, Đức Lữ Động Tân. Qua nội dung của Đức Ngài dạy, chúng ta mới được hiểu thêm ý về lời Thầy dạy khi trước “cho lữ Tiên gìn giữ” là ai qua câu “Thập nhị niên dư ngã bảo tồn”. Và chúng ta cũng hiểu thêm vì sao sau này Ngài Nguyễn Ngọc Tương sẽ có nhiều lần nhập tịnh tu luyện.

Những bản đàn được lưu trong quyển chép tay của Ngài Thái Thơ Thanh, chúng ta cũng thấy một số đàn được tổ chức ở Cần Giuộc có sự có mặt của Ngài Phủ Tương. Thí dụ trong buổi đàn ngày 20 tháng Mars 1926,⁷ cứ mỗi trường hợp dâng số cầu Đạo của nhơn sanh nam nữ, hầu như Thầy đều dạy:⁸

“... Trung thượng số... Tương khả thâm vi môn đệ. Phạm Văn Bình.

Trung thượng số... Tương thâm vi môn đệ. Hương quân Long Phụng Nguyễn Văn Nhơn.

Hỉ. Tương thâm vi môn đệ. Kinh...

Khá năng hầu đàn, hậu nhứt thâm nạp. Lê Văn Thát...

Nhứt tâm thiện niệm, hậu nhứt khả tri. M. Hay.

Tương thâm vi môn đệ. Ngô Ngọc An...”

Việc thủ cơ chấp bút, như chúng ta đã biết, đó là trách nhiệm được ban ân cho chư vị chức sắc Hiệp Thiên Đài. Nhưng trong lúc ban sơ ngay từ khi mới theo Thầy cầu đạo đã có một số ít vị về sau tuy giữ nhiệm vụ chức sắc bên Cửu Trùng Đài như quý Ngài Thượng Trung Nhật, Thái Thơ Thanh, Thượng Bản Thanh, Thượng Tương Thanh, v.v. lại được Đức Cao Đài ban ơn cho tập chấp cơ. Trong đó có Ngài Phủ Tương:

“Cao Đài, (tập chấp cơ) Thầy cho.

Tương. Thầy giảng, tâm con phải định, viết ra.

Đừng tư tưởng, Thầy giảng không đặng.

Khá tập cho thường. Thầy thăng.”⁹

Qua một vài trích đoạn trong “Thánh Ngôn chân truyền” nêu trên cho chúng ta thấy được tiền căn của Ngài Nguyễn Ngọc Tương. Đó cũng là những dấu hiệu báo tin Ngài sẽ đảm nhiệm vai trò sứ mạng quan trọng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đến ngày 17 tháng 5 Bính Dần, Ngài được Thiên phong Phối Sư phái Thượng và đến ngày 12 tháng 10 Bính Dần, Ngài được thăng lên Chánh Phối Sư.

Tiếp tục làm chủ quận Cần Giuộc đến cuối năm 1927, Ngài đã độ dẫn nhiều nhân sĩ, thầy tu và đồng bào trong vùng Long An – Cần Đước theo đạo Cao Đài tạo lập nên nhiều Thánh thất. Chính vì thế, Ngài bị nhà cầm quyền Pháp chuyển công tác ra làm chủ quận Xuyên Mộc – Bà Rịa. Sự khó nhọc của Ngài đã được Đức Cao Đài cảm thông, động viên:

“Tương, con nhớ lời Thầy dạy.

Con vốn con tin của Thầy giao cho chính phủ. Nhờ con mà nền Đạo mới ra lẽ chơn chánh trước mặt chính phủ và chúng sanh. Thầy để cho con chịu lắm sự nhọc nhằn đau khổ, song có vậy mới đặng. Vì con là Đạo, Đạo là con.

Thầy rất mừng cho hạnh đức con rất hạp cùng lý Đạo. Thầy dặn con phải ẩn nhẫn chịu khổ hạnh cho lẽ Đạo được rõ ràng.

Đạo nhờ con mà nên, con vì Đạo mới ra đáng mặt.”¹⁰

Sau đúng 5 năm hoạt động “Đạo đời tương đắc” từ tháng giêng Bính Dần đến cuối năm Canh Ngọ với nhiều công trình để lại hữu ích cho dân sinh và góp phần phổ độ nhơn sanh về mặt tâm linh, đầu năm 1931, Ngài Ngọc Tương từ quan về hẩn Tòa Thánh Tây Ninh giữ quyền hành chánh điều hành đạo sự với vai trò Quyền Thượng Đầu Sư theo Đạo Nghị Định số 2 của Đức Lý Giáo Tông và Ngài Phạm Hộ Pháp.

7. Mừng 7 tháng 2 Bính Dần.

8. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh, các tờ 77.ab, 78.a

9. Thánh Ngôn Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh tờ 79.a

10. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, trang 714, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản, Lời Giảng Tỏ Bày Việc Đạo Trước Hội Nhơn Sanh Nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh Lần Thứ Nhì.

GIẢI ĐOẠN XUẤT GIA HÀNH ĐẠO

1. VỀ TÒA THÁNH TÂY NINH

Ngay trong năm đầu về Tòa Thánh Tây Ninh chuyên tâm hành đạo, Chánh Phối sư Thượng Tương Thanh đã dùng kinh nghiệm có được sau nhiều năm phục vụ nhơn sinh đồng bào ở cương vị quan chức “Chủ quận” để tổ chức, điều hành thực hiện được nhiều việc có giá trị nền tảng cho đạo sự của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong trách nhiệm được phân công ở các mặt: giáo dục, y tế, sản xuất, hành chánh, v.v.¹¹

BẮT ĐẦU MỞ HẠNH ĐƯỜNG HUẤN LUYỆN CHO CHỨC SẮC GIÁO HỮU TỪ ĐẦU THÁNG 9 NĂM TÂN MÙI (1931)

Và Hạnh Đường Lễ Sanh từ 16 tháng 10 Tân Mùi.¹²

Sang qua năm 1932, mở rộng Hạnh đường đến các cấp Chức việc Chánh Phó Trị sự và Thông sự. Vào mừng 3 tháng 10 Nhâm Thân các Giáo Hữu đã được học lần thứ hai.¹³

BẮT ĐẦU TỔ CHỨC ĐƯỢC ĐẠI HỘI NHƠN SANH

Trong thời gian lưu trú tại Tòa Thánh Tây Ninh, Ngài đã mở được hai lần Đại Hội Nhơn Sanh: Đại Hội Lần Thứ Nhứt vào Rằm tháng 10 Tân Mùi (1931) và lần thứ nhì vào Rằm tháng 10 Nhâm Thân (1932).

Góp phần quy hoạch, chuẩn bị nguyên vật liệu cát sỏi cho việc xây dựng kiên cố Tòa Thánh. Phát triển tăng gia sản xuất tự túc thực phẩm nuôi 500 nhân khẩu công quả hàng ngày.

11. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, trang 690, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản, Tờ Bày Tỏ Việc Đạo Cho Hội Nhơn Sanh Nhóm Lần Thứ Nhứt (Tân Mùi).

12. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, trang 702, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản, Lời Giảng Tỏ Bày Việc Đạo Trước Hội Nhơn Sanh Nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh Lần Thứ Nhì (Nhâm Thân).

13. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, trang 714, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý xuất bản, Lời Giảng Tỏ Bày Việc Đạo Trước Hội Nhơn Sanh Nhóm tại Tòa Thánh Tây Ninh Lần Thứ Nhì (Nhâm Thân).

BẮT ĐẦU CẤP PHÁI ĐẠO CHO NHỮNG ĐẠO HỮU TRƯỜNG TRAI

Nói về đức hạnh của Ngài Nguyễn Ngọc Tương có nhiều câu chuyện đã được đạo hữu hay người đời truyền tụng. Có thể chỉ câu nói truyền miệng “Ông Phủ Ba hiền như Phật, Ông Phủ Ba thật từ bi” đã nói lên khá đầy đủ. Xin được giới thiệu một chi tiết nhỏ để làm bằng chứng nói lên hạnh đạo của Ngài:

Trong cuối lời tỏ bày tại Hội Nhơn Sanh năm Nhâm Thân 1932, hướng dẫn cách xưng hô cho các đạo hữu, Ngài Quyền Thượng Đầu Sư viết:

“... khi nào chư hiền hữu viết thư cho tôi, tôi xin đừng dùng tiếng “Đức”, “quan lớn” và “ông” mà xưng hô với tôi nữa. Tôi xin chư hiền hữu dùng ròng tiếng “anh” mà thôi, như vậy mới hợp với Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Có một mình Thầy là thầy, còn bao nhiêu chúng ta đều là anh em.

*Anh lớn em nhỏ dìu dắt với nhau trên con đường đạo đức mà đến cùng Thầy là Cha chung cả thầy.”*¹⁴

2. LẬP HỘI THÁNH CAO ĐÀI BAN CHÍNH, NGUNG SỬ DỤNG CƠ BÚT

Khi cơ Đạo ở Tòa Thánh Tây Ninh bước vào giai đoạn chinh nghiêng rồi phân nhánh mở rộng việc phổ độ nhân sanh, đầu năm 1934, Ngài Quyền Thượng Đầu Sư cùng một số chức sắc cao cấp bên Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài lui về An Hội – Bến Tre để thực hiện Cơ Chính Đạo.

Một vấn đề nổi bật của Ban Chính Đạo sau đó là quyết định ngưng sử dụng cơ bút của Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương.

Đây là một quyết định dũng cảm có giá trị to lớn trong việc bảo thủ chân truyền Đại Đạo cho ý nghĩa “Chỉnh Đạo” vào giai đoạn cụ thể của tình hình lúc bấy giờ. Nhưng về lâu dài khi tình hình đã chuyển biến ổn định, những người có trách nhiệm tiếp nối điều hành nếu vẫn cứ duy trì

14. Đức Giáo Tông Chính Đạo, Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

những quyết định đó sẽ không còn hợp thời với lý Đạo biến dịch của tự nhiên. Chính vì thế, sau khi đăng Tiên và được giảng cơ qua linh điển, Đức Giáo Tông Ban Chính đã từng nhiều lần than thở:

Trở lại Thánh thất Bình Hòa năm 1967 thuộc Ban Chính, địa danh đã gắn liền với Đạo sử trong giai đoạn phân chi lập phái, Đức Nguyễn Giáo Tông trải lòng tâm sự:¹⁵

*“Thương vì nhục thể sớm tiêu tan,
Đạo nghiệp đành cam chịu dở dang,
May được nương nhờ linh diệu bút,
Giáng đàn minh giải nổi hàm oan.”*

GIÁO TÔNG CHÍNH ĐẠO NGUYỄN NGỌC TƯƠNG. (...)

Các em ơi! Đạo lý sâu sắc mầu nhiệm vô cùng, nếu không phải là hàng Đại Giác Kim Tiên, không làm sao thấu hiểu cho cùng tột. Mọi việc ở đời cũng có lắm điều uẩn khúc, nếu không lấy tư cách khách quan để phê phán nhận xét thì không thể nào hiểu rõ mọi khía cạnh của một vấn đề.

Trong tổ chức đạo Cao Đài cũng vậy, nhớ lại năm xưa, sau khi có chênh lệch dị đồng tư tưởng, Tiên Huynh tách rời khỏi Tòa Thánh Tây Ninh về địa phương lo bề tu thân luyện kỹ và dìu dắt đàn em trên bước đường tu học. Lúc đó nhờ có Tiên Huynh Lê Ngọc Lịch, Thiên vị là Ngọc Lịch Nguyệt giúp đỡ ý kiến cho Tiên Huynh chọn một danh từ “Chỉnh Đạo” để khỏi đối Thủy phản bạn và đạo sử có lý do phán xét và ghi nhận sau này. Điều uẩn khúc đó chỉ có Tiên Huynh cùng với một số người tâm phúc lập “Chỉnh Đạo” hiểu biết mà thôi.

Sở dĩ có việc giữ gìn kín đáo đường lối hành đạo như vậy, vì Tiên Huynh nhận thấy tinh thần chức sắc chức việc và đạo hữu địa phương đang lúc bông bột, lương tâm xáo trộn. Do đó, Tiên Huynh không cho dùng cơ bút trong phạm vi Chỉnh Đạo. Đó cũng là một tác dụng để các hàng Thiên phong Chức sắc Hội Thánh sau này có lý do hàn gắn lại với đại toàn thể Đại Đạo những gì đã sút mẻ.

Các em còn nhớ lời Chí Tôn nói chẳng? Hễ còn đạo Cao Đài là Hiệp Thiên Đài vẫn còn, vì đạo Cao Đài đã phát sinh từ Hiệp Thiên Đài, từ huyền cơ diệu bút. Chỉ tiếc vì người đời còn quá vọng tâm bản ngã, không biết chấp hành cơ bút, và sử dụng Hiệp Thiên Đài, nên nếu để áp dụng rộng rãi nơi địa phương, e đã và sẽ xảy ra những gì đáng tiếc.

Người phạm xác tục còn nặng tâm bởi địa phương, bởi màu sắc, nếu dùng cơ bút mà không hiểu rõ Thiên ý, quyền pháp đạo luật thì khó tránh được sự lạm dụng và khảo đảo.

Các em thử nghĩ, nếu không có cơ bút, làm sao có đạo Cao Đài, làm sao có đạo luật quyền pháp?

Trước kia Anh hằng nói: Không phải không dùng cơ bút, chỉ trích cơ bút, mà Anh chỉ không chấp thuận những gì không chơn lý mà thôi, cũng như không chấp nhận những gì có tánh cách cho một nhóm, một phái, một chi, hoặc một người nào. Và nếu không có cơ bút làm sao hôm nay Anh được hội ngộ cùng các em để minh giải những điều kể trên.(...)

Nhưng những gì Anh đã hoạch định mà chưa tiện nói ra cùng Hội Thánh cũng như nhơn sanh, do đó việc hành đạo của các em bị vấp phải một số chướng ngại nên chưa quảng bá rộng rãi cùng liên hiệp đó đây trong khối Đại Đạo, (...) Chỉ chờ thời gian để tìm mọi giải pháp chung hợp một đường lối, một phương pháp hành đạo. Cao vọng thì vậy, nhưng phần nhục thể không cho phép thực hành rốt ráo cao vọng đó.

Hôm nay, Anh mượn linh cơ này để gởi lời thăm viếng các em nơi Hội Thánh Chỉnh Đạo cùng toàn thể tín hữu xa gần, hãy nhớ nguồn, nhớ cội mà qui hiệp...”

• Một lần khác cũng giảng cơ nơi Thánh thất Bình Hòa vào năm 1968, với danh xưng Đệ Tam Giáo Tông, Ngài nói:

“Các em đã giữ được lễ lối hành đạo từ xưa của Tiên Huynh roi dấu. Trong bước đường dĩ vãng thì đã vẹn tròn tốt đẹp, còn bước đường vị lai thì sao hồi các em?

15. Phối sư Phùng Văn Thới, Ngoại Viện Trường Ban Chính. Theo điều lệnh phân công ra Hà Nội thực hiện việc phổ độ.

Mọi việc ở thế gian đều biến chuyển theo lẽ thiên nhiên. Cơ Đạo và phương pháp hành đạo cũng phải biến chuyển linh động, tùy thời độ người vào nẻo thiện.”¹⁶

• Lần khác nữa, năm 1970, đau lòng trước tình trạng chia rẽ nội bộ Ban Chính, Đức Nguyễn Giáo Tông giảng đàn nơi Bửu Quang Đàn tỉnh Long An phân trần.

“Phùng Văn Thới tự Thiên Hùng Chơn Tiên.

... Chư hiền hữu có nhớ tôi chăng? Phùng Văn Thới này trước kia thọ pháp chơn truyền nơi Tây Ninh cùng anh Cả ta hiện là Giáo Tông Ban Chính Đạo, trong hồi chinh nghiêng nền Đạo ta quyết một lòng chấn chỉnh nên cùng anh Cả về An Hội để lập thành cơ cấu, xây dựng mối giềng. Đó cũng là Thiên cơ định sẵn... Vì thế trong thời gian vận dụng bởi Thiên lý chưa thành, đó là dụng sức phàm tạo gây công quả đến ngày hồn rời khỏi xác, từ lâu non Thần luyện chơn thân. Giờ linh rọi điển đàn tiền lưu lại và nhắc viển tích vừa qua, chư hiền còn nhớ? Vậy giờ đây có anh Cả ta lai đàn. Vậy Thiên mạng tam ban tiếp lĩnh. Thôi xin từ tạ.”¹⁷

THI

“NGUYỄN vận trùng hưng nối Đạo nhà,
NGỌC Hoàng khai sáng chuyển Kỳ Ba,
TƯƠNG giao huynh đệ đời minh triết,
TỰ giải oan khiên đến Bửu Tòa.
GIÁO huấn nhơn sanh trong bốn cõi,
TÔNG truyền Đạo pháp đức tam gia,
CHÍNH đời cay nghiệt ra an hưởng,
ĐẠO mạch trùng hưng của nước nhà.

Tệ Huynh mừng chư hiền đệ muội thừa hành...
Nầy chư hiền trung đàn, kể từ ngày sáng khai nền Đại Đạo, trước đã dụng huyền linh Thiên điển, Chí Tôn chuyển bút cơ lập thành luật pháp lần lượt trải qua thập nhị niên.

Vì cơ vận chuyển hoát khai cho nền Đại Đạo phổ hóa rộng ra, từ ấy, Tệ Huynh đã tách rời về

nơi An Hội chấn chỉnh Đạo nhà. Trước chỉ còn dùng bút cơ dùng do Chơn đồng Thiên lực, sau thời gian chấn chỉnh Tệ huynh không dùng cơ bút vì Tệ huynh đã đạt lấy cơ tâm thay vào nắm giềng mối Đạo để điều khiển chư hiền. Như vậy trong tất cả chư hiền đều biết rằng trong cơ Chính Đạo không tin dùng cơ bút vì sợ cho các em thiếu tinh thần điều khiển. Như vậy là một điều cẩn thận.

Trong bao năm trường, cửu niên tịnh tọa, Tệ huynh đã đạt máy Thiên cơ phục hồi Tiên vị còn lưu lại một sự nghiệp nơi trần cho các em phụng sự điều khiển chương trình chờ ngày thống Đạo. Nhưng anh nhắc lại ai là người đủ tài trọn đức hầu hướng dẫn thay anh trong hồi vắng dạng? Thế nên từ đây càng ngày càng di dịch, dụng quyền hơn lý, thành ra các em phải chịu cảnh xáo nhối khảo thí.

Trên non đài điển quang rọi xuống, anh quá đau lòng, vừa qua anh chuyển linh cơ nơi Giáo Hội Trung Ương tường thuật một bài nhờ Huỳnh Đức chuyển sang cho Khắc Bích và Thuộc Thanh để nghiên cứu những lời của Anh ghi lại hầu chuyển lập Huyền Cơ cho Anh thượng tấu Đại Từ. Nhưng chương trình không thực hiện vì bởi lý phải thua quyền. Thế nên, buồn buồn!

Nầy các em, về cõi vô hình với điển quang tiếp xúc, cần phải chuyển qua ngọn linh bút vẽ vờ hay Chơn đồng phát hiện, ngoài ra thì không còn phương thức nào lưu lại.

Giờ đây, Anh hội diện cùng các em đàn tiền nhắc lại đàn qua để đốt nóng tinh thần thiết tha của Anh trong cõi vô hình chờ đợi. Trong khoảng đường từ niên biến cố, Hội Thánh đã chia phối, tay lãnh đạo phân tán; như vậy các em phải đi theo chiều hướng nào cho đúng luật? hay là các em nằm nơi đây để chờ ngày dấu tích đó các em? Giờ nay, dấu Tệ huynh tả bút mòn mực cạn cũng chưa hoàn tất những lời cần thiết. Vậy Tệ Huynh đòi lời cho thỏa. Các em sáng suốt phân minh, lấy tư tâm quyết đoán hầu tiến bước trên con đường hòa hiệp, cấu tạo căn cơ để giải tỏa tinh thần phiền muộn đó các em.”¹⁸

16. Đạo Lý số 51, trang 88–89, Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Bửu Quang Đàn 17–01 Canh Tuất (22–02–1970).

17. Trích Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên Lược Luận.

18. Năm 1974.

QUAN TÂM HỢP TÁC CÙNG CÁC NƠI

Tờ Đạo Lý số 2 của Giáo Hội Cao Đài Thống Nhất ra mắt năm 1964 có trích đăng lại bài tường thuật Phái Bộ Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội viếng Thánh thất An Hội:¹⁹

“Nhơn ngày 29 tháng 5 và mồng 1 tháng 6 năm Đinh Sửu (nhằm 7, 8 Juillet 1937), tại Thánh thất An Hội Bến Tre có thiết cuộc lễ Tiểu Tường ông Thượng Chương Pháp Lê Bá Trang, chúng tôi được thơ ông Thượng Đầu Sư Nguyễn Ngọc Tương mời đến dự, luôn tiện sẽ nhóm chúc sắc mà tán thành sự hòa hiệp.

Sớm mai ngày 07-7-1937, đúng 8 giờ, chúng tôi là Nguyễn Văn Đước, Trương Vĩnh Quý, Trần Văn Nghiêm và Phạm Văn Long khởi hành từ Thánh thất Cầu Kho (Sài Gòn) đến Bến Tre vào khoảng 11 giờ rưỡi trưa, chúng tôi ghé nghỉ tại nhà ông Nguyễn Bửu Tài. Tình cờ, không hẹn mà chúng tôi gặp quan phủ Trương Mỹ Thạnh ở Hà Tiên lên chơi. Cuộc hội ngộ rất vui vẻ, chuyện trò hơn nửa giờ rồi chúng tôi cùng đi với ông Thạnh và ông Tài vào Thánh thất An Hội.

Giờ này, ông Nguyễn Ngọc Tương – chủ Thánh thất vắng mặt nên chúng tôi đồng lên bưu điện làm lễ ra mắt Đức Chí Tôn. Khi trở xuống hậu đường, bà sương phụ Lê Bá Trang hay tin phái bộ “Cao Đài Đại Đạo Liên Hòa Tổng Hội” xuống bèn đem trên 20 người tín nữ ra đứng sắp hàng mà chào mừng. (...)

Đến đây thì ông Thượng Đầu Sư Tương về đến, 11 giờ cúng trung lễ mở đàn, các chúc sắc và tín đồ lưỡng phái đều tập trung lên Bưu điện hết. Chúng tôi và ông Thạnh theo ông Tài trở ra nhà ông để dùng cơm trưa. Ông Nguyễn Ngọc Tương có mời chúng tôi ở lại. Song đạo huynh Nguyễn Văn Đước từ chối và hứa 3 giờ chiều anh em sẽ trở lại nhóm hội.

Đúng 3 giờ chiều hội chúc sắc ở Bưu điện để bàn sự hòa hiệp. Ông Nguyễn Ngọc Tương ngồi ghế chủ tọa. Cuộc nhóm họp bữa nay có

quý ông: Trương Mỹ Thạnh, Nguyễn Văn Đước, Trần Quang Nghiêm, Trương Vĩnh Quý, Lê Tấn Hoài, Nguyễn Bửu Tài, Nguyễn Hiến, Phạm Văn Long, Nguyễn Văn Kinh, v.v.

Ông Tương: Vả chẳng sự hòa hiệp đã có nhứt định rồi, bây giờ sở dĩ đem ra nói nữa là muốn biết phải làm thế nào để hợp tác đây. Xin trong anh em có ý kiến gì hay thì tỏ ra.

Ông Nghiêm: Sự hòa hiệp cốt chủ “Tâm”, vậy anh em trong Đạo cần hiểu nhau và thương nhau. Gác bỏ những đảng phái, chúc sắc, kinh sám, những cái hình thức giả tạm bề ngoài ra một bên. Chúng ta đồng thờ một lý tưởng ta là con chung của Thầy, ta phải hiệp nhau để mở mang cho Đạo Trời. (...)

Ông Nguyễn Ngọc Tương: Hôm nay, chư vị đã tỏ ý kiến cao thượng hết. Song vấn đề đem ra nói nơi đây là Hiệp chớ Hòa thì đây có vi bằng rồi. Quý vị nói qua nói lại rất cuộc ở đâu cũng còn đó. Chỗ nào cũng giữ luật riêng hết. Tại điều ấy mới thấy chia rẽ. Thật tôi lấy làm áy náy khi bước ra một bước đường thì có người hỏi ở Chi nào? Đạo là một. Hòa là thương yêu. Vậy chúng ta ráng Hiệp, nếu ở đâu mời có thể đi được thì đi hết không nệ cố chấp nhỏ nhen. (...)

Trước khi giải tán, ông Tương xin anh em đến 8 giờ tối nhóm họp lần nữa. (...)

Đúng 8 giờ tối, chư chúc sắc tề tựu đông đủ tại Bưu điện, ông Tương xin ba điều như dưới đây:

- Đứng bàn chuyện quốc sự.
- Hội phải cho êm tịnh.
- Hiệp nhứt về đâu?

(...) Ông Đước:... mời ông Tương lên Thánh thất Cầu kho lại mồng 9 tháng 7 An nam.

Cuộc hội nghị bế mạc, kể đến, 11 giờ (khuya), cúng Đại lễ thượng sơ cầu siêu cho ông Thượng Chương Pháp. Chúng tôi rời Thánh thất An Hội về đến Sài Gòn vừa đúng 3 giờ sáng ngày hôm sau.”

ĐỆ TAM GIÁO TÔNG VỚI SỬ MẠNG PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Thánh Giáo Sưu Tập Năm Bính Ngọ – Đinh

19. Trích Tạp Chí Đại Đạo Quy Nguyên Lược Luận.

Mùi (1966–1967) do Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo xuất bản năm 2010, trang 302–311, có ghi lại đàn tại Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức ngày 20–9 Đinh Mùi. Đàn này có nhiều Đấng Thiêng Liêng giảng cơ, khi đó các Đấng xưng danh: Đệ Nhất Giáo Tông Vô Vi Ngô Minh Chiêu, Đệ Nhị Giáo Tông Thượng Trung Nhật, Đệ Tam Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Đệ Tứ Giáo Tông Nguyễn Bửu Tài. Chúng ta thấy cách xưng danh như trên được lặp lại nhiều lần trong các quyển Thánh Giáo Sư Tập.

Điều này được chứng minh thêm bằng sự kiện đã được ghi nhận trong Cao Đài Giáo Lý số 89²⁰ trang 70: Đại hội khánh thành Thánh Tòa Thiên Thai Vô Vi được tổ chức theo sắc lệnh đàn cơ tại đây do Ban Hiệp Thiên Đài Hội Thánh Tiên Thiên tiếp diễn. Đức Lý Giáo Tông giảng dạy sắp xếp long trọng tiếp rước di ảnh của bốn vị Giáo Tông qua đàn cơ do Ban Thông công Phổ Thông Giáo Lý thực hiện.

*“Đây Bản Đạo dạy phần việc tới,
Ngày 20 Đại hội Phục sơ,
Tiên Thiên Thánh Đức đến giờ,
Thiên Thai Thánh tịnh đang chờ Thiên ân.
Để kỷ niệm góp phần công đức,
Truyền Cơ Quan chung sức chung công,
Sấm sanh đủ bốn chân dung,
Giáo Tông tứ vị: Chiêu, Trung, Tương, Tài.
Ghép khuôn tượng bên ngoài y nhứt,
Bốn tấc ngang năm tấc chiều cao,
Xinh xinh nghiêm chỉnh một màu,
Để bàn Tiễn Bối gói bao kỷ cang.
Và lập một phái đoàn hỗn hợp,
Có nữ nam thứ lớp nghiêm minh,
Hai mươi khởi giữa giờ Thìn,
Lễ nghi cung thỉnh đăng trình đi ngay.
Trước giờ Ngọ Thiên Thai tiên liệu,
Tiếp rước vào Tam diệu huyền môn,
An bài trước bệ Chí Tôn,*

*Đợi giờ nghinh Thánh hoàng hôn Dậu thời.”*²¹

Trở lại thế gian qua ngọn linh cơ, Đức Đệ Tam Giáo Tông nhiều lần góp phần thúc đẩy tinh thần hòa đồng chi phái:

“Đệ Tam Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương, Tiên Huynh chào mừng đoàn hướng đạo trung kiên cùng các em nam nữ không luận trắng đen ở mặt hình thức. Mời các em ngồi...”

Các em ôi! Mọi việc trên thế gian này không có cái chi gọi là hoàn mỹ. Rất đổi Đông Hải Long Vương thường tại thế mà còn phải thay đổi thay! Huống hồ chi các em là một phần nhỏ trong đại toàn thể đó, làm sao tránh khỏi được. Như trăng khi tỏ lúc mờ, nước sông lớn ròng lặn lúc. Đời người khi thịnh lúc suy, tan hiệp, hiệp tan, buồn vui sướng khổ, thịnh suy bĩ thối. Đó là lò rèn luyện sự kiên tâm trì thủ nhẫn nại để tiến của con người. Nếu người cùng vạn vật không uốn mình hòa nhịp cùng máy tạo vật, ắt phải bị đào thải không sớm thì chầy.

Chúng Tiên Huynh trước kia, khi còn tại thế, tuy mỗi nhiệm vụ mỗi phận hành có vẻ như riêng biệt về mặt hình thức, nhưng phần nội dung và lý tưởng phụng sự đạo Trời vẫn có một. Mỗi người quyết tâm xương minh phổ truyền đạo pháp, giáo dân vi thiện, để một ngày nào đó sẽ chung hợp làm một đại nghĩa là chủ trương đoàn kết đại đồng nhưn loại, lấy đạo đức dân sanh làm căn bản, lấy tình thương xóa bỏ hận thù. Muôn người như một, đồng hấp thụ giáo lý đạo Trời để cùng sống trong tình tương thân hòa ái, xây dựng một cảnh thiên đường cực lạc tại thế gian. Nhưng tiếc vì đạo nghiệp chưa rồi, ý chí chưa bộc lộ cho Giáo hội am tường đường lối, nhục thể sớm hoại, thành ra đạo nghiệp phải dở dang, còn bị mang tiếng là chia chi rẽ phái. Việc ấy sau này sử đạo sẽ trả lời.

Trước chánh điện hội công đồng chư vị Tiễn Bối nơi đây, Tiên Huynh quả quyết với các em rằng: Một hình thức không có nghĩa gì đối với lý đạo. Đó chỉ là phương tiện điều hành của mỗi tổ

21. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14–02 Giáp Dần (07–3–1974).

(XEM TIẾP TRANG 112)

20. Năm 1974.

Gây dựng lại Ngôi nhà lịch sử

KỶ NIỆM 38 NĂM TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ (1973–2011)

■ THIÊN HẠNH

Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long, thế danh Lê Văn Tiếng (1843–1913) sáng lập Vĩnh Nguyên Tự năm Mậu Thân (1908) tại làng Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn (nay là tỉnh Long An). Đây là một ngôi chùa Phật thuộc chi Minh Đường, có bề dày lịch sử đến nay là 103 năm. Cuộc đời tu hành hoằng pháp lợi sanh theo Phật đạo Minh Sư của Ngài đã viên mãn, Ngài chứng đắc đạo quả là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Trong một lần giảng diễn, Ngài đã xác nhận mục đích của việc tạo tác Vĩnh Nguyên Tự hồi còn sinh tiền.

“Ngày xưa, Vĩnh Nguyên Tự được thiết lập vì hai lý do: Một là, Thiên cơ dĩ định. Sứ mạng của Vĩnh Nguyên Tự là nơi

qui tụ Thập Nhị Khai Thiên để gây dựng giếng mối Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Hai là, truyền thống đạo đức. Vì trong đời Lão đã là người lập thân hành đạo nên tạo cơ sở ấy để nguồn đạo đức mãi mãi lưu truyền cho hậu thế, trước nhất là truyền thống tử tôn.”¹

Ngài cũng đã có dịp minh giải thêm lý do thú nhút của việc xây dựng ngôi chùa Vĩnh Nguyên trên bước đường sơ khai của đạo Cao Đài.

“Xưa kia, Lão lập Vĩnh Nguyên Tự để tu niệm và gây dựng một số hành trang dành để chờ đợi đoàn người sứ mạng

Tam Kỳ Phổ Độ tạm dừng chân lãnh sổ hành trang ấy làm vốn liếng đi trên quãng đường gay go khó khăn giữa thời mạt pháp, ngõ hầu hoàn thành sứ mạng đã thọ lãnh chốn Thiên cung.”²

Ngôi cổ tự Vĩnh Nguyên theo thời gian bị hư hoại bởi định luật thành trụ hoại diệt. Nhằm “giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại Đạo”, Ôn Trên ban ơn tái thiết Vĩnh Nguyên Tự.

“Nay giai đoạn của Lão đã xong, đoàn người sứ mạng cũng đã trở về trên cảnh cũ, còn lại đây, nếu muốn giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại

1. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Thiên Lý Đàn, 12–02 Kỷ Dậu (29–3–1969).

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20–3 Canh Tuất (25–4–1970).

Đạo thì cứ giữ, bằng không cũng sẽ như các sự vật trên đời này, luân chuyển theo thời gian chìm sâu trong quá khứ đó thôi.”³

VĨNH NGUYÊN TỰ TRONG TIẾN TRÌNH HÌNH THÀNH TRỤ TƯỚNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài được chính Đức Thượng Đế Chí Tôn khai minh tại Việt Nam vào thập niên 20 của thế kỷ trước. Nền trụ tướng của Đại Đạo hay Thánh thể của Đức Chí Tôn tại thế gian trước khi hình thành Tòa Thánh Tây Ninh đã nối tiếp nhau qua bốn thánh tích quan trọng lần lượt là: Dương Đông (Phú Quốc), Vĩnh Nguyên Tự (Long An), Thánh thất Cầu Kho (hiện nay là Nam Thành Thánh Thất) và Thiئن Lâm Tự (Gò Kén). Mỗi một di tích lịch sử đều gắn liền một sứ mạng đặc thù quan trọng của cơ lập giáo. Đức Đông Phương Chuông Quân đã minh giải ý nghĩa của từng di tích lịch sử như sau:

“Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông Phú Quốc và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.

Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyên Tự. Chí Tôn đã dùng

nơi này thu nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai đạo truyền bá giáo lý trong Tam Kỳ Phổ Độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển luật pháp Đạo trong buổi sơ khai.

Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho mà hôm nay biến thành Nam Thành Thánh thất. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai tịch Đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ.

Di tích thứ tư là nơi thiئن tự tại Gò Kén. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai Minh Đại Đạo trước quốc dân bá tánh.

Mỗi một chỗ đều có một sứ mạng, tuy riêng nhưng chung qui nó là những mắt dây xích đều có móc nối nhau để đến ngày thành tựu là Tòa Thánh Tây Ninh rồi tuấn tự các nơi khác, như cây đã mọc lên, đâm tước nảy chồi đơm hoa kết quả cho nhơn sanh đồng thọ hưởng.

Bản Đạo nói như vậy để chư hiển ý thức về tiến trình của ngày sơ khai Đại Đạo.”⁴

Chính tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn đã ban Thiên phong cho quý vị chức sắc Tiên Khai để chuẩn bị cho công cuộc Khai minh Đại Đạo ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (1926). Thầy còn dạy Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt chọn kinh nhứt tụng cho đạo

Cao Đài. Ngoài ra, Đức Chí Tôn còn hướng dẫn chư vị Tiên Khai soạn thảo Tân Luật. Cũng chính tại ngôi cổ tự này, nhân kỷ niệm ngày đăng tiên của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long, Đức Chí Tôn cũng đã nhắc lại sự kiện lịch sử buổi đầu của đạo Cao Đài tại Vĩnh Nguyên Tự.

“Trước kia, tại nơi này, Thầy vận chuyển cho Trung, Lịch, Cử, Tắc đến nơi này để luận bàn hoạch định cùng nhận lãnh thi hành một sứ mạng mà Thầy đã phó giao. Đó là sứ mạng khai minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, lập thành trụ tướng cùng những kinh điển, quyền pháp đạo luật để hoằng dương chánh pháp phổ độ nhơn sanh. Thầy đã vận chuyển các nguyên căn đến hợp tác cùng các anh con để thay Thầy cầm giềng mối Đạo, lập cơ hữu hình tại thế gian.”⁵

Mặt khác, cơ sinh hóa và vận hành càn khôn thế giới dựa vào lý “Thái Cực – Âm Dương”. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo dạy: “Cái lý Thái Cực là lý đơn nhứt, cầm quyền sanh hóa thống chưởng càn khôn. Âm dương là cái phép nhiệm mầu, sâu kín thiên cơ. Có câu: “Nhứt âm nhứt dương chi vị Đạo”. Âm dương hiệp nhứt thì phát khởi càn khôn.”⁶ Từ Thái Cực biến

3. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-3 Canh Tuất (25-4-1970).

4. Đức Đông Phương Chuông Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Canh Tuất (30-12-1970).

6. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, bài Tiên Thiên Cơ Ngẫu, đàn cơ 03-8 Bính Tý (18-9-1936).

sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái. Đó chính là “một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật”. Tương tự, Ôn Trên đã khai thị rằng sự thị hiện Thiên Nhân tại Phú Quốc tượng trưng cho ngôi Thái Cực, còn Vĩnh Nguyên Tự chính là Lưỡng Nghi. Nơi đây, Đức Chí Tôn đã sắc phong hai vị Đầu sư đầu tiên của đạo Cao Đài đó là ngài Lê Văn Trung và ngài Lê Văn Lịch với đạo danh đặc biệt là Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt. Chính vì vậy vai trò của Vĩnh Nguyên Tự trong đại cuộc Khai minh Đại Đạo cứu độ chúng sanh vô cùng hệ trọng.

“Ngô Văn Chiêu là một anh cả trong Thập Nhị Tông Đồ đầu tiên. Ngô Văn Chiêu đã kiến nhận và tiếp lãnh dấu hiệu Thiên Nhân. Nói về lý số, Thiên Nhân là con số 1, tượng trưng cho Ngôi Thái Cực.

Kể đến lập thành lưỡng nghi nơi Vĩnh Nguyên Tự. Đó là Nhựt Nguyệt Âm Dương. Từ Thái Cực biến Lưỡng Nghi trở thành cái pháp sanh hóa muôn loài vạn vật mà cái pháp ấy Hộ Pháp đã tượng trưng.”⁷

CÔNG CUỘC TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ

Việc tu bổ, tôn tạo các hội thánh, thánh thất, thánh tịnh

7. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quí Sửu (24-3-1973).

là lẽ đương nhiên thường tình, vì vật chất hữu hình thì hữu hoại theo thời gian. Cho nên, việc trùng tu thánh thể của Đức Chí Tôn tại trần gian là cần thiết nếu bốn đạo sở tại có đủ điều kiện vật lực cũng như tài lực. Có như thế thì con người mới bảo tồn và phát huy được cơ đạo, mới làm sáng danh Thầy danh Đạo. Song trước hết, việc tái thiết các di tích ban sơ của đạo Cao Đài nói chung, Vĩnh Nguyên Tự nói riêng thuộc về trách nhiệm của toàn Đạo, chứ không do một hội thánh, hay thánh thất nào đảm trách. Bởi vì đây là công trình có trước khi phân chia chi phái.

“Hỡi các con! Đừng đứa nào mãi lo riêng tư cho chùa thất mình, cho chi phái mình, mà đành quên một điều căn bản, đó là tu bổ tái thiết trước hết những di tích lịch sử khai Đạo. Trên danh nghĩa, những di tích đó chưa từng nhuộm màu sắc chi phái và cũng chưa từng bị lem ố bởi danh từ chia rẽ phái chi. Các con muốn tạo điều kiện cho cơ quy nguyên thống nhất

Đạo mà quên đến yếu tố ấy là một điều rất thiếu sót vậy.

Trong tương lai, rồi đây các Thánh thất, Thánh đường sẽ được tuân tự tu bổ lại để kiện toàn Thánh thể Chí Tôn, và cũng là việc tạo điều kiện làm sáng danh Đạo.”⁸

Công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự có vài cột mốc thời gian đáng ghi nhớ: Đức Chí Tôn ban hồng ân tái thiết Vĩnh Nguyên Tự, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy chi tiết việc động thổ, và Đức Đông Phương Chương Quân dạy chương trình lễ an vị khánh thành Vĩnh Nguyên Tự.

ĐỨC CHÍ TÔN BAN HỒNG ÂN TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ

Nhân dịp lễ kỷ niệm đầu tiên của Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long (ấn chứng đạo quả là Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn) ngày mùng 3 tháng 12 năm Canh Tuất (30-12-1970) tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Canh Tuất (30-12-1970).



đã ban bố hồng ân cho công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự với sự phò trì của Ban đốc công Vô vi nơi cõi Vô hình.

“Giờ này, Thầy chan rưới hồng ân cho các con lớn nhỏ, và hãy khuyên nhủ cho nhau, hãy cùng chung tâm góp sức trong mọi mặt để giúp đỡ các em con sở tại sớm hoàn thành công cuộc tái thiết ngôi Vĩnh Nguyên Tự này. Nếu có các con nào tự nguyện xin ghi tên góp phần vào công quả ấy, Thầy sẽ cho một ban đốc công vô vi đến giúp sức các con.”⁹

ĐỨC NHƯ Ý DẠY CHI TIẾT VIỆC ĐỘNG THỔ

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã dùng thuật phong thủy sử dụng nguyên lý âm dương ngũ hành để Vĩnh Nguyên Tự hấp thu được linh khí trọn vẹn của Trời Đất ngũ hầu đạt được hiệu quả cao nhất trong công cuộc hoàng pháp lợi sanh, miền viễn trường tồn. Ngài dạy rằng: “một việc làm huyền bí nhưng không huyền bí” và con người cũng có thể “giải mã” được sự huyền bí này bằng cách “ràng tu học sẽ hiểu”. Thời điểm tiến hành các nghi thức động thổ là giờ Tý ngày 10 tháng 8 năm Canh Tuất (10-9-1970).

“Đã mấy lần qua, Đức Giáo Tông đã dạy ngày giờ đặt viên

đá đầu tiên và đào móng. Đến thứ Ba tới đây là thành tựu. Thứ Ba này, chính Bạch Lương Ngọc, Bạch Tuyết, hai cháu phải sắm sanh lễ vật, đặt bàn ngay trung tâm nền vào Tý thời đêm mừng 10 tháng 8 để cầu nguyện lễ bái Thiêng Liêng, và dùng hai cái bốn, một đựng đất, một đựng nước. Hai món này phải được lấy ở hướng Bắc nơi ao trước chánh môn. Lưu ý: lấy đất nước để sẵn, nhằm đã đúng vị trí trung tâm rồi, hai cháu, nam tả nữ hữu, đào hai cái lỗ cho hai bên, bề sâu 3 tấc 6 phân, bề trực kính 5 tấc. Xong rồi, nam thủy, nữ thổ, đồng đổ xuống lỗ hai cái bốn ấy. Đoạn bỏ lên 5 hột gạo và chút xíu muối, khỏa bằng lại. Kế làm lễ tạ ơn Thiêng Liêng là xong. Còn đất đào lên thì để vào một cái bốn khác, sau cùng đem trả lại chỗ đã lấy đất cho sự mát mẻ nơi vị trí mà mình đã chọn. Một việc làm huyền bí nhưng không huyền bí, các cháu ráng tu học sẽ hiểu.”¹⁰

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỜNG QUẢN DẠY CHƯƠNG TRÌNH LỄ AN VỊ KHÁNH THÀNH

Công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự được thực hiện khoảng hai năm rưỡi. Cho đến thời điểm trước ngày rằm tháng 3 năm Quý Sửu (1973) có một vài hạng mục vẫn chưa hoàn thành. Tuy nhiên, Đức

Chí Tôn vẫn ban ơn cho tiến hành lễ an vị khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự vào ngày 13 tháng 3 năm Quý Sửu (15-4-1973). Bởi lẽ, nếu đợi tất cả mọi phần việc thực hiện xong mới tiến hành lễ lạc thành thì sẽ trễ đi một năm, tức là guồng máy thiên cơ thực hiện cơ cứu thế Kỳ Ba phải trễ tràng hơn nữa.

“Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày an vị khánh thành sắp tới đây để các sứ đồ con cái của Ngài ôn nhớ lại kỷ niệm thời kỳ khai nguyên lập đạo. Vì tác dụng, nhu cầu cho việc truyền bá đạo pháp cứu độ quần sanh, chi nên ngày 13 tới đây, nếu vì lý do các cơ sở tả hữu tiền hậu phụ thuộc chưa kịp dựng nên hình, rồi đình hoãn lại, ắt phải trễ thêm một niên kỳ nữa, là ngày 13 tháng 3 năm Giáp Dần, e sẽ lỡ hết các cơ hội. Thế nên, trong phạm vi hiện hữu với khả năng cố gắng tối đa của nhơn sanh chỉ tới chừng ấy, Chí Tôn vẫn cho phép hành lễ trong năm này để kịp thời sử dụng trong công cuộc cứu rỗi.”¹¹

Do tầm mức quan trọng của Vĩnh Nguyên Tự là di tích lịch sử thứ hai của Đại Đạo, Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy tổ chức lễ an vị khánh thành tái thiết Vĩnh Nguyên Tự trong ba ngày 13, 14 và rằm tháng 3 năm Quý Sửu (15,16 và 17-4-1973).

9. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Vĩnh Nguyên Tự, 03-12 Canh Tuất (30-12-1970).

10. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

11. Đức Đông Phương Chưởng Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

“Cuộc lễ có thể bao trùm liên tiếp trong 3 ngày, 13, 14 và Rằm tháng 3. Nhưng 3 ngày ấy có ba đặc tính khác nhau. Quan khách chỉ đến dự đông nhứt vào ngày Rằm là cuộc lễ kết thúc. Như vậy, ba ngày ấy có ba đặc tính như sau:

Ngày 13: Cung nghinh an vị các bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, cùng Linh vị của Đại Đạo Tiền Khai Tôn Linh Liệt Vị, phía hậu của chánh điện như đã được dạy.

Ngày 14: Lễ Thượng Phước và cung nghinh Thánh Tượng Thiên Nhân an vị nơi chánh điện.

Ngày Rằm: Tiếp rước quan khách các giới cũng như chánh quyền đến dự lễ cắt băng khai mạc, diễn văn, cảm tưởng, v.v...

Riêng trong ngày 14 có bài diễn văn thành quả của Chánh Hội Trưởng địa phương phúc trình các chi tiết về việc tái thiết.

Riêng ngày Rằm phải có bài diễn văn nói về tiểu sử ngài Vĩnh Nguyên Tự, song song với các tiến trình mà Chí Tôn Thượng Phụ khai đạo xuyên qua các di tích vừa kể trên.

Trong thời gian tam nhứt ấy, trọn tứ thời ngày đầu sẽ có các thời tụng kinh liên tiếp chuông mõ cùng động u minh để đánh thức sinh khí thổ địa cùng côn trùng thảo mộc nơi sở tại để biến luồng sinh khí nơi này từ lạnh tê hoang vu hắc ám trở nên ấm áp thanh quang sống động ăn nhip cùng ánh thiên quang của cuộc lễ.

Về Hiệp Thiên Đài sẽ được

hành sự hai đàn cơ giờ Tuất đêm 13 và giờ Tuất đêm 14.”¹²

Việc rút băng khánh thành buổi lễ có đại diện của Tứ giáo là Phật giáo, Lão giáo, Khổng giáo và Thiên Chúa giáo. Điều nầy minh chứng đặc tính dung hòa giữa các tôn giáo của đạo Cao Đài, đồng thời đánh dấu sứ mạng qui nguyên từ Tam giáo đạo (trong đó bao gồm Thiên Chúa giáo) trở về nguồn gốc Đại Đạo.

“Nên làm băng thắt thành hoa có 8 cánh, nhưng phía dưới thông ra 4 mối. Bốn mối đó dành cho đại diện Tứ giáo xu hướng tín ngưỡng: một là Phật giáo, có vị Thượng Tọa; hai là Tiên giáo, Đạo giáo, Lão giáo cũng thế, có thể mỗi này do Tổng Lý Minh Đạo rút; mỗi khác nữa đại diện Khổng giáo, mỗi chót do đại diện Thiên Chúa Ki Tô rút.”¹³

Vĩnh Nguyên Tự là chùa Phật nhưng đến khi chuyển sang giai đoạn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, danh xưng được giữ nguyên như xưa nhằm bảo tồn dấu ấn lịch sử; tuy nhiên nghi thức thờ phượng và pháp môn tu hành được thực hiện theo Tân pháp Cao Đài.

“Ngôi chùa Phật thờ theo nghi tiết trong Đại Đạo, đại diện các tôn giáo đến rút băng khánh thành. Người tín hữu Minh Sư đọc kinh Cao Đài và lập đàn

cơ thỉnh Tam Giáo Tổ Sư dạy Đạo đến khi qui liễu đắc vị Thần Thánh Tiên Phật. Những cái dị diệt về hình tướng danh từ còn có nghĩa gì trước cái lý đơn thuần tự nó không giới hạn, không phân ranh.”¹⁴

Ý NGHĨA ĐẠO HỌC

NGÀY 13 THÁNG 3 ÂM LỊCH

Đức Chí Tôn chọn ngày 13 tháng 3 năm Quý Sửu để tổ chức lễ an vị khánh thành Vĩnh Nguyên Tự do ngày nầy mang ý nghĩa Đạo học rất mầu nhiệm. Ngài Ngô Văn Chiêu tiếp nhận Thiên Nhân tại Phú Quốc ngày 13-3 năm Tân Dậu (20-4-1921). Đức Chí Tôn ban Đại thiên phong cho tam vị là Lê Văn Trung, Lê Văn Lịch và Phạm Công Tắc ngày 13-3 năm Bính Dần (24-4-1926). Ngài Ngô Văn Chiêu, người anh Cả của tín đồ Cao Đài trở về phục lệnh Đức Chí Tôn ngày 13-3 năm Nhâm Thân (18-4-1932). Đạo số nầy đã được Đức Đồng Phương Chuông Quản minh giải khi dạy về chi tiết lễ an vị khánh thành Vĩnh Nguyên Tự.

“Chư hiền đệ muội có biết tại sao Chí Tôn Thượng Đế đã chọn ngày 13 tháng 3 để cử hành cuộc lễ đó chăng? Sao lại không chọn thời gian khác để có đủ thì giờ chu toàn công việc tái thiết được hoàn mỹ thêm hơn? Để khỏi mất thì giờ,

12. Đức Đồng Phương Chuông Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

13. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 04-3 Quý Sửu (06-4-1973).

14. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

Bản Đạo giải thích về đạo số cho chư hiền được rõ:

Ngày 13 tháng 3, Tiền Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Chí Tôn đã chọn ngày ấy phong Thánh cho tam vị Đại Thiên phong chúc sắc đầu tiên. Đó Là Thượng Trung Nhật Lê Văn Trung, Ngọc Lịch Nguyệt Lê Văn Lịch, Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Ngày 13 tháng 3 cũng là ngày Chí Tôn Thượng Phụ thân hồi người anh cả tín hữu Cao Đài. Đó là Ngô Văn Chiêu.

Chư hiền đệ muội còn nhớ, một thời Chí Tôn đã sắc phong cho Ngô Văn Chiêu vào chúc vị Giáo Tông, nhưng người đã bá mạng không nhận lãnh. Đó cũng là lý số.”¹⁵

SỰ QUAN TRỌNG CỦA VIỆC TÁI THIẾT VĨNH NGUYÊN TỰ

Đành rằng mọi vật trên thế gian không thể nào tồn tại vĩnh viễn trước sự tàn phá của thiên nhiên. Cho nên, khi ngôi cổ tự cũng bị dấu ấn của thời gian làm cho hao mòn xuống cấp, Vĩnh Nguyên Tự cần được tái thiết trùng tu. Bởi lẽ, việc làm thiết thực nầy chính là “một công trình tìm lại cội gốc”, cũng không ngoài mục đích “gây dựng lại ngôi nhà lịch sử”, sao cho dòng đạo pháp luôn trường lưu bất tận.

“Khi lập ra Vĩnh Nguyên, Lão đã biết trước hoàn cảnh sẽ diễn

tiến như thế nào rồi. Đặt một hình thức để cứu vãn mà ai không quan tâm đến để bị tiêu điều, thiệt là đáng tiếc cho nhơn sanh hiện tại! Nhưng thời cơ đã đến, đạo nghiệp phải phục hưng, sự nối tiếp bồi đắp lại cảnh đạo lịch sử nơi này là một điều cần yếu, là một công trình tìm lại cội gốc, như cây kia dù phải sanh nhiều nhánh nhóc nhưng cũng có một cội, như nước có một nguồn. Nếu cây mất cội thì cành lá phải héo khô, nước không nguồn thì sông ngòi phải cạn, mọi người mọi vật ắt chết khô.

Ý thức được tầm quan trọng, được giá trị cao cả ấy, chư hiền đã và đang chung tay góp sức gây dựng lại ngôi nhà lịch sử, mà vai tuồng của các cháu đây là vai tuồng chánh.”¹⁶

Vâng, việc toàn đạo “gây dựng lại ngôi nhà lịch sử” Vĩnh Nguyên Tự cũng nhằm “giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại Đạo”¹⁷ vậy.

Khi sáng lập ngôi chùa nầy vào năm Mậu Thân (1908), Ngài Thái Lão Sư Lê Đạo Long đã đặt tên chùa là Vĩnh Nguyên

Tự nhằm ký thác tâm nguyện rất lớn lao. Đó là: bất luận đạo khách nào đặt bước đến chốn nầy cần ý thức rằng mình đã và đang quày gót trở về nguồn cội thuở ban đầu, hằng hữu hằng thường, bất dịch bất biến. Nguồn cội hư linh bất tử đó chính là Thượng Đế, là Đại Đạo, là Cao Đài nội tại.

“Vĩnh là vĩnh cửu, bất biến. Nguyên là nguyên bản, hằng hữu hằng thường. Chỉ có cái nguyên bản mới hằng hữu hằng thường bất di bất biến. Vạn hữu do từ hằng hữu mà sanh. Vô thường do từ hằng thường mà có.

Con người là một cá thể trong vạn hữu. Người có biết tu chơn ngộ Đạo mới có thể trở về nguyên bản hằng hữu hằng thường bất di bất biến trong cảnh giới vĩnh cửu hư linh.”¹⁸

Thật vậy, công trình lịch sử nầy tuy được Đức Chí Tôn sử dụng trong giai đoạn ban đầu trước khi hình thành trụ tướng đạo Cao Đài vào năm Bính Dần (1926), Vĩnh Nguyên Tự mang một sứ mạng rất quan trọng là cội nguồn, là điểm tựa vững chắc để cơ đạo “được đứng vững với nhơn loài”.

“Một tôn giáo được bành trướng, một giáo lý được thừa nhận như Đại Đạo Cao Đài ngày nay, tạm gọi là tôn giáo mới, chớ thật sự là một công cuộc bảo tồn sự an định cho vạn

15. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

16. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).

17. Nay giai đoạn của Lão đã xong, đoàn người sứ mạng cũng đã trở về trên cảnh cũ, còn lại đây, nếu muốn giữ di tích ấy cho khỏi đứt quãng dòng lịch sử trong Đại Đạo thì cứ giữ, bằng không cũng sẽ như các sự vật trên đời này, luân chuyển theo thời gian chìm sâu trong quá khứ đó thôi. (Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-3 Canh Tuất-25-4-1970).

18. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Giáp Dần (07-4-1974).

loại của Đức Chí Tôn, muốn được đứng vững với nhơn loài, cũng rất cần những chứng tích lịch sử đầu tiên để gây vào lòng con người sự tín ngưỡng, làm ấm áp cõi lòng bên cạnh chơn truyền tân pháp. Vấn đề được biện bạch là như vậy.”¹⁹

Việc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự không những để bảo tồn di tích lịch sử của đạo Cao Đài lúc ban sơ, mà điều quan trọng hơn hết là càng giữ gìn nguồn cội lâu bền bao nhiêu thì tiền đồ Đại Đạo càng được vững chắc bấy nhiêu do nền tảng được củng cố bồi đắp vững vàng. Đây chính là kết quả của qui luật tương tác, hỗ tương thuận nghịch.

“Chư hiền đệ hiền muội xa gần chung nhau bồi đắp nền tảng đạo để hữu dụng tương lai. Đó cũng là một sợi dây liên hệ chặt chẽ khiến cho tiền đồ Đại Đạo càng được vững vàng bởi cội gốc được vững bền.”²⁰

Lại nữa, di tích lịch sử tại Vĩnh Nguyên Tự là một mắt xích trong một chuỗi liên tục các sự kiện quan trọng của công cuộc cứu độ Kỳ Ba trong giai đoạn ban đầu Khai Minh Đại Đạo. Đầu tiên là Đức Chí Tôn thị hiện Thiên Nhân tại Phú Quốc, là Thần của Thượng Đế để làm biểu tượng thờ phượng; tiếp

theo Đức Chí Tôn thiên phong chức sắc cho quý vị Tiền Khai Đại Đạo, dạy quý Ngài chọn kinh điển và soạn Tân Luật tại Vĩnh Nguyên Tự để chuẩn bị ra mắt trước nhân sanh một nền tôn giáo là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay là đạo Cao Đài.

“Riêng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có khác ở chỗ sơ khai và lập thành qui luật giáo điều trong một tính chất dung hòa tổng hợp giáo lý cổ kim. Vì thế mà nơi này xuất hiện Thiên Nhân, nơi khác ban hành đạo luật, nơi khác nữa lập thành Thánh thể Đức Chí Tôn. Mỗi giai đoạn đều có một ý nghĩa liên tục của cơ phổ độ kỳ ba. Vì thế, ngày hôm nay, chư hiền đệ hiền muội phải nhọc lòng lo nghĩ, nhọc sức tô bồi cùng với Bản Đạo và Chư Tiền Bối quá vãng để tái thiết lại ngôi Vĩnh Nguyên Tự này.”²¹

Sẽ là thiếu sót nếu chúng ta không đề cập đến vai trò của Vĩnh Nguyên Tự trong việc chuyển từ Cựu Pháp sang Tân Pháp nhằm nối tiếp dòng trường lưu của đạo pháp. Thật vậy, Tân Pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là phương tiện rất ráo nhứt, phù hợp với căn trí chúng sanh, và quyết định đến đại cuộc cứu độ của Đức Chí Tôn trong thời Hạ nguơn Mạt kiếp này.

“Lịch sử ngôi Vĩnh Nguyên Tự rất là thô sơ, nhưng đó là bước đầu cho việc chuyển từ Cựu Pháp sang Tân Pháp, để thích hợp với kỷ nguyên tiến hóa của loài người.”²²

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn còn tiên tri rằng Vĩnh Nguyên Tự trong tương lai là “nơi tập trung tất cả mọi người”. Thật vậy, khi cơ Đạo được thống nhứt, tín đồ Cao Đài không còn

21. Đốc Công Vô Vi Tiền Bối, Vĩnh Nguyên Tự, 22-3 Tân Hợi (17-4-1971).

22. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 03-12 Đinh Mùi (02-01-1968).

19. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-12 Canh Tuất (06-01-1971).

20. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 06-8 Canh Tuất (06-9-1970).



phân biệt chi phái chắc hẳn sẽ có dịp hành hương viếng thăm cội nguồn ban sơ, thánh tích thứ hai của đạo Cao Đài nảy để chiêm bái và hồi tưởng dấu ấn của dòng Sứ đạo một thời tại chốn này năm xưa.

*“Xây dựng lại Vĩnh Nguyên Tự không có nghĩa là cốt ý để cho người nào vào ở, vì một sự kiện lịch sử được phát xuất nơi vị trí nào đó, mà vị trí ấy có lớn bao nhiêu nữa khi không có người ở cũng chẳng sao, và rồi nó là nơi tập trung tất cả mọi người mà không lượng trước được đó vậy.”*²³

TẠM KẾT

Kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự hôm nay là một dịp rất thiết thực để mỗi người con tin của Đức Chí Tôn có dịp ôn lại sứ mạng và vai trò quan trọng của di tích lịch sử thứ hai của đạo Cao Đài trong buổi ban đầu hình thành thánh thể của Đức Chí Tôn và trụ tướng của đạo Cao Đài nơi trần thế. Điều này đã được Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn xác nhận.

“Vĩnh Nguyên Tự mà Bản Đạo là người sáng lập đầu tiên, ấy chẳng qua là một sứ mạng mà Đức Chí Tôn đã giao phó buổi đầu. Khi Bản Đạo hoàn thành sứ mạng buổi đầu trong cơ đạo ấy thì kế đến trách nhiệm được trao cho Lịch,

*Trung, Cú, Tắc. Giai đoạn thứ hai này là giai đoạn manh nha hệ thống Tam Kỳ Phổ Độ, và rồi tiếp đến giai đoạn thứ ba đây được Đức Chí Tôn chuyển cơ phổ độ lập thành hình thức theo qui củ ở giai đoạn thứ hai, mà ngày nay Bản Đạo cũng phải chung tay vào xây dựng bằng tinh thần điển lực vô vi.”*²⁴

Công cuộc tái thiết Vĩnh Nguyên Tự đã hoàn mãn phần chánh điện vào năm Quý Sửu (1973). Do tâm lực và tài lực có giới hạn nên phần hậu điện của Vĩnh Nguyên Tự còn phải “chờ thời cơ thuận tiện” đến nay vừa đúng 38 năm mới có thể khởi công trùng tu. Đầu năm Tân Mão (2011) này, Ban Cai Quản Vĩnh Nguyên Tự thực hiện tôn tạo tu chỉnh phần hậu điện và tịnh trường trong điều kiện vẫn còn thiếu thốn rất nhiều về tài lực.

Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, một vị Tiên bối tại Vĩnh Nguyên Tự đã khích lệ các hàng con cháu thời gian ngắn sau buổi lễ an vị khánh thành Vĩnh Nguyên Tự năm Quý Sửu (1973).

“Vĩnh Nguyên Tự tái thiết vừa xong (...). Còn hậu điện thì chờ thời cơ thuận tiện sẽ hay. (...) không những nơi đây dựng làm tịnh trường tạm mà còn nhiều việc khác nữa. Chừng đó sẽ rõ. Mẹ thiết tưởng, đạo là sự nghiệp chung của đời,

*trong đó có các con cháu, các con cháu may duyên ở sở tại được ân ban, đó là phúc của Tiên nhân để lại. Đừng xem thường. Những gì các con cháu đã công quả nơi đây, Mẹ nói cho mà biết: Công quả ba, Trời đất trả cho muôn.”*²⁵

Song, “Vĩnh Nguyên Tự là đạo nghiệp. Vậy thì của người đạo, người hiền, không phải của một họ, mà của trăm họ.”²⁶. Chính vì thế, việc trùng tu phần hậu điện và tịnh phòng rất cần sự chung tay góp sức của toàn đạo để hoàn thành thật trọn vẹn việc “gây dựng ngôi nhà lịch sử”.

Kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự ngày hôm nay để toàn đạo ý thức được tầm mức quan trọng của việc bảo tồn di tích lịch sử này có tác động như thế nào đến sự bền vững của đại cuộc cứu độ kỳ Ba. Ngoài mục đích hoằng pháp lợi sanh, Vĩnh Nguyên Tự có sứ mạng đặc biệt trong việc bước đầu chuyển từ Cựu Pháp sang Tân Pháp trong Tam kỳ Phổ độ, và góp phần vào việc duy trì và phát huy “nguồn đạo đức mãi mãi lưu truyền cho hậu thế”²⁷, cũng như dòng đạo pháp luôn trường lưu bất tận đến muôn đời.■

23. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10–12 Canh Tuất (06–01–1971).

24. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10–12 Canh Tuất (06–01–1971).

25. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 01–10 Quý Sửu (26–10–1973).

26. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Vĩnh Nguyên Tự, 10–3 Quý Sửu (12–4–1973).

27. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Thiên Lý Đàn, 12–02 Kỷ Dậu (29–3–1969).

C TÌM HỌC KHỔNG HỌC ĐĂNG CHỮ "HỌC" THEO KHỔNG GIÁO

■ NHÓM TIỀN ĐỨC TU NGHIỆP

Đức Thánh Khổng đã suốt đời nêu gương về sự không ngừng học hỏi và sự tận tâm giáo dục đạo đức cho con người trở nên hiền nhân quân tử. Sự học có một tầm quan trọng trong triết lý Khổng Giáo, vì có hiểu rõ mục đích ý nghĩa của việc học thì mới có định hướng học tập đúng đắn. Chúng ta cùng tìm hiểu về sự học qua lời dạy của Đức Khổng Tử.

SỰ HỌC CÓ 3 NGHĨA

HỌC NGHĨA LÀ BẮT CHƯỚC

Hễ người nào tự xét mình hãy còn là người hậu giác, tất phải bắt chước những việc của người tiên giác đã làm. Tiên giác là những người hiền nhân quân tử có đạo đức phẩm hạnh,

tài năng sinh trước mình, biết trước mình.

HỌC ĐỂ CHO BIẾT (TRI)

Đức Khổng Tử dạy: Trời sinh ra ta, chỉ cho ta một bộ óc thiêng và một tấm lòng tốt. Sự lý trong thiên hạ, nhỏ từ nhất sự nhất vật, lớn đến tình hình một xã hội một quốc gia hay một thế giới thời tuyệt không có người nào sinh ra mà biết được ngay.

Đức Khổng Tử nói Ngài cũng phải học chứ không phải sinh ra mà biết ngay được. Ngài dạy: “Học nhi tri chi” nghĩa là phải học mà cầu cho biết, đó là nghĩa thứ hai của chữ học.

HỌC ĐỂ MÀ LÀM (HÀNH)

Người ta vẫn thường nói cặp nhau là “Học hành” bởi

vì có học mới hay hành, muốn hành tất trước phải học. Đường mình chưa đi, công việc mình chưa thạo, bảo nhắm mắt làm bưng, tất không thể nào nên, cần phải có học, có học mới biết, biết tất phải có làm, học tới bao nhiêu làm tới bấy nhiêu. Vậy nên nói chữ “học” tất phải kèm với chữ “hành”.

Việc “hành” này, Ngài chia làm ba thời kỳ:

HỌC CHI THỈ

“Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ”: Ở thời kỳ đầu trong việc học, hễ những điều đạo lý gì ta đã học đến thời phải tập mãi để ngày càng thuần thục, thấm nhuần, thấy được cái dụng của việc học tập từ đó lòng mình mới thấy thích thú, và càng say sưa học

tập. Duyệt tức là tâm đắc, là sự vui thích ở trong lòng.

HỌC CHI TRUNG

“Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ”: Chúng ta học không phải để một mình ta biết mà phải bày ra cho bạn bè cùng biết. Cùng trao đổi, cùng nghiên cứu, cùng chia sẻ những lợi ích với nhau, bạn bè bốn phương tự nhiên sẽ hội hiệp lại, chẳng vui vẻ lắm sao? “Lạc” nghĩa là vui vẻ hiện ra bên ngoài.

HỌC CHI CHUNG

“Nhân bất tri nhi bất uẩn, bất diệc quân tử hồ”: mục đích của việc học là cốt cho hoàn toàn một người quân tử, có nhân cách cao thượng, có đạo đức thánh hiền, có tài năng lỗi lạc, dầu người đời không biết đến mình, mình cũng không có ý giận.

TRÌNH TỰ CỦA VIỆC HỌC

Đức Khổng dạy: Việc học chủ yếu nhắm vào thanh thiếu niên, đó là những người tuổi còn trẻ, đường đi còn dài, sau này phải có trọng trách gánh vác việc của quốc gia xã hội. Tuổi thanh niên là tuổi bắt đầu việc học, không thì để lỡ phí mất cả cuộc đời. Vậy người thanh niên cần học những gì?

“Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực tắc dĩ học văn.”

Người đệ tử – đệ là em, tử là con, đệ tử là con em trong nhà, là người thanh thiếu niên chưa

đến giai đoạn gánh vác trọng trách của bậc cha anh – ở trong gia đình (nhập: về nhà, bên trong) phải hiếu lễ, bốn phạm trong gia đình là làm tròn chữ hiếu. Đến khi ra ngoài xã hội (xuất), người thanh niên cần phải thực hành chữ lễ. Lễ là thuận, là bốn phạm làm em. Ra ngoài xã hội người thanh niên cần có nghĩa vụ với đồng bào – là người anh em của mình.

Hiếu lễ là gốc của việc học: ở với cha mẹ cho đúng đạo lý gọi là hiếu, đối đãi với anh em cho đúng đạo lý gọi là lễ. Đệ tử làm được hai điều ấy là nền tảng làm người đã vững vàng rồi.

Đến khi xử sự tiếp vật thì phải cẩn thận, cung kính dịu dàng, không chỉ thận trọng mà còn phải chân tình thật ý, như vậy mới tạo được niềm tin của mọi người (cẩn nhi tín). Cẩn với Tín giúp tránh những điều lầm lỗi và nâng cao phẩm hạnh của một con người.

Nhưng đạo làm người cốt yếu phải có đức nhân, vậy nên đối với mọi người phải có lòng bác ái thương yêu khắp hết cả mọi người, gọi là phiếm ái chúng (phiếm ái là thương yêu cùng khắp). Tuy nhiên, trong thiên hạ có người hiền kẻ dữ, lại phải biết sáng suốt, chọn người hiền mà gần, mà kết bạn, là “thân nhân”.

Như vậy, Đức Khổng Tử đã dạy sáu điều căn bản “Hiếu, Lễ, Cẩn, Tín, Phiếm Ái, Thân Nhân” là những điều thuộc về đức hạnh, người đệ tử thực

hành được là làm hơn một nửa rồi, nhưng chưa được đầy đủ. Ngài dạy thêm rằng “Hành hữu dư lực” (làm những việc trên mà còn dư thời giờ, còn thừa sức) “tắc dĩ học văn” (dùng sức thừa ấy vào việc học văn). Văn đây là tài nghệ, là thi thơ và lục nghệ, là học một nghề để mà sinh kế. Thi thơ, là Tứ Thư Ngũ Kinh; lục nghệ, là sáu nghề gồm: xạ (bắn), ngự (đánh xe), thư (nghề ghi chép chữ nghĩa), số (thuộc về tính toán), lễ (nghỉ lễ trong giao tế), nhạc (âm nhạc).

Như vậy xem ra sự học theo lời dạy của Đức Khổng là toàn diện về mặt đức tài, người thanh niên cần phải học tập cả đời và phải khổ công rèn luyện. Kết quả của mỗi người mỗi khác nhau, tùy thuộc vào ý chí mỗi người.

BÀN VỀ CHỮ CHÍ

Một người đi đường, trước phải có lòng muốn đi, phải định muốn đi đường nào và phải quyết định đi cho đến nơi. Cái lòng muốn đi và cái quyết định muốn đi đến nơi gọi là CHÍ. Việc làm gì mà không có chí tất là miễn cưỡng, đi nửa đường thường bỏ dở, người biết lập chí thì nhất định sẽ đạt được mục đích mà mình đã định ra.

Đức Khổng dạy: “Tam quân khả đoạt sủy dã, thất phu bất khả đoạt chí dã”: Đem ba quân giữ một ông tướng có khi giặc còn cướp được, nhưng cái chí của đứa thất phu, tuy chỉ một

mình, dầu muôn người cũng không đoạt được. Xem câu ấy thời thấy uy quyền của chữ chí biết là dường nào!

Nhưng trong khi lập chí, phải chọn một hướng nào mà lập chí cho đúng, nếu có sai lầm thì hỏng cả một đời người.

VẬY PHẢI LẬP CHÍ NHƯ THẾ NÀO?

Ngài lại dạy: “Chí ư đạo, cú ư đức, y ư nhân, du ư nghệ”: nghĩa là lập chí phải theo đạo Thánh Hiền, cấy vào nơi đức hạnh, dựa vào chỗ đức nhân. Và khi làm việc (nghệ) ngoài đời, đạo–đức–nhân đó bộc lộ qua đối nhân xử thế, như vậy sự học đã có chỗ ứng dụng rộng rãi như một cuộc du tập. Du ư nghệ là bước cuối cùng trong khi Chí ư đạo là bước đầu tiên của sự học.

Khi ta có tinh thần đạo đức vững vàng nghề nghiệp ổn định thì giai đoạn kế tiếp là lo làm việc và cộng sự đem hết khả năng ra mà cống hiến, đừng bận lòng là người đời có biết đến mình hay không, mà phải là năng lực của mình có đủ sức gánh vác những việc được giao hay không.

THỰC HÀNH CHỮ HỌC THEO KHỔNG GIÁO

Từ ý nghĩa của chữ học, chúng ta rút ra một số nhận định.

MÔI TRƯỜNG RẤT QUAN TRỌNG TRONG VIỆC GIÁO DỤC

Vì học là bắt chước nên mọi ứng xử trong giao tiếp đều ảnh

hưởng đến việc giáo dục đạo đức cho con người, đặc biệt là trẻ nhỏ. Trẻ được giáo dục ngay từ khi còn trong bào thai, khi lọt lòng mẹ, từ ngôn từ cử chỉ thái độ của người mẹ và không khí gia đình ảnh hưởng rất lớn đến tính cách trẻ. Khi đi học, thấy cô giáo là những người có ảnh hưởng rất lớn đến sự giáo dục nhân cách, nhận thức và chí khí của học sinh. Trong môi trường đạo, đạo đức chơn chính là chìa khóa cho sự thành công của việc giáo dục vi thiện.

ĐỘNG CƠ CỦA SỰ HỌC

Học không phải đọc nhiều sách, biết nhiều chữ, học cũng không phải cấp sách vở đến trường là xong. Nếu không xác định mục đích học tập, sự học sẽ không đạt hiệu quả và không có ý nghĩa. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn, đã dạy:

“Các em tự hỏi học cho ai đây? và vì ai mà học?”

Ở trường đời, phần đông đều học với mục đích kiếm được mảnh bằng để mưu cầu sinh nhai hay mưu cầu chút mùi danh bả lợi nào đó. Còn học đạo trái lại, các em trước hết đã có tư tưởng vô tư, không học riêng cho mình, mà học để trở thành con người tốt, con người phụng sự cho nhân quần, cho đạo nghĩa.

Khi có được một quan niệm đúng đắn về sự học tập rồi, các em sẽ học với tinh thần cầu tiến, không ai cưỡng chế mình, mà

*chính mình đào tạo cho mình một cơ sở vững vàng về đạo đức, về kiến thức ở đời, ngõ hầu mai ngày sẽ xuất thân giúp đời giúp đạo hoặc trở thành những phần tử tốt đẹp trong xã hội nhân sinh. Đó là một giá trị rất cao đẹp mà những nhà đạo đức trên thế giới đều công nhận.”*¹

Người học trò, đặc biệt là người học tu, không chỉ xác định mục đích học tập, còn phải lập chí học tập. Theo Khổng Giáo, “Chí sĩ nhân nhân”: một đời người từ thi chí chung luôn giữ chữ nhân, sống với nhân và chết cũng chết vì nhân, làm trọn đức nhân mới gọi là chí sĩ. Đó chính là mục đích tối cao của sự học.

HỌC ĐI ĐÔI VỚI HÀNH

Tiêu ngữ này đúng với mọi thời đại, mọi môi trường giáo dục, đặc biệt là môi trường tôn giáo. Thầy đã dạy:

*“Trước hiện tình đặc biệt ngày nay, nhiệm vụ các con rất cần hơn lúc nào hết. Con không còn tìm ăn những bánh vẽ và trao bánh vẽ cho kẻ khác cùng ăn.”*²

Đức Cao Triều Phát cũng đã từng chỉ rõ:

*“Học tập là kiến tạo tri thức để phụng sự xã hội. Tu tập là xây dựng ý thức tinh thần để cải tạo xã hội.”*³

1. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14–01 Ất Tỵ (15–02–1965).

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–10 Tân Hợi (02–12–1971).

3. GS Cao Huy Thuần, đại học Hoa Sen, TP. Hồ Chí Minh (21–10–2009).

Cải tạo xã hội trở nên thanh bình, thánh đức là mục đích mở Đạo của Đức Chí Tôn. Muốn được như vậy, từ bậc hướng đạo cho đến tín đồ phải tu tập cho đạt

TRÌNH TỰ CỦA SỰ HỌC

Về trình tự của việc học, chúng ta hiểu rõ việc gì là quan trọng, là căn bản để luôn học hỏi và đặt trọng tâm.

Theo giáo sư Cao Huy Thuần: “Ngay ở Mỹ, đại học có phạm sự gì? Phát triển kiến thức là một; phát triển con người của mỗi cá nhân là hai; phát triển những giá trị xã hội và văn hóa là ba; thứ tư mới là huấn luyện nghề nghiệp.”⁴

Chúng ta có thể đổi lại: Phát triển đạo đức của mỗi cá nhân là một; phát triển những giá trị xã hội và văn hóa là hai; phát triển kiến thức là ba; thứ tư mới là huấn luyện nghề nghiệp.■

4. Giáo sư Cao Huy Thuần, đại học Hoa Sen, thành phố Hồ Chí Minh (21-10-2009).

LỄ SANH

■ HUỲNH VĂN TRỌNG MINH

Đa số trong môn sanh bình thường của Đức Cao Đài ít có người hiểu rõ ráo hai chữ Lễ Sanh, một đạo phẩm đầu tiên trong hàng chức sắc. Lục lợi kinh thư và thánh giáo để tìm hiểu thêm hai chữ Lễ Sanh là điều cần thiết.

*“Lễ Sanh là người có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ mà hành lễ. Chúng nó đáng quyền đi khai đàn cho mỗi tín đồ. Thầy dặn các con hiểu rõ rằng Lễ Sanh là người Thầy yêu mến, chẳng nên hiếp đáp chúng nó. Như vào đăng hàng Lễ Sanh mới mong bước qua hàng chức sắc. Kỳ dư Thầy phong thưởng riêng mới đi khỏi ngã ấy mà thôi... nghe à! Chư môn đệ tuân mạng.”*¹

Bốn thập kỷ sau, Đức Giáo Tông Hội Thánh Tiên Thiên-Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài có giảng dạy tại Tòa Thánh Minh Đức như sau:

“...Trên sự giảng giải được linh động để cho mỗi Lễ Sanh

biết nhiệm vụ thực hành đúng, hầu bảo vệ phẩm vị thiêng liêng, để sang lên hàng Giáo Hữu. Song Pháp Chánh Truyền cũng phân giải về nhiệm vụ mà thôi chớ không vạch sâu thực tế hai chữ Lễ Sanh hay lớp học Lễ Sanh. Vậy chư hiền có hiểu hai chữ Lễ Sanh chăng?

Lễ Sanh Thầy đã nói là chọn trong hàng hạnh kiểm nhứt để hầu Thầy thì Lễ Sanh là nguồn gốc bởi lễ mà sanh ra mọi hình thức tốt đẹp. Như có lễ mới sinh ra sự hòa ái thương yêu đối nhân xử thế và bảo vệ được phẩm giá của người Chức sắc hành đạo hướng dẫn nhơn sanh, giữ vẹn Thiên điều, hòa thành phẩm tước thiêng liêng vị. Và trên thượng hòa, dưới hạ mục, đối nội ôn lương, đối ngoại tình cảm. Đối với gia đình trọng tình thân, hiếu, thuận, nghĩa, trinh. Đối với xã hội thì phong hóa xương minh, an bình trật tự. Như vậy Lễ Sanh, Đạo Thầy định làm đầu trong hàng chức sắc, nếu hạnh Lễ Sanh không hoàn mỹ thì hàng chức sắc lấy

1. Pháp chánh truyền.

đâu mà nương tựa tiến được. Như thế chư hiền các cấp Đạo có nhận Lễ Sanh là quan trọng không? Bản đạo rất tiếc một số được Ở Trên ban phong mà không giữ để vật dục đeo đai thành ra nhiệm vụ không được tiến hóa.”²

Nội dung của các thánh giáo trên đã nói lên tầm quan trọng của phẩm Lễ Sanh là đường ấy nên trong phần Chú giải Pháp Chánh Truyền (Đức Hộ Pháp chú giải và Đức Lý Giáo Tông phê duyệt) có nêu rõ:

“Sau đây buộc Lễ Sanh phải có cấp bằng nơi trường Đạo mới mong dự cư vào địa vị ấy. Vậy thì Lễ Sanh là người thay mặt cho Giáo Hữu khi Giáo Hữu vắng mặt và hành lễ cúng tế Thầy. Song phải từng quyền Giáo Hữu mà hành sự.

Lễ Sanh phải đi thăm viếng các nhà đạo hữu, thượng Tượng khai đàn, dạy cho biết lễ nghi cúng tế Thầy, thay quyền cho Giáo Hữu.

Như ngày kia Đạo xuất dương ra ngoại quốc sẽ có nhiều dân tộc chẳng có thể thờ phụng như Nam, phận sự của Lễ Sanh đây mới ra sao? Tưởng chẳng chi khác hơn là đổi ra phần thăm viếng tín đồ, an ủi, dạy dỗ, chăm nom, dìu dắt trong đường Đạo cũng như đường Đời, thay quyền cho Giáo Hữu.

Phải có bằng Lễ Sanh mới vào hàng Giáo Hữu đặng. Kỳ

du Thầy giảng cơ phong thường riêng mới qua đặng Pháp Chánh Truyền. Thầy quyết định với tiếng “Nghe à”. Xin khá để ý.”

Những cởi mở trên đây giúp chúng ta hiểu Lễ Sanh là chuẩn Chúc sắc đã đặt một chân vào cửa tòa Đạo. Còn được phép ăn chay 10 ngày/tháng rồi lần lần tiến lên trường chay. Và Lễ Sanh là do Lễ mà sanh ra.

Lễ quan trọng như thế nào và Lễ là gì mà được các Đấng Thiêng Liêng chú trọng như vậy?

Học thuyết Nho Giáo dạy nam phái thì giữ tam cương, ngũ thường; nữ phái thì gìn tam tòng, tứ đức.

Ngũ thường gồm có: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

Đức Khổng Tử dùng Lễ để trị nước. Đối với Ngài, một người thiếu Lễ thì không có tư cách con người; một nước thiếu Lễ thì là nước loạn.

Truyện Đông Chu liệt quốc kể rằng: Lỗ Định Công (vua

nước Lỗ) thấy Khổng Tử là người tài, mời về giúp nước Lỗ. Đức Khổng Tử được giao chức Tướng Quốc. Chính đốn kỷ cương trong nước, dạy dân lấy lễ nghĩa, liêm sỉ làm đầu. Ba tháng sau xã hội nước Lỗ chuyển biến rõ rệt. Các nhà mua bán không còn man trá, lừa gạt. Trai gái phân biệt nhau không còn hỗn loạn như trước. Ngoài đường của rơi không ai thêm lượm. Nhà cửa ban đêm không cần đóng cửa. Khách du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi nồng hậu và cung kính. Mọi người đều sống khiêm cung, hòa ái, giúp đỡ nhau tận tình.

Nhưng về sau vua Lỗ đam mê tửu sắc, không còn giữ Lễ nữa nhất là trong lễ Tế Giao hàng năm. Đức Khổng Tử đành bỏ nước ra đi, chu du khắp thiên hạ để truyền bá đạo làm người của mình.

Theo quan niệm của Khổng giáo, Lễ rất rộng rãi, bao trùm



2. Trích “Thánh thất Trường Giáo Đạo” trang 65 – Đạt Tường.

cả sinh hoạt xã hội loài người. Lễ là lối cư xử giữa người này, người nọ. Lễ chẳng những chỉ có người dưới đối với người trên mà có cả người trên đối với người dưới nữa. Đó là một hình thức tạo ra trật tự xã hội, nó là phương thức để giáo dục con người đi đến chỗ hòa nhã khiêm cung đạo đức. Nho giáo dùng Lễ cốt để tạo thành một tập quán lễ nghĩa, giúp con người làm điều lành, điều phải một cách tự nhiên, không cần đắn đo, suy nghĩ, dần dần trở thành truyền thống. Lễ là thành phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa dân tộc

Nho giáo cho rằng Lễ là cái trật tự của Trời Đất, nếu áp dụng vào xã hội loài người thì trở thành thế giới đại đồng lý tưởng, người người đều có tâm hồn thanh cao.

Lễ và pháp luật đều có mục đích ngăn chặn sự hư hỏng và tội lỗi của con người. Nhưng Lễ có ưu điểm là nó có thể ngăn cản được những việc chưa xảy ra; còn dùng pháp luật là để trừng trị những tội lỗi đã xảy ra rồi. Nếu biết dung hòa giữa Lễ và pháp luật để ngăn ngừa tội phạm thì xã hội sẽ có tính ưu việt. Như vậy trong Lễ có bao hàm tính cách pháp luật để răn đe những điều hư hỏng dùng cho xảy ra. Nhưng Lễ ưu tiên về đức dục cho nên mới nói “Tiên học lễ hậu học văn”.

Lễ dạy người ta nên làm điều gì và không nên làm điều gì và tại sao như thế. Còn pháp luật thì cấm không cho làm việc này việc nọ, nếu vi phạm thì bị trừng phạt về thể xác. Trong khi người làm trái Lễ thì bị chê cười có tính cách trừng phạt về tinh thần.

Dùng “Lễ tri” thì sẽ gạt hái được những hệ quả:

TIẾT CHẾ ĐƯỢC LÒNG DỤC

Dục vọng con người thì không có điểm dừng và lúc nào cũng muốn được thỏa mãn. Nếu không có Lễ để chế giảm thì dục vọng sẽ làm con người hư hỏng (người ta thường nói không được vượt qua lễ giáo là vậy).

Lễ còn làm cho con người cao thượng hơn, nếu biết tha thứ cho kẻ khác.

DÙNG LỄ LÀ THỰC THI ĐẠO TRUNG DUNG, KHÔNG CHO THÁI QUÁ, CŨNG KHÔNG BẤT CẬP

Tâm vật bình hành lúc nào cũng hành động có chừng mực.

Vì rằng không phải Lễ thì chớ nhìn, không phải Lễ thì chớ nghe, không phải Lễ thì đừng nói, không phải Lễ thì chớ làm. (Phi Lễ vật thị, phi Lễ vật thính, phi Lễ vật ngôn, phi Lễ vật động.)

DÙNG LỄ ĐỂ ĐỊNH PHÂN TRÊN DƯỚI, PHẢI TRÁI, NGĂN NẮP

Nhờ Lễ mà phân biệt được kẻ thân người sơ, kẻ nhỏ người lớn. Quy định một cách rõ rệt tôn ti trật tự phép tắc luân lý từ gia đình đến xã hội.

DÙNG LỄ ĐỂ HÀM DƯƠNG HOÀN CHÍNH TÁNH TÌNH HƯỚNG THƯỢNG TẠO MỘT BẦU KHÔNG KHÍ ĐẠO LÝ TRANG NGHIÊM BIẾN THÀNH MỘT TẬP QUÁN TỐT

Có nghĩa là không ăn nói hồ đồ khi cần phải kính trọng người trên kẻ trước. Như vào chùa thất thấy khung cảnh linh thiêng tự nhiên thấy lòng tôn kính. Vào nơi đám tang thấy không khí âm đạm thê lương tự nhiên sinh lòng bi ai trắc ẩn, từ đó khơi dậy những tình cảm tốt đẹp.

Tóm lại, Lễ lấy sự biểu lộ phong cách trong đời sống xã hội mà chế định rõ phẩm bậc con người, đề cao trật tự và luân lý. Trước tiên Lễ dùng với ý nghĩa cúng tế cầu thần linh ban phúc và cúng tế tổ tiên. Sau đó được dùng rộng rãi với những phép tắc phù hợp với phong tục tập quán của dân chúng trong việc quan, hôn, tang, tế.

Lễ còn được dùng để khắc chế quyền bính của mọi giai cấp và tiết chế các hành vi dân chúng cho thích hợp với lẽ tự nhiên của Trời Đất. Do vậy thánh nhân trọng Lễ chớ không trọng hình phạt.

Thánh giáo dạy:

“Lễ là hạnh nét của Thần Tiên,

Phải giữ lễ nghi vững thật bền.

(XEM TIẾP TRANG 110)

Vãng sanh thần chú

Nam mô A Di Đà Bà Dạ, Đa Tha Đà Đa Dạ, Đa Diệt Dạ Tha, A Di Rị Đô Bà Tì, A Di Rị Đa Tất Đam Bà Tì, A Di Rị Đa, Tì Ca Lan Đế, A Di Rị Đa, Tì Ca Lan Đa, Đà Di Ni, Đà Đà Na, Chỉ Đa Ca Lệ, Ta Bà Ha.

■ LÊ CHÍ THẬT

■ KINH THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO (TRANG 46).

Vãng Sanh Thần Chú được lưu dụng trong nghi thức tang lễ đạo Cao Đài, lúc đưa linh cữu ra mộ phần, sau khi đọc bài Kinh Hạ Huyệt (Thức giấc mộng huỳnh lương vừa mãn...), đồng nhi tụng Chuôi Vãng Sanh ba lần. Sau đó niệm danh hiệu Đức Cao Đài ba lần (Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát).

Thiết nghĩ, tụng đọc nhiều lần nhưng chúng ta chưa lưu tâm đến nguồn gốc và nghĩa lý của Vãng Sanh Thần Chú. Phương tiện thông tin của mạng Internet sẽ giúp chúng ta tìm hiểu những gì còn nghi vấn. Song song đó, nguồn Thánh giáo Cao Đài qua cơ bút, đã chuyển tải đến nhân sanh những lời giảng dạy của các Đấng Giáo Tổ, các Đấng Thiêng Liêng. Và lành thay, chính Đức Phật Tổ Như Lai đã lâm đàn, giải nghĩa bằng một bài văn vần dưới đây, giúp cho chư đạo hữu hiểu được lời Chú mà chúng ta đã trì tụng trong suốt thời gian qua.

NGUỒN GỐC VẮNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

NGUYÊN DO CHÚ VẮNG SANH

Đời Lưu – Tống năm rốt niên hiệu Nguyên-Gia, Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cấn-Na-Bạt-Đà-La từ nước Thiên Trúc (Ấn Độ) qua nước Trung Hoa dịch ra. Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú trích ở Bốn Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Kinh, nơi hàm chữ CHƠN trong Tạng.

Theo Kinh Niệm Phật Ba La Mật mà Hoà Thượng Thích Thiên Tâm dịch, phẩm thứ 7, Khuyến phát niệm Phật và đọc tụng Chơn Ngôn: Ngài Phổ Hiền Đại Bồ Tát vì thương tưởng chúng sanh thời Mạt pháp, khi ấy kiếp giảm, thọ mạng ngắn ngủi, phước đức kém thiếu, loạn trước tăng nhiều, kẻ chân thật tu hành ít. Nên Ngài đã ban thêm cho người niệm Phật bài chú Vãng Sanh, để thủ hộ thân tâm, nhổ tận gốc rễ nghiệp chướng, trừ sạch phiền não, được mau chóng sanh về Cực Lạc.

Muốn tiêu trừ nghiệp chướng thì phải trì chú Vãng Sanh. Nói cho đủ là Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni. Nghĩa là nhổ hết thầy nghiệp chướng đã thành gốc rễ. Căn là rễ, Bản là gốc. Có xua tan tận gốc, tận rễ nghiệp chướng thì mới sanh về cõi Tịnh Độ. Đà La Ni là thần chú, là tổng trì, gọi tắt là Thần Chú Vãng Sanh. Nói cho đủ là: “Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni” (14 chữ). Thần Chú có năng lực “Nhổ hết thầy nghiệp chướng tận gốc rễ để được Vãng Sanh về cõi Tịnh Độ”. Toàn thể bài chú có 59 chữ.

VẮNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

• NAMO AMITÀBHAYA

Nam mô a di đa bà dạ

Quy mệnh Vô Lượng Quang (A Di Đà)

• TATHAGATAYA

Đa tha già đa dạ

Như Lai

• TADYATHÀ

Đa địa dạ tha

Như vậy, liền nói Chú là

• AMRTODBHAVE (AMRĪTA UDBHAVE)

A di rị đô bà tỳ

Cam Lộ hiện lên

• AMRTA SAMBHAVE

A di rị đa tất đam bà tỳ

Cam Lộ phát sinh

• AMRTA VIKRÀNTE

A di rị đa tỳ ca lan đã

Cam Lộ dừng mãi

• AMRTA VIKRÀNTA GAMINI

A di rị đa tỳ ca lan đã già di nị

Đạt đến Cam Lộ dừng mãi

• GAGANA KĪRTTI KARE

Già già na, chỉ đa ca lệ

Rải đầy hư không

• SVÀHÀ

Ta bà ha

Thành tựu cát tường.

(TRÍCH TỪ WWW.THEGIOIVOINH.COM)

Đức Phật Tổ Như Lai dạy:

“Nay giải nghĩa Vãng Sanh cho hiểu,
Bởi hiền mong tìm hiểu đó mà,
Nam mô A Di Đà Bà Dạ,
Đó là câu Phật độ tà ra chánh,
Khuyên chúng sanh phải tránh tà tâm,
Hỗn ly xác chớ lằm lạc bước.
Niết Bàn ráng lên cho được,
Hầu tránh đường hầm mưu chước quỷ ma.
Đây là: Đa Tha Đà Đa Dạ,
Hỗn nghe qua mới hả sạ duyên,
Hết quyến luyến nơi tục miễn,
Đa Diệt Dạ Tha, xin liền theo dõi.
Được bước lên xem cõi Niết Bàn,
Hỗn linh thiêng đàn hoàng cầu khẩn,
Cho Phật độ hồn mình mãi,
Đem qua truông cho khỏi lẫn lộn ma.
Đó là: A Di Rị Đô Bà Tì,
Hỗn linh thiêng theo thì biến hóa,
Đến Niết Bàn hỗn vui thỏa,

Phật chứng minh được ăn quả đào hồng.

Rồi chừng đó hết phận long đong,

Hỗn linh thiêng mới vọng từ bi,

Rồi sau mới kiến A Di,

Đó: A Di Rị Đa Tất Đam Bà Tì.

Văn nghĩa đó nghe thì hiểu thấu,

Đến chừng đó hỗn cấu tạo thành,

Hỗn linh thiêng xưa tu hành,

Mới mong hưởng được lộc dành Trời ban.

A Di Rị Đa Tì Ca Lan Để,

Hỗn linh thiêng tái thế độ đời,

Độ sanh chúng khỏi chơi vơi,

Trở về bổng đảo ngôi Trời cửu thiên.

Đến chừng đó lòng phiền dứt hết,

Tu được cao không tiếc công phu,

Trần gian không mẩn lộn dù,

Từ bi một chữ cần cù giải oan.

A Di Rị Đa Tì Ca Lan Đa,

Nghĩa lý phân rành cho hả dạ,

Dà Di Nị Đà Đà Na,

Khi hiểu được sẽ hết già hóa trẻ,

Hỗn linh thiêng vui vẻ liền miền,

Nơi bổng đảo thiêng liêng biến hóa,

Tối ngày ca xướng xướng ca,

Đó: Chi Đa Ca Dệ Ta Bà Ha.

Đó nghĩa lý sâu xa câu vãng,

Để tụng kinh cứu vãn linh hồn,

Trong lúc hỗn thác thân sinh,

Được về Cực Lạc xem mình đạo mẫu.

Cũng kệ đó để cầu giải thoát,

Các hỗn oan đã thác vô căn,

Được hồn hầu có ăn năn,

Lo tu tỉnh thức tâm phăng cội nguồn.

Tới đây ngọc bút Ta buông,

Trở về bổng đảo Ta hườn hư vô.”¹

Qua tư liệu vừa truy cập trên mạng Internet và lời dạy dẫn giải của Đức Thích Ca Như Lai, hy vọng sẽ giúp chư huynh tỷ đồng đạo hiểu tường tận nghĩa lý huyền nhiệm của Vãng Sanh Thần Chú.■

1. Ngọc Âm Thánh Truyền, quyển 2, đàn Tý thời, ngày 27-5 Nhâm Thìn (1952).

Luật nhân quả

trong nguyên lý

NHẤT TÁN VẠN VẠN QUY NHẤT

■ PHAN THỊ BẢO TRẦN

Nguyên lý “Nhất tán Vạn – Vạn quy Nhất” là một trong những yếu điểm giáo lý Đại Đạo.

LUẬT NHÂN QUẢ

Trong định luật nhân quả, có ba yếu tố tham dự vào và làm cho định luật hoạt động, đó là Nhân, Duyên, và Quả. Nhân là nguyên nhân, là mầm mống. Duyên là điều kiện. Quả là kết quả, hậu quả.

Định luật nhân quả có thể được tóm tắt như sau: Đã có Nhân, Duyên, tất yếu phải có Quả; Quả có cùng bản chất với Nhân, nhưng có thể bị thay đổi phần nào do tác động của Duyên.¹

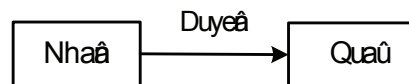
CÁC YẾU TỐ THAM DỰ VÀO LUẬT NHÂN QUẢ

Khi phân tích một sự việc bằng luật nhân quả, chúng ta sẽ thấy có các yếu tố tham dự như sau:

- Nhân: là nguyên nhân, mầm mống.
- Quả: kết quả sinh ra từ “nhân”.
- Duyên: là những hoàn cảnh, điều kiện thuận lợi để “nhân” có thể sinh ra “quả”.

Khi đã có nhân (nguyên nhân, mầm mống) và duyên (các điều kiện thuận lợi) thì nhân sẽ sinh ra quả. Hình vẽ sau đây minh họa cho việc

nhân sinh ra quả khi đã có những điều kiện thuận lợi là duyên.

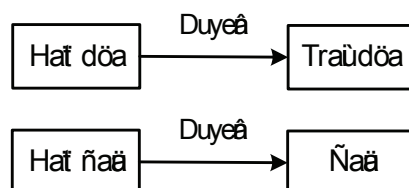


Tiếp theo, chúng ta hãy cùng xét hai tính chất quan trọng, đặc trưng cho luật nhân quả là “quả có cùng bản chất với nhân”, “quả có thể thay đổi hình thức phần nào do tác động của duyên”.

CÁC TÍNH CHẤT TRONG LUẬT NHÂN QUẢ

QUẢ CÓ CÙNG BẢN CHẤT VỚI NHÂN

Quả có cùng bản chất với nhân là một trong những tính chất đặc trưng của luật nhân quả. Nho giáo có câu về luật nhân quả: “chùng qua đắc qua, chùng đậu đắc đậu”, nghĩa là trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Nhân là hạt giống “dưa” thì kết quả thu được sau khi gieo hạt là trái “dưa”. Trái dưa có cùng bản chất “dưa” với nhân. Tương tự, nhân là hạt đậu thì kết quả thu được sau khi gieo hạt là đậu, có cùng bản chất “đậu” với nhân.

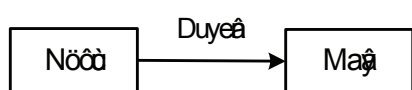


1. Yếu điểm giáo lý Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2006, chương 2, mục 4.

Qua hình ảnh này, chúng ta rất dễ dàng nhận thấy bản chất giống nhau của nhân và quả, bởi đều có chữ “dưa” trong nhân và quả, hoặc chữ “đậu” trong nhân và quả.

Một hình ảnh khác qua lời dạy của Đức Quan Thánh Đế Quân trong Thánh Huấn Hiệp Tuyển, làm cho chúng ta suy nghĩ nhiều hơn một chút để tìm sự giống nhau trong bản chất của nhân và quả:

“Nhân-quả là hai đối tượng liên quan nhau như mây và nước. Nước tức là mây, mà mây do đâu mà có? – Có phải chăng do nước kết thành chăng?”



Câu hỏi “có phải chăng do nước kết thành chăng” cũng là câu trả lời: đúng là nước tức là mây, mây do nước kết lại mà thành. Nước sinh ra mây hay mây kết từ nước, thì nước với mây cũng cùng bản chất là nước đó thôi.

Trong lãnh vực hoạt động của con người, bản chất của nhân và quả thường được phân loại thành hai bản chất là lành hay dữ:

*“Luật nhân quả tức là luật đào thải tiến hay thoái của thiên nhiên. Hễ con người gieo giống lành thì gặt được quả lành, gieo giống dữ thì gặt được kết quả tai hại.”*²

Như vậy, chúng ta thấy quả luôn có cùng bản chất với nhân. Tuy nhiên, quả có thể thay đổi phần nào trên phương diện hình thức hay hiện tượng bên ngoài là do những điều kiện bên ngoài tác động.

DUYÊN TÁC ĐỘNG TRONG VIỆC NHÂN SINH RA QUẢ

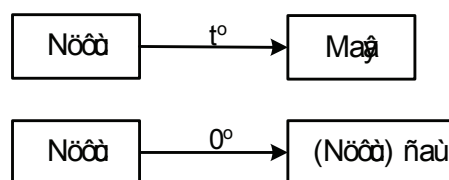
Trong một số cách viết phản ứng hóa học, người ta sẽ không ghi điều kiện để phản ứng xảy ra như là một ngụ ý rằng phản ứng sẽ xảy ra trong điều kiện bình thường. Tương tự như vậy, một phát biểu về việc nhân sinh ra quả mà

không đề cập đến duyên – điều kiện để nhân sinh ra quả – thì xem như ngầm định là nhân sẽ sinh ra quả trong điều kiện bình thường.

a. Quả có thể thay đổi hình thức do tác động của duyên

Quả tuy cùng bản chất với nhân nhưng hình thức hay hiện tượng bên ngoài của nó có thể bị thay đổi phần nào do tác động của duyên, chứ không hoàn toàn giống với nhân.

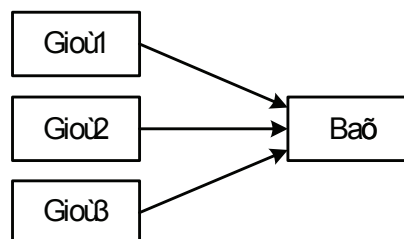
Ví dụ như dưới những điều kiện khác nhau, nước sẽ sinh ra kết quả khác nhau: ở nhiệt độ t° nào đó, nước sẽ bốc hơi và kết thành mây; ở nhiệt độ 0° nước sẽ đóng băng thành đá (nước đá). Một lần nữa, chúng ta thấy, dù nước sinh ra mây hay sinh ra đá (nước đá) thì bản chất của nước, mây, (nước) đá cũng có cùng bản chất là nước.



b. Duyên tác động vào cách thức nhân sinh ra quả

Cách thức để nhân sinh ra quả cũng rất khác nhau, không phải lúc nào cũng có một nhân sinh ra một quả. Nhân được hình thành như thế nào, hình thức của nhân ra sao, đều phụ thuộc vào duyên.

Chúng ta có thể thu được một kết quả bởi nhiều nguyên nhân gây ra từ trước. Lời dạy sau đây cho chúng ta thấy các nguyên nhân là những lần gây “gió” sẽ tạo thành một kết quả là “bão”: *“Nếu con người mãi gây gió thì kết quả là phải gom góp gặt bão vậy.”*³



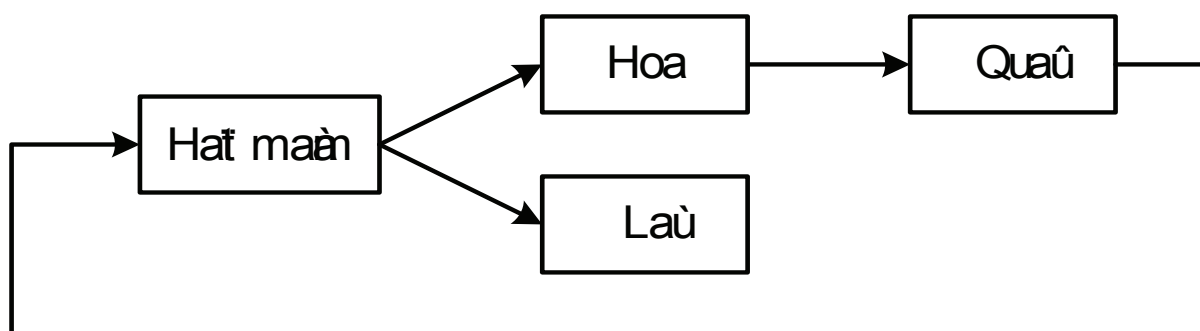
2. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Tòa Thánh Châu Minh, 1961, tr. 71.

3. Sđd.

Bây giờ chúng ta xét ví dụ về một cái cây, có hạt mầm, hoa, lá, quả:

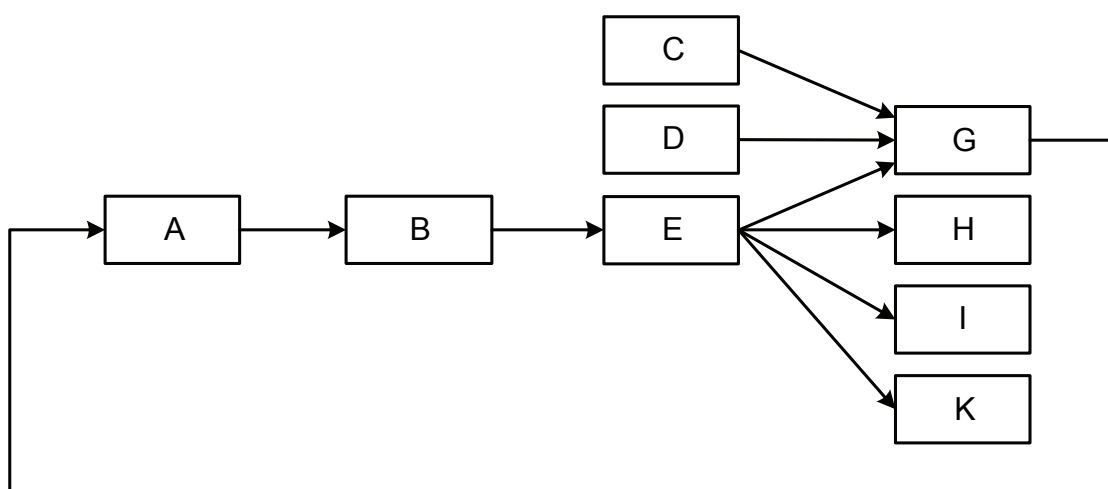
“(...) Nhân tức là mầm, Quả tức là cái kết tựu của mầm nhân. Mầm nảy nở, thụ bẩm khí tiên thiên và hậu thiên để đơm hoa trổ lá mà kết thành quả, và quả đến khi già rồi rơi hột mà sinh ra hoa quả, mãi như vậy mà thôi.”⁴

Nếu vẽ các chuỗi nhân-quả theo lời dạy trên, chúng ta sẽ thấy có một vòng nhân quả khép kín: mầm sinh ra hoa, hoa sinh ra quả, quả đến khi già sinh ra hạt mầm.



Nếu làm một phép tính tổ hợp tất cả các nguyên nhân với các cách thức nguyên nhân sinh ra quả thì chúng ta thấy hiện diện một mạng lưới nhân quả khổng lồ, chằng chịt, đa dạng và phức tạp.

Hình vẽ sau đây chỉ là một tổ hợp đơn giản của vài nguyên nhân ban đầu là A, C, D với bốn cách thức nhân sinh ra quả: một nhân sinh ra một quả (A sinh ra B), nhiều nhân sinh ra một quả (C, D, E sinh ra G), một nhân sinh ra nhiều quả (E sinh ra G, H, I, K), quả biến thành nguyên nhân giống như nguyên nhân ban đầu (G biến thành A).



LUẬT NHÂN QUẢ TRONG NGUYÊN LÝ NHẤT TÁN VẠN – VẠN QUY NHẤT

Chúng ta có thể thấy rằng, trong bán trình Nhất tán Vạn, chỉ có luật nhân quả mới giúp chúng ta lý giải một số vấn đề liên quan đến quá trình “tán” từ Nhất thành Vạn.

Thứ nhất, một trong bốn định nghĩa của nguyên lý Nhất tán Vạn được Yếu điểm giáo lý Đại Đạo đưa ra là: Nhất là Đại Linh Quang, Vạn là các Tiểu Linh Quang. Nhất tán Vạn có nghĩa là Đại Linh Quang duy nhất tự thân phân chiết, phát tán thành các Tiểu Linh Quang. Đại Linh Quang là nguyên nhân, là nguồn gốc, Tiểu Linh Quang là kết quả.

4. Sdd.

(XEM TIẾP TRANG 109)

CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI ĐẶC BIỆT

■ ĐẠT TRUYỀN

Nhìn tổng quát, các thánh sở Cao Đài của hệ phái nào thì được cất theo mẫu mã giống Tòa Thánh, Thánh Tòa, Bửu Tòa của hệ phái đó.

Hệ phái Tây Ninh, các thánh sở được cất theo kiểu Tòa Thánh Tây Ninh, nơi mặt trước khuôn vách Hiệp Thiên Đài ở giữa có vẽ hình Tam Thánh ký hòa ước, hai bên có hình ông Thiện Thần và ông Ác Thần. Hai tháp lầu chuông lầu trống chia làm năm tầng, mỗi tầng có bao lơn.

Hệ phái Ban Chỉnh Đạo, các thánh sở được cất theo kiểu Tòa Thánh Bến Tre. Giữa các tầng của hai tháp lầu chuông lầu trống, không có bao lơn. Hai tháp có nóc cao và nhọn. Trên nóc có gắn hình chữ Vạn.

Hệ phái Tiên Thiên, các thánh sở được cất và đặt tên thánh sở phần lớn theo lời dạy của Ông Trên, nhưng cũng có

hình dáng đa phần giống Tòa Thánh Châu Minh, mặt trước Hiệp Thiên Đài có vẽ hình con rồng xanh phun năm trái châu. Hai bên lầu chuông và lầu trống có chữ Nhật và Nguyệt bằng chữ Hán. Các thánh sở của các Tòa Thánh, Thánh Tòa, Bửu Tòa khác của các Hội Thánh khác cũng tương tự.

Không kể các thánh sở trong phạm vi nội ô ở các Tòa Thánh, ở mỗi Hội Thánh đều có các thánh sở Cao Đài đặc biệt về hình thức cũng như nội dung. Riêng các thánh sở đơn lập, phần nhiều mỗi thánh sở đều có đặc điểm riêng tùy theo lời dạy của Ông Trên.

TRÍ HUỆ CUNG THIÊN HỖ ĐỘNG

Trí Huệ Cung – Thiên Hổ động thuộc Tòa Thánh Tây Ninh, tại ấp Trường Xuân, xã Trường Hòa, Huyện Hòa Thành, cách

Tòa Thánh Tây Ninh khoảng 7 Km về phía Đông Nam, dùng làm tịnh thất cho nữ phái. Đức Phạm Hộ Pháp xây dựng Trí Huệ Cung vào cuối năm 1947, hoàn thành vào ngày 15-12 Canh Dần (22-01-1951). Trí Huệ Cung nằm trong khu đất có vòng rào vuông vức rộng lớn bốn bên, mỗi bên có xây một cổng lớn ra vào, trên cổng có tấm bảng đề chữ “THIÊN HỖ ĐỘNG”. Hai cột cổng có gắn một đôi liên Trí Huệ:

“Trí định thiên lương qui nhứt bốn,

Huệ thông đạo pháp độ quần sanh.”

Trí Huệ Cung là một tòa nhà có hình khối lập phương có hình tượng nhiệm mầu với bề cao 12 mét, chia làm ba tầng mỗi tầng 4 mét y như nhau, bốn bên, mỗi mặt có cạnh là 12 mét, vuông vức như cái hộp. Ở giữa trung tâm có một cây cột

đội luôn 3 tầng đến nóc, gọi là “Nhứt trụ xang Thiên”. Đứng trước Trí Huệ Cung nhìn vào, thấy chỉ có hai tầng, đó là hai tầng trên, tầng dưới nằm dưới mặt đất. Nơi đây có chỗ để ngồi luyện đạo và cầu nguyện. Tầng trên thờ Đức Chí Tôn, và có trưng bày một số kỷ vật di tích của Đức Phạm Hộ Pháp.

Người muốn vào tu trong Trí Huệ Cung phải có đủ Tam Lập là Lập Công, Lập Đức và Lập Ngôn. Phương tu trong Trí Huệ Cung ngày nay gọi là tu chơn. Người tu ở Trí Huệ Cung không có chức sắc, phẩm tước, tất cả đều là đồng tu như nhau.

Mỗi ngày Trí Huệ Cung cúng tứ thời đủ các bài kinh nhưng không đèn không nhang. Người ở Trí Huệ Cung, bất cứ đứng ngồi nơi đâu, khi nghe lệnh đổ kiếng (giật chuông) liền đứng dậy, tay bắt

ấn Tý, tay mặt hướng về Trí Huệ Cung tưởng niệm.

Sau ngày làm lễ trấn thần và khánh thành, ngay ngày hôm sau, 16 tháng giêng Tân Mão 1951, Đức Phạm Hộ Pháp là người đầu tiên nhập tịnh ở Trí Huệ Cung, đồng thời để cầu nguyện cho bá tánh trong ba tháng mới xuất tịnh.

TRÍ GIÁC CUNG ĐỊA LINH ĐỘNG

Trí Giác Cung – Địa Linh Động thuộc Tòa Thánh Tây Ninh ở ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, huyện Hòa Thành, cách Tòa Thánh Tây Ninh khoảng 3 km về hướng Đông Nam, dùng làm tịnh thất cho cả nam và nữ phái. Bảng hiệu trước cổng vào đền thờ Đức Mẹ bên tả và hữu có đề chữ “Đạo Pháp Vô Biên”. Chính giữa hai cổng ấy là Tòa Trí Giác Cung. Trí Giác Cung là một tầng hình vuông biệt lập với đền thờ Phật Mẫu, có khuôn viên riêng biệt nhưng cùng chung một vòng rào bao bọc với đền thờ Phật Mẫu. Trên chính diện Trí Giác Cung có đôi liễn:

*“Trí linh quán thế Thiên cơ đạt,
Giác huệ siêu phàm Đạo pháp thông.”*

Nơi đây trước kia là cơ sở của trường Qui Thiện, do Ông Giáo Thiện Đình Công Trứ qui tụ các bạn đạo Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho) về Tòa Thánh sáng lập vào ngày 26 tháng 9 Quý Mùi (24-10-1943), có các cơ sở Phước thiện

như Nhà Minh Thiện, Khách Thiện đường, Học đường, Y tế, Bảo sanh, Dưỡng đường, cơ sở nông tang, công nghệ, thương mại. Đặc biệt có đền thờ Phật Mẫu, thờ Đức Phật Mẫu, Cửu vị Tiên nương, và Bạch Vân Động chư Thánh. Ngày 14 tháng 8 năm Bính Tuất (9-9-1946), Đức Phạm Hộ Pháp tổ chức rước Long vị Đức Phật Mẫu cùng lư hương và đất thiêng tại đền thờ Phật Mẫu ở Qui Thiện Đường về thờ nơi Báo Ân Từ trong nội ô Tòa Thánh. Nghi thức lễ tiếp rước diễn ra thật long trọng, có bàn hương án, long mã, dùng hai dàn nhạc, hai bộ lễ, có đủ Lôi Âm Cổ và Bạch Ngọc Chung, chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài đủ ba phái, Phước thiện Hội Thánh. Đền thờ Phật Mẫu tuy bằng cây lợp lá nhưng đây là đền thờ Phật Mẫu đầu tiên của đạo Cao Đài Tây Ninh sau 21 năm khai đạo. Ngày mừng 01 tháng 02 năm 1947 (Đinh Hợi), Đại lễ cúng Đức Phật Mẫu đầu tiên được tổ chức tại Báo Ân Từ, sau khi quả Càn Khôn được đưa về thờ tại Tòa Thánh. Ở Qui Thiện, đền thờ Phật Mẫu được khánh thành vào ngày 16&17 tháng 7 Mậu Tý (20&21-8-1948). Một tháng sau cuộc lễ khánh thành Đền Phật Mẫu, do sự cho phép của Đức Hộ Pháp, lễ Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức lần đầu tiên sau 22 khai đạo. Kể từ lúc ấy, lễ Hội Yến Diêu Trì Cung

cũng được tổ chức hàng năm tại đền thờ Phật Mẫu trong trường Qui Thiện vào đêm 14 tháng 8, sau khi cúng Đại Lễ Đức Phật Mẫu xong. Còn nơi Báo Ân Từ trong Tòa Thánh thì cúng Hội Yến Diêu Trì Cung vào đêm Rằm tháng 8 và khởi lễ lúc 10 giờ khuya.

Sau khi ông Đinh Công Trứ mất, qua bốn đời cai quản, vào ngày 5 tháng Chạp năm Giáp Ngọ (29-12-1954), do huấn lệnh số 285/VP-HP, Đức Phạm Hộ Pháp chánh thức chuyển đổi Trường Qui Thiện thành một cơ sở Tịnh thất gọi là Trí Giác Cung – Địa Linh động để qui tụ có cả nữ phái vào tu tịnh, gìn giữ nguyên bốn chơn truyền với phương tu Chơn. Người tu không nhận lãnh tước phẩm theo như Thánh lịnh ban hành ngày 16-01 Kỷ Sửu (13-02-1949) quy định: “Chư vị hảo tâm hiến công quả tại trường Qui Thiện không nhận lãnh tước phẩm chi hết. Cả thầy công quả nam phụ lão ấu chỉ giữ bốn phận tín đồ, tòng lịnh Hội Thánh mà thi hành chủ nghĩa cao khiết cho tới ngày về thiêng liêng vị mà thôi.”

Sau đó, lần lượt Hộ Pháp Đường được tôn tạo, Trí Giác Cung được xây dựng theo kiểu độc điện mặt hướng ra lộ Trung Hòa, không có hậu điện. Mặt sau đầu hậu với đền thờ Phật Mẫu. Trí Giác Cung có tầng ngầm như Trí Huệ Cung, có vòng rào biệt lập nhỏ bé chỉ

vừa với khung cảnh tòa nhà Trí Giác Cung. Đến nay, Trí Giác Cung chưa được khánh thành. Đức Hộ Pháp đã định vị Thời Quân Khai Pháp Trần Duy Nghĩa đến trấn nhậm tại Trí Giác Cung – Địa Linh Động. Sau khi vị Thời Quân Khai Pháp qui thiên, lập vị thờ tại tòa nhà Trí Giác Cung này.

Về sau, trong ba năm ròng rã, ở Trí Giác Cung, đền thờ Phật Mẫu được xây dựng kiên cố theo kiểu Thánh thất có hai tầng, có lầu Chuông, lầu Trống, lễ an vị tổ chức ngày 19-12 Bính Ngọ (29-01-1967). Tầng trên thờ Đức Chí Tôn là để tượng trưng, không cúng đàn vía. Tầng dưới thờ Đức Phật Mẫu, ở hai bên thờ Cửu vị Nữ Phật, Bạch Vân Động chư Thánh. Chỉ có ở Trí Giác Cung và Tòa Thánh Tây Ninh mới có đền thờ Phật Mẫu, và ở địa phương, bên cạnh các Thánh thất Tây Ninh thường có điện thờ Phật Mẫu. Ở các Hội Thánh của các hệ phái khác, cạnh Tòa Thánh là Diêu Trì Bửu Điện là nơi thờ Đức Mẹ; ở địa phương, cạnh Thánh thất không có cất Diêu Trì Bửu Điện. Đức Khai Pháp Trần Duy Nghĩa là người đầu tiên vào nhập tịnh trong Trí Giác Cung.

CỰC LẠC CẢNH

Cực Lạc Cảnh thuộc ấp Hiệp Long, xã Hiệp Tân, huyện Hòa Thành, thuộc phận đạo đệ tứ cũ, là ngôi chùa Cao Đài nằm

gần với “Điện thờ Phật Mẫu đệ tứ” trong khu đất do Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh mua vào năm 1926. Trong chùa này có nhiều cốt tượng Phật và đặc biệt là có cả cốt các vị Giáo chủ Tam Giáo như Thích Ca, Thái Thượng, Khổng Tử, Tam Trấn Oai Nghiêm: Đức Quan Âm, Đức Lý Thái Bạch, Đức Quan Thánh Đế Quân, Chúa Giêsu và Khương Thái Công. Các tượng cốt này trước đây thờ trong Tòa Thánh Tây Ninh, trước nữa là thờ ở Thánh thất Gò Kén trong dịp lễ Khai Minh Đại Đạo vào ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần. Sau khi xây cất Đền Thánh Tây Ninh xong, Các đấng được thờ bằng bài vị, và lại trên bao lam đã có tượng hình của Tam Giáo, Ngũ Chi, cho nên các cốt tượng này được đem vào thờ trong chùa Cực Lạc. Chùa này đã được trùng tu lại khang trang, hằng năm được cúng đầy đủ nghi thức với hương bông trà tửu. Tòa Thánh Cao Đài Bến Tre và các Thánh thất Cao Đài Ban Chính Đạo đều thờ cốt tượng y như lúc mới khai đạo Cao Đài.

ĐÀN KHAI NGUYÊN

CAO ĐÀI HỘI THÁNH

Đàn Khai Nguyên-Cao Đài Hội Thánh thuộc hệ phái Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, người địa phương gọi là Chùa Cao, được xây trên đỉnh đồi cao ở tại thị trấn Dương Đông Phú Quốc, Kiên Giang,

là di tích đầu tiên của đạo Cao Đài.

Để kỷ niệm nơi Đức Ngô Minh Chiêu, người được Đức Cao Đài Thượng Đế nhận làm đệ tử đầu tiên, năm 1961, một số đệ tử Chiếu Minh ở đàn Long Hoa Sài Gòn gồm quý ông: Nguyễn Văn Truyen, Bùi Thiện Hùng, Trần Minh Trí, đến Phú Quốc, xây cất Đàn Khai Nguyên-Cao Đài Hội Thánh trên nền cũ của Quan Âm Tự bị bỏ phế. Đức Đông Phương Chương Quản dạy: “Chí Tôn đã dùng một di tích đầu tiên nơi Dương Đông Phú Quốc và đã truyền giao cho Ngô Văn Chiêu nhận lãnh dấu hiệu Thiên Nhân để làm biểu tượng thờ phượng trong đạo Cao Đài từ ấy đến nay.”¹

Ngày 26-10-1920, ra làm Chủ quận hải đảo Phú Quốc, Ngài Ngô Minh Chiêu thường lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên ở chùa Quan Âm, sau đó ở Sùng Hưng Tự cùng với quý ông: hương hào Trương Văn Khâu, thầy giáo Nguyễn Văn Mẫn, hội đồng Đinh Văn Phan, bà Phủ Phẩm, bà Đinh Thị Lang cùng nhiều vị khác trong đó có đồng tử Lê Văn Ngưng. Kể từ mồng một Tết Tân Dậu (08-02-1921) Ngài Ngô Văn Chiêu vâng lệnh dạy của Đức Cao Đài Tiên Ông trưởng trai

ba năm và trở thành người học trò đầu tiên thọ giáo Đức Cao Đài Thượng Đế và được lập những đàn cơ riêng biệt do đồng tử Lê Văn Ngưng phò ngọc cơ, chỉ một mình Ngài dự hầu để học đạo lý và đạo pháp. Đến ngày 13 tháng 3 năm Tân Dậu (20-4-1921), Ngài Ngô Văn Chiêu tiếp nhận Thiên Nhân tại dinh Quận, nơi gần Đàn Khai Nguyên – Cao Đài Hội Thánh.

VĨNH NGUYỄN TỰ

Vĩnh Nguyễn Tự là di tích lịch sử thứ hai của đạo Cao Đài. Đức Đông Phương Chương Quản dạy như sau: “*Di tích thứ hai là Vĩnh Nguyễn Tự. Chí Tôn đã dùng nơi này thân nhận những sứ đồ trung kiên làm nòng cốt, ban phong Thiên sắc để nhận lãnh công việc khai đạo truyền bá giáo lý trong Tam kỳ Phổ độ. Nơi đây đã là nơi Chí Tôn lập các kinh điển luật pháp đạo trong buổi sơ khai.*”² Vĩnh Nguyễn Tự, nơi chuyển từ Cựu pháp sang Tân pháp trong Tam kỳ Phổ độ, Đức Chí Tôn vận chuyển cho các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến để luận bàn hoạch định cùng nhận lãnh thi hành sứ mạng Khai Minh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và sắc phong hai vị đầu sư và Hộ Pháp đầu tiên của đạo Cao Đài.

Vĩnh Nguyễn Tự được xây

dựng năm 1908 tại xã Long An, quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, nay là tỉnh Long An, do Ngài Lê Văn Tiếng, đạo hiệu là Lê Đạo Long, truyền thừa mối đạo Minh Đường từ năm 1876. Ngài tu luyện đến phẩm Thái Lão Sư, chứng quả Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, là thân sinh của Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt. Lúc sanh tiền, Ngài Lê Đạo Long có tiên tri rằng: “Nơi đây Thập nhị Khai Thiên của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàng khai chánh pháp chơn truyền sau này.” Tiếp nối đạo nghiệp của thân phụ, Ngài Lê Văn Lịch (1890-1947) trụ trì Vĩnh Nguyễn Tự. Ngày 04-3-1926, chư Tiên khai Đại Đạo đến lập đàn cơ tại Vĩnh Nguyễn Tự, được Ngài Lê Đạo Long lâm đàn nhắc lại lời tiên tri khi xưa và khuyên bốn đạo tại Vĩnh Nguyễn Tự quy nhập Cao Đài. Tuân lời dạy trên, trưởng đồ của Ngài Lê Đạo Long là Thái Lão Sư Trần Đạo Minh (1857-1927) thọ thiên phong Ngọc Chương Pháp và Ngài Lê Văn Lịch thọ thiên phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt. Từ đây, Vĩnh Nguyễn Tự thờ Thánh tượng Thiên Nhân đạo Cao Đài để chuẩn bị cho công cuộc khai minh Đại Đạo.

Từ đó, Ôn Trên dạy Ngài Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt chọn kinh nhật tụng cho đạo Cao Đài như Ngọc Hoàng Kinh, ba bài kinh Tam Giáo Đạo Tổ, dạy pháp môn tu thiền cho

1. Đức Đông Phương Chương Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

2. Ibid.

quý Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Nguyễn Ngọc Thơ., soạn thảo Tân Luật. Cũng nơi đây, Ôn Trên thiên phong một số chúc sắc Tiễn Khai và ban tịch đạo Nam phái.

Năm 1973, Vĩnh Nguyên Tự làm lễ khánh thành tái thiết với sự giúp sức của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Tái thiết Vĩnh Nguyên Tự trước nhứt là tái thiết một di tích lịch sử khai Đạo, để kiện toàn Thánh thể Đức Chí Tôn và cũng tạo điều kiện làm sáng tỏ danh Đạo. Vĩnh Nguyên Tự nguyên là chùa Phật nên hình dáng bên ngoài vẫn giữ y như chùa Phật, danh xưng vẫn giữ y nguyên như xưa, nhưng nghi thức thờ phượng và pháp môn tu hành thì theo Tân pháp Cao Đài. Vĩnh Nguyên Tự là một trong mười tịnh trường tu theo pháp môn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, tham gia mở khóa tu tịnh bốn mùa Xuân phân, Hạ chí, Thu phân và Đông chí hàng năm. Hiện nay, Vĩnh Nguyên Tự đang có kế hoạch xây dựng mở rộng trường tịnh để chuẩn bị cho các đợt tịnh sắp đến.

NAM THÀNH THÁNH THẤT TỨC THÁNH THẤT CẦU KHO TÁI LẬP

Nam Thành Thánh thất tức Thánh thất Cầu Kho tái lập tại địa chỉ 122-126 Nguyễn Cư Trinh, quận 1, thành phố Hồ

Chí Minh, là Thánh thất đơn lập, không trực thuộc bất cứ Hội Thánh nào, có pháp nhân hoạt động độc lập. Từ buổi sơ khai, Thánh thất Cầu Kho là một trong những Thánh thất Cao Đài đầu tiên. Nơi đây vốn là tư gia của ông Đốc học Trường Cầu Kho Đoàn Văn Bản, là một ngôi nhà trệt ba gian, cột cây, vách ván, nóc lợp ngói, nền lót gạch tàu, ở tại số 42 đường Général Leman (nay là đường Cao Bá Nhạ, Quận 1). Nhà ông Đốc Bản ở sát trường Cầu Kho nên thường được gọi là Thánh thất Cầu Kho. Năm 1925, Ngài Đoàn Văn Bản thờ Đức Cao Đài theo sự hướng dẫn của Ngài Ngô Minh Chiêu. Ngoài các ngày sóc vọng, Thánh thất Cầu Kho được đặc ân thiết lập thêm tiểu đàn vào các chiều thứ Bảy từ 18 giờ trở đi và suốt ngày Chúa nhật để lập đàn cho phù hợp giờ giấc đi làm của các công tư chức. Lúc đầu, Thánh thất Cầu Kho quy tụ hầu hết quý vị Tiễn bối trong Đạo như các Ngài Vương Quang Kỳ, Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Đoàn Văn Bản, Lê Văn Giảng, Nguyễn Văn Phùng, Lương Văn Bồi, Huỳnh Trung Tuất, Hồ Vinh Quy, Nguyễn Phan Long, Trần văn Nghiêm, Nguyễn Hữu Đắc, Trần Văn Quế, Trương Kế An, Phan Trường Mạnh, Huỳnh Đích, v.v.

Ngày 15-8 Bính Dần, Đức Cao Đài dạy “Trung, Lịch hai

con phải hội chư Thánh mà xin khai đạo...” Dưới sự điều động của ba vị Thượng Trung Nhựt, Ngọc Lịch Nguyệt và Cao Quỳnh Cư, tối ngày 23 tháng 8 Bính Dần (29-9-1926), các môn đệ của Thầy tụ họp tại nhà đạo hữu Nguyễn Văn Tường ở hẻm số 237 bis đường Galliéni (nay là Trần Hưng Đạo) gồm 247 vị, nhưng trong tờ Khai đạo nộp cho chánh phủ, Đức Cao Đài chỉ định cho 28 vị đại diện ký tên.

Ngày 06-10-1926 (mồng 1-9 Bính Dần) Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhựt đến dinh Thống Đốc nộp tờ Khai tịch Đạo và được ông Le Fol, Thống Đốc Nam Kỳ bấy giờ “ghi nhận”.

Đến năm 1929, Thánh thất kiện toàn tương đối hoàn chỉnh. Căn chính giữa thờ Đức Cao Đài Thượng Đế, bên trái thờ Đức Quan Thánh, bên phải thờ Đức Quan Âm, có đủ chuông trống và các ban Nghi lễ, Thuyết đạo, Nhạc, Bảo trợ, Phổ tế học đường, có thuyền bát nhã. Năm 1930, ông Giáo hữu Trần Quang Minh đắc cử làm Chánh Hội Trưởng. Vào tháng 7 năm 1930, Thánh thất Cầu Kho sáng lập tạp chí Cao Đài Giáo Lý (La revue Caodaïste), tòa soạn được đặt tại số 155 đường Dayot nay là Nguyễn Thái Bình, nhà riêng của ông Nguyễn văn Phùng cho mượn, chủ nhiệm và quản lý do Ông Nguyễn Trung Hậu, Tuyết Tân Thành

và Lê Thế Vinh. Năm 1936, Ngài Đoàn Văn Bản hưu trí về quê Tân Uyên, Bình Dương ngày nay, giao lại Thánh thất cho Đạo. Năm 1938, Thánh thất được cất lều bằng gỗ khang trang, mái ngói. Ông Nguyễn Văn Phùng được bầu làm Hội Trưởng, ông Nguyễn Văn Bảo làm thủ tự. Đồng thời, nơi đây, Liên Hòa Tổng Hội cũng được thành lập, ông Nguyễn Phan Long được bầu làm Tổng Trưởng, nhậm vị Đoàn Văn Bản và Trần Văn Nghiêm làm Phó Tổng Trưởng, Tổng thư ký Trần Văn Quế, cùng hợp tác với quý ông Nguyễn Hữu Đắc, Nguyễn Hữu Lợi, Trương Kế An, Nguyễn Văn Đức, Phan Trường Mạnh, Phan Hữu Lợi, Lê Thành Thân, Huỳnh Thanh Thảo, Thanh Long, Bạch Hổ, Trần Quốc Luyện, Trần Quang Nghiêm, Nguyễn Văn Tước, v.v.

Từ những năm đầu tiên 1926, đa số tín đồ đều nhập môn tại Thánh thất Cầu Kho. Trong số này có ông Nguyễn Hữu Phương đã đem mối đạo Trời về Nam Bình Định phổ truyền cho các ông Lê Cẩn, Phạm Trinh, Phạm Vỹ, Phạm Đạt, Võ Túc Xương, Đào Hiến vào cuối năm 1926. Đầu năm 1927, có ông Nguyễn Hữu Hào là người đầu tiên đem mối đạo truyền bá tại Tam Quan Bình Định cho các ông Phan Nghị, Phan Chánh, Trần Châu, Phan Bồi,

Nguyễn Đình Đĩnh, Lê Hoài Cẩn, Nguyễn Phụng Hoàng... Sau đó, cả hai nhóm liên kết xây dựng cơ đạo tại nhà ông Phan Bồi và lập thành Hội Thánh Trung Ương Trung Việt ở Tam Quan. Trong lúc sơ khai gặp nhiều khó khăn, Hội Thánh cử người và liên kết chặt chẽ với Nguyễn Phan Long, Đoàn Văn Bản, Trần Văn Quế, Nguyễn Văn Tường, Trần Thế Tân, Lê Văn Sanh để xin giúp đỡ, ủng hộ kinh sách và Thiên Nhân qua trung gian của những người miền Trung vào Nam tu học. Vì có mối liên hệ sâu đậm này mà sau này, Hội Thánh Trung Ương Trung Việt có tên là Cầu Kho Tam Quan.

Năm 1941, chánh quyền lấy đất lại để xây cư xá công chức. Thánh thất Cầu Kho bị dỡ đi, tất cả hệ thống và đồ dùng được chuyển về dựng lại tại nền Thánh thất Tân Hương ở Long An đã bị cháy. Thánh thể Thánh thất Cầu Kho tạm dời về số 7 Cao Bá Nhạ, Ông Phùng dành một căn để thờ Đức Chí Tôn và một căn để ở. Từ năm 1942 đến 1948, Ban cai quản Thánh thất Cầu Kho tạm mượn Tam Giáo Điện Minh Tân số 221 Bến Vân Đồn làm nơi cúng các ngày sóc vọng.

Năm 1948, ông Nguyễn Văn Phùng hiệp cùng ông Phan Thanh cùng đạo hữu xây dựng lại Thánh thất Cầu Kho trên cuộc đất của ông Hui

Bon Hoa ở đường Nguyễn Cư Trinh, đến cuối năm 1948 tạm xong. Ngày 30-10-1948, Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ đặt tên là Nam Thành Thánh thất.

Đàn cơ ngày 25-8 Canh Tuất (22-9-1970) tại Nam Thành Thánh thất, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc giáng cơ dạy “Ngày 23 tháng 8 là ngày Khai tịch Đạo trên bình diện pháp lý thế đạo. (...) Là ngày Thiên cơ hé mở để hòa hợp với tác động của thế nhân.”

Đức Đông Phương Chương Quân lại dạy: “*Di tích thứ ba là Thánh thất Cầu Kho mà hôm nay biến thành Nam Thành Thánh thất. Chí Tôn đã dùng nơi này Khai Tịch Đạo với nhà đương cuộc lúc bấy giờ.*”

Nam Thành Thánh thất có các đặc điểm như sau:

1. Là một Thánh thất nhưng có Diêu Trì Bửu Điện thờ Đức Mẹ ở cạnh Thánh thất như ở các Hội Thánh.

2. Ở Thiên Phong đường thờ 28 vị Tiên khai đã ký tên trong tờ Khai đạo.

3. Hằng năm tổ chức lễ liên giao hành đạo kỷ niệm ngày Khai tịch Đạo 23 tháng 8.

Hiện nay, Nam Thành Thánh thất đang được xây dựng lại bằng vật liệu nặng để tôn tạo giữ gìn ngôi di tích của đạo Cao Đài.■

3. Đức Đông Phương Chương Quân, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

Đôi Đong

■ ANH ĐÀO

H O À I C Ả M

hoài cảm...

Khác với các bạn tu sinh khác, các bạn tu sinh tại Cơ Quan, các bạn tu sinh tại các Toà Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh gần Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý thì có lẽ tôi là một trong những tu sinh thiết thời nhất; “thiết thời” ở đây có nghĩa là tôi ở xa và ít có dịp tiếp cận với các hoạt động của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Các bạn tu sinh ở đây có được may duyên sống trong môi trường giáo lý, được sự chỉ dạy trực tiếp của các Đấng Thiêng Liêng, được sự dìu dắt và nhất là sự quan tâm chăm sóc của quý Đạo trưởng, của Tập đoàn Giáo sĩ, thế nên các bạn thực sự hạnh phúc. Phải nói rằng, các bạn tu sinh ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý có được một sự trợ lực vô bờ bến, một hậu phương vững mạnh, một sự nâng đỡ tận tình so với những tu sinh xa xôi ít được tiếp cận với sinh hoạt giáo lý như chúng tôi.

Nhưng điều đó không có nghĩa là tôi không có may duyên, vì tôi được hân hạnh sinh ra trong một gia đình có Đạo; ông, bà tôi là một trong những anh, chị gương mẫu của Thánh tịnh Thiên Trước. Có lẽ được hạnh hưởng công đức của ông, bà, cha, mẹ hay do Kỳ Ba Đại ân xá mà cửu huyền gia đình nào sẽ “về” hướng dẫn con cháu gia đình đó quay trở về với con đường đạo đức, “tu học, hành đạo” mà “hiển nhiên” tôi được điểm phúc sống trong sự yêu thương, chở che, đùm bọc của toàn Đại Đạo.

Bước đường khi tiếp cận với Đạo của tôi chẳng có gì để ngợi khen cả, giống như một sự hiển nhiên “cha truyền con nối”, tôi hoàn toàn chẳng có ý thức nào về sự may duyên của mình cả. Chỉ đơn giản là con

nhà Đạo thì phải đến Thánh tịnh, phải ăn chay, phải làm điều lành, phải có hiếu với ông, bà, cha, mẹ, phải kính trọng người lớn, những bậc Thầy, đi học thì phải cố gắng học cho thật tốt... và phải biết sẻ chia. Cha tôi thường dạy “minh được sống như vậy là hạnh phúc lắm rồi con, con nên nhớ còn có những người sống khổ sở, tàn tật, đói rách... nên khi mình hiện đang sống con phải biết ơn “Ơn trên” ban phước cho mình và phải chia sẻ với những người không may mắn đó”. Lúc đó tôi không hiểu lắm điều cha tôi nói, là con ngoan tôi chỉ biết vâng lời.

Đến khi cha tôi và ông tôi mất, một sự mất mát vô cùng to lớn đối với tôi, cùng một lúc hai người thân yêu nhất của tôi ra đi. Tôi phải làm gì bây giờ, tôi không làm gì được cả, lúc đó đầu óc non nớt của tôi nghĩ rất đơn giản, phải làm một cái gì đó cho cha tôi vui, đại loại như cha tôi ăn chay, nên tôi cũng phải bắt chước ăn chay, vì lúc cha tôi còn sống ông rất mừng là khi đến ngày ăn chay tôi không ăn mặn, ông nói “Bé Út ngoan lắm, cha hãnh diện về con lắm”... và lúc đó tôi hiểu rằng ăn chay không những làm vui lòng bề trên mà còn là cầu phước cho ông nữa, “một công đôi việc”. Bây giờ tôi thường xuyên đến Thánh tịnh, vì làm tuần cửu lần đầu cho cha tôi thì 04 ngày

sau làm tuần cửu lần đầu cho ông tôi, vì cha tôi mất trước ông tôi bốn ngày.

Dân gian có câu: “Mưa dầm thấm đất” có lẽ thích hợp trong trường hợp của tôi. Quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ trong Thánh tịnh rất thương tôi, có lẽ mọi người đồng cảm với sự mất mát của tôi nên ai cũng đối xử tốt với tôi và như vậy thì tôi càng siêng năng đến Thánh tịnh hơn. Có lần bác Chánh Hội trưởng nói vui “con bé nầy có tư chất (duyên) với Đạo lắm đây”. Có lẽ vì câu nói vui của bác mà tôi không dám để đuôi chằng. Chỉ biết rằng con đường học Đạo đưa nhau trải rộng ra và bao trùm lên cuộc đời tôi, gắn bó mật thiết như máu với thịt, chẳng có gì chia cắt được.

ĐƯỢC LÀM NGƯỜI....

Tôi học kinh, học Thánh giáo, nghe thuyết giảng của quý Đạo trưởng, lắng nghe bàn luận của quý Đạo tỷ... dần dần làm tôi sáng ra một điều mà trước đây tôi cho là “bình thường” về sự làm người vì ai sinh ra mà chẳng là người. Tôi nào biết đâu, để được làm người phải trải qua nhiều lần cái trăm ngàn muôn kiếp, phải đi từ “thảo mộc tấn hoá mãi, trăm ngàn muôn kiếp mới bước qua sang thú cầm”¹ (mà chỉ có 2 phần hồn), từ “thú cầm dần dần tấn hoá mãi,

trăm ngàn muôn kiếp”², mới lên được làm người thật “trăm đẳng ngàn cay, muôn phẩm vạn sâu, biết bao nhiêu là công phu khổ hạnh”³. Chính vì thế được làm người rất quý, con người là phẩm vị cao nhất tại cõi thế gian.

Đồng thời, thế gian cũng là trường tiến hoá, Đức Mẹ nói Tạo Hoá có những gì thì con người cũng có những thứ ấy: “...Tạo Hóa có những gì đã ban tất cả cho con, từ quyền năng pháp độ cho đến máy nhiệm tâm kỳ, các con đều có cả. Các con là một Tạo Hóa trong Tạo Hóa. Thế nên các con có thể tiến từ cõi vô thường lên đến cõi hằng thường vô sanh bất diệt.”⁴

Tôi cũng là “một tiểu linh quang”, nếu không quày chơn trở bước thì biết đến bao giờ mới trở lại được quê xưa, trùng phùng với Mẹ. Mẹ đang mong mỏi, đợi chờ chúng ta từng phút, từng giây và cũng rất đau lòng thương xót cho chúng ta còn lặn hụp nơi trần thế; nếu chúng ta không tu hành để giải thoát khỏi chốn trần la thì thật là bất hiếu, bất kính lắm thay.

HỌC VÀ HÀNH...

Nếu như người xưa muốn tu học phải lên non cao, rừng sâu thăm sự rất gian nan, khổ

2. Ibid.

3. Ibid.

1. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo, 1965, tr. 103.

4. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Vạn Quốc Tự, 14-8 Quý Sửu (10-9-1973).

sở. Thái tử Sĩ Đạt Ta tìm Đạo phải đi vào rừng sâu gặp muôn ngàn hiểm nguy mới “ngộ” được Đạo. Đó là những người may mắn, còn lại cũng có không biết bao nhiêu người cũng lên núi cao, rừng thẳm nhưng nào tầm được Đạo mà đôi khi còn phải bỏ mạng. Tôi thấy mình thật hạnh phúc và ước muốn được quay về bên Mẹ.

Muốn quay về bên Mẹ để được quỳ dưới chân Mẹ, được sum họp cùng Mẹ, được sống trong vòng tay yêu thương chở che của Mẹ thì không có con đường nào khác là phải biết vâng lời:

*“Sớm giác ngộ con quay bước lại,
Phá vô minh đoạn máy luân hồi,
Đạo là lẽ sống con ôi,
Trong con thì Đạo đất trời là tâm.”⁵*

Và Mẹ dạy không có con đường nào khác là phải tu học hành đạo để tự độ và độ đời, giúp chúng sanh, không độc thiện cầu an, tuân theo Thánh huấn, làm từ thiện, truyền bá chánh pháp của Thầy cho mọi người. Tôi cố gắng làm thật tốt mọi việc trong khả năng của mình như là một con ngoan: sốt sắng đến Thánh tịnh, chung tay với các huynh, tỷ, đệ, muội làm công quả, làm nền cho công trình và công phu (phước huệ song tu), trải rộng lòng mình với mọi người, thể hiện tinh thần hoà ái, yêu thương, tương trợ lẫn nhau và chuyên tâm lo tu học...

*“Hỡi các con thanh niên thiếu nữ,
Một tương lai rạng rỡ huy hoàng,
Khép trong thước ngọc khuôn vàng,
Hong ân Mẹ sẽ sẵn sàng dành cho.”⁶*
CHUẨN HOÁ....

MỞ RỘNG TẦM NHÌN QUA “ĐẠI LỄ HIẾN DÂNG”.

Một may duyên nữa lại đến với chúng tôi (Bích Tuyền, Chí Thanh, Quốc Cường, Mỹ Duyên và tôi), khi Đạo huynh – Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý trên đường “Về quê cũ” (tức là thuyết giảng đề tài “Về quê cũ”),

Đạo huynh đã “nhặt” chúng tôi về học tập tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Tại đây, tôi được thấy rõ hơn ý nghĩa, tầm vóc sứ mạng của Đại Đạo.

Qua “Đại lễ hiến dâng” của tu sinh chúng tôi, tôi mới biết rằng chúng tôi rất được quan tâm: “Ơn Trên” thì căn dặn quý Đạo trưởng hãy “tổ chức long trọng lễ hiến dâng” cho chúng tôi, còn Đạo trưởng Hiệp Thiên Đài thì khen ngợi chúng tôi, trân trọng chúng tôi, xem chúng tôi là “các em tu sinh quý báu”. Tôi thật sự hạnh phúc, chưa bao giờ tôi thấy lòng mình ấm áp đến như vậy. Đó là một thứ tình cảm thiêng liêng nhất “Ơn Trên” ban tặng chúng tôi đồng thời với tình cảm của quý Đạo trưởng và Tập Đoàn Giáo Sĩ dành cho chúng tôi.

Tôi vô cùng xúc động, không sao ngăn những dòng nước mắt lăn dài, quý Đạo trưởng cũng xúc động như chúng tôi. Cả bữa tiệc ai nấy đều sụt sùi. Một cảnh tượng hoành tráng về lòng yêu thương được thể hiện một cách đầy đủ, trọn vẹn nhất ở đây: 32 con người, 32 tu sinh, 32 lời nguyện hiến dâng “xin thành tâm lập nguyện hiến dâng trọn đời, toàn tâm toàn ý lo tu học, hành đạo để phụng sự nhơn sanh” là 32 bài ca hay nhất mà tôi được nghe. Hình ảnh “Đại lễ hiến dâng” sẽ là hình ảnh đẹp nhất, “khắc cốt ghi tâm” nhất và theo tôi đi trọn cuộc đời này.

Tuy nhiên, tôi biết rằng từ đây hoàn cảnh của tôi đã thay đổi, tôi sẽ phải học và hành nhiều hơn nữa để bù lại thời gian vừa qua, cũng để đáp lại lòng yêu thương của toàn Đạo dành cho chúng tôi và cũng là trách nhiệm của chúng tôi.

Tôi biết rằng con đường phía trước còn nhiều khó khăn, tôi tự hứa sẽ quyết tâm học và hành theo “5 điều tâm nguyện của Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý”, nắm vững mục đích, tôn chỉ, lập trường của Đại Đạo, lập hạnh: cương trường, trung chính, công bình, bác ái, từ bi, biết vâng lời và biết hy sinh; trải (XEM TIẾP TRANG 110)

5. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14-8 Nhâm Tuất (30-9-1982).

6. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).



GIỒNG BỐM

sáu mươi lăm năm mới có một ngày

■ CAO BẠCH LIÊN

Từ Thành phố Hồ Chí Minh, xuôi về miền Tây qua các tỉnh Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu; qua khỏi Bạc Liêu khoảng ba mươi cây số trước khi tới thị trấn Hộ Phòng, có con đường phía tay phải rẽ đi Chủ Chí, chúng tôi hơi ngạc nhiên thấy dọc con đường này khoảng mười cây số có treo cờ nhiều màu kiểu lễ hội, sau đó phải đi xuống chạy theo con rạch Giồng Bốm khoảng gần mười cây số nữa,

nhà dân dọc hai bên bờ cũng treo cờ như ngày lễ hội hay quốc khánh. Sau có người dân địa phương cho biết: chính quyền treo cờ dọc đường và vận động nhà nhân dân treo cờ trước nhà, là để chào mừng địa phương có được di tích lịch sử.

Đây là sự kiện rất mới lạ chưa bao giờ có ở đây. Hai bên bờ kênh là cánh đồng mênh mông, từ xa xa đã nhìn thấy ngôi Tam Đài Thánh thất Ngọc Minh màu vàng, vươn cao rực rỡ. Giồng Bốm ngày thường

tĩnh lặng và trầm mặc. Hôm nay không khí lễ hội nhộn nhịp từng bừng.

Ngày 13, 14 tháng 3 âm lịch (2011), Hội Thánh Minh Chơn Đạo tổ chức lễ khánh thành Tam Đài trang trọng, cũng đúng vào ngày kỷ niệm sáu mươi lăm năm Mặt Trận Giồng Bốm, đón di cốt của nguyên Tổng Chỉ Huy Mặt Trận về cùng chiến sĩ. Đặc biệt là lễ trao Quyết Định của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu công

nhận Mặt Trận Giồng Bóm tại Thánh thất Ngọc Minh là di tích lịch sử.

Năm 1928, Đức Trần Đạo Quang về miền Hậu Giang lập phái Cao Đài Minh Chơn Đạo. Trước tiên dựa vào các chùa Minh Sư, dần dần mua đất cất các Thánh thất làm cơ sở thờ tự để phổ độ nhân sanh.

Năm 1931, Ngài đến Giồng Bóm, nơi đây còn hoang sơ, cư dân từ miệt Thủ Dầu Một đến đây khai phá đất hoang. Khu đất này của hai anh em ông Nghi và ông Dương khai khẩn. Ông Nghi cất một ngôi chùa Minh Sư nho nhỏ để thờ cúng. Khi ngài Trần Đạo Quang tới đây có ý chọn một nơi ở khu vực này để xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh. Ông Nghi đồng ý hiến đất và hiến luôn ngôi chùa. Còn ông Dương hiến khu đất tiếp theo để cất tiếp khu Ngũ Hành Tòa.

Theo Thánh lệnh của Ôn Trên, việc xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh phải khẩn trương hoàn thành cho kịp ngày Rằm tháng bảy năm Ất Hợi (1935). Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang đã dốc toàn lực xây dựng Tòa Thánh theo Thánh ý. Giữa màu xanh bát ngát của lúa và cây rừng, nổi bật lên một công trình kiến trúc nguy nga tráng lệ, là Tòa Thánh Trung ương của Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang. Lễ lạc thành được tổ chức trọng thể đúng ngày Rằm tháng bảy năm Ất Hợi (1935).

Có hàng chục ngàn người từ các nơi về dự lễ.

Một sự kiện mới lạ ở nơi cuối đất cùng trời này. Nơi đây trở thành nơi tín ngưỡng, tu hành của hàng vạn tín đồ Cao Đài phần lớn ở quanh vùng Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng, Rạch Giá, Hà Tiên. Cư dân đa số là nông dân nghèo khổ, chân chất, mộc mạc, rất cần một cuộc sống tâm linh. Đạo Cao Đài khai mở nơi đây để an ủi vỗ về những cuộc đời bất hạnh, cứu cánh cho chúng sanh thoát khổ. Ngày sóc vọng có hàng ngàn đạo hữu về đây hiến lễ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

Khi xây dựng Tòa Thánh Ngọc Minh, Thiêng Liêng đã tiên tri:

... *Ngọc Minh tạm mở Thánh Tòa,*

Quy cơ Đại Đạo một và đôi năm...

Lúc xây dựng khu Ngũ Hành Tòa, Ngài Cao Triều Phát chủ trương làm bằng vật liệu địa phương như gỗ, ván mà không xây kiên cố, để tiết kiệm tài chính của nhân sanh, tuy vậy vẫn bảo đảm mỹ quan và tiện dụng. Chắc hẳn Ngài đã ngầm hiểu lời tiên tri của Ôn Trên, hữu hình ắt hữu hoại, cũng như con người làm xong sứ mạng trong một giai đoạn lịch sử nào đó do Ôn Trên đã sắp đặt sẵn.

Không biết lúc bấy giờ người tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo Hậu Giang có suy nghĩ tại sao công trình vĩ đại như thế

này mà Ôn Trên lại dạy là “một và đôi năm”. Đúng mười năm sau lời dạy đó đã ứng nghiệm.

Năm 1946 xảy ra cuộc chiến tranh vệ quốc trên đất nước ta, Tòa Thánh Ngọc Minh của Cao Đài Minh Chơn Đạo cũng nằm trong hoàn cảnh chung đó.

Các chiến sĩ Giồng Bóm sau nhiều trận chiến đấu quyết liệt với quân xâm lược, Tòa Thánh bị máy bay, đại bác tàn phá nặng nề. Tiếp theo là hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ ba mươi năm, nơi đây trở thành hoang phế.

Từ 1975, hòa bình lập lại cho đến nay đã ba mươi lăm năm, bốn đạo ở đây đời sống còn nhiều khó khăn, nên có lúc bốn đạo dựng tạm một mái nhà lá đơn sơ để thờ phượng. Dần dần xây được ngôi Thánh thất nhỏ có hai đài. Bên cạnh đó có đài liệt sĩ. Năm 2006, bốn đạo góp sức xây xong đền thờ Trung Liệt Thánh để thờ những chiến sĩ đã chiến đấu hy sinh ở đây. Năm 2010, các đạo tâm góp công sức xây mới Hiệp Thiên Đài, xây lại Cửu Trùng Đài đã xuống cấp và tôn tạo Bát Quái Đài.

Ngày 13 tháng 3 năm Tân Mão (16-4-2011), lễ lạc thành Thánh thất Ngọc Minh có đầy đủ Tam Đài thể hiện đầy đủ Thánh thể của Đức Chí Tôn, có chỗ cho ngày sóc vọng đạo hữu quanh vùng về hiến lễ. Quang cảnh Thánh thất Ngọc Minh hôm nay khang trang, rực rỡ. Sức sống mới đang vươn

lên nơi thánh địa Giồng Bóm. Người tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo hết sức vui mừng. Sáu mươi lăm năm nay có một ngày vui trọn vẹn.

* * *

Năm 1946, nơi các chiến sĩ Cao Đài Minh Chơn Đạo đã chiến đấu một mất một còn với quân xâm lược để bảo vệ danh dự tổ quốc, bảo vệ Đạo. Những người tham gia trận chiến, những chứng nhân lịch sử đã lần lượt qua đời, nay chẳng còn được mấy người. Những sự kiện năm xưa dần trôi theo năm tháng. Thời gian qua nhanh, lớp bụi thời gian dần che lấp. Đã mấy thế hệ cháu chắt của các chiến sĩ được sinh ra và lớn lên theo dòng đời tự nhiên của tạo hóa.

Hôm nay người tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo tự hào ôn lại những sự kiện hào hùng, những gương hy sinh của thế hệ cha, anh mà lòng những rung rung. Người hy sinh nằm lại nơi chiến địa, máu xương chôn vùi vào lòng đất mẹ. Đất chờ đờ và hóa giải để cho trên mảnh đất này đâm chồi nảy lộc xanh tươi. Anh linh các chiến sĩ vẫn tồn tại, được Thiêng Liêng ân phong là Trung Liệt Thánh, luôn phù hộ độ trì các thế hệ tiếp nối.

Người còn sống tản mác trên các miền của đất nước tiếp tục cuộc sống đời thường; Người tiếp tục vào bộ đội cầm súng bảo vệ tổ quốc; người tham gia đóng góp cho công việc xã

hội và kháng chiến; người tiếp tục trên luống cày làm ra hạt lúa nuôi sống con người; người tiếp tục ra khơi đánh cá kiếm sống; người ra tận đảo xa tìm cuộc sống bình yên tu hành... Tuy mỗi người sống mỗi nơi, cuộc sống có khác nhau, nhưng kỷ niệm trận Giồng Bóm năm xưa vẫn còn khắc sâu trong ký ức của họ.

Năm 1997, Hội Thánh Minh Chơn Đạo tổ chức lễ kỷ niệm năm mươi mốt năm Mặt Trận Giồng Bóm tại Tòa thánh Ngọc Sắc. Hơn hai mươi chiến sĩ Giồng Bóm năm xưa là những thanh niên khỏe mạnh, nay đã đầu bạc răng long về dự lễ.

Năm 2006, kỷ niệm sáu mươi năm tại Thánh thất Ngọc Minh – Giồng Bóm, số cựu chiến binh về dự lễ đã giảm nhiều, các cụ chân yếu mắt mờ hơn nhưng còn cố gắng nhờ con cháu đưa đến, các cụ nói cố gắng đi lần cuối. Năm nay 2011, kỷ niệm sáu mươi lăm năm, chỉ còn mấy cụ về mà cũng dự không hết cuộc lễ đã phải ra về vì không đủ sức khỏe để dự lễ tiếp, như nữ chiến sĩ và là thương binh Trương Thị Vân, gần chín mươi tuổi hiện ở Cần Thơ; chiến sĩ Đào Hồng Giới gần chín mươi tuổi cũng ở Cần Thơ, tuy tuổi cao sức yếu vẫn cố gắng về dự lễ. Cụ Nguyễn Thiện Hương về dự lễ nửa đường phải quay trở lại vì lên huyết áp. Còn Cụ Hai Y sống ở đảo Hòn Nghé năm nay 93 tuổi, rất muốn về dự lễ kỷ niệm sáu mươi lăm

năm Mặt Trận Giồng Bóm và lễ công nhận di tích lịch sử Mặt trận Giồng Bóm, cái ngày mà cụ mong đợi lâu lắm rồi, sáu mươi lăm năm mới có một ngày, nhưng không còn đủ sức để vượt biển, lực bất tòng tâm.

Năm 1946, Cao Triều Phát, người Tổng chỉ huy, người anh thân thương đã sát cánh cùng các chiến sĩ chiến đấu bảo vệ quê hương, bảo vệ Đạo; đã cùng nhau cạo đầu tuyên thệ chiến đấu cho đến phút cuối cùng với lời thề: “Quyết Tử Cho Tổ Quốc Quyết Sinh.” Trận chiến kết thúc, kẻ còn người mất. Người hy sinh nằm lại nơi đây tu luyện và được ân phong Trung Liệt Thánh. Người còn sống tiếp tục thực thi sứ mạng Ôn Trên giao phó cho đến ngày viên mãn.

Tháng 1 năm 2011, các vị chức sắc của Hội Thánh Minh Chơn Đạo và Ban Cai quản Thánh thất Ngọc Minh tha thiết đề nghị với gia đình Ngài Cao Triều Phát cho rước một phần di cốt của vị Tổng chỉ huy Mặt Trận Giồng Bóm để thờ phượng.

Một đề nghị mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến. Cuộc đời của Người lúc sống đã vất vả lận đận lắm rồi, lúc chết đã ba lần cải táng di dời, lần cuối cùng là hỏa thiêu, di cốt được ổn định cho tới ngày nay nơi nghĩa trang của thành phố Hồ Chí Minh. Có lẽ nào lại quấy rầy Người một lần nữa? Chẳng còn ai khác ngoài tôi là người duy nhất quyết định; tôi thăm

cầu nguyện cha tôi, chỉ bảo cho tôi có một quyết định đúng đắn: từ chối hay đồng ý với đề nghị đó. Tôi bỗng nhớ lại xá lợi của Đức Phật còn được chia ra cho nhiều nơi để chúng sanh chiêm ngưỡng. Đâu dám so sánh cha tôi với Đức Phật, nhưng đây là một định hướng để tôi suy nghĩ và quyết định. Người đã hy sinh cả cuộc đời vì nhơn sanh, nay hy sinh một lần nữa vì đồng đạo chắc Người cũng vui lòng.

Ngày 10 tháng 3 năm Tân Mão, gia đình tôi cùng đại diện Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Tập đoàn Giáo Sĩ làm lễ tiễn đưa Người để Đại diện Hội Thánh Minh Chơn Đạo rước di cốt Người về Giồng Bóm. Tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo hân hoan chào đón người anh thân thương, vị Tổng chỉ huy Mặt Trận về lại chiến trường xưa. Người hội ngộ cùng với các Trung Liệt Thánh, một sự trùng phùng thật ấm lòng và cảm động.

* * *

Ngày 14 tháng 3 năm Tân Mão (16-4-2011), tại Thánh thất Ngọc Minh – Giồng Bóm, Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bạc Liêu tổ chức lễ công nhận “Di Tích Lịch Sử Trận Giồng Bóm”.

Bà Lê Thị Ái Nam, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu đọc diễn văn khai mạc và trao Quyết định công nhận Di Tích Lịch Sử Trận Giồng Bóm của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu

cho Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo cùng công bố thành lập Ban quản lý bảo tồn di tích lịch sử theo qui định chung của nhà nước.

Di Tích Mặt Trận Giồng Bóm được chính quyền tỉnh Bạc Liêu công nhận. Ủy Ban Nhân Dân huyện Giá Rai và Ủy ban nhân dân xã Phong Thạnh Tây trực tiếp bảo vệ khu di tích này. Ông Mai Chí Tính – Phó Bí Thư – Chủ tịch UBND huyện Giá Rai trong buổi lễ công nhận di tích lịch sử Giồng Bóm đã phát biểu: Di tích Mặt Trận Giồng Bóm ở trên địa bàn của huyện là niềm danh dự, tự hào chung của nhân dân huyện Giá Rai. Mọi người đều có trách nhiệm trân trọng và bảo tồn giá trị tinh thần quý giá đó. Người tín hữu Cao Đài Minh Chơn Đạo cảm ơn chính quyền đã công nhận sự hy sinh của thế hệ cha, anh đi trước của mình. Còn gì vinh dự hơn khi chính quyền địa phương và nhân dân ở đây coi đó là sự nghiệp chung bảo vệ tổ quốc của địa phương Giá Rai, thể hiện tình đoàn kết trong cộng đồng, không phân biệt lương giáo.

Nhân dân ở quanh vùng này thường đến phòng thuốc Nam của Thánh thất Ngọc Minh xin thuốc khi bị bệnh, mỗi lần đến xin thuốc đều đến lễ Trung Liệt Thánh, họ tin có được sự phù hộ độ trì của Trung Liệt Thánh nên bệnh chóng khỏi. Mấy ngày nay cứ buổi chiều là người dân ngoại đạo tự nhiên

tới rất đông, chủ yếu vào lạy Trung Liệt Thánh. Đông nhất là những đứa trẻ khoảng chín mười tuổi đến mười lăm mười sáu tuổi không ai bảo, chúng nghiêm trang đến xếp hàng quỳ lạy Trung Liệt Thánh với vẻ mặt thành kính. Trộm nghĩ, một lúc nào đó có thể những đứa trẻ này sẽ là những tín đồ tương lai của Đại Đạo chăng? Cầu nguyện các Trung Liệt Thánh phù hộ độ trì cho mảnh đất thiêng Giồng Bóm sẽ phát huy tác dụng trong tương lai.

Trong niềm hân hoan của ngày lễ hội, sáu mươi lăm năm mới có một ngày, người tín hữu Cao Đài vui mừng chào đón ngày mai tươi đẹp. ■

**KỶ NIỆM SÁU MƯƠI LĂM NĂM
MẶT TRẬN GIỒNG BÓM. GIỒNG
BÓM NHỮNG NGÀY THÁNG 3
NĂM TÂN MÃO. ■**



ĐIỂM SÁCH

XIN CHỌN NGƯỜI YÊU LÀ thượng đế

■ CAO TRIỀU THIÊN TÂM

XIN CHỌN NGƯỜI YÊU LÀ THƯỢNG ĐẾ”, một tựa sách rất phàm và thật Thánh, qua ngòi bút của Nikos Kazantzakis khắc họa lại cuộc đời Thánh Phanxicô Assidi và giai đoạn phôi thai của các Dòng Anh, Chi, Em Hèn Mọn. Sách dày 520 trang do Nguyễn Yến Anh dịch, Kinh Thư xuất bản năm 1974. Văn phẩm được tác giả chấp bút trong sự hiệp thông với “Đấng Là Hình Bóng Của Chúa Kitô”.¹

“Trong khi viết nên truyền kỳ này, mà còn thật hơn cả sự thật, tôi dâng yêu thương, sùng kính, lẫn thán phục ngài Phanxicô, vị anh hùng và là bậc tuấn đạo vĩ đại. Đôi khi những hạt lệ to bồi nhòa bản thảo...”

Con người đi tìm Thượng Đế, Thượng Đế ở đâu? Ngài đâu xa, trong tâm ta, trước mắt ta nhưng ta muốn thấy được Ngài không thể dùng nhục nhãn mà phải có huệ nhãn (Ơn Trên khai cho trong phút giây nào đó).

“Tôi ngồi trong phòng mình, ngắm những khói mây

mùa xuân qua song cửa nhỏ bé. Bên dưới sân giáo đường, thiên đình đã hạ xuống: lâm râm một cơn mưa và cát bụi tỏa hương. Những cây chanh đã đâm bông; xa xa một tiếng chim ca rúc. Tất cả lá cây đều cười: Thượng Đế là cơn mưa và đang còn mưa khắp thế gian. Chúa ơi! Vui thay, hạnh phúc thay!

Huynh Lêô, một thành viên trong huynh đệ đoàn đầu tiên của Dòng Phanxicô thực chứng.

“Không có vị Thánh nào không có quá khứ và không có anh ăn trộm nào không có tương lai.” “Kẻ Hoang Đàng” là biệt danh mà mọi người nói đến Phanxicô ở lứa tuổi vào đời.

“Khi Lêô lang thang và thốt lên: “Ai trong cái thành tăm tiếng Assidi này có thể bố thí cho tôi. Tôi chỉ cần ăn, ngủ và ra đi khi trời sáng.”

Đám thanh niên giận dữ “Thằng khốn khổ kia mau rút đi, nếu không muốn chúng ông đóng đinh người.” Nhưng một người, người trẻ nhất trong bọn đâm tội cho tôi.

“Phanxicô, con trai của Piêtrô Bernadone, cậu “Hoang

đàng”: hẳn là người sẽ bố thí cho người và người may đấy. Hôm qua hẳn vừa bến lên từ Spoleto trở về. Đi tìm hắn đi.”

Lêô gặp Phanxicô, cuộc gặp gỡ đã trở thành bước ngoặt của cả hai và của Dòng Anh Em Hèn Mọn. Người đi trước Lêô dìu bước người đi sau Phanxicô, rồi trở thành học trò của người đi sau trên đường cùng về Thiên quốc.

“Sau khi giải quyết được cái đói, Lêô nhìn Phanxicô thương hại hỏi: “Tôi muốn hỏi Ngài: Ngài ăn uống, mặc lụa là, hát dưới cửa sổ. Đời Ngài là một đám hội liên tục, như thế có nghĩa là Ngài chẳng thiếu gì phải không?”

Phanxicô giận dữ: “Đúng vậy, ta chẳng thiếu gì hết. Sao người lại hỏi ta vậy?”

Lêô chậm rãi: “Vì tôi thương hại Ngài.”

Phanxicô gắt: “Ta chẳng thiếu gì cả! Ta không muốn thương hại, ta muốn được ghen tị...”

Lêô hỏi: “Không gì cả! Cả thiên đường nữa?”

Phanxicô cúi đầu im lặng, một lúc sau đáp: “Với ta thiên đường cao quá. Dương gian đủ rồi – và gần ta.”

1. Thánh Phanxicô Assidi.

Lêo nói: “Không gì gần chúng ta hơn thiên đường. Dương gian bên dưới chúng ta và chúng ta giảm lên nó, nhưng thiên đường ở trong chúng ta.”

– Người làm sao biết?

– Tôi gánh chịu đói, khát, và học được.

Phanxicô nắm tay Lêo: “Về nhà với Ta.” Cả hai cùng đi xuống khu chợ, những cao lâu vẫn đang ồn ào.

Ôn Trên dạy:

“Đời là mộng, mộng đi tìm mộng,

Sống đây là kiếp sống tri nhân,

Bệnh trần từ đây dứt lẩn,

Dứt luôn cái nợ thế trần tranh phong.”

Có giấc mộng khủng khiếp. Có giấc mộng giúp con người cải tà quy chánh, cải ác tùng thiện, đó là giấc “mộng vàng”.

“Một đêm Phanxicô mơ thấy mình đang hấp hối. Cánh cửa bật mở và Thần Chết bước vào. Hắn không cầm lưỡi hái như những hình vẽ mà Phanxicô thường thấy, mà là một cái kẹp dài bằng sắt giống như cái thứ của mấy tay giám thị dùng để bắt chó dại.

– Đứng lên con trai Bernadone! – Hắn thốt lên, tiến đến bên giường – Chúng ta đi.

– Đi đâu?

– Đi đâu?

– Người cần gì phải hỏi! Người có thời gian, nhưng người đã phung phí vào hội hè, quần áo đắt tiền, vào dạ khúc. Cái giờ dự trù đã đến...

Hắn đưa chiếc kẹp ra. Phanxicô thu mình trong gối, run lên.

– Cho tôi một năm nữa – chàng thút thít khóc – Cho tôi một năm thôi, cho tôi thời gian để sám hối.

Thần chết cười lên, và cả hàm răng hắn rơi vãi trên drap giường bằng lụa và đay nghiền: “Quá muộn... nào đi!”

– Ba tháng thôi... một tháng... ba ngày... một ngày...

Nhưng lần này Thần Chết không trả lời. Đưa chiếc kẹp ra, hắn trông quanh cổ Phanxicô,

nhưng ngay lúc ấy, hét lên một tiếng nát lòng, người nằm mơ tỉnh giấc.

Phanxicô kêu lên: “Lạy Chúa!” – Mồ hôi còn nhỏ giọt trên trán.

– Tạ ơn Chúa, Chúa còn cho con thời gian.

Đức Chơn Thường Đạo Sĩ hối tiếc khi về đến cõi trên:

“Nặng đời phung phí tuổi xanh,

Tu gìn giữ lại mối manh hãy còn.”

Trên đây là một vài trích đoạn để giới thiệu quyển “Xin chọn người yêu là Thượng Đế”.

Lạy Đức Chí Tôn, không phải chúng con chọn Ngài, mà chính Ngài đã gọi và chọn huynh, đệ, tỷ, muội chúng con để giáo dục và đào tạo, để trao cho đạo sự hầu chúng con có cơ hội bồi thêm công, lập thêm đức cho đến ngày viên thành chí nguyện.

Cầu và xin nguyện được như thế.■



Nương cõi tạm, mọi điều phải tạm,
Ở hồng trần chịu bảm bụi trần,
Công bình Tạo Hóa cầm cân,
Ngửa tay thọ lãnh mỗi phần thưởng rần.
Bến hoạn đồ lằng xằng chen lẩn,
Cõi vô thường lẩn bấn lại qua,
Hỡi ôi! Sanh tử bịnh già,
Trăm năm cửa tục vào ra bao lần.
Trước vật dục tâm thần sở tể,
Trong vọng hành trí tuệ vô minh,
Có mình ai biết dạng mình,
Nghiep duyên vạn hữu bảm sinh chốn nào?
Mỗi danh lợi sôi trào mặt bể,
Miếng đỉnh chung treo để đường trần,
Quen mỗi cá nọ lụy thân,
Nặng lòng phàm tục ngập ngừng lối đi.
Cuộc tiến hóa tân kỳ vũ trụ,
Cơ vận hành cổ thủ càn khôn,
Có đào thải, có bảo tồn,
Lọc lừa kẻ dại, người khôn hội này.

Ôi! Vật chất lấp đầy cảnh tục,
 Khiến tâm thần câu thúc vô minh,
 Gây nên những cảnh bất bình,
 Cho toàn nhân loại điều linh khổ nân.
 Sóng văn minh bữa tràn thế hệ,
 Gió phong trào biến thể quốc phong,
 Muốn cho tâm vật tương đồng,
 Hoảng dương Đại Đạo nhằm trong hạ kỳ.

ĐỨC DI LẶC THIÊN TÔN, TRÚC LÂM THIÊN ĐIỆN, 13-4 ĐÌNH
 MÙI (21-5-1967).■

Đạo ấy là tìm một chữ không,
 Mừng vui hận tủi dẹp nơi lòng,
 Gìn câu bác ái quên hơn thiệt,
 Giữ nếp từ bi nhớ đạo đồng.
 Ngọc quý bởi còn nơi núi đá,
 Sen thơm nhờ mọc chốn bùn rong.
 Nỗi đời nỗi đạo, bao nhiêu nỗi,
 Rằng đó, rằng đây một chữ không.

ĐỨC ĐÔNG PHƯƠNG CHUÔNG QUẢN, THIÊN LÝ ĐÀN, 16-3
 GIÁP THÌN (26-4-1964).■

Kỳ chót là kỳ tuyển lựa đây,
 Hỡi ai còn bận cõi trần ai,
 Mau chơn kéo trẻ trường công quả,
 Điểm đạo cho người chẳng lệch sai.

ĐỨC VẠN HẠNH THIÊN SƯ, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ
 ĐẠI ĐẠO, 15-4 TÂN HỢI (09-5-1971).■



ĐỪNG TÌM

■ CÔNG HUY

Đừng tìm Phật Chúa đâu xa,
 Tồn công hao của, chẳng ra bao giờ.
 Vì tham, sân, dục, đại khờ...
 Vô minh che khuất trong người chớ đâu.
 Ngày đêm khẩn vái nguyện cầu,
 Xin tài, phước, lộc mà đâu có ngờ.
 Phật Trời chẳng chứng bá vợ,
 Gieo nhân gặt quả, cậy nhờ ích chi.

Đạo khuyên người phải tu đi,
 Chính tâm sửa tánh rồi thì giữ thân.
 Biết rằng tu khó vô ngần,
 Nhưng mà phải quyết dần dần ít thôi.
 Có sao cứ phải vội vàng,
 Tu bằng, tu tắt, nửa đường dứt hơi.
 Làm sao hiểu hết đạo Trời,
 Mà ham tranh cãi cho đời thị phi?...
 Cứ theo Đại Đạo mà đi.
 Sống vui, khổ cực chi chi có Thấy.■

HÍT VÀO THỞ RA

■ CÔNG HUY

Trăm năm một kiếp người ta,
 Xưa nay ai cũng thở ra hít vào.
 Muốn cho cuộc sống thanh cao,
 Ta nên luyện tập hít vào thở ra.
 Âm dương điều tiết hài hòa,
 Tự nhiên Trời định thở ra hít vào.
 Nhưng đời sống chẳng là bao,
 Nên gây đủ kiểu hít vào thở ra:
 Nhìn xem cuộc sống quanh ta,
 Giàu sang cũng phải thở ra hít vào.
 Nghèo hèn, hoạn nạn, lao đao,
 Đêm nằm trăn trở hít vào thở ra.
 Suy đi ngẫm lại thì ra,
 Giàu, nghèo ai cũng thở ra hít vào.
 Bon chen, giành giật cỡ nào,
 Thành công, thất bại, hít vào thở ra.
 Chi bằng ăn, ở thật thà,
 Ung dung thông thả thở ra hít vào.
 Lo chi mấy chuyện tào lao,
 Của người mình lại hít vào thở ra.
 Thân đâu ý đó mới là,
 Công phu đích thị thở ra hít vào.
 Lung tung ý chạy thì sao?
 Thì càng trì chí hít vào thở ra.
 Muốn cho nhơn loại thuận hòa,
 Lúc nào cũng nhớ thở ra hít vào...■

VỀ THĂM GIỒNG BỐM

■ THANH HIỂN



6g50 sáng ngày 12-3 năm Tân Mão, Phái đoàn Liên giao Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do Đạo huynh Đức Nhẫn, Vụ phó Ngoại Giao Vụ làm trưởng đoàn khởi hành về Bạc Liêu dự lễ Kỷ niệm 65 năm Mặt Trận Giồng Bóm và đón nhận bằng xếp hạng di tích lịch sử cấp tỉnh, cùng với lễ Lạc thành Thánh thất Ngọc Minh thuộc Hội Thánh Minh Chơn Đạo.

Phái đoàn gồm có Thanh Hiển, Huệ Trang, Lê Hồng Phong, huynh Cao Châu (là con nuôi của Đức Cao Triều

Tiền Bối) cùng quý Đạo tử: Cao Bạch Liên, Bạch Cúc, Kim Dung, Nguyễn Thị Mai, Nguyễn thị Sơn, Út và Phạm Thị Trang. Chuyển đi còn có Đạo huynh Thiện Chí- Tổng Thư ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tháp tùng đi dự lễ tại Tổ đình Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi.

9g30, xe đến Tổ đình Chiếu Minh – Cần Thơ. Phái đoàn vào viếng đền thờ Đức Ngôi Hai Ngô Minh Chiêu và làm lễ trước Linh Tháp. Sau khi ăn trưa, Đạo huynh Thiện

Chí vào Hội Trường dự lễ; phái đoàn lên xe tiếp tục hành trình về Giồng Bóm lúc 12 giờ. 15g đến Hộ Phòng. Đạo tử Cao Bạch Liên điện thoại báo tin cho anh Quốc Việt là con trai cả của Phối Sư Ngọc Huỳnh Thanh – Trưởng Ban Đại Diện Hội Thánh Minh Chơn Đạo tại Bạc Liêu. Anh Quốc Việt mời phái đoàn đến nhà anh nghỉ chân trong khi chờ chờ ở Thánh thất Ngọc Minh ra đón.

Tuy nhiên, sau đó, do bốn đạo về dự lễ quá đông, Thánh thất không đủ chỗ nghỉ, nên anh Quốc Việt mời phái đoàn đến nhà anh nghỉ lại để sáng vào Thánh thất sớm. Buổi chiều, phái đoàn được gia đình anh Việt mời cơm và trong không khí thân mật vui vẻ, trao đổi chân tình, chúng tôi đã được nghe câu chuyện về sự đoàn kết thương yêu nhường nhịn chia sẻ của 8 anh em nhà Quốc Việt để cùng nhau thành công trong cuộc sống. Tại Hộ Phòng, một thị trấn nhỏ, mà người nào cũng có cơ ngơi rộng lớn, làm ăn phát đạt. Và đáng quý hơn nữa là ai cũng có tâm đạo sẵn sàng bỏ thời gian công sức tiền của để công quả, như người em gái thứ tư vào công quả trụ phòng tại Thánh thất Ngọc Minh trong suốt 3 ngày lễ.

Sau một đêm nghỉ ngơi khỏe khoắn, chúng tôi thức dậy công phu giờ Mẹo rồi thu xếp hành trang lên đường lúc 6g30 sáng. Lên xe đi tiếp một đoạn đường gần 10 cây số, chúng tôi đến

bến đò và chuyển sang đường thủy. Gần nửa giờ sau, đò cập bến đã thấy Sư huynh Huệ Ý đứng đón trên cầu tàu.

Phái đoàn Cơ Quan được bốn đạo địa phương chào đón, thăm hỏi chân tình.

Trước chính điện ngôi Thánh thất trang nghiêm với đôi thanh long quấy mình sống động, buổi lễ Lạc thành Thánh thất Ngọc Minh (13/3 Tân Mão) bắt đầu với phần diễn văn khai mạc của Anh Lớn Thượng Chánh Phối Sư Thượng Viện Thanh, Phó Ban Thường trực Hội thánh Minh Chơn Đạo.

Tiếp theo, cửa chánh điện mở rộng, Ban Nghi lễ đưa Thiên Nhân và tranh tượng các Đấng Tam Giáo, Tam Trấn vào vị trí nơi Thiên bàn, rồi làm lễ cúng thời Ngọ. Sau bữa ăn trưa, đúng 14g, các vị chức sắc Thánh thất Ngọc Minh lại tiếp tục cúng đến 16g.

Thánh thất Ngọc Minh tọa lạc trên một khu đất rộng lớn của một bán đảo khô cằn chung quanh toàn sông nước, là nơi khi xưa đã diễn ra mặt trận Giồng Bóm kinh hoàng thời kháng Pháp. Đất khô nổi phèn là đặc điểm của vùng nước mặn, chỉ có cây Bóm mọc hoang là loại cây thấp lá dày thân toàn gai nhọn cứng. Bây giờ cạnh bên Thánh thất là Đài Tưởng Niệm Trung Liệt Thánh ghi tên 140 vị Thánh Tử Đạo, rồi đến Đền thờ Trung Liệt Thánh và tiếp đó là Văn phòng Đại diện Hội Thánh Minh

Chơn Đạo tại Bạc Liêu. Nay tổng thể nơi này được gọi là “khu Di Tích Trận Giồng Bóm”.

Buổi lễ được tổ chức nơi phần sân rộng phía trước các đền thờ với các mái che được dựng tạm cùng một sân khấu dành cho chương trình ca nhạc văn nghệ vào buổi tối.

Mới 17g, nam thanh nữ tú từ các vùng lân cận đã tấp nập đổ về Thánh thất, vừa ngồi vừa đứng gần kín hết khoảnh sân.

Phái đoàn Cơ Quan chia làm hai nhóm, toàn thể nam phái và 3 vị đạo tỷ trú tạm tại nhà Đạo huynh Phó Ban Trị Sự của Thánh thất Ngọc Minh, cách chùa mấy trăm thước. Những vị đạo tỷ còn lại thì tạm nghỉ ở Văn phòng Ban Đại diện Hội Thánh tại Bạc Liêu.

Sáng ra, phái đoàn trở lại Thánh thất, làm lễ ở Đài Tưởng niệm và Đền thờ Trung Liệt Thánh rồi ra tham dự buổi lễ Công nhận Trận Giồng Bóm – Di tích Lịch sử cấp Tỉnh. Sau các bài diễn văn của các cấp chính quyền là đáp từ của Anh Lớn Đầu Sư Thái Tăng Tinh và bài phát biểu của Đạo tỷ Cao Bạch Liên, ái nữ của Ngài Cao Triều Phát.

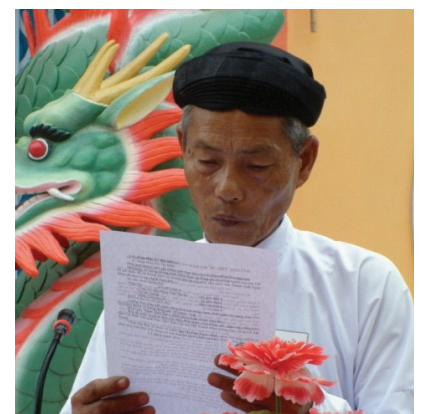
Buổi lễ kết thúc, phái đoàn Cơ Quan từ già Thánh thất Ngọc Minh và khu di tích Giồng Bóm trong niềm lưu luyến, dù chỉ gặp gỡ trong thời gian ngắn ngủi, nhưng tình cảm chơn chất thật thà của đạo hữu nơi đây đã để lại trong lòng chúng tôi những dấu ấn khó phai.

Chuyến về, Sư huynh Huệ Ý thay chỗ Huỳnh Thiện Chí. Trở lại Hộ Phòng, phái đoàn được anh Quốc Việt mời ghé nhà uống nước chia tay với tình nghĩa thăm thiết. Đến Cần Thơ, chúng tôi ghé thăm Đạo Trưởng Đạt Chơn, Trưởng Nghiêm Pháp Quân Cơ Quan, thân phụ của Huỳnh Đức Nhẫn, đang nằm dưỡng bệnh. Sắc diện của Đạo Trưởng có vẻ yếu, nhưng khi nói chuyện thì Đạo Trưởng vẫn còn thật minh mẫn. Gia đình anh Đức Nhẫn mời cả đoàn dùng bữa cơm thân mật trước khi lên xe trở về TP.HCM.

Về đến Cơ Quan hơn 20g tối, chia tay sau chuyến hành trình dài thật vui, mọi người còn bàn tính cho chuyến đi Vĩnh Nguyên Tự sáng sớm hôm sau của Ngoại Giao Vụ.■



LỄ CẮT BĂNG KHÁNH THÀNH.



ANH LỚN THƯỢNG CHÁNH PHỐI SƯ THƯỢNG VIỆN THANH.

tế-nhị

NHU' LÀ MỘT CÁI NHÌN TRIẾT LÝ

■ THANH LONG

Như vậy là Ban Nghiên cứu học tập của tập đoàn Giáo sĩ đã được 3 tuần hội họp. Ngày 15-4-2011, chúng ta thực hiện lần thứ ba đó với nội dung về “óc tế nhị”. Không khí buổi họp được bao trùm bởi tinh thần đồng thuận. Nhưng chí ít, chúng ta đã có những ý kiến chủ động “gây ồn ào” trong buổi họp. Đó là một tín hiệu tốt! Các anh em cứ tiếp tục như thế. Bài viết này là một đúc kết theo cách nhìn của người viết và không thay thế bất cứ văn bản nào khác của các anh chị em của ban Nghiên cứu học tập.

Trước hết, óc tế nhị được hiểu như là óc tinh nhuệ, như là một khả năng có thể được rèn luyện. Tế nhị và tinh nhuệ là gì mà chúng ta có thể rèn luyện nó? Tế nhị được hiểu là khéo léo, nhã nhặn trong quan hệ đối xử nhờ biết chú ý các điểm rất nhỏ thường bị bỏ qua; hay có những tình tiết tinh tế, sâu kín thường khó hoặc không thể nói ra. Tinh nhuệ có nghĩa là được huấn luyện kỹ lưỡng nên có khả năng thực hành rất thuần thực, hiệu quả.

Cả hai phẩm chất này vượt lên trên nhận thức của giác quan mang tính thường nghiệm. “Chính “óc tế nhị” hay “óc tinh nhuệ” giúp ta trên con đường nghiên cứu những gì mà giác quan ta không còn nhận xét được nữa, tức là giúp ta hoạt động trên những vùng tình cảm và tư tưởng (...).” Như vậy cả hai óc tinh nhuệ hay óc tế nhị tức là một loại trực giác, một loại giác quan thứ sáu của con người, và nó cũng cần được mài giũa để trở nên sắc bén. Có lẽ, khi nói đến tinh nhuệ sẽ khiến ta cảm thấy rằng nó quá thuần lý.

Lý do nằm ở ý nghĩa của khái niệm này là muốn nói đến phần khả dụng của việc đào tạo và huấn luyện. Cho nên, tế nhị lại được dùng không phải như sự thay thế, mà là bổ sung. Khái niệm tế nhị khiến ta dễ thấy rằng đây là phần của một trực giác, cái nhạy cảm riêng có của con người, tính người. Nếu chỉ để riêng khái niệm tế nhị, có lẽ cũng khiến ta dễ thấy rằng quá duy cảm và duy nghiệm. Sự đặt để hai khái niệm này chung

với nhau nhằm tháo gỡ sự nan giải về tính khách quan của cái nhìn triết lý của ta vậy.

Thực chất của loại óc triết lý này nằm ở chỗ: cái nhìn về cái hữu thể toàn thể, tức là khả năng nhìn ra mối liên hệ của các sự kiện rời rạc trong một chỉnh thể thống nhất. Trong lĩnh vực tình cảm, mối quan hệ giữa con người và con người là cơ sở cho cái nhìn của óc triết lý này. Tuy nhiên, có lẽ chúng ta đã tự thấy rằng, ngay cả trong vũ trụ tự nhiên cũng cần cái nhìn nhất thể này để trước hết con người nhận ra được sự đa dạng nhưng thống nhất thực sự trong lý. Ở đây, chính là chỗ cần đến “óc khúc chiết”, cái nhìn logic, rành mạch nối kết thành hữu thể ngôn từ phản ánh cái hữu thể toàn thể khách quan với ta.

Liên hệ thực tế của “óc tinh nhuệ” và “óc tế nhị” ta thấy đó là cái nhìn sâu thẳm vào trong những phức tạp, đa diện của cuộc sống con người (nhân sinh) và vũ trụ tự nó (hữu thể tự nó). Cái nhìn này không có lúc ta sinh, không có khi ta sống

và tuyệt nhiên chẳng có môn học nào có thể làm ta có được cái nhìn này, nếu tự ta không có một khả năng phản tư về khả tính của tồn tại, của hữu thể.

Chỉ có những môn học như triết học (bao gồm rất nhiều ngành, lĩnh vực) hay văn chương là khả dĩ mang lại cho con người những cơ hội để có được khả năng phản tư này. Chúng không trực tiếp mang lại cơ hội đó, chúng chỉ mang đến một cách thức để con người tự đánh thức lương tri của mình, nhờ đó mà phản tư về mình và về khả tính của hữu thể khách quan.

Một thực tế cụ thể hơn đối với chúng ta, người tín hữu Cao Đài, đó là đàn cơ dạy đạo trong Cao Đài giáo suốt từ những năm đầu tiên đến nay. Mỗi một đàn cơ dạy đạo là một cái nhìn triết lý như thế vậy. Mỗi lời dạy trong một đàn cơ là cái nhìn tinh tế đầy tính tế nhị của các đấng Thiêng liêng giáng đàn trước mỗi sát na xao động của tâm tư trần thế. Từ đó, những lời dạy như làn gió, như mùi hương nhẹ nhàng làm an định những lo lắng, bấp bênh của tâm tư trần thế. Thế nhưng, đạo lý luôn là cái nền tảng xuyên suốt, mà nhờ sự an định tâm trung đó, con người có thể tiếp nhận phần nào. Tế nhị nhưng rất tinh vi nghĩa lý là thuộc tính của mỗi lời dạy. Vì thế nghiên cứu Thánh giáo, không chỉ là nghiên cứu cái vỏ vật chất của ngôn từ, nếu

có hiểu biết về hoàn cảnh của lời dạy, chắc khiến chúng ta còn được học thêm nhiều điều khác nữa, như việc nhìn ra cái tế nhị và tinh nhuệ.

Nếu thực sự hai khả năng nhận thức này hay như thế vậy, chúng ta sẽ phải làm gì để có được óc tinh nhuệ và óc tế nhị này? Câu trả lời đặt ra một điều kiện nhất thời bất khả đắc: biết lưu ý đặc biệt đến cái con người “sâu thẳm, phức tạp, đa diện nhưng duy nhất” của chính mình”. Khi nào thì chúng ta mới có khả năng nhìn ra con người triết lý như thế? Trong chúng ta, đã có nhiều người phải bật cười nhún nhó với điều kiện khô như sa mạc này. Nó thực sự khô vì tư duy chúng ta hiện nay cạn những cái nhìn này, cạn những cách thức để thực hiện nó, cạn sự thừa nhận việc này là việc đáng để thực hành! Nó khô vì chúng ta được và muốn được một cái gì đó thực tế hơn một khả năng bất định. Nhưng may thay, cái ảnh hưởng của giáo dục xã hội hiện nay lên tư duy của chúng ta vẫn có thể chưa khiến chúng ta cạn vốn của loài người!

Để đơn giản hơn, cụ Nguyễn Duy Cần đưa ra một phương cách dễ cho mọi người. Đó chẳng có gì khó, vì đơn giản chỉ yêu cầu chúng ta biết “quan sát, tìm hiểu ý nghĩa của từng cử chỉ ý thức hoặc vô ý thức của con người”. Để có thêm thông tin và khả năng xử lý hậu quan sát, cụ Nguyễn

Duy Cần cũng khuyên chúng ta nên đọc tiểu thuyết của các đại văn hào quốc tế. Nên lưu ý rằng không phải tiểu thuyết nào cũng có giá trị cho việc rèn luyện cái nhìn tế nhị và tinh nhuệ này, nếu chúng không làm cho chúng ta hiểu sâu sắc về con người phức tạp, đa diện nhưng duy nhất!

Nếu trở lại cuộc nói chuyện vào tháng trước, chúng ta có thể thấy khả năng hoài nghi triết lý cũng là cách thức khiến chúng ta có thể trở nên tinh vi và tế nhị hơn bởi cách đặt đúng câu hỏi cho đúng sự kiện vào đúng lúc của nó. Một lần nữa, khó mà nói ngay ở đây rằng thế nào là ĐÚNG nếu thiếu sự tinh nhuệ và tế nhị. Vấn nạn này có thể sẽ được khắc phục lần lần khi ta tham gia vào cuộc sống như một chủ thể của tư duy, nghĩa là quan sát cuộc sống bằng con mắt khách quan, phán đoán về nó bằng tất cả sự tinh tế mà ta có được. Đóng cửa lại với thế gian, ta chỉ có thể là cá thể thích thú con đường né tránh của xúc cảm nhân sinh từ đó trở nên lạnh lùng với cả chính mình. Làm sao có thể trở nên tinh nhuệ và tế nhị khi ta chỉ nhìn đời bằng cặp mắt “từ bên ngoài” được? Cái thực sự bên trong, chỉ nhờ “con mắt tự bên trong” mới có thể sáng rõ được.

Trở lên là một vài điều mà chúng ta đã thảo luận về “óc tế nhị”. Nội dung thứ hai mà chúng ta có nói đến là vì sao trong sinh hoạt chuyên để triết

học chúng ta lại tìm hiểu Thánh Giáo Sứ Tập 1965? Câu trả lời là sự đúc kết một cái nhìn từ thực tiễn tìm hiểu tư tưởng nhân loại. Đối với công tác nghiên cứu triết học (cả những khoa học cơ bản khác nữa) mục đích của người nghiên cứu là hiểu tận tường một học thuyết, một tư tưởng, một triết gia. Vì nếu không như thế, thì việc nghiên cứu triết học chỉ là thu thập thông tin trên bề mặt, chứ không thể đi sâu vào tư duy triết lý được, đó mới thực sự là công tác triết học.

Ngày hôm nay, sinh hoạt nghiên cứu triết học tại Việt Nam (và một vài ngành khoa học cơ bản khác như vật lý chẳng hạn) đã có một số tín hiệu khởi sắc nhờ vào không quá một người nghiên cứu chuyên sâu và chuẩn xác về một nhánh triết học một cách nghiêm túc. Đó là nhờ, nhà triết học này đã mất hơn 30 năm học tập và nghiên cứu về chuyên đề triết học này trên mảnh đất sản sinh ra nó. Khi về Việt Nam, ông đã khiến người ta trong giới học thuật phải thức tỉnh không phải vì tính chất hàn lâm khái quát, mà vì tính cụ thể và chuyên môn của mình. Đó là nhờ vào một thời gian dài tập trung vào ngoại ngữ, văn hóa và lịch sử có liên quan đến chuyên ngành triết học đó mà ông có một cơ hội đọc chính tác phẩm, chính văn chương của triết gia đó. Đắm chìm trong tư tưởng

và văn hóa cụ thể như thế giúp ông nắm vững và nắm từ rộng đến sâu nội dung mà ông nghiên cứu. Ông đã trở thành người đại diện của triết gia mà ông đã dày công tìm hiểu.

Có thể thấy, phá vỡ rào cản ngôn ngữ là cách tiếp cận nhanh nhất vào trung tâm của tư tưởng triết học. Đây là cảm nhận cá nhân. Đôi khi những lần học Thánh giáo có thêm sự giảng giải của hoàn cảnh lúc bấy giờ, mới thấy được ý nghĩa này. Đạo huynh Huệ Ý, Đạt Tường thường có cách nhận định này. Nó khiến tôi cảm nhận Thánh giáo một cách khác hơn mỗi lần được nghe, được biết những điều có liên hệ đến bài Thánh giáo. Còn chúng ta thì đã, đang và sẽ còn tiếp tục nắm trong tay tác phẩm kinh điển, có thể gọi là F1 (đúng hơn là F1'). Toàn là những văn bản gốc, với cùng loại ngôn ngữ mà ta không phải quá mắc công để học thêm nhiều nữa. Nhưng đó chỉ là lớp vỏ vật chất. Điều quan trọng nhất là tư tưởng triết lý Cao Đài đều ở trong các tác phẩm kinh điển như thế này!

Không thể tìm triết học Cao Đài trong bất cứ nơi nào nếu không bắt nguồn từ toàn bộ Thánh giáo, Thánh ngôn Cao Đài. Mà chúng ta thì có lợi thế là đang sở hữu toàn văn bản gốc, hay gần với bản gốc. Do vậy, chẳng có gì khó hiểu khi mà sinh hoạt chuyên đề triết học, chúng ta lại phải đọc và tìm hiểu Thánh Giáo Sứ Tập, mà trước

mắt, quyển Thánh Giáo Sứ Tập 1965 là xuất phát điểm của chúng ta. Ở chỗ này, nếu bạn chịu khó nhìn lại Lịch Trình Hành Đạo, phiên bản 1 của đức Lê Đại Tiên, thì bạn sẽ hiểu vì sao tiếng Việt là một yêu cầu bắt buộc đối với người ngoại quốc làm Tu sĩ, Giáo sĩ Cao Đài.

Cũng chợt nhớ ra lời dạy của các đấng Thiêng liêng về hoàn cảnh mà ta chết khát bên dòng suối, chết đói bên vựa lúa để thấy tình cảnh mà chúng ta ít hoặc gần như không tiếp cận tác phẩm kinh điển. Bữa cơm dọn sẵn mà không ăn thì làm gì nữa đây!? Nói tóm lại, muốn nắm tư tưởng triết học Trung Quốc, ta phải có Hán ngữ; muốn nắm tư tưởng triết học Ấn Độ, ta phải có Pali và Sankrit; muốn biết triết học Hy Lạp, ta phải có Latin; muốn nắm được đỉnh cao triết lý của nhân loại của các dòng tư tưởng duy tâm cổ điển Đức thì không gì khác hơn phải có Đức ngữ. Còn khi ta muốn có triết lý Cao Đài, ta phải nắm thực sự Việt ngữ (gồm cả hệ Hán-Nôm, Hán-Việt, Quốc ngữ).

Có thể, ta sẽ cho rằng như thế là quá sức, là quá khả năng vì lẽ mỗi một con người có một con đường mà mình đã chọn lựa. Tôi chẳng thể nói bạn sai nhưng hình như đâu đó có lời dạy rằng nếu chẳng biết dung hòa cái lý tưởng cá nhân với lý tưởng Đại Đạo thì việc giữ đạo cũng không khác việc giữ một món đồ cổ. Tùy bạn chọn vậy!■

DỰ BÁO VỀ “NGÀY TẬN THỂ” CÓ CƠ SỞ KHOA HỌC

■ NHỮ NGUYỄN (KH&ĐS XUÂN 2006)

THEO THÔNG TIN YAHOO NGÀY 04—4—2011 ■ VIỆT THU ST.

Nguyễn Phúc Giác Hải sinh năm Giáp Tuất, 1934, là một trong những người Việt Nam đầu tiên nghiên cứu về di truyền học. Năm 1966 ông đề xuất việc thành lập Hội Di truyền học Việt Nam, và ông đóng vai trò như tổng thư ký hội đầu tiên. Sau ngày giải phóng miền Nam, ông có dịp vào thành phố Hồ Chí Minh sưu tầm trong các thư viện những loại sách có liên quan mà ở miền Bắc không có, đặc biệt mua được hai bộ Kinh Dịch của Ngô Tất Tố và của Phan Bội Châu. Từ đó ông bước vào nghiên cứu Kinh Dịch và ngộ ra rất nhiều điều.

Khi viết bài tóm tắt lịch pháp và đối chiếu với những trùng hợp ngẫu nhiên trong đời tư của mình, ông nhận ra trong tự nhiên có những chu kỳ bí ẩn. Thế là với niềm say mê vật lý từ ngày còn trẻ, ông say sưa tìm hiểu để giải mã những hằng số vũ trụ. Nguyễn Phúc Giác Hải công bố một loạt bài về mã số vũ trụ và ông tham gia vận động thành lập Hội Thiên văn học Việt Nam và cho đến nay ông vẫn là một

thành viên trong ban chấp hành Hội.

Trên cương vị chủ nhiệm bộ môn Dự báo trong Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người thuộc Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, ông nghiên cứu về Nguyễn Bình Khiêm, nhà lý học nổi tiếng thế kỷ 15–16 của nước ta, và đã đưa ra một số lý giải thú vị về Sấm ký của Trạng Trình. Chẳng hạn những đoạn sấm viết về sự ra đời của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, sự bùng nổ của Cách mạng Tháng 8–1945, Chiến thắng Điện Biên Phủ và Hồ Chủ tịch về tiếp quản Thủ đô.

Cũng trong khi nghiên cứu Nguyễn Bình Khiêm ông giật mình gặp trong đó có hai chữ Việt Nam. Thì ra quốc hiệu Việt Nam không phải mãi đến năm 1804 thời nhà Nguyễn mới đặt ra. Thông báo này của ông đã gây bất ngờ cho những nhà sử học “chính thống”. Vấn đề này thôi thúc ông đi đến cùng sự thật. Ông tự bỏ tiền túi lặn lội đi bất cứ nơi nào được mách bảo có bia ký để hai chữ Việt Nam. Đích thân ông

đã tập hợp được 4 tấm bia như vậy. Trong đó tấm bia năm 1670 ở Đồng Đăng có khắc rõ câu: “Đây là cửa ngõ yết hầu Việt Nam trấn giữ ải quan phương Bắc”(dịch nghĩa). Đến nay cộng thêm 7 tấm bia của Viện Hán Nôm tìm thấy đã có 11 tấm bia có chữ Việt Nam. Trong các văn bản, cũng đã tìm thấy Ngô Thì Nhậm từng ghi danh: “Việt Nam hậu học Y Doãn Ngô Thì Nhậm”. Còn Ngô Thì Vị khi đi sứ Trung Quốc cũng đã đề thơ trên lầu Hoàng Hạc có câu: “Việt Nam sứ giả Ngô Thì Vị.”

Giải thích vì sao ông quan tâm đặc biệt đến vấn đề dự báo và tiên tri, ông cho biết: “Đây là một vấn đề bí ẩn lớn nhất của khoa học. Vì sao một nhà ngoại cảm, không dựa vào những quan trắc nào lại có thể biết trước mọi điều sẽ xảy ra trong tương lai. Phải chăng trong vũ trụ đã có chứa một trường thông tin về vấn đề đó? Hiểu biết về vấn đề đó cũng chính là hiểu biết về mối quan hệ giữa con người và vũ trụ”.

Trên cương vị Chủ nhiệm bộ môn Thông tin dự báo, Trung

tâm nghiên cứu tiềm năng con người thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, ông đã trao đổi xung quanh câu chuyện “ngày tận thế”.

KHOA HỌC TÂM LINH VÀ NHỮNG SỞ TIỀN HÀNG TRIỆU BẠC

■ CHÚNG TA THƯỜNG NGHE NÓI VỀ NHỮNG DỰ BÁO CHO CÁ NHÂN, CÒN DỰ BÁO VỚI XÃ HỘI, NHẤT LÀ TRONG NHỮNG NĂM DẪN, MÃO NÀY THÌ SAO THỬA ÔNG?

Nhà nghiên cứu Nguyễn Phúc Giác Hải (NPGH): Tôi là chủ nhiệm bộ môn Thông tin dự báo tại Trung tâm nghiên cứu tiềm năng con người, ở đó chúng tôi nghiên cứu tất cả các hình thức dự báo bí ẩn của con người đối với tương lai của cá nhân và xã hội. Dự báo cá nhân chúng ta thường gặp rồi, ví như có người có khả năng nói cho anh rằng tháng này anh có tai nạn này, có may mắn kia, hay sang năm anh có lộc, có hôn nhân... Ngoài ra, cũng có nhà ngoại cảm, không biết ta là ai, chỉ nhìn sắc tướng, họ thấy vận hạn đã đến thì báo cho. Dự báo cá nhân cũng có thể căn cứ vào lá số tử vi để đoán trước cả cuộc đời.

Ngoài dự báo cá nhân còn có dự báo xã hội, được chia làm hai loại ngắn hạn và dài hạn. Trong đó dự báo dài hạn rất được quan tâm, có thể báo trước hàng trăm năm, ngàn năm. Ví như nhà tiên tri người Pháp Nostradamus (1503–1566), từ năm 1555 đã viết

quyển “Những lời tiên tri” với những đoán thi gồm các bài thơ 4 câu, mỗi nhóm 100 câu nói về một thế kỷ. Cuốn “Những thế kỷ” của ông chứa đựng lời tiên tri đến hàng ngàn năm sau, nhưng để giải mã rất khó. Ở Trung Quốc, cũng có quyển “Trung Quốc nhị thiên niên nhi dự ngôn” (dự báo 2000 năm của Trung Quốc), tập hợp nhiều công trình của nhà tiên tri nổi tiếng như dự báo của Gia Cát Lượng, Mã Kiên Khóa, “Lã Vọng kiến khôn vạn niên ca”, “Thiếu Bính ca” của Lưu Bá Ôn, Viên Thiên Trùng, Lý Cảo Phong... Lưu Bá Ôn có dự báo trong những năm Dẫn, Mão này sẽ nhiều biến cố như sóng thần, dịch bệnh, lũ lụt, nạn đói.

Nước ta có Sấm Trạng Trình của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491–1585) từ cách đây 500 năm đã đưa ra những dự báo về tiến trình phát triển của xã hội Việt Nam và thế giới. Những câu sấm của ông như “Một đám mây xanh đứng giữa trời – Ba thằng nhỏ nhỏ đánh nhau chơi – Thiên hạ ba thằng còn có một...” là dự báo trước về chiến tranh thế giới và kết cục của nó.

Bà Baba Vanga (1911–1996, nhà tiên tri người Bungari) cũng dự báo từ sau năm 2010, thảm họa núi lửa, sóng thần, bão lụt, dịch bệnh, hạn hán... sẽ đua nhau xảy ra hành hạ con người.

■ VẬY NHỮNG TIÊN ĐOÁN ĐÓ CÓ CƠ SỞ ĐỂ NGƯỜI TA TIN TƯỜNG?

Những nhà tiên tri ngoài lí luận còn có những cảm nhận. Có những sự việc xảy ra trong cuộc đời này mà lí luận không thể tính trước được. Ví như nước Mỹ rất giàu mạnh với những nhà hoạch định chính sách giỏi giang, nhưng làm sao họ có thể tính được sẽ có ngày xảy ra sự kiện 11/9! Hay nước Nhật, họ cũng có máy móc hiện đại vô cùng nhưng cũng có biết được sẽ có sóng thần kinh hoàng như hồi tháng 3 vừa rồi đâu... Đó là lúc phải nhờ đến những nhà ngoại cảm, họ nhìn thấy được sự việc qua cảm nhận. Giống như người tìm mộ, “nhìn thấy” được cái mộ phải ở chỗ đấy, có cây này, có vật kia... để chỉ cho người ta đi tìm. Đó là sức mạnh ghê gớm của khoa học ngoại cảm và thế giới tâm linh. Khoa học kỹ thuật phục vụ dân sinh, còn khoa học ngoại cảm giải mã những hoạt động bí ẩn của bộ óc con người, hai lĩnh vực này không loại bỏ nhau mà cái nọ bổ sung cho cái kia.

■ NGOÀI CẢM NHẬN RIÊNG, NHỮNG LỜI TIÊN TRI CÒN CÓ CƠ SỞ NÀO KHÁC HAY KHÔNG?

Nếu anh không tin vào tâm linh thì cái này rất khó nói, đặc biệt những lời sấm truyền hay tiên tri thường rất huyền bí, việc giải mã đôi khi cần có thời gian. Ví như Vanga đã nói rằng từ năm 2010 trở đi, thiên nhiên sẽ có những biến đổi rất lạ như núi lửa, động đất, sóng thần... thì nay thực sự nó đã xảy ra.

Vậy nếu ta tin vào lịch Maya dự tính kết thúc vào 2012 thì có thể thấy tai ách xảy ra ngày nay chính là những sự kiện dự báo trước cho ngày tận thế.

Giống chuyện thầy thuốc, khi nhìn thấy những tiền triệu của bệnh nhân như mụn nhọt, vàng da... có thể đoán ngay người này bị bệnh chứ chưa cần phải đi khám. Cũng như vậy, nhìn vào xã hội ta có thể thấy ngay những tiền triệu, đó là động đất, sóng thần ở Nhật Bản, lụt lội ở Thái Lan, rồi thì ngay cả Hà Nội cũng rung chuyển mặt đất, nhà cao tầng sập xuống... Những biến cố này chính là tiền triệu của một biến động rất lớn sẽ xảy ra sắp tới. Tôi không muốn tuyên truyền, gây hoang mang nhưng tôi nói một tai biến rất lớn đối với Trái Đất là có khả năng xảy ra, trên cơ sở khoa học và những tiền triệu.

DỰ BÁO NGÀY TẬN THẾ CÓ CƠ SỞ KHOA HỌC

■ VẬY NGÀY TẬN THẾ THEO LỊCH CỦA NGƯỜI MAYA CÓ CƠ SỞ KHÔNG, THƯA ÔNG?

Bên cạnh những lời dự báo như tôi đã nói của Trung Đông hay của Nostradamus và Vanga, thì còn những lời dự báo khác của người Maya. Người Maya có loại lịch riêng của mình, kéo dài hàng nghìn năm, nhưng đem đối chiếu với dương lịch của chúng ta hiện nay, thì ngày kết thúc của nó tương ứng với ngày 21-12-2012.

Trước hết phải hiểu, lịch của người Maya là lịch chu kỳ, hoàn toàn khác với lịch thế kỷ mà chúng ta đang dùng. Lịch của người Maya có chu kỳ và kết thúc cái chu kỳ cuối cùng làm lịch của họ thì ứng với năm 2012 vào ngày 21-12 theo dương lịch của chúng ta. Thế nhưng lại có trùng hợp lạ nữa là, 21-12-2012 không phải là ngày bất kỳ, mà là Đông chí.

Đông chí là ngày ngắn nhất và đêm dài nhất, ngày bắt đầu của sự chuyển chu kỳ mới của năm theo vận hành của mặt trời. Mà theo dự báo của các nhà thiên văn học, cuối năm 2012, đầu 2013 sẽ có bão từ lớn nhất từ trước tới nay và tai họa liên miên sẽ xảy ra. Vậy đối chiếu giữa tâm linh (là lịch của người Maya) và khoa học (dự báo của thiên văn) thì thấy có sự trùng hợp. Vậy thì những dự báo đó không phải là không có căn cứ.

■ NHƯNG NHỮNG LỜI TIÊN TRI THƯỜNG RẤT HUYỀN BÍ ĐÔI KHI CÓ NHIỀU CÁCH HIỂU KHÁC NHAU, ÔNG VUI LÒNG CHO BIẾT LÀM SAO ĐỂ BIẾT CÁCH LÝ GIẢI NÀO LÀ HỢP LÝ?

Lời giải nào có căn cứ, thì người ta sẽ lắng nghe và tin. Vũ trụ là một chương trình đã được cài đặt, nhưng để giải mã được chỉ có một số người đặc biệt mà thôi và đôi khi phải có thời gian mới hiển hiện ra.

■ VẬY LÀ CON NGƯỜI CỨ PHẢI CHỜ ĐỢI TAI HỌA ẬP TỚI VÀ CHIÊM NGHIỆM?

Mọi tai họa ngày nay đều do

con người gây ra. Con người có tham vọng quá lớn, hận thù quá lớn nên thiên nhiên sẽ trừng phạt và dạy cho chúng ta một bài học. Ngày đó không còn xa. Lý Bá Ôn có nói: trong một vạn người nghèo chỉ còn một phần mười, một vạn người giàu chỉ còn có 3-4; Trạng Trình cũng nói “Mười phần chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình”. Sự trả giá đó để cho con người biết sợ. “Cụ tắc sinh giới”, nghĩa là biết sợ rồi mới dừng lại. Vậy là có sự khớp nhau giữa những lời tiên tri ở những đất nước khác nhau. Tôi tin có những điều xảy ra đúng như dự báo.

GIAI ĐOẠN “LỘC NGƯỜI”

■ CÓ PHẢI CON NGƯỜI ĐANG ĐỨNG TRƯỚC “NGÀY PHÁN XỬ”, THƯA ÔNG?

Trong cuốn “Trung Quốc nhị thiên niên nhi dự ngôn”, Lý Bá Ôn có dự báo vào các năm Dần, Mão có các biến cố như lũ lụt, sóng thần, động đất, nạn đói và dịch bệnh... Những điều đó, theo tôi không phải không có căn cứ. Mặt khác, trong kinh Phật có nói về “mạt kiếp”, nghĩa là đến cuối cùng và chuyển đổi sang trạng thái khác.

Khi con người đã bước vào thời kỳ ỷ vào quyền năng của khoa học kỹ thuật quá nhiều, phá hoại môi sinh và gây ra chiến tranh... thì đến một lúc phải đứng trước ngày phán xử, bên Thiên Chúa giáo gọi là

ngày phán xử cuối cùng. Nhưng thực ra không phải là ngày cuối cùng mà người ta gọi là một đợt “lọc người”, tức là giữ lại những người tốt.

Như vậy không có nghĩa là những ai bị chết do tai ách vừa qua là không tốt. Đây chỉ là một cách nói ám chỉ một đợt thiên nhiên phải “thanh lý” và có những người phải chịu cái chết, để loài người biết sợ. Những ai chẳng may chết trong kiếp này, thì là để dành cho cuộc sống ở kiếp sau tốt đẹp hơn, có những người thì vì đã làm điều không tốt trong tiền kiếp thì trong kiếp này phải trả họa. Nếu không tin vào tâm linh thì rất khó nói về vấn đề này. Còn tôi có khuynh hướng tin vào những cái đó.

■ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN TAI ÁCH NÀY SẼ RA SAO THUA ÔNG?

Tạo hóa có luật của mình, một dân tộc tồn tại là có lí do của nó. Thí dụ Sấm Trạng Trình nói rằng “Nước Nam thường có thánh tài – Sơn hà vững đặt mấy ai rõ ràng”...

Qua các thời kỳ, ta có thể thấy những “vị Thánh” như Trần Hưng Đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh... là những người giữ cho đất nước vững vàng. Mặc dù có sóng gió nhưng đất nước này nhờ hồng phúc tổ tiên mà vẫn vững bền. Việt Nam hiện nay được bình là một trong những nơi bình ổn nhất thế giới, không có khủng bố, trong khu vực và với cả thế giới nữa, Việt Nam sẽ đóng vai trò quan trọng về kinh tế, văn hóa.

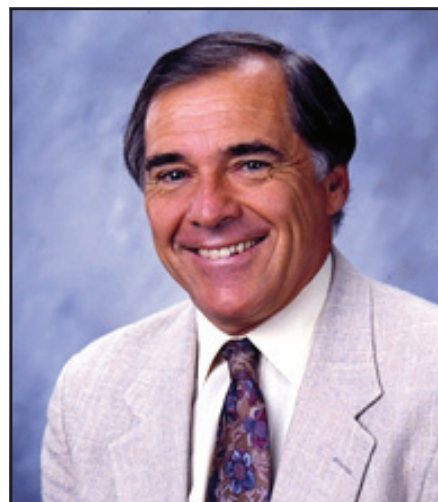
Hiện tại, có thể thấy, đúng là nhờ hồng phúc tổ tiên, dù xảy ra chiến tranh ở Lybia nhưng người Việt Nam trở về đều an toàn; sóng thần và động đất, người Việt ở Nhật Bản ta cũng chưa ai việc gì, lụt ở Thái Lan cũng không có thiệt hại về người, rung chuyển động đất ở Hà Nội mà cũng không nguy đến tính mạng người dân...

■ ĐIỀU ĐÓ KHÔNG CÓ NGHĨA LÀ CHÚNG TA LÀM NGỜ TRƯỚC NHỮNG TAI HỌA KHÁC TỪ NHIÊN NHIÊN?

Hiện chúng tôi đang nghiên cứu và chứng minh có một thế giới khác tồn tại bên cạnh thế giới chúng ta đang sống, đó là thế giới tâm linh. Tức là chết không phải là hết mà còn linh hồn – nơi giữ các thông tin, chúng ta không thể giấu diếm bất cứ điều gì trước thế giới tâm linh cả. Có luật nhân quả quy định con người chết không phải là hết mà phải chịu các nghiệp quả gieo rắc ra. Nếu anh sống có trách nhiệm, anh biết gieo nhân nào gặt quả ấy thì anh sẽ biết sợ. Đây cũng là những răn giới, nếu con người nào biết suy nghĩ sớm thì chắc thiên nhiên cũng sẽ giữ họ lại trong đợt “lọc người” sắp tới.■

TÔI KHẲNG ĐỊNH RẰNG THỊT KHÔNG PHẢI LÀ THỨC ĂN THÍCH HỢP VỚI CON NGƯỜI. CHÚNG TA KHÔNG NÊN SAI LẦM CHẠY THEO LỐI SỐNG CỦA CÁC LOÀI CẦM THÚ, NẾU CHÚNG TA TỰ COI MÌNH CAO THƯỢNG HƠN CÁC LOÀI CẦM THÚ ĐÓ.

■ MOHANDA GANDHI



PETER BURWASH

Một hôm nọ, nhà vô địch quần vợt Peter Burwash đến viếng một lò sát sanh. Khi ra về ông đã bắt nhả mà viết những cảm nghĩ của mình trong một quyển sách nhan đề là A Vegetarian Primer (Sách dạy ăn chay). Có đoạn ông viết: “Tôi không nỡ bóp nát một cánh hoa mong manh. Tôi đã chơi hockey với hết sức bình sanh của mình. Tôi cũng đã từng vùng vẫy và dọc ngang trên các sân quần vợt trong những trận thư hùng. Tôi không phải là loại người yếu đuối. Nhưng trước cảnh tượng mà tôi đã chứng kiến tại lò sát sanh, tôi thấy mình kinh khiếp và lòng mình mềm yếu vì thương hại.”

“Khi tôi rời khỏi lò sát sanh, sự tội nghiệp đã dày vò lương tâm tôi.

Ăn chay và quan niệm của DANH NHÂN THẾ GIỚI

■ TRẦN ANH KIẾT (HỒNG PHÚC SƯU TẦM)



Tôi thẩm nhủ sẽ không bao giờ có đủ can đảm đi sát hại một con vật dù lớn dù nhỏ. Tôi hiểu rằng có những nhân vật lỗi lạc trên thế giới họp nhau để bàn cãi về các vấn đề vật lý, kinh tế và môi sinh. Cũng có một số người có quan điểm tán đồng với chủ thuyết ăn chay. Song điều làm cho tôi chọn lấy con đường chay lạt không phải chạy theo chủ thuyết này hay chủ thuyết nọ mà chính vì những cảnh dã man mà con người đã đối xử một cách tồi tệ với các loài vật không phương tự vệ mà tôi đã tận mắt chứng kiến.”

Trong thời kỳ cổ Hy Lạp và cổ La Mã, lòng từ bi và những quan niệm về sự đối xử đạo đức luôn luôn là những nguyên động lực chủ yếu khiến một số danh nhân khép mình trong việc thọ trì trai giới.

PYTHAGORE

Ông Pythagore, nhà toán học lừng danh trên thế giới đã từng khuyên nhủ:

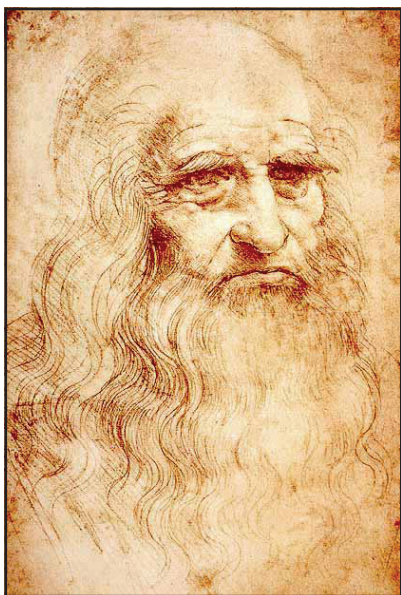
“Này bạn, xin đừng làm nhor nhóp thân thể của mình bằng những thức ăn tội lỗi. Chúng ta đã có bắp, táo, lê, rau trái thừa thãi, sữa và mật ong ngọt lịm. Quả đất này đã cung ứng cho chúng ta những thức ăn vô tội một cách dồi dào, đã khoản đãi chúng ta bằng những bữa tiệc không can dự vào máu. Chỉ có loài thú này mới ăn thịt loài thú khác vì bản năng tự nhiên và vì đói. Nhưng không phải tất cả loài thú nào cũng vậy. Bởi vì trong số đó cũng có các loài như bò, ngựa và trư... đều ăn cỏ.”

Sử học gia Diogenes kể rằng, ông Pythagore dùng điểm tâm buổi sáng bằng bánh mì và mật

ong và dùng bữa ăn chiều với nhiều loại rau quả. Ngài cũng đã thể hiện lòng từ bi bác ái qua những hành động thực tiễn bằng cách nhiều lần trả tiền cho một số ngư phủ để phóng sanh những con cá mà họ đã bắt được trở về lòng biển cả.

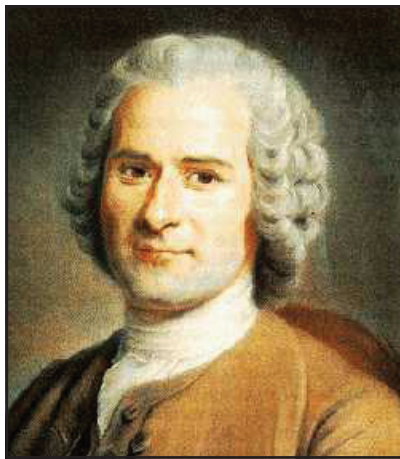


Ông Plutarch, triết gia người Hy Lạp nhận xét về ông Pythagore như sau: “Theo tôi, sự từ tâm là lý do chính khiến ông Pythagore kiêng thịt. Ông không nỡ nhìn cảnh đẩy dụa và kêu rống thất thanh của những con vật khi bị người ta phanh thây xẻ thịt. Người ta giết những con vật đó không phải vì lý do chúng là thú dữ có khả năng nhiều hại loài người, mà chính vì mục đích để thỏa mãn khẩu vị của họ mà thôi. Người ta bức tử những con vật này vì sợ không móng vuốt để tự vệ mà đáng lý ra theo luật Tạo Hóa, chúng cũng có quyền sinh tồn, bình đẳng và hiện diện để làm đẹp quả địa cầu này như tất cả mọi loài.” Ông còn nhấn mạnh: “Nếu bảo rằng bản tính tự nhiên của loài người là ăn thịt các loài thú, thì thử hỏi chỉ với hai bàn tay trắng do Tạo Hóa sinh ra, mà không cần đến sự trợ lực của dao, mác, hèo, gậy, con người đã làm được gì các loài thú đó?”



LEONARDO DA VINCI

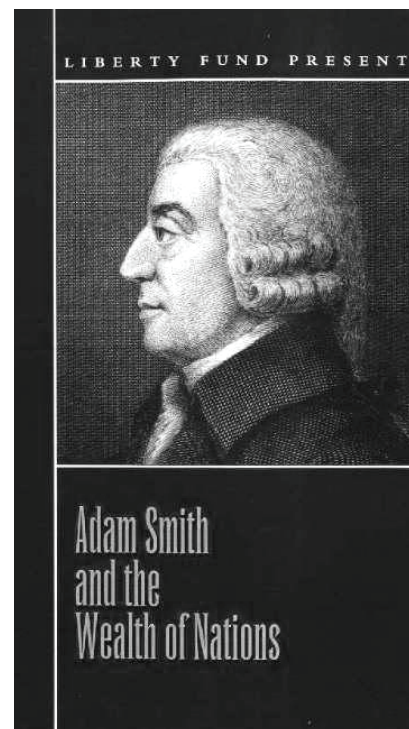
Ông Leonardo Da Vinci (1452–1519), nhà danh họa và điêu khắc gia người Ý, đồng thời cũng là một thi sĩ nổi tiếng trên thế giới quan niệm ăn chay là đạo đức của con người. Sự ăn chay sẽ tránh được những tội ác về sát sinh. Ông còn nhấn mạnh rằng những ai không biết quý trọng sự sống của những sinh vật khác là những kẻ không đáng sống. Cơ thể của những người ăn mặn không khác gì những bãi tha ma để chôn vùi xác chết các thú vật mà họ đã ăn vào. Trong các quyển vở nhật ký, ông thường viết đầy những câu danh ngôn về lòng từ bi bác ái và luôn luôn có những hành động quý thương các loài sinh vật khác.



JEAN JACQUES ROUSSEAU

Ông Jean Jacques Rousseau (1712–1778), triết gia và là một văn hào người Pháp đã có những tác phẩm giá trị về mặt tư tưởng đã ảnh hưởng sâu xa đến nền văn học và cuộc cách mạng lịch sử tại quốc gia này. Ông là người chủ trương bênh vực sự hiện hữu của thiên

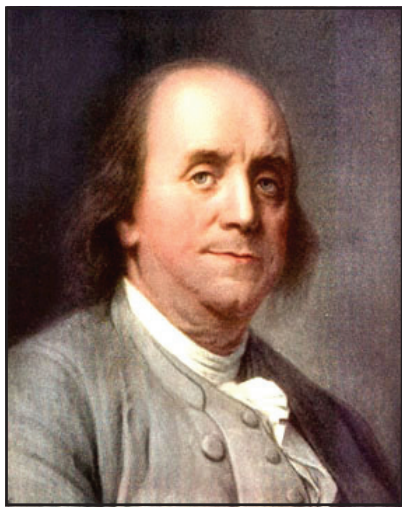
nhiên và cổ súy sự ăn chay. Ông nhận xét rằng phần đông những loài thú ăn thịt có bản tính hung tợn hơn những loài thú ăn cỏ. Và dĩ nhiên những người ăn chay trường sẽ hiền từ hơn những người ăn mặn. Ông còn đề nghị những người hành nghề đồ tể không được mời vào làm bồi thẩm đoàn tại các tòa án.



ADAM SMITH

Kinh tế gia Adam Smith (1723–1790), trong quyển The Wealth of Nations xuất bản vào năm 1776 đã khuyến khích loài người ăn chay và đã thuyết minh về sự lợi ích của việc thọ trì trai giới. Ông bảo rằng việc ăn mặn xét ra không cần thiết cho nhu cầu dinh dưỡng của con người. Chúng ta đã có ngũ cốc, rau quả, pho mát, dưa và dầu thực vật. Đó là những thức ăn cung cấp cho chúng ta những chất dinh dưỡng đối

dào. Thịt đối với chúng ta sẽ không nghĩa lý gì nếu chúng ta ăn chay đầy đủ và đúng cách.



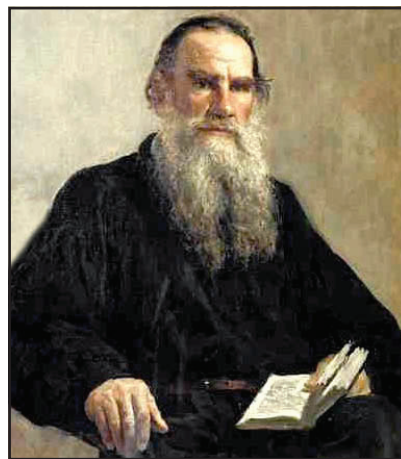
BENJAMIN FRANKLIN

Cùng một quan niệm trên, ông Benjamin Franklin (1706–1790), một khoa học gia và là một chính trị gia nổi tiếng của Hoa Kỳ, người đã bắt đầu ăn chay từ năm 16 tuổi đã bảo rằng nhờ ăn chay mà cơ thể của ông được trong sạch, tinh thần của ông được minh mẫn, trí óc của ông được tiến bộ và sự hiểu biết của ông được nhanh chóng hơn. Trong một bài tự thuật, ông có bình phẩm những người ăn mặn là những kẻ cố sát.



PERCY BYSSHE SHELLEY

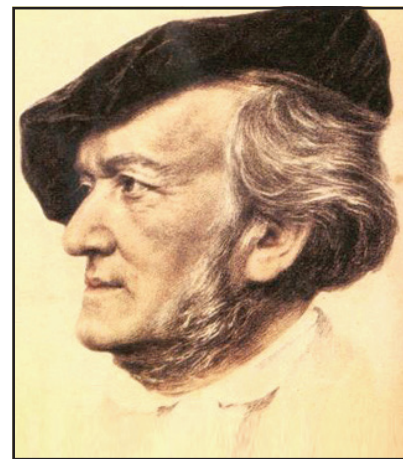
Thi sĩ Percy Bysshe Shelley (1792–1822) cũng là người ăn chay trường. Ông chủ trương chống báng việc sát hại súc vật để cung cấp thịt cho dân chúng tiêu thụ. Ông đã có lòng vị tha và bắt đầu ăn chay trường từ hồi còn là một sinh viên tại trường Đại học Oxford. Sau này ông thành hôn với bà Harriet. Cả hai vợ chồng đều chấp nhận một cuộc sống chay lạt thanh khiết. Trong một bức thư đề ngày 14-3-1812, bà Harriet đã tâm sự với một người bạn: “Vợ chồng chúng tôi đã kiêng thịt và ăn chay trường như ông Pythagore vậy.” Một số thi phẩm của ông Shelley thường mang tính chất vị tha bác ái, khuyên nhủ mọi người tránh việc sát sanh, nên ăn chay và sống một cuộc đời thanh cao tốt đẹp.



LÉON TOLSTOI

Văn hào nước Nga Léon Tolstoi (1828–1910) đã thọ trường chay từ năm 1885. Ông chống đối thú săn bắn của một số giai cấp quý tộc và trường giả. Ông cũng chủ trương không sát sanh, chủ

trương chủ thuyết hòa bình và ăn chay, tôn trọng sự sống của các loài sinh vật khác kể cả con ong và loài kiến. Ông tiên đoán những bạo động xảy ra triển miên trên thế giới chỉ vì loài người không biết tự chế tham vọng của mình. Sự kiện càng ngày càng tệ hại hơn và có thể xảy ra những cuộc chiến tranh khốc liệt làm xáo trộn cuộc sống an bình của nhân loại. Trong bài tham luận The First Step (Bước đầu tiên), Léon Tolstoi bảo rằng những người ăn thịt là những kẻ phản đạo đức và “phạm tội sát sinh”. Ông nói thêm: “Sự sát sinh đã làm cho những người vốn có một tâm hồn cao thượng, có lòng vị tha đối với mọi người như đối với chính bản thân mình, trở thành những kẻ hung bạo.”



RICHARD WAGNER

Nhà soạn nhạc Richard Wagner tin tưởng mạnh mẽ rằng sự sống của mọi loài đều có tính cách bất khả xâm phạm. Ông bảo: “Ăn chay là một sự dinh dưỡng thuần hợp với bản chất thiên nhiên, cứu vớt con người

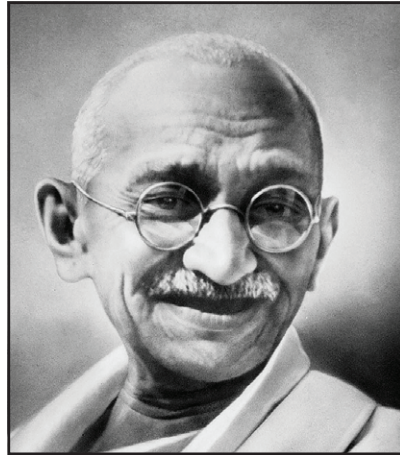
xa lánh những tâm địa và hành động tội lỗi, đồng thời ông cũng mong ước sau này sẽ được hóa sinh về nơi an lạc đời đời.”



HENRY DAVID THOREAU

Ông Henry David Thoreau (1817–1862), văn hào Hoa Kỳ có khuynh hướng chống áp bức nô lệ, chủ trương một cuộc sống thanh bình và thuận lý thiên nhiên. Ông là người ăn chay định kỳ từ thuở nhỏ, đã bảo rằng: “Chúng ta không có trách cứ những người ăn mặn. Thực ra vì sự sinh tồn, loài người có thể sát sinh trên một bình diện nào đó. Nhưng đây là một biện pháp bất khả kháng và rất đáng thương tâm. Những người ăn mặn cần phải được hướng dẫn để cải thiện dần đường lối mưu sinh của mình, để họ tự ý thức và tự chọn lựa cho mình những thức ăn chay thanh đạm và cao khiết hơn. Theo sự suy nghiệm của bản thân tôi thì những sự kiện đó can dự một cách quan trọng vào vấn đề vận số của con người. Tôi tin rằng điều kiện ăn uống có thể cải thiện được. Xuyên qua tiến trình lịch sử của nhân loại,

chúng ta há chẳng thấy những bộ lạc ăn thịt người từ thuở xa xưa, ngày nay họ không còn ăn thịt lẫn nhau vì đời sống càng ngày càng văn minh hơn và con người trong những bộ lạc đó đã có ý thức hơn.”



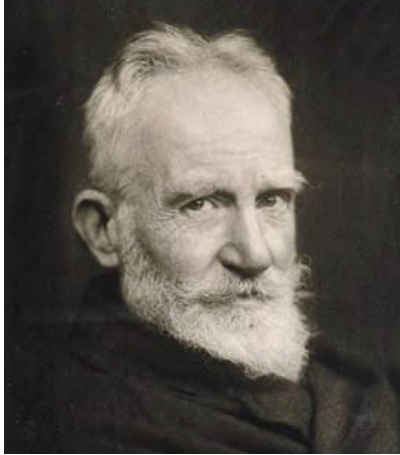
MOHANDA GANDHI

Trong lịch sử Ấn Độ vào thập niên 1940 và 50, nhà cách mạng bất bạo động Mohanda Gandhi đã dành lại chủ quyền cho đất nước từ trong tay thực dân Anh Quốc. Ông đã từng vào tù ra khám và được nhân dân nước Ấn tôn thờ là bậc Thánh nhân, cũng là người đã ăn chay từ thuở nhỏ. Thân sinh của ngài vốn theo đạo Hindus nên gia đình của ngài là một gia đình đạo đức và tất cả đều ăn chay theo giáo lý tốt lành của tôn giáo đó. Song dưới sự cai trị của Anh Quốc, những tư tưởng tân tiến Tây phương đã ảnh hưởng mạnh mẽ và dần dần đánh bật một số phong tục cổ truyền của nước Ấn. Một số thanh niên thời bấy giờ đã chê bai việc ăn chay trường và thờ đạo bản xứ là hủ lậu nên họ học đòi theo lối sống Tây phương trong đó

có việc ăn thịt được họ hăm hở chấp nhận hơn cả. Số người này còn khuyến dụ ông Gandhi theo trào lưu mới như bọn họ, nhưng đã bị ông từ chối. Do đó ông đã trở thành nạn nhân của sự chê bai gièm siểm. Họ bảo rằng ăn thịt sẽ tăng cường sức khỏe, nghị lực và lòng can đảm. Nhưng ông Gandhi vẫn khẳng khái giữ vững lập trường của mình không hề xao xuyên. Không những thế ông còn viết tất cả 5 quyển sách chuyên về đề tài ăn chay và khuyên mọi người trì giới. Ông bảo: “Đã đến lúc chúng ta cần phải sửa sai một số tư tưởng lầm lẫn cho rằng ăn chay sẽ làm cho tinh thần chúng ta bị bạc nhược, thụ động và nhụt chí phấn đấu. Dù trong tình huống nào, tôi vẫn không xem việc ăn thịt là cần thiết.”

Hàng ngày ông Gandhi thường dùng giá lúa mạch, bột hạnh nhân, rau xanh, chanh và mật ong trong những bữa ăn thanh đạm. Chính ngài bảo đã tìm thấy những nguyên lý và giá trị đạo đức của sự ăn chay qua các tác phẩm của nhà văn Tolstoi. Trong quyển *Moral Basis of Vegetarianism* (Căn bản đạo đức của chủ thuyết ăn chay), ngài viết: “Tôi khẳng định rằng thịt không phải là thức ăn thích hợp với con người. Chúng ta không nên sai lầm chạy theo lối sống của các loài cầm thú, nếu chúng ta tự coi mình cao thượng hơn các loài cầm thú đó.” Ngài cũng bảo chính lòng từ bi là nguyên

động lực khiến người ta ăn chay và tránh sát sinh hơn là vì lý do sức khỏe. Ngài bảo sự tiến bộ về tâm linh đến một mức nào đó, con người sẽ tự ý thức và thương hại mà không giết chóc những sinh vật bạn bè của chúng ta để thỏa mãn nhu cầu của khẩu vị.



BERNARD SHAW

Kịch tác gia nổi tiếng Bernard Shaw (1856–1950) đã được giải thưởng về văn học nghệ thuật Nobel năm 1925. Ông cũng ăn chay trường từ năm 25 tuổi. Ông bảo chính những thi phẩm của Shelley đã làm cho ông thức tỉnh và thấy được sự đạo đức trong vấn đề chay lạt. Ông bảo có lần ông bị bệnh. Bác sĩ khuyến cáo ông hãy bỏ “cái tật xấu ăn chay” đó đi, nếu không ông sẽ toi mạng vì kiệt sức. Nhưng ông vẫn bất chấp. Ông cũng mặc kệ trước những mỉa mai của bàng dân thiên hạ, vô công rồi nghề. Ông bảo chúng ta không nên quan tâm về sự dèm pha của số người chuyên ăn các thầy ma của thú vật ấy. Ông thường trước tác những kịch bản và những văn phẩm

liên hệ tới hành vi đạo đức của con người, tới sự sát sanh và những bạo động trên thế giới.

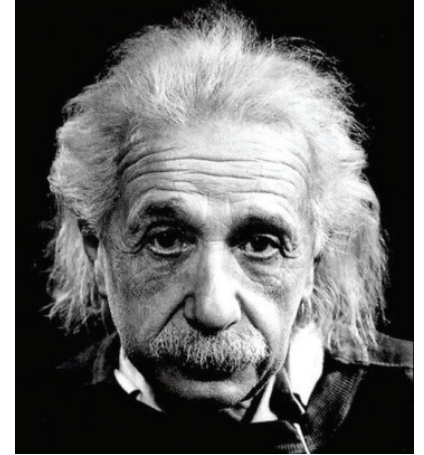


ISAAC BASHIVIS

Văn hào Isaac Bashivis Singer (sinh năm 1904), từng đoạt giải thưởng văn học nghệ thuật Nobel năm 1978 đã thọ chay trường từ năm 1962. Lúc đó ông vừa đúng 58 tuổi. Ông bảo ông rất lấy làm hối tiếc vì đã kéo dài thời gian ăn mặn quá lâu. Nhưng thà muộn còn hơn chẳng bao giờ ăn chay cả. Ông nghĩ rằng thuyết ăn chay để tránh sát sanh cũng cùng hòa hợp với sự uyển chuyển huyền vi của Do Thái giáo. Ông bảo: “Chúng ta đều là con cái của Thượng Đế. Trong khi chúng ta cầu xin Thượng Đế tha tội cho chúng ta, thì ngược lại chúng ta cứ tiếp tục phạm tội sát hại sinh mạng của những động vật khác.”

Để cập tới tình trạng sức khỏe có thể bị ảnh hưởng bởi sự ăn chay, ông bảo rằng đó là hoàn toàn dựa trên ý thức của loài người. Ông cương quyết bảo: “Ngay cả việc ăn mặn có tốt cho cơ thể như thế nào chẳng nữa, tôi sẽ không bao giờ chấp nhận.

Rất nhiều triết gia và các nhà truyền giáo trên thế giới đã rao giảng với tín đồ của họ rằng loài thú chẳng qua chỉ là những cái máy không linh hồn và không cảm giác. Những lời rao giảng như vậy là một sự nói láo, là sáng kiến và chủ trương của bọn ma vương và tà đạo mà thôi.”



ALBERT EINSTEIN

Albert Einstein (1879–1955), nhà bác học nổi danh của thế kỷ thứ 20. Người đã phát minh ra thuyết tương đối và được tặng giải Nobel về vật lý học năm 1921 cũng là một người ăn chay trường. Tuy ông chánh thức không theo tín ngưỡng nào nhưng là một người rất sùng đạo. Ông tin có Thượng Đế và vũ trụ này được điều khiển bởi một cơ Trời huyền diệu. Nếu không thì mọi sự vận hành trong vũ trụ sẽ loạn lên và không theo một quy luật nhất định. Ông là một người yêu chuộng hòa bình, tôn trọng sự sống của muôn loài và đã từng phát biểu: “Không gì ích lợi cho sức khỏe của con người để có cơ hội sống lâu trên quả địa cầu này bằng cách ăn chay.”■

ĐỂ NHẬN ĐƯỢC SỰ HỢP TÁC CAO NHẤT CỦA NGƯỜI ĐỐI ĐẦU

■ SEN TRẮNG

Trong càn khôn vũ trụ, từ những tinh cầu thiên thể vận chuyển trong vũ trụ hữu hình cho đến một thế giới tâm linh, tuy hữu hình hay vô hình đều có mối tương quan, tương hỗ nhau để tồn tại và tiến hóa. Một con người dù ở tầng lớp nào, cao hay thấp, hoạt động trong lĩnh vực nào; một chính khách, một chính trị gia, hay một nhà truyền giáo, cho đến một người lao động bình thường, tất cả đều phải sống trong một cộng đồng xã hội. Từ người trẻ đến người lớn tuổi đều có hoạt động mới có tiến hóa, trưởng thành và thành công. Muốn thành công là phải có sự hợp tác, ủng hộ của những người cộng tác. Muốn có sự ủng hộ phải tạo được sự cảm thông và thuyết phục. Dân gian có câu:

“Một cây làm chẳng nên non,
Nhiều cây hiệp lại nên hòn núi cao.”

Một con chim én không làm nên mùa xuân, nhiều chim én kết đoàn bay về, báo hiệu mùa xuân đã đến đem niềm vui cho vạn vật.

Tôi xin kể một câu chuyện về “Cụ già nổi giận”.

Cụ già cầm trên tay tờ báo của địa phương mình, có một bài của tác giả không lạ lắm đối với cụ. Bài báo viết về một ngôi nhà cổ tồn tại đến nay hơn một trăm năm, có rất nhiều cổ vật quý hiếm; giống như những ngôi nhà xưa của phố cổ Hội An vậy. Ngôi nhà đó chính là đền thờ thuộc dòng họ của cụ... Cuối bài báo, tác giả kết luận: ngôi nhà này của một người giàu có, quan lại xưa ở địa phương, do bóc lột người nghèo mà xây dựng được ngôi nhà này. Như vậy phải trả lại cho dân, tức là nhà nước phải thu hồi, quản lý và sử dụng. Đọc xong kết luận của bài báo, cụ già giận lắm.

Cách nay gần hai trăm năm, tổ tiên cụ đến đây lập nghiệp, đổ bao mồ hôi, nước mắt trên mảnh đất hoang vu này, lao động hết mình khai hoang lập ấp, tạo nên cơ nghiệp. Tổ tiên cụ bóc lột ra sao mà nhà báo này dám kết luận như vậy.

Cụ già cầm điện thoại lên gọi cho Tổng biên tập của tờ báo trên:

– Tôi xin kính chào ông Tổng biên tập. Thời này là thời đại nào vậy thưa ông? Thời này không phải là thời cải cách ruộng đất đấu tố địa chủ bóc lột. Cũng không phải thời cải tạo tư sản. Đối với đế quốc Mỹ gây bao đau thương trên mảnh đất này, chính phủ Việt Nam còn chủ trương xóa bỏ hận thù, quên đi quá khứ, hướng về tương lai, xây dựng quan hệ hòa bình thân thiện, phải như vậy không thưa ông?

Ông là tổng biên tập mà sao

■ CHÍ NHƯ S.T.

Gó Không có

để cho tờ báo của ông rêu rao sai sự thật và sai cả đường lối chính sách của nhà nước như vậy. Bài báo vu khống nói xấu tổ tiên của tôi như vậy là sao thừa ông? Ông đọc kỹ bài báo đó rồi chứ?

Ông tổng biên tập lúng túng trả lời:

– Xin cụ thông cảm, vì bận nhiều việc nên tôi chỉ đọc sơ qua, không kiểm tra kỹ, chúng tôi có sai sót, xin cụ thông cảm cho.

Cụ già chưa nguôi cơn giận:

– Ông là tổng biên tập mà cho đăng bài báo sai đường lối chính sách, làm mất niềm tin của nhân dân đối với nhà nước, bôi xấu danh dự tổ tiên tôi. Ông không làm hết trách nhiệm của một tổng biên tập. Ông nên về hưu đi là nhẹ, đáng lẽ ông phải chịu kỷ luật đó nghe. Cụ già cúp máy.

Một thời gian sau, cụ già

(XEM TIẾP TRANG 111)

Gia đình nọ rất giàu có. Một hôm, ông bố dẫn con về quê, định bụng cho con thấy người nghèo sống ra sao. Hai bố con ở chơi vài ngày trong một gia đình nông dân được xem là rất nghèo. Khi về nhà, bố hỏi con:

– Con thấy người nghèo sống ra sao rồi chứ?

– Dạ.

– Thế sau chuyến đi, con biết thêm được những gì?

– Dạ, con thấy chúng ta chỉ nuôi một con chó, còn họ có tới bốn con. Chúng ta chỉ có một cái hồ nhỏ xíu ở giữa vườn, còn họ có con sông dài đến vô tận. Chúng ta chỉ có mấy cái đèn ngoài sân, còn ban đêm họ có bao nhiêu là sao sáng. Trước nhà chúng ta chỉ giới hạn ở sân trước, còn trước nhà họ là không gian mênh mông đến tận chân trời. Chúng ta chỉ sống trên mảnh đất quá nhỏ bé so với họ là đồng ruộng bao la thẳng cánh cò bay. Chúng ta có gia nhân phục vụ nhưng họ chăm sóc lẫn nhau. Chúng ta phải mua thực phẩm, còn họ tự tay trồng lấy lúa, rau... Chúng ta có tường rào vây quanh bảo vệ, còn họ có hàng xóm, láng giềng bảo vệ lẫn nhau.

Ông bố ngẩn người khi nghe con so sánh.

Người con nói thêm:

– Cảm ơn bố đã cho con có dịp thấy tận mắt chúng ta... nghèo như thế nào!

“Quá nhiều lần chúng ta quên đi những gì chúng ta có mà chỉ nghĩ đến những gì chúng ta không có. Có thứ, người này coi thường nhưng người khác lại quý trọng. Hãy dành thời giờ nghĩ đến và hài lòng với từng thứ mà chúng ta đang có, nhất là bạn hữu.”■

Có những cây cỏ quanh nhà như mướp đắng, nha đam, húng quế... tưởng bình thường nhưng lại là những loại cây, quả được Đông y chứng minh có tác dụng chữa và giúp giảm bớt các triệu chứng do tiểu đường gây ra.

KHỔ QUA (MƯỚP ĐẮNG)

Nếu bạn đang bị bệnh tiểu đường type 2, hãy uống một ly nước ép khổ qua tươi mỗi ngày. Khổ qua không những giúp giảm lượng đường huyết trong máu cho bệnh nhân tiểu đường mà theo nhiều nghiên cứu, loại quả này còn có tác dụng phòng chống ung thư, bệnh tim mạch, thần kinh...

CÂY CÀ RI (HỔ LÔ BA)

Cà ri là một loại gia vị truyền thống của người Ấn Độ. Loài cây này cũng được trồng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Tương tự như khổ qua, cà ri cũng mang tính đắng nhưng nhẹ hơn. Tác dụng chữa bệnh tiểu đường từ phần lá và hạt cà ri đã được chứng minh qua các nghiên cứu trước đây.

Tiến sĩ Deepali Shastri (bác sĩ y học cổ truyền Ấn Độ) cho biết: “Bệnh nhân tiểu đường có thể hạ đường huyết bằng cách lấy một muống cà phê hạt cà ri đem ngâm vào cốc nước, để qua đêm, sau đó lọc lấy nước uống. Cũng có thể uống cùng với hạt, tuy nhiên

NHỮNG CÂY THUỐC CHỮA TIỂU ĐƯỜNG

■ BAN BIÊN TẬP



nhớ uống vào đầu mỗi buổi sáng trong ngày.”

CÂY HÚNG QUẾ

Húng quế và tía tô cũng có tác dụng kiểm soát bệnh tiểu đường. Lấy một nắm lá húng quế vò nát, đem luộc trong một ly nước từ đêm trước, để lọc uống vào sáng hôm sau. Nhai một vài lá húng quế trong ngày cũng cho tác dụng tương tự.

NHA ĐAM

Nha đam hay còn gọi cây lô hội, có tính hàn, vị đắng. Nha đam có nhiều tác dụng chữa bệnh như: chữa bỏng, cao huyết áp, giải nhiệt cơ thể. Chất đặc quánh trong thân cây này còn

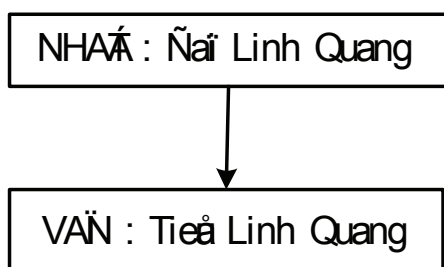
là một phương thuốc hay tại nhà giúp chữa bệnh tiểu đường. Nha đam (lấy phần thịt bên trong thân), lá nguyệt quế trộn với nửa muống nghệ. Dùng hỗn hợp này cách một tiếng đồng hồ trước bữa ăn trưa hoặc ăn tối sẽ giúp bạn kiểm soát lượng đường huyết.

LÁ XOÀI

Lấy khoảng 3-4 lá xoài, rửa sạch, đun sôi, để qua đêm trong nước. Sau đó lọc nước này uống vào đầu buổi sáng trước bữa điểm tâm. Nên nhớ không áp dụng phương thuốc này nhiều lần trong một ngày, vì có thể giảm lượng đường huyết quá thấp gây ra chứng hạ đường huyết khá nguy hiểm. ■

LUẬT NHÂN QUẢ TRONG NGUYÊN LÝ...

(TIẾP THEO TRANG 75)



Bởi do nhân-quả, nên Tiểu Linh Quang với Đại Linh Quang có cùng bản chất đó là “linh quang”, như lời dạy:

*“Con là một Thiêng Liêng tại thế,
Cùng với Thầy đồng thể linh quang.”*⁵

Bản chất “linh quang” giống nhau giữa Trời và người ấy cũng chính là chỗ giúp cho Trời, người có thể hiệp một với nhau. Đạo Học Chỉ Nam gọi chỗ giống nhau đó bằng một cái tên khác là “Đại Đạo”:

*“Chỗ tương hiệp, Trời, Ta, có một,
Lối giao thông, Tiên, tục, không hai,
Chơn Như soi sáng thân này,
Đó là Đại Đạo trong ngoài trần gian.”*⁶

Nếu không lý giải theo luật nhân quả rằng Đại Linh Quang là nhân, Tiểu Linh Quang là quả, cả hai có cùng bản chất “linh quang”, thì chúng ta khó thể giải thích tại sao Đại Linh Quang và Tiểu Linh Quang lại có thể hiệp nhất với nhau một cách khoa học.

Thứ hai, khi các Tiểu Linh Quang được phóng phát vào các cõi giới, không thể nào không có hành vi hay hành động nào cả, mà “*mỗi hành vi của các con dù tốt hay xấu cũng đem lại một kết quả*”.⁷ Nói một cách khác, Tiểu Linh Quang khó tránh khỏi động tác gieo nhân và như vậy

khó tránh khỏi sự chi phối của luật nhân quả. Những chuỗi nhân quả của vô số các Tiểu Linh Quang càng nhiều, càng đa dạng như đã trình bày ở những phần trên, càng cho thấy “sự tán” của “Nhất tán Vạn” càng nhiều, càng mạnh mẽ, càng ra xa. Và như vậy, con đường các Tiểu Linh Quang trở về hiệp nhất cùng với khối Đại Linh Quang càng trở nên xa xôi hơn.

Chúng ta có thể thấy điều này qua các mối quan hệ xã hội giữa con người với nhau. Mối quan hệ nhân-quả giữa cha con, anh em, bè bạn, láng giềng, đồng nghiệp... càng nhiều thì có thể giúp con người tồn tại và phát triển trong cuộc sống bằng trách nhiệm, bằng sự giúp đỡ qua lại, nhưng đồng thời cũng trì kéo con người quay lại thế gian.

KẾT LUẬN

Qua các phân tích bên trên, chúng ta thấy luật nhân quả giải thích mối tương quan nhân-quả khi Đại Linh Quang phóng phát (tán) ra các Tiểu Linh Quang. Đồng thời, luật nhân quả là nền tảng để giải thích cho các hoạt động “tán ra” trong cả bán trình “Nhất tán Vạn”. Càng đúng trong mối quan hệ nhân-quả, vạn vật càng phát tán, càng “ra đi” nhiều hơn từ “cái Nhất” ban đầu, chứ quy luật nhân sinh ra quả không thể nào lý giải làm sao vạn vật có thể quy “Nhất” được. Điều này cũng đồng nghĩa là luật nhân quả không thể tham gia vào cơ chế hoạt động của “Vạn quy Nhất”. Những định luật nào khác tham gia vào cơ chế “Nhất tán Vạn”, cũng như “Vạn quy Nhất”, sẽ được trình bày trong những bài viết sau.■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Yếu điểm giáo lý Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, nhà xuất bản Tôn giáo, 2006.
2. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Hội Thánh Tiên Thiên.■

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Giáo Sưu Tập 1966-1967, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2010, tr. 36.

6. Minh Lý Thánh Hội, Đạo Học Chỉ Nam, chương 4, tiết 2, mục 1.

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 1, Toàn Thánh Châu Minh, 1961, tr. 72.

ĐÔI DÒNG HOÀI CẢM

(TIẾP THEO TRANG 84)

rộng lòng mình với tất cả mọi người, không vụ lợi, sẵn sàng chấp nhận hy sinh.

Câu nói của Đức Cao Triều Tiên Bối là động lực cho tôi:

*“Hồi những ai trung kiên một dạ,
Thì đây nguyên đục đá khai đường,
Trần hoàn tận độ đảm đương,
Cõi Thiên phù trợ, lo lường tiến thẳng.”*

Ngài đã hứa với chúng ta như một lời tuyên thệ, một lời “nguyên” rằng Ngài sẽ đi “tiên phong”, sẽ đi trước mở đường cho chúng ta, dù đường có khó khăn thế nào, có gian khổ thế nào thì đã có Ngài “đục đá khai đường” rồi, chúng ta còn lo sợ gì nữa. Việc còn lại là chúng ta phải “trung kiên” với lời nguyện của mình “một tắc không di, một ly không dời”, “một lòng một dạ sắt son” thì mặc nhiên đã có Ngài “che chở” cho chúng ta: “trần hoàn tận độ đảm đương, cõi Thiên phù trợ lo lường tiến thẳng”. Ngài sẽ giúp chúng ta vượt qua tất cả, chúng ta cứ an nhiên mà tiến.

Được sống, học và hành trong môi trường Đại Đạo, tôi thấy mình thật sự may mắn và hạnh phúc. Tôi muôn vàn biết ơn: cha mẹ tôi, ông bà tôi đã tạo nền tảng đạo đức cho tôi; Đức Chí Tôn và các Đấng khai minh cho tôi; Quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ tại Thánh tịnh Thiên Trước; Quý Đạo trưởng, Đạo huynh, Đạo tỷ, Tập Đoàn Giáo Sĩ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý và toàn Đạo đã quan tâm giúp đỡ, hướng dẫn, thương yêu chúng tôi với tất cả tấm lòng.

Xin ghi ơn sâu đậm, mãi mãi và mãi mãi...■

7. Huệ Ý, Thánh Sắc Chứng Đạo, quyển 2, tr. 64.

LỄ SANH

(TIẾP THEO TRANG 70)

*Trước mắt phạm, tuy trông chẳng thấy,
Chín từng lồng lộng Đấng Bề Trên.”*

Xã hội càng văn minh thì cần phải nuôi dưỡng Lễ một cách tích cực, nếu không sẽ xảy ra hỗn loạn.

Những lợi ích mà Lễ đem lại thì nhiều vô số kể. Lễ đặt chữ hòa lên trên. Trên thuận dưới hòa. Khi người đi đường biết giữ Lễ thì ít bị kẹt xe và ít gây tai nạn trên đường. Đã có một học giả Tây Phương cho rằng nhìn người đi đường ngoài phố có thể đoán được trình độ văn minh của xã hội đó. Biết kính trên nhường dưới, biết giữ lễ nghĩa với nhau thì không bội tín, quan không

lừa bịp dân, dân không dối gạt quan để gây bất hòa.

Hòa là làm cho tâm tính được điều hòa, làm cho hành vi, cử chỉ thuận theo đạo lý, hợp lòng người. Được như thế thì cái tà tâm và dục vọng không có cơ hội phát triển và dần dần biến mất, nhường chỗ cho những ý tưởng thanh cao.

Trong lĩnh vực tôn giáo thì Lễ càng được trân trọng hơn. Trong cùng một môi trường, dùng Lễ để nuôi dưỡng những tình cảm tốt đẹp tức là khiêm cung hòa ái. Bất kính kính (không có Lễ) thì không thể nói đến chuyện yêu thương nhau.

Bất kính giữa giai cấp này và giai cấp nọ sẽ đưa đến tình trạng kẻ mạnh áp chế và bóc lột kẻ yếu.

Trước Đức Khổng Tử chỉ có hai đường lối cai trị dân là nhân trị và pháp trị. Nhân trị là lấy lòng yêu thương cảm hóa, giáo dục dân chúng theo đường ngay nẻo phải. Pháp trị là dùng pháp luật để cai trị.

Lễ trị là một phương pháp tốt đẹp dung hòa giữa đường lối nhân trị và pháp trị. Phương pháp Lễ trị là phương pháp vừa cảm hóa vừa răn dạy mà chỉ có hiền triết Thánh nhân như Đức Khổng Tử mới phát kiến ra được và vạch rõ lợi, hại như đã trình bày ở phần trên. Dùng Lễ trị nước là một triết thuyết cao siêu và vô cùng quan trọng để cho các nhà chính trị và xã hội học nghiên cứu, áp dụng.■

SONG TU TÁNH MẠNG

(TIẾP THEO TRANG 27)

bệnh hoạn, đầy đủ sức khỏe để làm công quả trả nợ tiền khiên, và lo công phu thiện định để gột rửa linh hồn.

Thế gian là môi trường thuận lợi nhất để học tập, rèn luyện. Thân xác là phương tiện thích hợp nhất cho sự rèn luyện tại thế gian để phàm tánh và thân mạng thăng hoa thành chơn tánh, chơn mạng trường tồn bất hoại, linh diệu biến thông. Kết quả ấy sẽ đem lại lợi ích cho người tu hành lúc còn sống cũng như sau khi thoát xác. Lúc sống thì thân thể khỏe mạnh, tâm trí sáng suốt, trên thông lý trời, dưới đạt lý đất, chung quanh thì thấu suốt lòng người; đối với xã hội thì hành động ích lợi cho nhân sanh, giáo dân vi thiện, đưa bước đồng loại trở lại quê xưa, hoàn thành sứ mạng Đại thừa Thiên đạo. Lúc bỏ xác là đã đủ điều kiện trở về cõi an lạc vô sanh bất diệt.

KẾT LUẬN

Thế gian là một cõi đi về, con người từ cõi thượng thiên đến tạm dừng chân để làm tròn sứ mạng vi nhân rồi phải quay về vì sứ mạng con người chỉ chu toàn kết thúc khi con người “trở lại cùng Thầy”.

Tam Kỳ Phổ Độ là giai đoạn cuối cùng, là cơ hội cho con người tu hành giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử. Con đường quy nguyên phản bản đã được Đức Đại Từ phụ khai mở với pháp môn Tam Công, trong đó, phương pháp Song tu Tánh Mạng là con đường ngắn nhất để cho con người trở lại bến khởi nguyên, mà cũng là phương tu diệu dụng hợp với thời đại đầy ô nhiễm, độc khí lan tràn sẽ giúp hành giả có đủ điều kiện chống chọi với muôn vàn nghiệp lực tiền khiên trên bước đường thiên lý diệu vợi. Hãy vững niềm tin để đón nhận ân điển thiêng liêng của Đức Cha Trời đang trùng trùng ban rải.■

ĐỂ NHẬN ĐƯỢC SỰ HỢP TÁC...

(TIẾP THEO TRANG 107)

và Đài truyền hình thành phố về quê cụ làm phim tài liệu. Đoạn đường đến địa điểm làm phim có mười cây số phải đi đường sông. Đoàn làm phim mượn được ca-nô của ủy ban huyện. Ca-nô còn còn rộng chỗ nên có mấy nhà báo địa

phương xin đi nhờ. Mọi người nhanh chóng tìm chỗ ngồi; xui khiến thế nào, tình cờ cụ già lại ngồi bên cạnh nhà báo đã viết bài hôm nọ. Chiếc ca-nô ào ào lướt sóng một cách vô tư, còn người ngồi trên ca-nô, mỗi người theo dòng suy nghĩ

riêng của mình. Cụ già và tay nhà báo kịp nhận ra nhau, sự im lặng nặng nề kéo dài, thật bức bối khi phải ngồi cạnh kẻ đáng ghét này. Cụ già nghĩ, hôm nay ta sẽ cho người một trận để người hiểu thế nào là sự trung thực của nghề báo và sự lễ độ đối với người xưa đi mở cõi. Dòng suy nghĩ của cụ già bỗng ngừng lại, nhìn kẻ sắp bị hỏi tội, hần đang nghĩ gì mà ngồi ủ rũ như vậy?

Bỗng cụ nhớ lời Phật dạy: “Hãy từ bi hỉ xả cho kẻ lỗi lầm. Hần đã sai, hãy để hần tự hối và sửa chữa.”

Sự đặc nhân tâm trong ứng xử bỗng hiện ra. Vậy ta thử áp dụng sự tha thứ trong ứng xử- biến kẻ thù thành bạn. Có nhiều bạn sẽ tốt hơn có nhiều kẻ thù. Kẻ thù đó không còn chọc tức ta mà nó sẽ phục vụ lại ta thì có lợi hơn nhiều. Lòng bao dung tha thứ sẽ là bước khởi đầu cho sự hợp tác cao nhất.

Cụ già dần cơn tức giận. Quay sang vui vẻ hỏi thăm nhà báo về công việc báo chí ở tỉnh nhà, về gia đình nhà báo các cháu học hành ra sao, tình hình sinh hoạt ở quê mình có thay đổi hơn xưa như thế nào, v.v.

Tay nhà báo trả lời cụ già nhưng còn hơi ngại ngùng, được một lúc nhà báo bỗng đổi đề tài: “Cháu xin bác thông cảm, cháu không muốn viết như vậy, nhưng có kẻ xui cháu, cháu thành thật xin lỗi bác.”

Cụ già nói: “Biết lỗi mà sửa, thôi nói xấu oan cho người khác là tốt rồi.”

Một tuần sau trên tuần báo Sài Gòn giải phóng thứ bảy của thành phố Hồ Chí Minh xuất hiện bài báo cũng nói về Ngôi nhà thờ của tổ tiên cụ già, cũng của tác giả trên nhưng lời lẽ khác hẳn. Nhất là đoạn kết luận trước đây được thay bằng một sự tri ân đối với các bậc tiền nhân một thời đi mở

cõi, cho đến nay còn để lại là ngôi nhà cổ kính, một di tích văn hóa cần được bảo tồn và tôn tạo.

Một thời gian sau, cụ già ngạc nhiên nhận được điện thoại của nhà báo nói trên, với lời đề nghị tha thiết xin cụ giúp đỡ tư liệu để ông ta viết về một dòng họ có công khai hoang lập ấp, góp sức khai mở để có vùng đất Bạc Liêu ngày nay, tức viết về tổ tiên của cụ.

Nhất là ông ta tha thiết muốn có tư liệu để viết về một nhà báo yêu nước thời xưa, mà ông ta ngưỡng mộ, người đó chính là thân phụ của cụ già.

Kết quả của sự đổi cơn nổi giận thành sự tha thứ. Cụ già đã chinh phục được nhà báo này bằng phương pháp đặc biệt, đã biến kẻ thù thành bạn, đã nhận được sự hợp tác cao nhất không ngờ tới.■

ĐỨC ĐỆ TAM GIÁO TÔNG...

(TIẾP THEO TRANG 56)

chức mà thôi, chung qui sẽ kết hợp lại thành cái gì tốt đẹp và lưu hậu thế vĩnh cửu.”²²

KẾT LUẬN

Kỷ niệm 60 năm thời điểm đăng Tiên của một bậc Tiên Khai Đại Đạo, chúng ta ôn lại công nghiệp của Ngài để đúc kết và rút kinh nghiệm làm bài học cho những bước chân tiếp nối.

Cuộc đời hoạt động và hành đạo của Ngài Nguyễn Ngọc Tương phản ánh Tân pháp Cao Đài với 2 bước Thế đạo và Thiên đạo song hành. Bước đầu bởi công lập đức phổ độ nhân sanh trong cả 2 phương diện nhân sinh và tâm linh hầu xây đắp nền tảng công đức cho việc công phu sau này: “Năm năm công quả tua bền chí.”

Bước kế tiếp khi sang tuổi 50 (1881–1931) Ngài “hiển thân hành đạo”, chuyên lo đạo sự khi từ quan lui về Tòa Thánh Tây Ninh tận tụy điều hành Hội Thánh qua các mặt “giáo dục, phước thiện, y tế, sản xuất, xây dựng, v.v.” và tiếp tục cũng như thế khi thực hiện cơ Chính Đạo.

Trong quá trình chuyên tu, tuy vẫn giữ “quyền pháp” lãnh đạo Hội Thánh Ban Chính nhưng Ngài

quan tâm thực hành phần tu tịnh ngày càng nhiều để có được trí huệ trực tiếp thông công cùng Thiên diễn hầu điều hành đạo sự sau quyết định “ngưng sử dụng cơ bút”. Sau cùng, Ngài nhập đại định với cấp tu “Cửu niên điện bích”.

Rằm tháng 5 Tân Mão (1951), Ngài Giáo Tông xuất tịnh đăng Tiên, thọ 71 tuổi. Qua cơ bút của Hội Thánh Tiên Thiên, Đức Nguyễn Ngọc Giáo Tông đã chứng đặc phẩm vị Pháp Quang Kim Tiên. Trong thời kỳ gây dựng thống nhất tinh thần cho toàn đạo qua hình thức phổ thông giáo lý, Đức Giáo Tông Ban Chính đã nhiều lần trở lại qua linh diễn cơ bút với danh xưng Đệ Tam Giáo Tông cùng 3 vị Giáo Tông khác theo tinh thần Đại Đạo dung hòa các quan niệm phổ độ nhân sanh song hành cùng việc luyện Thần tu Tánh mà phần nỗ lực của bản thân mỗi tín hữu mới là phần chánh yếu mang tính quyết định cho sự tu tiến.

Gương sáng cuộc đời hoạt động và hành đạo thể hiện “Tâm Vật bình hành”, hết lòng vì dân vì nước vì nhơn sanh tín hữu với tinh thần “Thuần chơn vô ngã” của Ngài là bài học lớn cho những lớp người tiếp nối theo sau.

Rất lòng thành kính tưởng niệm Đức Đệ Tam Giáo Tông–Pháp Quang Kim Tiên–Nguyễn Ngọc Tương!■

22. Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, Tuất thời, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

■ BẠCH TUYẾT

SÚP BÍ ĐỎ



Trong mâm cơm nhiều gia đình Việt Nam nói chung và của người tu hành ăn chay nói riêng, bí đỏ (hay bí rợ) là món ăn quen thuộc. Người Nhật Bản cho rằng bí đỏ là một trong những món ăn “trường sinh bất lão” cho nên các bà nội trợ đã chọn bí đỏ để chế biến món ăn thường ngày, vì bí đỏ vừa nhiều chất dinh dưỡng, vừa giúp ngăn ngừa một số bệnh tật. Bí đỏ giàu vitamin A và Canxi, bí đỏ cũng giúp giảm được tình trạng lão hóa. Đồng thời bí đỏ có chứa chất phytosterol và một số hợp chất có thể giảm được lượng cholesterol và chất L-

tryptophan – một hợp chất chống lại sự mệt mỏi.

Với công dụng đa năng tuyệt vời như thế của bí đỏ, nên trang gia chánh kỳ này xin giới thiệu với quý huynh tỷ một món chay làm từ bí đỏ, rất đơn giản dễ nấu và tốt cho sức khỏe của người ăn chay.

CÁCH CHẾ BIẾN

Bí đỏ mua về gọt vỏ, rửa sạch cắt miếng vuông cỡ 2 phân, nấm Đông cô ngâm mềm xắt sợi. Nấm Bào ngư rửa sạch xé sợi, hủ ky tươi cắt sợi nhuyễn. Đậu hủ non cắt hạt lựu nhỏ. Nếu muốn đậu hủ dai, xắt không bị nát, luộc tàu hủ trước khi xắt.

Bắc lên bếp khoảng 1 lít nước. Khi nước sôi cho bí đỏ

vào nấu, nêm một muống bột nêm vào, bí sôi khoảng 5 phút sẽ chín, tắt lửa, đổ bí ra ngoài thau cho nguội, rồi đem xay nhuyễn với nước đã nấu.

Kế tiếp, bắc chảo lên cho 2 muống dầu và một ít củ hành tím xắt nhỏ vào xào cho vàng, thơm, cho nấm Đông cô vào xào vừa sẵn, kế cho nấm Bào ngư xé sợi vào và tiếp theo cho hủ ky vào xào sơ với 1 muống súp bột nêm và 1 muống súp đường. Tất cả cho vào nồi nước đã đun sôi, khoảng 2 lít nước, kế cho bí đỏ đã xay nhuyễn vào, sôi vài dạo cho đậu hủ cắt hạt lựu vào nêm lại cho vừa ăn, cho nửa chén bột năng hoặc bột bắp hòa với nước lã. Bí sôi chín nêm lại cho vừa ăn, kế cho bột đã quây tan vào quây một chiều đến khi hơi sánh lại là được, không nên làm đặc quá. Tắt lửa, múc ra tô, rắc tiêu và để ngò rí đã cắt nhuyễn vào là dùng được.■

NGUYÊN LIỆU [CHO 10 NGƯỜI]

2kg bí đỏ
300g nấm bào ngư (hoặc nấm rơm).
10 tai nấm Đông cô.
2 miếng đậu hủ non.
1 miếng hủ ky.
Bột nêm nấm.
Đường, tiêu, ngò rí.
3 củ hành tím nhỏ.■



Khát Vong

■ LÝ NHƯ

Kính tặng những người bạn tu sĩ giáo sĩ hiền dân.

Cơn khát dữ dội như cháy khô cuống họng, hai bờ môi khô sần ran rát cọ vào nhau và mằn mặn bởi những giọt mồ hôi, hần vắn gò lưng, rướn người trên chiếc xích lô cũ kỹ để đạp xuống chiếc pedal với đôi chân ốm tong dài ngoằn. Con đường như ảo ảnh vỡ nhoe ra từng chập nhấp nhô, hun hút như lênh đênh giữa đại dương trên đôi mắt ngờ ngạc, dần dần. Người khách sang trọng, tràn ngập mùi son phấn đang ung dung ngồi nhịp chân ở phía trước, thỉnh thoảng phun tóa vài ngụm nước dư dả bên vệ đường sau khi uống ừng ực gần hết chai nước khoáng ướp lạnh. Cái khát càng hành hạ hần như sự trừng phạt nặng nề.

Hần vội lách xe tránh một cụ già bị hủi đang nằm bên lòng đường ăn xin, bỗng dừng hần chợt liên tưởng đến xác người trong phòng thực tập

giải phẫu mà mới hôm qua hần từng thọc tay vào bụng để mò mẫm tìm từng mạch máu. Gương mặt xác chết tro tro lạnh lùng, gương mặt của đám sinh viên thực tập cũng lạnh lùng, tro tro. Hần ngoái lại nhìn bà già bị hủi, chỉ có đám ruồi nhặng lơ lờ bay quanh quẩn, không một ai dừng lại ánh mắt thương cảm nơi ấy. Sự vô cảm dường như đã xâm lấn, chiếm đoạt cả thế giới này. Chiếc xe lách nhanh làm vị khách giật mình la toáng lên và chửi mắng. Tiếng thét làm hần cũng giật mình, hoảng hốt tựa như hần nghe tiếng hét của người hộ lý chửi mắng ông cụ già run rẩy làm đánh rơi chiếc xô trong phòng bệnh. Nghĩ đến hình ảnh ấy, hần lại chợt liên tưởng đến người mẹ già đang rơi nước mắt vì lỡ đánh rơi những nải chuối mà cả ngày chưa bán được. Cái nghèo khổ làm cho con người ta luôn

lo lắng hoảng sợ cho dù chỉ là vài quả chuối ế ẩm.

Người khách đưa tay ra hiệu dừng xe lại. Hần thấy một niềm vui khôn tả dâng lên ngập lòng tựa như đang vẫy vùng giữa dòng nước trong xanh ngọt ngào.

– Anh đợi ở đây, tôi vào thăm bệnh một chút rồi sẽ ra và anh chờ tôi về luôn. Tôi sẽ trả thêm cho anh hai chục.

Hần gật đầu như một đứa trẻ ngoan, lấy tay áo vuốt những giọt mồ hôi còn nhễ nhãi trên mặt. Cơn khát như biến mất, nỗi mừng vui khi được thêm một khoản tiền đưa cho mẹ khiến hần không kịp ngó người khách đi về hướng nào. Ngồi vào xe trốn cái nắng trưa gay gắt, uống vội vài ngụm nước, hần rút quyển sách giải phẫu học ra đọc chăm chăm như nuốt chửng. Nửa giờ trôi qua, cái đói từ dạ dày cứ sùng sục lồng lộn thoát ra, hần bước sang đường

mua một củ khoai mì nguội, mắt hần lơ đãng nhìn quanh tìm bóng dáng người khách vừa đi xe lúc nãy. Một giờ nữa trôi qua, ngồi trên xe, cầm lại quyển sách đọc hời hợt những dòng chữ khô khan, miệng nhai rệu rạo miếng khoai nguội, hần bắt đầu cảm thấy nóng ruột vì phải chờ đợi người khách quá lâu như thế. Hần bước xuống xe, đi loanh quanh trước cổng bệnh viện. Bỗng dừng hần cảm thấy lo lắng và hoảng sợ tựa như cảm giác hồi còn bé đứng một mình giữa bóng đêm trong căn chòi lá hiu quạnh giữa đồng, còn mẹ thì đi đâu mất...

Chẳng lẽ bà ta giàu như vậy mà đi quyt một cuộc xe ba chục đồng bạc, mua chỉ đủ hai ký gạo. Hần tự hỏi mình mà mắt cứ dáo dác nhìn vào trong bệnh viện... Ông bảo vệ nhìn hần với ánh mắt đầy vẻ nghi ngờ, thỉnh thoảng thò đầu ra cửa sổ phun toẹt một bãi đờm tựa như cảnh báo thẳng nhai dừng dờ trò trộm vặt ở đây.

– Bác ơi! Cho cháu hỏi có thấy một bà vào đây...

– Thằng này rảnh dữ he! Bà vào đây đếm làm sao cho hết. Mà muốn gì?

– Dạ... dạ...

Hần giải thích rành rọt như muốn tìm một sự cảm thông ở ông bảo vệ. Nhưng vẻ mặt của ông bảo vệ vẫn tỉnh bơ, khói thuốc lá cứ phả ra phì phèo theo hơi thở nặng nề hôi thối và uốn lượn theo từng lời run cầm chân thành của hần. Nửa

muốn vào trong tìm, nửa lo mất chiếc xe xích lô thuê mượn, nửa muốn vào ngay giảng đường để kịp giờ học...hần bước loanh quanh chẳng chịt như xé nát bãi đất trước cổng bệnh viện.

Mặt trời ban trưa bỗng dừng lại và tắt hần cái nóng khô khốc tàn nhẫn. Mưa từ đâu bỗng ùn ùn đổ sập xuống. Con điên loạn vì lo lắng, tức giận của hần dường như có ngõ thoát ra. Hần lăm bầm... Tiếng lăm bầm pha lẫn nhiều tiếng thở dài gấp gáp, ngắn ngủi như muốn tống khứ vội vàng những cảm xúc, suy nghĩ bực dọc trong đầu của hần. Những hạt mưa trở nên nặng và dồn dập, Hần chạy vội đến bên chiếc xe cũ rích đang đứng lặng thinh, thò tay lấy tấm bạt ni-lông che mưa.

– Anh ơi! Anh xích lô ơi!

Hần quay lại, mong đợi hình ảnh của bà khách sang trọng hiện ngay trước mắt. Nhưng nỗi thất vọng ghé ngay vào tâm não hần như một sinh viên kê mông vào dành chỗ ngồi nghe giảng bài! Trước mặt hần là một cô bé gầy gộc, xanh xao, bờ mắt thâm quầng và còn đọng ứot làm đỏ sần đôi mắt.

– Cô muốn đi xe hả?

– Dạ! Nhưng còn má em nữa, đang ở trong kia.

Bà lão khăn quần trùm kín người, bao luôn cả mặt, chỉ thò ra ngoài đôi bàn chân xám ngoét. Hần và cô bé phụ đỡ bà ngồi lên xe. Chiếc khăn tụt xuống lộ ra nét mặt bà trắng

bệt, vô hồn; đôi mi không khép kín được đôi mắt đã mờ đục thất thần của bà. Bà đã chết và cô bé không đủ tiền thuê một chiếc xe bốn bánh để đưa xác mẹ về nhà. Hần hơi khựng lại, một thoáng sợ sệt lướt qua, nhưng hần vội tự trấn tĩnh được vì tự nhủ mình cũng là dân ngành y. Một chút lương tâm thương hại người cùng khổ vươn dậy, hần thấy mình không nỡ buông xác chết bà cụ nằm bên vệ đường như người ăn mày ban trưa vừa gặp.

Hần lại tiếp tục nhấn chân lên chiếc pedal, khách phía trước bây giờ là một linh hồn và một con người nhục thể. Hần chợt mỉm cười cảm nhận sự thú vị khi cuộc đời của chiếc xích lô sắp kiệt quệ này lại được phục vụ cho cả linh hồn. Và hần... hần không biết có tính tiền được với linh hồn này hay không? Sao cũng được! Hần tự nhủ. Chiếc xe bỗng nhẹ tênh lăn nhanh trên đường, có lẽ cụ bà đã siêu thoát lên trời.

Chiều xuống chầm chậm bằng những tia nắng nhẹ, mềm mại và đầu đầu ngân vang những hồi chuông thanh thản. Tiếng khóc thút thít của cô bé như tiếng những giọt mưa cuối cùng trên lá. Không hiểu tại sao hần cũng bật lên lời kinh cứu khổ của Đức Quán Thế Âm. Trong không gian tĩnh lặng, mặc thiên, ba linh hồn đang cùng giọng ruối trên chiếc xích lô cũ kỹ. Nơi xa kia, điểm sáng là một chân trời.■

THEO•DÒNG



01-01 TM (03-02-2011) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo chia 5 phái đoàn đi chúc tết 36 thất tịnh tại các quận trong thành phố Hồ Chí Minh và Bình Dương, Thủ Đức, Long An, Gò Công Đông, Gò Công Tây (Tiền Giang).

06-01 TM (08-02-2011) Thánh thất Tân Nhựt (ấp 4, xã Tân Kiểng, huyện Bình Chánh, TP.HCM) thiết lễ cầu an đầu năm mới mừng Xuân Tân Mão (hình 1).

08-01 TM (10-02-2011) Thánh thất Tân Sơn Nhì long trọng cử hành Đại lễ Vía Đức Chí Tôn và kỷ niệm 85 năm thành lập Thánh thất (1927-2011), 12 năm liên giao hành đạo (hình 2).

13-01 TM (15-02-2011) “Đại lễ Maulid, kỷ niệm ngày sinh Giáo chủ Nabi Muhammad 1432 Hồi



lịch - 2011 Dương lịch” được tổ chức tại Thánh đường Hồi giáo, 52 Nguyễn Văn Trỗi, Phú Nhuận (hình 3).

17 & 18-01 TM (19 & 20-02-2011) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo dự Thánh lễ trao tác vụ linh mục cho Thấy Phó Tế Phê rô Đỗ Quang Dũng, S.J, tại Nhà thờ Hiến Linh Dòng Tên, phường Linh Trung, Thủ Đức và Thánh Lễ tạ ơn tại Thánh đường Giáo xứ Tâm Hòa (Đồng Nai).

19-01 TM (21-02-2011) Lễ khánh thành Thánh thất Phước Tuy được tổ chức tại huyện Cần Đức, tỉnh Long An (hình 4).

23-01 TM (25-02-2011) Lễ kỷ niệm thành lập ngôi Cao Thượng Bửu Tòa lần thứ 55 trùng





dụng kỷ niệm lần thứ 52 ngày đăng tiền của Đức Ngài Chơn Sắc Trần Văn Tì cùng lễ ra mắt Ban Cai Quản nhiệm kỳ IV 2010–2015 được cử hành trọng thể tại Hội Thánh Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu) (hình 5).

02–02 TM (06–3–2011) Các nữ tu Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tham dự cuộc thi nấu ăn chủ đề: “Ăn ngon, sống khỏe” do Hội Liên Hiệp Phụ Nữ phường Nguyễn Cư Trinh tổ chức để chào mừng “Kỷ niệm lần thứ 101 ngày Quốc tế Phụ nữ 8–3 và 1971 năm khởi nghĩa Hai Bà Trưng” đã đoạt giải ba với món “lẩu Thái chay”.

04–02 TM (08–3–2011) Nữ tu Cơ Quan tham dự Hợp mặt kỷ niệm 1971 năm khởi nghĩa Hai

Bà Trưng và 101 năm ngày Quốc tế Phụ nữ 8–3 (1910–2011) do Hội Liên Hiệp Phụ Nữ quận 1 tổ chức tại sảnh Trung tâm Văn hóa số 6 Mạc Đĩnh Chi, quận 1, TP. HCM.

07–02 TM (11–3–2011) Minh Lý Thánh Hội và Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo thảo luận Kinh Dịch để tài Quẻ Bát Thuần Ly tại chùa Tam Tông Miếu.

13 & 14–02 TM (17 & 18–3–2011) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo đã đến dự cuộc Hội thảo giao lưu các phái đạo Cao Đài lần IV năm 2011 do Hội Thánh Bạch Y Liên Đoàn Chơn Lý đăng cai tổ chức tại Tòa Thánh Bạch Y (Mông Thọ–Kiên Giang) Nhân dịp này, các Hội Thánh đã cùng tổ chức một buổi cúng cầu nguyện bình





an cho các dân tộc và nạn nhân động đất ở Nhật (hình 6).

17-02 TM (21-3-2011) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tham dự Đại hội Đại biểu nhơn sanh nhiệm kỳ IV (2011-2016) được Hội Thánh Minh Chơn Đạo tổ chức tại Tòa Thánh Ngọc Sắc Cà Mau. Ngày này cũng là ngày lễ Lạc thành Thiên Phong Đường và lễ kỷ niệm 65 năm ngày đăng tiên của Đức Ngọc Chương Pháp Trần Đạo Quang, người sáng lập Cao Đài Minh Chơn Đạo (hình 7).

19-02 TM (23-3-2011) Ban Cai quản Thánh thất Tây Thành (Cần Thơ) thiết lễ an vị “Thánh tượng Thiên Nhân” với sự có mặt của đại diện các Thánh sở Cao Đài miền Tây và thành phố Hồ Chí Minh. Ngôi Thánh thất đang trong thời gian tái thiết chưa hoàn tất (hình 8).

Cùng ngày, Cơ Quan tham dự Lễ kỷ niệm thành lập Họ Đạo Trung Hiến tại Thánh thất Trung Hiến.

20-2 TM (24-3-2011) Lễ kỷ niệm đại hội Phục Nguyên Tiên Thiên Bốn Sơ Thánh Đức lần thứ 37 tại Tòa Thánh Thiên Thai Vô Vi, ấp Cầu Dừa, xã Mỹ Phước Tây, Huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

29-02 TM (02-4-2011) Lễ khánh thành Thiên Phong Đường và trùng tu Tam đài, Đông Lang, Tây lang đã được tổ chức tại Thánh tỉnh Trước



Mai, xã Trường Thành, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (hình 9).

06-3 TM (08-4-2011) Thánh tỉnh Huệ Đông Thiên (Bạc Liêu) tổ chức Lễ truyền thống lần thứ 65 và lễ trí thạch xây dựng Tam đài.

10-3 TM (12-4-2011) Minh Lý Thánh Hội làm lễ Khai trương Phòng khám bệnh từ thiện tại chùa Tam Tông Miếu, đường Cao Thắng, quận 3, TP. HCM.

10-3 TM (12-4-2011) Phái đoàn Hội Thánh Cao Đài Minh Chơn Đạo do Đầu sư Thượng Sáng Thanh dẫn đầu đến nơi lưu cốt ở nghĩa trang Thành phố Hồ Chí Minh (Thủ Đức), rước một phần di cốt của Ngài Chương Pháp Cao Triều Phát, chỉ huy trưởng mặt trận Giồng Bóm, về thờ tại mặt trận Giồng Bóm ở Giá Rai Bạc Liêu, nhân lễ kỷ niệm 65 năm ngày mặt trận Giồng Bóm 14-4-2011 đồng thời cũng là ngày Mặt trận Giồng Bóm được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu công nhận là di tích lịch sử. Lễ cung thỉnh và tiễn đưa di cốt được phái đoàn Hội Thánh Minh Chơn Đạo cùng Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tổ chức rất trang nghiêm và không kém phần long trọng. Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng thư ký Thiện Chí và Đạo huynh Phó tổng thư ký Huệ Ý hướng dẫn gồm Đại diện tập đoàn Giáo sĩ, Trưởng ban Nghi lễ và hàng chục Tu sinh dàn chào di cốt Đức Cao Triều.



11

12-3 TM (14-4-2011) Thánh tịnh Thiên Trước tổ chức Đại lễ kỷ niệm tri ân tiền bối hướng đạo và kỷ niệm thường niên lần thứ 21.

13-3 TM (15-4-2011) Thánh Đức Tổ Đình Chiêu Minh Tam Thanh Vô Vi, Thành phố Cần Thơ trang trọng cử hành Đại lễ Thánh đàn lần thứ 79 của Đức Ngô Minh Chiêu (hình 10).

13-3 TM (15-4-2011) Thánh thất Ngọc Minh, tại ấp 7, xã Phong Thạnh Tây, Huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tổ chức trang nghiêm Lễ kỷ niệm lạc thành Thánh sở (hình 11).

14-3 TM (16-4-2011) Lễ kỷ niệm 65 năm Mặt Trận Giồng Bóm và Lễ đón tiếp quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bạc Liêu công nhận di tích lịch sử trận Giồng Bóm được cử hành trọng thể tại Thánh thất Ngọc Minh (hình 12).

15-3 TM (17-4-2011) Lễ kỷ niệm tái thiết Vĩnh Nguyên Tự lần thứ 38 tại Cần Giuộc (Long An). Nội Chánh Vụ Trưởng Thiện Hạnh được mời thuyết minh giáo lý đề tài: “Gây dựng lại ngôi nhà lịch sử”.

Cùng ngày, Cơ Quan cũng tham dự lễ tri thạc tái thiết Thánh thất Tân Định (quận 1) và lễ kỷ niệm chu niên ngày thành lập Thánh thất Hưng Chánh Đàn (Kiên Giang).

VỤ NỮ CHUNG HÒA HỌC TẬP
THÁNH GIÁO LƯU ĐỘNG TRONG ĐỆ I



12

TAM CÁ NGUYỆT NĂM TÂN MÃO 2011

22-01 TM (24-02-2011) Học tập bài 6, quyển Lòng Từ Mẫu, do Quyền Văn Hóa Vụ trưởng Hồng Phúc bình giảng tại Cao Thượng Bửu Tòa (Bạc Liêu).

01-4 TM (03-5-2011) Học tập bài 13, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965, do Vụ phó vụ Nữ Chung Hòa Bạch Cúc bình giảng tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài (Gò Vấp).

14-4 TM (16-5-2011) Học tập bài 14, quyển Thánh giáo Ất Tỵ 1965, do Giáo sĩ Thanh Bình bình giảng tại Thánh tịnh Ngọc Chiêu (Bình Dương).

GIỚI THIỆU TỔ PHÁT HÀNH KINH SÁCH

Bước vào niên trình Tân Mão 2011, trong cơ cấu tổ chức của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Hành Chánh Vụ được chánh thức bổ sung “Tổ phát hành kinh sách.”

Nơi làm việc của “Tổ phát hành kinh sách” được tạm đặt tại góc trái (từ ngoài ngó vào) nơi mặt tiền của Tiệm chay Định Ý. Tổ làm việc buổi sáng từ 8 giờ đến 10 giờ 45, buổi chiều từ 14 giờ đến 16 giờ 45, Chúa nhật nghỉ (chỉ làm việc cho nội bộ). Để kinh sách có thể đến đúng người cần đọc, rất mong quý huynh tỷ nhân viên Cơ Quan giới thiệu hoạt động này cho người có nhu cầu tìm hiểu giáo lý Đại Đạo.■